



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0039390

(51)^{2021.01} H01M 10/42; H01M 50/213

(13) B

(21) 1-2019-04227

(22) 05/10/2017

(86) PCT/JP2017/036369 05/10/2017

(87) WO 2018/146861 16/08/2018

(30) 2017-023422 10/02/2017 JP; 2017-073560 03/04/2017 JP

(45) 25/04/2024 433

(43) 25/11/2019 380A

(73) SONY CORPORATION (JP)

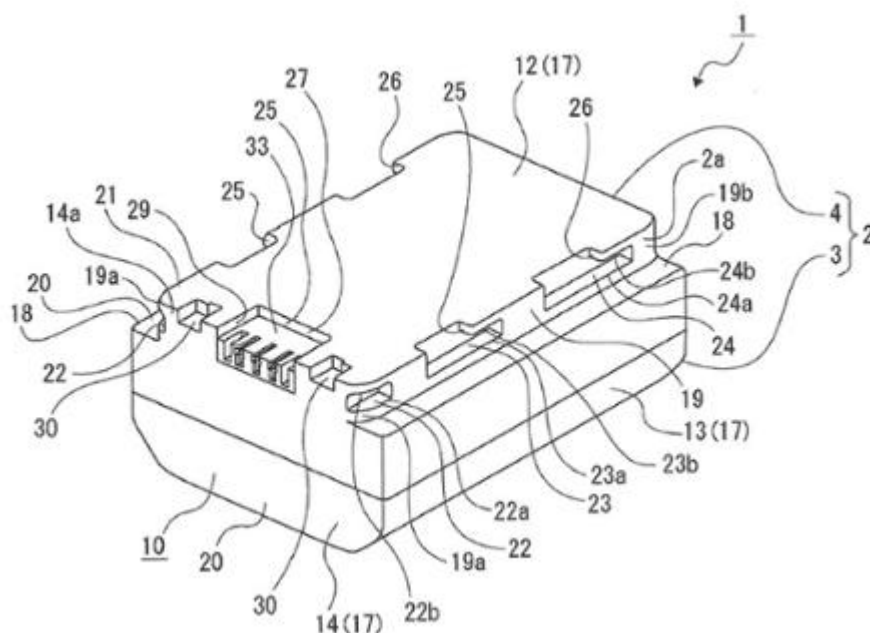
1-7-1 Konan, Minato-ku, Tokyo 1080075, Japan

(72) MOTOYAMA, Shigeki (JP); MITANI, Atsushi (JP); KUMAGAI, Atsuhiko (JP);
TSUCHIYA, Yukio (JP); SAITOH, Nobutaka (JP).

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) BỘ PIN VÀ HỆ THỐNG NỐI

(57) Sáng chế đề cập đến bộ pin, bộ pin này bao gồm: vỏ hộp mà chứa pin trên phía bên trong; và phần cực mà bao gồm cực nối được nối với cực điện cực của thiết bị nối. Rãnh chức năng, mà có hướng chiều dọc khớp với hướng nối giữa cực nối và cực điện cực, và có chức năng định trước, được tạo nên trong vỏ hộp, và trong rãnh chức năng, các phần chức năng có các độ dài khác nhau được tạo nên liên tục. Với sự bố trí này, phần mà cách ly các phần chức năng không có mặt giữa các phần chức năng có các độ dài khác nhau, và do đó kích thước theo hướng trong đó các phần chức năng của rãnh chức năng tiếp liền trở thành tổng kích thước của các phần chức năng. Kết quả là, có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ pin trong khi đảm bảo tính chức năng cao. Mục đích của sáng chế là để thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ pin trong khi đảm bảo đặc điểm nhận dạng cao.



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến lĩnh vực kỹ thuật liên quan đến bộ pin trong đó rãnh chức năng được tạo nên trong vỏ hộp mà chứa các pin ở phía bên trong của chúng, và thiết bị nối mà bộ pin được nối đến.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Trong các thiết bị điện tử khác nhau chẳng hạn như camera tĩnh và camera video mà bao gồm thiết bị tạo ảnh, một số thiết bị điện tử có thể hoạt động nhờ sử dụng điện của bộ pin. Ví dụ, bộ pin được nạp ở trạng thái được lắp trong bộ nạp, và được lắp trong phần lắp bộ pin của mỗi trong số các thiết bị điện tử ở trạng thái được nạp. Bộ nạp hoặc thiết bị điện tử có chức năng như thiết bị nối để được nối với bộ pin.

Đầu nối bao gồm các cực nối được bố trí trong bộ pin, và nạp cho bộ pin hoặc cung cấp điện từ bộ pin đến thiết bị điện tử được thực hiện trong trạng thái trong đó các cực điện cực của bộ nạp hoặc các cực điện cực được bố trí trong phần lắp bộ pin được nối với các cực nối (ví dụ, tham khảo tài liệu sáng chế 1).

Bộ pin được mô tả trong tài liệu sáng chế 1 bao gồm vỏ hộp có hình dạng về cơ bản là hình hộp chữ nhật, các pin mà được chứa trong vỏ hộp, và đầu nối mà được nối điện với các pin, và rãnh nhận dạng (hốc lõm cho việc xác định) được tạo nên trong đầu phía dưới của vỏ hộp làm rãnh chức năng có chức năng định trước.

Bộ pin trượt đối với thiết bị nối chẳng hạn như bộ nạp và được lắp ở đó, và đầu nối và các cực điện cực được nối với nhau. Khi bộ pin được lắp trong thiết bị nối, phần nhô nhận dạng được bố trí trong thiết bị nối được thiết đặt để được gài vào trong rãnh nhận dạng, và loại của bộ pin được nhận dạng dựa trên trạng thái đưa vào của phần nhô nhận dạng vào rãnh nhận dạng.

Danh mục tài liệu trích dẫn

Tài liệu sáng chế

Tài liệu sáng chế 1: Đơn yêu cầu cấp patent Nhật Bản Số 2015-92511.

Vấn đề cần được giải quyết bởi sáng chế

Tuy nhiên, vì bộ pin được sử dụng ở trạng thái được lắp trong bộ nạp hoặc phần lắp bộ pin, khi kích thước của bộ pin tăng lên, kích thước của thiết bị nổi chẳng hạn như bộ nạp hoặc thiết bị điện tử cũng tăng lên theo tỷ lệ tương ứng với sự gia tăng kích thước. Ngoài ra, bộ pin được thực hiện trong nhiều trường hợp, và do đó trong trường hợp ở đó kích thước của bộ pin lớn, khả năng di động giảm xuống, và việc xử lý trở nên bất tiện.

Mặt khác, trong trường hợp nhận dạng loại của bộ pin hoặc tương tự dựa trên các chỉ số (các phần nhô nhận dạng), có thể nâng cao đặc điểm nhận dạng. Tuy nhiên, các rãnh nhận dạng cần thiết theo số lượng tương ứng với số lượng các chỉ số, và diện tích chiếm của các rãnh nhận dạng trong vỏ hộp tăng lên tương ứng với sự gia tăng của số lượng các rãnh nhận dạng. Kết quả là, kích thước của bộ pin tăng lên.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Ở đây, mục đích của sáng chế là để khắc phục vấn đề và để thực hiện việc làm giảm kích thước trong khi đảm bảo tính năng cao.

Phương tiện giải quyết vấn đề

Theo khía cạnh thứ nhất của sáng chế, sáng chế đề xuất bộ pin bao gồm: vỏ hộp mà chứa pin ở phía bên trong; và phần cực mà bao gồm cực nổi được nối với cực điện cực của thiết bị nổi. Rãnh chức năng, mà có hướng chiều dọc khớp với hướng nổi giữa cực nổi và cực điện cực, và có chức năng định trước, được tạo nên trong vỏ hộp, và trong rãnh chức năng, các phần chức năng có các độ dài khác nhau được tạo nên liên tục.

Với sự bố trí này, phần mà cách ly các phần chức năng không có mặt giữa các phần chức năng có các độ dài khác nhau.

Theo khía cạnh thứ hai, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là phần chức năng thứ nhất và phần chức năng thứ hai được tạo nên làm phần chức năng.

Với sự bố trí này, kích thước của rãnh chức năng theo hướng trong đó các phần chức năng nối tiếp trở thành tổng kích thước của phần chức năng thứ nhất và phần chức năng thứ hai.

Theo khía cạnh thứ ba, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là các phần chức năng được tạo nên liên tục theo hướng chiều rộng.

Với sự bố trí này, kích thước của rãnh chức năng theo hướng chiều rộng trở thành tổng kích thước của các phần chức năng.

Theo khía cạnh thứ tư, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là độ dài của mỗi trong số các phần chức năng càng ngắn, độ rộng của phần chức năng càng nhỏ.

Với sự bố trí này, kích thước của rãnh chức năng theo hướng chiều rộng trở nên nhỏ hơn tổng chiều rộng trong trường hợp ở đó các phần chức năng có chiều rộng tương tự được tạo nên.

Theo khía cạnh thứ năm, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là các phần chức năng được tạo nên liên tục theo hướng chiều sâu.

Với sự bố trí này, kích thước của rãnh chức năng theo hướng chiều sâu trở thành tổng kích thước của các phần chức năng.

Theo khía cạnh thứ sáu, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là độ dài của mỗi trong số các phần chức năng càng ngắn, độ sâu của phần chức năng càng nhỏ.

Với sự bố trí này, kích thước của rãnh chức năng theo hướng chiều sâu trở nên nhỏ hơn tổng chiều sâu trong trường hợp ở đó các phần chức năng có chiều sâu tương tự được tạo nên.

Theo khía cạnh thứ bảy, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là rãnh chức năng được tạo nên trên cả hai phía của phần cực theo hướng chiều rộng.

Với sự bố trí này, có thể thực hiện nhận dạng thiết bị nhờ sử dụng cả hai rãnh chức năng.

Theo khía cạnh thứ tám, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là vỏ hộp bao gồm mặt trước và mặt sau mà được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều dọc, và mặt trên và mặt đáy mà được bố trí giữa mặt trước và mặt sau theo hướng chiều cao mà vuông góc với hướng chiều dọc, hốc lõm bố trí mà được hở thông ít nhất đến mặt trước được tạo nên trong vỏ hộp, đầu nổi mà được bố trí trong hốc lõm bố trí được bố trí làm phần cực, và bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên

phía mặt đáy xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên hốc lõm bố trí.

Với sự bố trí này, bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt đáy xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên hốc lõm bố trí.

Theo khía cạnh thứ chín, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là vỏ hộp bao gồm mặt trên và mặt đáy mà được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều cao, rãnh bố trí cực, trong đó cực nổi được bố trí, được tạo nên trong vỏ hộp, bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt đáy xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh bố trí cực.

Với sự bố trí này, bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt đáy xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh bố trí cực.

Theo khía cạnh thứ mười, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là vỏ hộp bao gồm hai mặt bên mà được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều rộng, và mặt trên và mặt đáy mà được bố trí giữa hai mặt bên theo hướng chiều cao mà vuông góc với hướng chiều rộng, rãnh khắc được tạo nên trong vỏ hộp bởi mặt được tạo nấc mà nối liền với mỗi trong số các mặt bên, và mặt tạo nên đường rãnh mà nối liền với mặt đáy, và bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt đáy xa hơn so với mặt được tạo nấc.

Với sự bố trí này, bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt đáy xa hơn so với mặt được tạo nấc.

Theo khía cạnh thứ mười một, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là rãnh dẫn hướng mà được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh được tạo nên trong vỏ hộp, và bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt đáy xa hơn so với mép đầu mà

được bố trí trên phía mặt trên cùng trong rãnh dẫn hướng.

Với sự bố trí này, bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt đáy xa hơn so với mép đầu mà được bố trí trên phía mặt trên cùng trong rãnh dẫn hướng.

Theo khía cạnh thứ mười hai, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là rãnh dẫn hướng mà được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh được tạo nên trong vỏ hộp, và bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trên xa hơn so với mép đầu được bố trí trên phía mặt đáy dưới cùng trong rãnh dẫn hướng.

Với sự bố trí này, bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trên xa hơn so với mép đầu được bố trí trên phía mặt đáy dưới cùng trong rãnh dẫn hướng.

Theo khía cạnh thứ mười ba, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là vỏ hộp bao gồm mặt trước và mặt sau được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều dọc, hốc lõm bố trí mà được hở thông ít nhất đến mặt trước được tạo nên trong vỏ hộp, đầu nối mà được bố trí trong hốc lõm bố trí được bố trí làm phần cực, và bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trước xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên hốc lõm bố trí.

Với sự bố trí này, bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trước xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên hốc lõm bố trí.

Theo khía cạnh thứ mười bốn, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt sau xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt trước ngoài cùng trong đầu nối.

Với sự bố trí này, bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt sau xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt trước ngoài cùng trong đầu nối.

Theo khía cạnh thứ mười lăm, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là vỏ

hộp bao gồm mặt trước và mặt sau mà được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều dọc, rãnh bố trí cực trong đó cực nổi được bố trí được tạo nên trong vỏ hộp, và bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trước xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh bố trí cực.

Với sự bố trí này, bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trước xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh bố trí cực.

Theo khía cạnh thứ mười sáu, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là vỏ hộp bao gồm mặt trước và mặt sau mà được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều dọc, hai mặt bên mà được bố trí giữa mặt trước và mặt sau theo hướng chiều rộng mà vuông góc với hướng chiều dọc, và mặt trên và mặt đáy mà được bố trí giữa mặt trước và mặt sau và giữa hai mặt bên theo hướng chiều cao mà vuông góc với hướng chiều dọc và hướng chiều rộng, rãnh khác được tạo nên trong vỏ hộp bởi mặt được tạo nấc mà nối liền với mỗi trong số các mặt bên, và mặt tạo nên đường rãnh mà nối liền với mặt đáy, rãnh dẫn hướng mà được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh và mặt trước được tạo nên trong vỏ hộp, và bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trước xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong rãnh dẫn hướng.

Với sự bố trí này, bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trước xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong rãnh dẫn hướng.

Theo khía cạnh thứ mười bảy, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là vỏ hộp bao gồm hai mặt bên mà được bố trí giữa mặt trước và mặt sau theo hướng chiều rộng mà vuông góc với hướng chiều dọc, và mặt trên và mặt đáy mà được bố trí giữa mặt trước và mặt sau và giữa hai mặt bên theo hướng chiều cao mà vuông góc với hướng chiều dọc và hướng chiều rộng, phần chức năng thứ nhất và phần chức năng thứ hai được tạo nên liên tục theo hướng chiều rộng, và phần

chức năng thứ nhất được bố trí trên phía tâm khác nữa theo hướng chiều rộng so với phần chức năng thứ hai, và bề mặt, mà nối liền với phần chức năng thứ nhất theo hướng chiều rộng, trong phần chức năng thứ hai được tạo nên làm bề mặt nghiêng mà được dịch chuyển đến phía mặt đáy như bề mặt tiếp cận mặt bên được bố trí trên phía đối diện với phần chức năng thứ nhất.

Với sự bố trí này, chiều rộng của phần giữa bề mặt nghiêng và mặt bên trong vỏ hộp tăng lên.

Theo khía cạnh thứ mười tám, trong bộ pin theo sáng chế, tốt hơn là chức năng định trước là chức năng nhận dạng để nhận dạng loại thiết bị nối.

Với sự bố trí này, loại thiết bị nối được nhận dạng bởi rãnh chức năng.

Theo khía cạnh thứ mười chín của sáng chế, sáng chế đề xuất thiết bị nối mà bộ pin được lắp vào theo cách tháo được, bộ pin bao gồm vỏ hộp chứa pin trên phía bên trong và phần cực bao gồm cực nối được nối với cực điện cực. Rãnh chức năng, mà có hướng chiều dọc khớp với hướng nối giữa cực nối và cực điện cực, và có chức năng định trước, được tạo nên trong vỏ hộp của bộ pin, và trong rãnh chức năng, các phần chức năng có các độ dài khác nhau được tạo nên liên tục.

Với sự bố trí này, bộ pin, trong đó phần mà cách ly các phần chức năng không có mặt giữa các phần chức năng có các độ dài khác nhau, được lắp vào hoặc tháo rời.

Hiệu quả của sáng chế

Theo sáng chế, phần mà cách ly các phần chức năng không có mặt giữa các phần chức năng có các độ dài khác nhau, và do đó kích thước của rãnh chức năng theo hướng trong đó các phần chức năng nối tiếp trở thành tổng kích thước của các phần chức năng. Kết quả là, có thể thực hiện việc làm giảm kích thước trong khi đảm bảo tính chức năng cao.

Lưu ý rằng, các hiệu quả được mô tả trong bản mô tả này chỉ mang tính minh họa và không giới hạn ở đó, và hiệu quả khác có thể được thể hiện.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig.1 minh họa các phương án của bộ pin và thiết bị nối của sáng chế

trong sự kết hợp với các hình vẽ từ Fig.2 đến Fig.102, và là hình phối cảnh phóng to minh họa bộ pin.

Fig.2 là hình phối cảnh của bộ pin.

Fig.3 là hình vẽ từ dưới lên của bộ pin.

Fig.4 là hình vẽ từ phía trước của bộ pin.

Fig.5 là hình vẽ từ phía sau của bộ pin.

Fig.6 là hình vẽ từ bên của bộ pin.

Fig.7 là hình phối cảnh phóng to minh họa hộp chứa và đầu nối trong bộ pin.

Fig.8 là hình phối cảnh của bộ pin trong đó kết cấu của rãnh dẫn hướng là khác.

Fig.9 là hình vẽ từ bên của bộ pin trong đó kết cấu của rãnh dẫn hướng là khác.

Fig.10 là hình vẽ từ bên của bộ pin khác trong đó kết cấu của rãnh dẫn hướng là khác.

Fig.11 là hình phối cảnh của bộ pin trong đó kết cấu của rãnh dẫn hướng là khác.

Fig.12 là hình phối cảnh của bộ pin khác trong đó kết cấu của rãnh dẫn hướng là khác.

Fig.13 là hình phối cảnh của bộ pin khác nữa trong đó kết cấu của rãnh dẫn hướng là khác.

Fig.14 là hình vẽ từ phía trước của bộ pin trong đó kết cấu của hốc lõm bố trí là khác.

Fig.15 là hình vẽ từ dưới lên của bộ pin khác trong đó kết cấu của hốc lõm bố trí là khác.

Fig.16 là hình vẽ từ phía trước của bộ pin khác trong đó kết cấu của hốc lõm bố trí là khác.

Fig.17 là hình vẽ từ dưới lên của bộ pin khác nữa trong đó kết cấu của hốc lõm bố trí là khác.

Fig.18 là hình vẽ từ phía trước của bộ pin khác nữa trong đó kết cấu của hốc lõm bố trí là khác.

Fig.19 là hình phối cảnh của thiết bị tạo ảnh.

Fig.20 là hình phối cảnh minh họa trạng thái trong đó khoảng trống lắp được hở thông trong thiết bị tạo ảnh.

Fig.21 là hình phối cảnh minh họa cấu trúc bên trong của phần lắp bộ pin.

Fig.22 là hình vẽ từ dưới lên minh họa trạng thái trong đó bộ pin được gài vào trong khoảng trống lắp của phần lắp bộ pin.

Fig.23 là hình vẽ mặt cắt minh họa trạng thái trong đó bộ pin được lắp trong phần lắp bộ pin.

Fig.24 là hình phối cảnh minh họa trạng thái trong đó hốc lõm ép được tạo nên ở đầu phía sau của bộ pin và bộ pin được ép vào cần ép.

Fig.25 là hình phối cảnh của bộ nạp.

Fig.26 là hình vẽ từ trên của bộ nạp.

Fig.27 là hình vẽ từ bên của bộ nạp.

Fig.28 là hình phối cảnh phóng to minh họa phần ăn khớp dẫn hướng và tương tự của bộ nạp.

Fig.29 là hình vẽ mặt cắt minh họa trạng thái trong đó bộ pin được gài vào trong hốc lõm lắp của bộ nạp.

Fig.30 là hình vẽ mặt cắt minh họa trạng thái trong đó bộ pin được lắp trên phần lắp bộ pin của bộ nạp.

Fig.31 là hình vẽ mặt cắt minh họa trạng thái trong đó bộ pin được lắp trên phần lắp bộ pin của bộ nạp.

Fig.32 là hình vẽ khái niệm minh họa trạng thái trong đó bộ pin được dẫn hướng đến phần nối cực khi được lắp trên bộ nạp.

Fig.33 là hình vẽ khái niệm minh họa trạng thái trong đó bộ pin được lắp trên bộ nạp và phần nối cực và đầu nối được nối với nhau.

Fig.34 là hình phối cảnh minh họa ví dụ trong đó đầu nối được bố trí trên phía hướng lên so với mặt đáy.

Fig.35 là hình phối cảnh minh họa ví dụ trong đó đầu nối được bố trí trên phía hướng ra sau so với mặt trước và trên phía hướng lên so với mặt đáy.

Fig.36 là hình vẽ từ dưới lên minh họa ví dụ trong đó một trong số các

phần vách trong mặt được tạo hốc lõm được nghiêng.

Fig.37 là hình phối cảnh minh họa ví dụ trong đó một cặp phần vách và phần trung gian trong mặt được tạo hốc lõm được nghiêng.

Fig.38 là hình phối cảnh minh họa ví dụ khác của bộ nạp trong sự kết hợp với bộ pin.

Fig.39 là hình phối cảnh minh họa ví dụ khác nữa của bộ nạp trong sự kết hợp với bộ pin.

Fig.40 là hình phối cảnh minh họa trạng thái trong đó bộ pin được giữ vào bộ nạp theo ví dụ khác nữa của bộ nạp.

Fig.41 là hình phối cảnh minh họa ví dụ của bộ pin trong đó ba hốc lõm ăn khớp được tạo nên.

Fig.42 là hình vẽ từ bên minh họa ví dụ của bộ pin trong đó các hốc lõm ăn khớp được tạo nên để được hở thông đến rãnh dẫn hướng trên phía trước nhất.

Fig.43 là hình vẽ từ bên minh họa ví dụ của bộ pin trong đó các hốc lõm ăn khớp được tạo nên để được hở thông đến rãnh dẫn hướng trên phía sau xa nhất.

Fig.44 là hình phối cảnh minh họa ví dụ của bộ pin trong đó các hốc lõm ăn khớp được tạo nên trong đầu phía dưới ở đầu phía sau.

Fig.45 là hình vẽ từ dưới lên phóng to minh họa đầu phía trước của bộ pin.

Fig.46 là hình vẽ khái niệm minh họa các kích thước của rãnh nhận dạng và tương tự.

Fig.47 là hình vẽ khái niệm minh họa ví dụ về hình dạng khác của rãnh nhận dạng.

Fig.48 là hình vẽ từ dưới lên minh họa rãnh nhận dạng và tương tự trong bộ pin loại dung lượng lớn.

Fig.49 là hình vẽ từ dưới lên minh họa rãnh nhận dạng và tương tự trong bộ pin loại dung lượng nhỏ.

Fig.50 là hình phối cảnh minh họa kết cấu của phần lắp bộ pin trong camera công suất nhỏ.

Fig.51 là hình phối cảnh minh họa kết cấu của phần lắp bộ pin trong camera công suất trung bình.

Fig.52 là hình phối cảnh minh họa kết cấu của phần lắp bộ pin trong camera công suất lớn.

Fig.53 là hình phối cảnh minh họa kết cấu của phần lắp bộ pin trong bộ nạp.

Fig.54 là hình vẽ minh họa các đặc điểm nhận dạng của rãnh nhận dạng.

Fig.55 là hình vẽ từ phía trước phóng to minh họa ví dụ trong đó phần thứ hai của rãnh nhận dạng được tạo nên theo hình dạng khác.

Fig.56 là hình phối cảnh phóng to minh họa ví dụ của rãnh nhận dạng trong đó phần thứ nhất và phần thứ hai được tạo nên để nối liền theo hướng phía trên và phía dưới.

Fig.57 là hình phối cảnh minh họa hình dạng khác của các phần vách trong mặt được tạo hốc lõm.

Fig.58 là hình vẽ từ dưới lên minh họa hình dạng khác của các phần vách trong mặt được tạo hốc lõm.

Fig.59 là hình phối cảnh minh họa ví dụ của bộ pin trong đó rãnh định vị được tạo nên trong vỏ hộp.

Fig.60 là hình phối cảnh minh họa ví dụ của bộ pin trong đó rãnh bố trí cực và rãnh định vị được tạo nên trong vỏ hộp.

Fig.61 là hình phối cảnh minh họa ví dụ khác của bộ pin trong đó rãnh bố trí cực và rãnh định vị được tạo nên trong vỏ hộp.

Fig.62 là hình phối cảnh minh họa bộ nạp khác, thiết bị cấp nguồn, và tương tự.

Fig.63 là hình phối cảnh của thiết bị cấp nguồn.

Fig.64 là hình phối cảnh minh họa thiết bị cấp nguồn ở trạng thái được nhìn theo hướng khác với hướng trên Fig.63.

Fig.65 là hình vẽ từ trên của thiết bị cấp nguồn.

Fig.66 là hình vẽ từ dưới lên của thiết bị cấp nguồn.

Fig.67 là hình vẽ từ phía trước của thiết bị cấp nguồn.

Fig.68 là hình vẽ từ phía sau của thiết bị cấp nguồn.

Fig.69 là hình phối cảnh minh họa thiết bị cấp nguồn và thiết bị tạo ảnh trong đó thiết bị cấp nguồn được lắp.

Fig.70 là hình phối cảnh của bộ tiếp hợp.

Fig.71 là hình phối cảnh minh họa bộ tiếp hợp ở trạng thái được nhìn theo hướng khác với hướng trên Fig.70.

Fig.72 là hình phối cảnh minh họa bộ tiếp hợp ở trạng thái được nhìn theo hướng khác với hướng trên Fig.71.

Fig.73 là hình phối cảnh minh họa bộ tiếp hợp ở trạng thái được nhìn theo hướng khác với hướng trên Fig.72.

Fig.74 là hình vẽ từ dưới lên của bộ tiếp hợp.

Fig.75 là hình vẽ từ phía trước của bộ tiếp hợp.

Fig.76 là hình vẽ từ phía sau của bộ tiếp hợp.

Fig.77 là hình vẽ từ bên của bộ tiếp hợp.

Fig.78 là hình phối cảnh minh họa cấu trúc bên trong của bộ tiếp hợp.

Fig.79 là hình phối cảnh minh họa cấu trúc bên trong của bộ tiếp hợp ở trạng thái được nhìn theo hướng khác với hướng trên Fig.78.

Fig.80 là hình phối cảnh minh họa bộ tiếp hợp và thiết bị cấp nguồn mà được lắp vào bộ tiếp hợp.

Fig.81 là hình vẽ từ phía sau minh họa kích thước của bộ tiếp hợp và thiết bị cấp nguồn.

Fig.82 là hình vẽ khái niệm minh họa trạng thái trong đó thiết bị cấp nguồn được gài vào trong bộ tiếp hợp.

Fig.83 là hình vẽ khái niệm minh họa trạng thái trong đó thiết bị cấp nguồn được gài vào trong bộ tiếp hợp và được lắp ở đó.

Fig.84 là hình phối cảnh minh họa trạng thái trong đó thiết bị cấp nguồn được lắp vào bộ tiếp hợp.

Fig.85 là hình phối cảnh minh họa bộ tiếp hợp mà thiết bị cấp nguồn được lắp vào, và thiết bị tạo ảnh mà bộ tiếp hợp được lắp vào.

Fig.86 là hình phối cảnh của bộ pin khác.

Fig.87 là hình vẽ từ phía trước của bộ pin khác.

Fig.88 là hình vẽ từ trên của bộ pin khác.

Fig.89 là hình phối cảnh của bộ tiếp hợp khác.

Fig.90 là hình phối cảnh minh họa bộ tiếp hợp khác ở trạng thái được nhìn theo hướng khác với hướng trên Fig.89.

Fig.91 là hình vẽ từ trên của bộ tiếp hợp khác.

Fig.92 là hình vẽ từ bên của bộ tiếp hợp khác.

Fig.93 là hình vẽ từ phía trước của bộ tiếp hợp khác.

Fig.94 là hình vẽ từ dưới lên của bộ tiếp hợp khác.

Fig.95 là hình vẽ từ phía sau của bộ tiếp hợp khác.

Fig.96 là hình phối cảnh phóng to minh họa hộp chứa và đầu nối trong bộ tiếp hợp khác.

Fig.97 là hình phối cảnh minh họa trạng thái trong đó đầu nối role và đầu nối được nối bởi bảng mạch in dẻo trong bộ tiếp hợp khác.

Fig.98 là hình phối cảnh minh họa bộ tiếp hợp khác mà bộ pin khác được lắp vào và thiết bị tạo ảnh mà bộ tiếp hợp khác được lắp vào.

Fig.99 là hình vẽ từ phía sau minh họa kích thước của bộ tiếp hợp và bộ pin khác.

Fig.100 là hình vẽ từ phía sau minh họa ví dụ trong đó kích thước của rãnh dẫn hướng trong bộ tiếp hợp khác được phóng to.

Fig.101 là hình phối cảnh minh họa ví dụ trong đó bộ tụ điện được bố trí trong bộ tiếp hợp khác.

Fig.102 là hình vẽ minh họa tóm tắt liên quan đến tính khả thi và tính không khả thi của việc lắp bộ pin hoặc tương tự vào bộ nạp, thiết bị tạo ảnh, và tương tự.

Mô tả chi tiết sáng chế

Sau đây, các phương án thực hiện bộ pin và thiết bị nối của sáng chế sẽ được mô tả dựa vào các hình vẽ kèm theo.

Bộ pin được tạo nên theo hình dạng về cơ bản là hình hộp chữ nhật, và trong phần mô tả dưới đây, mặt ngoài được thiết đặt làm mặt trên (mặt phía trên), mặt đáy (mặt phía dưới), các mặt bên (các mặt bên phải và trái), mặt trước, và mặt sau để biểu diễn các hướng phía trước, sau, trên, dưới, phải và trái. Hướng

phía trên và phía dưới của việc nối phía mặt trên (phía mặt phía trên) và phía mặt đáy (phía mặt phía dưới) trong đó mặt trên (mặt phía trên) và mặt đáy (mặt phía dưới) có mặt được thiết đặt làm hướng chiều cao, hướng bên phải và bên trái của việc nối phía mặt bên bên trái và phía mặt bên bên phải trong đó các mặt bên bên trái và bên phải có mặt được thiết đặt làm hướng chiều rộng, và hướng phía trước và phía sau của việc nối phía mặt trước và phía mặt sau trong đó mặt trước và mặt sau có mặt được thiết đặt làm hướng chiều dọc. Ngoài ra, phần phía đầu phía trên bao gồm mặt trên được thiết đặt làm phần phía trên, phần phía đầu phía dưới bao gồm mặt đáy được thiết đặt làm phần phía dưới, các phần phía đầu bên phải và bên trái bao gồm các mặt bên được thiết đặt làm các phần phía bên (phần phía bên trái và phần phía bên phải), phần phía đầu phía trước bao gồm mặt trước được thiết đặt làm phần phía trước, và phần phía đầu phía sau bao gồm mặt sau được thiết đặt làm phần phía sau. Ngoài ra, các mặt ngoài lần lượt của phần phía trên, phần phía dưới, các phần phía bên, phần phía trước, và phần phía sau không giới hạn ở bề mặt phẳng, và ít nhất một phần của chúng có thể được tạo nên dưới dạng bề mặt cong.

Ngoài ra, trong phần mô tả dưới đây, như là ví dụ về thiết bị nối mà bộ pin được nối đến, camera tĩnh mà là thiết bị tạo ảnh được minh họa. Trong phần mô tả của camera tĩnh, giả sử rằng các hướng phía trước, sau, trên, dưới, trái, và phải được thiết đặt từ hướng nhìn của người chụp ảnh trong quá trình chụp ảnh của camera tĩnh. Theo đó, phía đối tượng trở thành phía hướng ra trước, và phía mặt phẳng ảnh trở thành phía hướng ra sau.

Ngoài ra, trong phần mô tả dưới đây, đối với ví dụ khác của thiết bị nối mà bộ pin được nối đến, bộ nạp cũng được minh họa. Trong phần mô tả của bộ nạp, các hướng phía trước, sau, trên, dưới, trái, và phải được thiết đặt trong trạng thái trong đó bộ nạp được đặt trên nền chẳng hạn như bàn làm việc hoặc bàn. Hốc lõm gài mà bộ pin được gài vào được tạo nên trong bộ nạp, và trong bộ nạp, các hướng phía trước, sau, trên, dưới, trái, và phải được thiết đặt trong trạng thái trong đó hướng trong đó bộ pin được gài vào được thiết đặt làm phía hướng xuống, và hướng trong đó bộ pin trượt và được lắp được thiết đặt làm phía hướng ra trước.

Lưu ý rằng, phần mô tả của các hướng phía trước, sau, trên, dưới, trái, và phải được thực hiện cho thuận tiện, và không có sự giới hạn đến các hướng khi thực hiện sáng chế.

Kết cấu của bộ pin

Đầu tiên, kết cấu của bộ pin 1 sẽ được mô tả (xem các hình vẽ từ Fig.1 đến Fig.7).

Bộ pin 1 có kết cấu trong đó các bộ phận cần thiết lần lượt được bố trí trên phía bên trong và trên phía bên ngoài của vỏ hộp 2.

Vỏ 2 được tạo nên theo hình dạng về cơ bản là hình hộp chữ nhật, và nắp che hộp (thân trên) 3 và hộp chứa (thân dưới) 4 được ghép theo hướng phía trên và phía dưới. Nắp che hộp 3 được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng xuống (xem các hình vẽ từ Fig.1 đến Fig.6). Hộp chứa 4 được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng lên. Trong trạng thái trong đó nắp che hộp 3 và hộp chứa 4 được ghép theo hướng phía trên và phía dưới để tạo thành vỏ hộp 2, không gian bên trong của vỏ hộp 2 được tạo nên làm không gian chứa.

Bộ phận ngăn cách 5, các pin 6 và 6, các tấm kim loại nối 7, 8, và 8, và tấm nền mạch 9 được bố trí trong không gian chứa của vỏ hộp 2 (xem Fig.1). Bộ phận ngăn cách 5 được gắn vào hộp chứa 4. Các pin 6 và 6 được bố trí ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau bởi bộ phận ngăn cách 5. Tấm kim loại nối 7 được nối với các cực của các pin 6 và 6 trên một phía, và đầu phía dưới của chúng được nối với cực điện cực (không được minh họa) mà được tạo nên trên mặt phía dưới của tấm nền mạch 9. Các tấm kim loại nối 8 và 8 lần lượt được nối với các cực của các pin 6 và 6 trên phía còn lại, và các đầu phía dưới của chúng được nối với các cực điện cực (không được minh họa) mà được tạo nên trên mặt phía dưới của tấm nền mạch 9. Tấm nền mạch 9 được gắn vào hộp chứa 4, và ở trạng thái được che với bộ phận ngăn cách 5 ngoại trừ một phần từ phía hướng lên.

Trong vỏ hộp 2, mặt ngoài 10 bao gồm mặt trên 11, mặt đáy 12, các mặt bên 13 và 13, mặt trước 14, và mặt sau 15, kích thước theo hướng phía trước và phía sau (hướng chiều dọc) được thiết đặt để lớn hơn so với kích thước theo

hướng bên phải và bên trái (hướng chiều rộng), và kích thước theo hướng bên phải và bên trái (hướng chiều rộng) được thiết đặt để lớn hơn so với kích thước theo hướng phía trên và phía dưới (hướng chiều cao) (xem các hình vẽ từ Fig.1 đến Fig.6). Các bề mặt nghiêng 16 và 16 lần lượt được tạo nên trong vỏ hộp 2 giữa mặt trên 11 và các mặt bên 13 và 13. Các bề mặt nghiêng 16 và 16 được dịch chuyển hướng xuống khi chúng tiếp cận các mặt bên 13 và 13 từ mặt trên 11.

Tất cả các mặt trong số mặt trên 11, mặt đáy 12, các mặt bên 13 và 13, mặt trước 14, mặt sau 15, và các bề mặt nghiêng 16 và 16 được tạo nên như các bề mặt bên ngoài 17, 17,

Các rãnh khắc 2a và 2a lần lượt được tạo nên trên cả hai phần phía bên phải và bên trái trong đầu phía dưới của vỏ hộp 2. Mỗi trong số các rãnh khắc 2a được hở thông đến phía hướng bên (phía hướng bên trái hoặc phía hướng bên phải), phía hướng xuống, phía hướng ra trước, và phía hướng ra sau, và bao gồm mặt được tạo nấc 18 mà mở rộng theo hướng phía trước và phía sau trên phía hướng xuống, và mặt tạo nên đường rãnh 19 mà mở rộng theo hướng phía trước và phía sau trên phía hướng bên. Mép ngoài của mặt được tạo nấc 18 nối liền với mép phía dưới của mặt bên 13. Mép phía trên của mặt tạo nên đường rãnh 19 nối liền với mép trong của mặt được tạo nấc 18, và mép phía dưới của chúng nối liền với mép bên của mặt đáy 12. Mặt được tạo nấc 18 và mặt tạo nên đường rãnh 19 được tạo nên một cách nối liền qua vùng từ mặt trước 14 đến mặt sau 15.

Mặt được tạo nấc 18 và mặt đáy 12 được tạo nên như các bề mặt phẳng mà về cơ bản song song với nhau, và phân trung gian theo hướng phía trước và phía sau ngoại trừ cả hai đầu phía trước và phía sau của mặt tạo nên đường rãnh 19, và mặt bên 13 được tạo nên như các bề mặt phẳng mà về cơ bản song song với nhau. Các đầu phía trước của các mặt tạo nên đường rãnh 19 và 19 được tạo nên như các bề mặt cong lồi ra ngoài 19a và 19a mà được dịch chuyển theo hướng tiếp cận nhau như là các đầu phía trước tiếp cận mặt trước 14, và các đầu phía sau của các mặt tạo nên đường rãnh 19 và 19 được tạo nên như các bề mặt cong lồi ra ngoài 19b và 19b mà được dịch chuyển theo hướng tiếp cận nhau

như là các đầu phía sau tiếp cận mặt sau 15. Có thể nói rằng vỏ hộp 2 bao gồm phần thân chính 20 mà là một phần trên phía trên so với mặt phẳng ảo bao gồm các mặt được tạo nấc 18 và 18, và phần đáy 21 mà là một phần trên phía dưới so với mặt phẳng ảo. Lưu ý rằng, các mặt được tạo nấc 18 và 18 được bao gồm trong phần thân chính 20.

Như được mô tả trên đây, trong bộ pin 1, cả hai đầu phía trước và phía sau của các mặt tạo nên đường rãnh 19 và 19 được tạo nên làm các bề mặt cong 19a, 19a, 19b, và 19b. Theo đó, sự tập trung ứng suất ít có khả năng xảy ra hơn, và các đầu phía trước và phía sau ít có khả năng tiếp xúc với mặt đất hoặc giống như trong trường hợp bị rơi, hoặc tương tự. Kết quả là, có thể thực hiện giảm thiểu tác động, và có thể giảm bớt sự xảy ra nứt vỡ.

Như được mô tả trên đây, trong vỏ hộp 2, trong trạng thái trong đó mặt phẳng ảo bao gồm các mặt được tạo nấc 18 và 18 được thiết đặt làm sự tham chiếu, phần phía trên bao gồm các mặt được tạo nấc 18 và 18 được bố trí làm phần thân chính 20, và phần trên phía dưới so với phần thân chính 20 được bố trí làm phần đáy 21. Chiều rộng phía bên của phần đáy 21 được thiết đặt để nhỏ hơn chiều rộng phía bên của phần thân chính 20, khoảng cách giữa các mặt bên 13 và 13 theo hướng bên phải và bên trái được thiết đặt để lớn hơn so với khoảng cách giữa các mặt tạo nên đường rãnh 19 và 19, và các đường rãnh và tương tự mà có các chức năng tương ứng được tạo nên trong phần đáy 21.

Trên cả hai phía phải và trái của phần đáy 21, các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và 22, các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và 23, và các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 và 24 được tạo nên theo thứ tự này từ phía trước ở trạng thái được đặt cách xa nhau. Mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh 19.

Rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 được tạo nên ở đầu phía trước của phần đáy 21, và được hở thông đến phía hướng bên và phía hướng ra trước. Rãnh dẫn hướng thứ hai 23 mở rộng theo hướng phía trước và phía sau, và được hở thông đến phía hướng bên. Lưu ý rằng, rãnh dẫn hướng thứ hai 23 có thể không được tạo nên trong vỏ hộp 2. Trong trường hợp này, phần trong đó rãnh dẫn hướng

thứ hai 23 được tạo nên được tạo nên ở một phần của mặt tạo nên đường rãnh 19 và một phần của mặt đáy 12. Rãnh dẫn hướng thứ ba 24 mở rộng theo hướng phía trước và phía sau, và được hở thông đến phía hướng bên. Lưu ý rằng, rãnh dẫn hướng thứ ba 24 có thể có hình dạng mà cũng được hở thông đến phía hướng ra sau (xem Fig.8).

Trên cả hai phía bên phải và bên trái của phần đáy 21, các rãnh gài 25 và 25, và các rãnh gài 26 và 26 được tạo nên theo thứ tự này từ phía trước ở trạng thái được đặt cách xa nhau. Rãnh gài 25 và rãnh gài 26 được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh 19. Rãnh gài 25 được hở thông đến phía hướng bên, phía hướng lên, và phía hướng xuống, và lỗ thông trên phía trên thông với xấp xỉ một nửa của phía trước của rãnh dẫn hướng thứ hai 23. Rãnh gài 26 được hở thông đến phía hướng bên, phía hướng lên, và phía hướng xuống, và lỗ thông trên phía trên thông với xấp xỉ một nửa của phía trước của rãnh dẫn hướng thứ ba 24.

Các phần giữa các mép phía dưới 22b và 22b của các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và 22, và mặt đáy 12 trong vỏ hộp 2 được bố trí làm các phần vấu ăn khớp thứ nhất 2p và 2p. Các phần giữa các mép phía dưới 23b và 23b của các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và 23 và mặt đáy 12 trong vỏ hộp 2 được bố trí làm các phần vấu ăn khớp thứ hai 2q và 2q. Các phần giữa các mép phía dưới 24b và 24b của các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 và 24 và mặt đáy 12 trong vỏ hộp 2 được bố trí làm các phần vấu ăn khớp thứ ba 2r và 2r. Mỗi trong số các phần vấu ăn khớp thứ nhất 2p và mỗi trong số các phần vấu ăn khớp thứ hai 2q được định vị trên phía mặt trước 14 khác so với phần tâm của vỏ hộp 2 theo hướng phía trước và phía sau, và mỗi trong số các phần vấu ăn khớp thứ ba 2r được định vị trên phía mặt sau xa hơn 15 so với phần tâm của vỏ hộp 2 theo hướng phía trước và phía sau, hoặc trong vùng trên phía sau xa nhất trong số các vùng thu được bằng cách chia vỏ hộp 2 thành ba phần bằng nhau theo hướng phía trước và phía sau.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của ví dụ trong đó các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, các rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được tạo nên để được đặt cách xa nhau theo hướng phía trước và phía sau, tuy nhiên mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 có thể được

tạo nên như một rãnh dẫn hướng 45 (xem Fig.9). Rãnh dẫn hướng 45 được tạo nên trong vùng từ đầu phía trước đến vị trí được làm lệch với đầu phía sau trong mặt tạo nên đường rãnh 19. Ngoài ra, rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 có thể được tạo nên như một rãnh dẫn hướng 46 (xem Fig.10). Rãnh dẫn hướng 46 được tạo nên qua vùng từ đầu phía trước đến đầu phía sau trong mặt tạo nên đường rãnh 19.

Ngoài ra, phần mô tả được đưa ra là ví dụ trong đó rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được tạo nên trên cả hai phía bên phải và bên trái của vỏ hộp 2, nhưng ít nhất một rãnh dẫn hướng bất kỳ trong số các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 có thể được tạo nên trên cả hai phía bên phải và bên trái của vỏ hộp 2.

Ví dụ, chỉ rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 có thể được tạo nên trên ít nhất một phía trong số các phía bên phải và bên trái, và chỉ rãnh dẫn hướng thứ hai 23 có thể được tạo nên trên phía còn lại trong số các phía bên phải và bên trái (xem Fig.11). Ngoài ra, ví dụ, chỉ rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và rãnh dẫn hướng thứ hai 23 có thể được tạo nên trên ít nhất một phía trong số các phía bên phải và bên trái, và chỉ rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 có thể được tạo nên trên phía còn lại trong số các phía bên phải và bên trái (xem Fig.12). Ngoài ra, ví dụ, chỉ rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và rãnh dẫn hướng thứ hai 23 có thể được tạo nên trên một phía trong số các phía bên phải và bên trái, và chỉ rãnh dẫn hướng thứ ba 24 có thể được tạo nên trên phía còn lại trong số các phía bên phải và bên trái (xem Fig.13).

Lưu ý rằng, ngoài các ví dụ được mô tả trên đây (xem các hình vẽ từ Fig.11 đến Fig.13), kết cấu ví dụ bao gồm ví dụ trong đó chỉ một rãnh dẫn hướng trong số các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được tạo nên trên một phía trong số các phía bên phải và bên trái, và một, hai, hoặc ba rãnh dẫn hướng trong số các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được tạo nên trên phía còn lại trong số các phía bên phải và bên trái. Ngoài ra, kết cấu ví dụ bao gồm ví dụ trong đó chỉ hai rãnh dẫn hướng bất kỳ trong số các rãnh dẫn

hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được tạo nên trên một phía trong số các phía bên phải và bên trái, và hai hoặc ba rãnh dẫn hướng trong số các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được tạo nên trên phía còn lại trong số các phía bên phải và bên trái.

Hốc lõm bố trí 27 được tạo nên trong đầu phía trước của phần đáy 21 (xem Fig.7). Hốc lõm bố trí 27 được tạo nên ở gần như phần trung tâm theo hướng bên phải và bên trái, và được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng xuống. Lỗ bố trí 28, mà thông với một phần của hốc lõm bố trí 27 ngoại trừ đầu phía trước của chúng và đi qua vỏ hộp 2 theo hướng phía trên và phía dưới, được tạo nên trong vỏ hộp 2.

Mép phía trên 22a của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, mép phía trên 23a của rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và mép phía trên 24a của rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được bố trí ở vị trí trên phía dưới so với mặt được tạo nấc 18, và một phần của mặt tạo nên đường rãnh 19 có mặt giữa rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và mặt được tạo nấc 18, giữa rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và mặt được tạo nấc 18, và giữa rãnh dẫn hướng thứ ba 24 và mặt được tạo nấc 18 (xem các hình vẽ từ Fig.2 đến Fig.7). Theo đó, khoảng cách từ đầu phía dưới của mặt tạo nên đường rãnh 19 đến mép phía trên 22a của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, khoảng cách từ đầu phía dưới của mặt tạo nên đường rãnh 19 đến mép phía trên 23a của rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và khoảng cách từ đầu phía dưới của mặt tạo nên đường rãnh 19 đến mép phía trên 24a của rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được thiết đặt để nhỏ hơn khoảng cách từ đầu phía trên của mặt tạo nên đường rãnh 19 đến đầu phía dưới của chúng. Ngoài ra, khoảng cách theo chiều thẳng đứng (chiều rộng rãnh) của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 có thể dài hơn hoặc ngắn hơn khoảng cách từ đầu phía trên của mặt tạo nên đường rãnh 19 đến các mép phía trên 22a, 23a, và 24a, và khoảng cách theo chiều thẳng đứng của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 có thể giống như khoảng cách từ đầu phía trên của mặt tạo nên đường rãnh 19 đến các mép phía trên 22a, 23a, và 24a. Mép phía dưới 22b của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, mép phía dưới 23b của rãnh dẫn

hướng thứ hai 23, và mép phía dưới 24b của rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được bố trí trên phía trên so với mép phía dưới của mặt tạo nên đường rãnh 19, và các vị trí theo hướng phía trên và phía dưới được thiết đặt để giống nhau.

Lưu ý rằng, các phần góc 2f mà ở đó mặt được tạo nấc 18 và mặt bên 13 giao nhau có thể được làm vát, hoặc các phần góc 2f có thể mở rộng theo hướng từ mặt trước 14 đến mặt sau 15, hoặc có thể được thiết đặt đến độ dài mà giống như độ dài của vỏ hộp 2, hoặc độ dài mà xấp xỉ một nửa hoặc một phần ba của độ dài của vỏ hộp 2. Ngoài ra, một trong số các phần góc 2f có thể được làm vát, hoặc cả hai trong số các phần góc 2f và 2f có thể được làm vát. Kích thước của chiều rộng vát của các phần góc 2f có thể là kích thước giống như chiều rộng của mặt được tạo nấc 18, hoặc có thể nhỏ hơn chiều rộng của mặt được tạo nấc 18.

Ngoài ra, phần góc 2g mà ở đó mặt tạo nên đường rãnh 19 và mặt đáy 12 giao nhau có thể được làm vát, hoặc một phần góc bất kỳ hoặc tất cả các phần góc trong số các phần góc 2h và 2h giữa rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và rãnh dẫn hướng thứ hai 23, các phần góc 2i và 2i giữa rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và rãnh dẫn hướng thứ ba 24, và phần góc 2j giữa rãnh dẫn hướng thứ ba 24 và mặt sau 15 có thể được làm vát. Trong trường hợp này, các phần góc 2g, 2h, 2i, và 2j trên một phía hoặc cả hai trong số các phía bên phải và bên trái trong vỏ hộp 2 có thể được làm vát.

Hốc lõm bố trí 27 được tạo nên bởi mặt được tạo hốc lõm 29. Mặt được tạo hốc lõm 29 bao gồm phần đế 29a, các phần vách 29b và 29b, và phần trung gian 29c.

Phần đế 29a được tạo nên dưới dạng chữ U bên mà được hở thông đến phía hướng ra trước, và ở trạng thái hướng về hướng chiều ngang. Các phần vách 29b và 29b nối liền với đầu phía trước của phần đế 29a, và được tạo nên như các bề mặt nghiêng mà được đặt cách xa nhau theo hướng bên phải và bên trái khi chúng tiến về phía hướng ra trước. Nghĩa là, phần vách 29b trên phía bên trái được tạo nên làm bề mặt nghiêng mà tiếp cận mặt bên 13 bên trái khi nó tiến về phía hướng ra trước, và phần vách 29b trên phía bên phải được tạo nên làm bề mặt nghiêng mà tiếp cận mặt bên 13 bên phải khi nó tiến về phía hướng

ra trước. Lưu ý rằng, trong các phần vách 29b và 29b, một phần vách 29b có thể được tạo nên làm bề mặt nghiêng, và phần vách 29b khác có thể được tạo nên làm bề mặt mà hướng về phía hướng bên trái hoặc phía hướng bên phải mà không bị nghiêng. Phần trung gian 29c hướng về phía hướng xuống và được tạo nên giữa các mép phía trên của các phần vách 29b và 29b. Ví dụ, các phần vách 29b và 29b được nghiêng đến 45 độ đối với bề mặt mà hướng về hướng bên phải và bên trái. Phần trung gian 29c được bố trí trên phía hướng xuống so với mặt được tạo nấc 18, được bố trí ở độ cao gần giống như độ cao của các mép phía trên 22a, 23a, và 24a của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24, hoặc được bố trí trên phía hướng xuống một chút so với các mép phía trên 22a, 23a, và 24a. Lưu ý rằng, phần trung gian 29c có thể được bố trí trên phía hướng lên so với các mép phía trên 22a, 23a, và 24a.

Trong đầu phía trước của phần đáy 21, các rãnh nhận dạng 30 và 30 được tạo nên để được đặt phía bên cách xa nhau. Các rãnh nhận dạng 30 có chức năng như rãnh chức năng có chức năng định trước, và nhận dạng, ví dụ, loại của bộ nạp mà có chức năng như thiết bị nối như được mô tả dưới đây, hoặc tương tự. Lưu ý rằng, rãnh chức năng không giới hạn ở các rãnh nhận dạng 30. Đối với rãnh chức năng, ví dụ, các đường rãnh có chức năng khác với nhận dạng có thể được tạo nên thay cho rãnh nhận dạng 30. Các ví dụ về các đường rãnh bao gồm rãnh định vị mà thực hiện việc định vị đối với bộ nạp hoặc tương tự, và rãnh phát hiện hoặc tương tự mà phát hiện trạng thái nối hoặc tương tự của bộ nạp hoặc tương tự.

Tuy nhiên, khi chức năng định trước là chức năng nhận dạng để nhận dạng loại thiết bị nối, loại thiết bị nối được nhận dạng bởi rãnh chức năng. Khi bộ pin được lắp trong thiết bị nối, hoặc bộ pin đi vào trạng thái không được lắp trong thiết bị nối, có thể nhận dạng một cách dễ dàng loại thiết bị nối mà bộ pin được nối đến.

Lưu ý rằng, chức năng định trước có thể là chức năng nhận dạng loại của chính bộ pin.

Các rãnh nhận dạng 30 và 30 được tạo nên trên các phía đối diện với nhau với hốc lõm bố trí 27 được đặt xen giữa. Trong mỗi trong số các rãnh nhận

dạng 30, phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32 mà có các độ dài khác nhau theo hướng phía trước và phía sau được tạo nên liên tục theo hướng bên phải và bên trái.

Phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32 lần lượt có chức năng là phần chức năng thứ nhất và phần chức năng thứ hai.

Trong số các bề mặt mà cấu thành rãnh nhận dạng 30, bề mặt mà được bố trí trên phía trên và hướng về phía hướng xuống được tạo nên làm mặt đáy bên trong 30a. Mặt đáy bên trong 30a được bố trí trên phía hướng xuống so với phần trung gian 29c là bề mặt mà được bố trí trên phía trên trong mặt được tạo hốc lõm 29 và hướng về phía hướng xuống. Theo đó, độ sâu của rãnh nhận dạng 30 theo hướng phía trên và phía dưới nông hơn độ sâu của hốc lõm bố trí 27 theo hướng phía trên và phía dưới. Ngoài ra, mặt đáy bên trong 30a được bố trí trên phía hướng xuống so với các mép phía trên 22a, 23a, và 24a của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24, và mặt được tạo nấc 18. Ngoài ra, mặt đáy bên trong 30a được bố trí trên phía hướng lên so với các mép phía dưới 22b, 23b, và 24b của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24. Tuy nhiên, mặt đáy bên trong 30a có thể được bố trí trên phía hướng xuống so với các mép phía dưới 22b, 23b, và 24b, hoặc có thể được bố trí ở độ cao giống như độ cao của các mép phía dưới 22b, 23b, và 24b.

Trong số các bề mặt mà cấu thành rãnh nhận dạng 30, bề mặt mà được bố trí trên phía sau trong phần nhận dạng thứ nhất 31 và hướng về phía hướng ra trước được tạo nên làm mặt đáy sâu 31a, và bề mặt mà được bố trí trên phía sau trong phần nhận dạng thứ hai 32 và hướng về phía hướng ra trước được tạo nên làm mặt đáy sâu 32a. Các mặt đáy sâu 31a và 32a được bố trí trên phía hướng ra trước so với bề mặt, mà được bố trí trên phía sau cùng trong phần đế 29a và hướng về phía hướng ra trước, trong mặt được tạo hốc lõm 29, và được bố trí trên phía hướng ra sau so với mặt trước của đầu nối 33. Ngoài ra, các mặt đáy sâu 31a và 32a được bố trí trên phía hướng ra trước so với mặt đáy phía sâu 36a của rãnh bố trí cực 36 và mặt đáy phía sâu 37a của rãnh định vị 37. Ngoài ra, các mặt đáy sâu 31a và 32a được bố trí trên phía hướng ra trước so với mép đầu phía

sau của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22. Tuy nhiên, các mặt đáy sâu 31a và 32a có thể được bố trí trên phía hướng ra sau so với mép đầu phía sau của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 hoặc có thể được bố trí ở vị trí giống như vị trí của mép đầu phía sau của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 theo hướng phía trước và phía sau.

Phần nhận dạng thứ nhất 31 có chiều dài lớn hơn chiều dài của phần nhận dạng thứ hai 32 theo hướng phía trước và phía sau, mặt đáy sâu 31a được bố trí trên phía hướng ra sau một chút so với mặt đáy sâu 32a, và phần nhận dạng thứ nhất 31 được bố trí trên phía hốc lõm bố trí 27 khác so với phần nhận dạng thứ hai 32. Có thể nói rằng phần nhận dạng thứ hai 32 được bố trí trên phía mặt bên xa hơn 13 so với phần nhận dạng thứ nhất 31. Chiều rộng của phần nhận dạng thứ hai 32 theo hướng bên phải và bên trái được thiết đặt để nhỏ hơn chiều rộng của phần nhận dạng thứ nhất 31 theo hướng bên phải và bên trái.

Đầu nối 33 được bố trí trong hốc lõm bố trí 27 của vỏ hộp 2. Đầu nối 33 là phần mà được nối với cực điện cực của bộ nạp mà có chức năng như thiết bị nối như được mô tả sau, hoặc tương tự, và có chức năng như phần cực và bao gồm điện cực dương và điện cực âm.

Đầu nối 33 bao gồm vỏ hộp 34 được tạo nên từ vật liệu không dẫn điện, và các cực nối 35, 35, và 35 được tạo nên từ vật liệu dẫn điện, và các cực nối 35, 35, và 35 được giữ vào vỏ hộp 34 trong trạng thái trong đó ít nhất các phần của chúng được bố trí trong các rãnh bố trí cực 36, 36, và 36 được tạo nên trong vỏ hộp 34. Trong mỗi trong số các cực nối 35, một đầu của miếng kim loại bao gồm một cặp phần tiếp xúc mà được phân nhánh phía bên từ phần định trước, và cặp phần tiếp xúc được bố trí trong mỗi trong số các rãnh bố trí cực 36 trong trạng thái trong đó các đầu mút có lực đàn hồi theo hướng sắp tiếp xúc với nhau và tiếp xúc với nhau hoặc tiếp cận nhau.

Các cực nối 35, 35, và 35 có chức năng như là điện cực dương, điện cực âm, và cực thông tin, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải.

Cực thông tin được sử dụng để cho thiết bị nối như được mô tả sau nhận

biết nhiệt độ bên trong của bộ pin 1, và được sử dụng để cho thiết bị nổi nhận biết các loại thông tin khác nhau của bộ pin 1 chẳng hạn như lượng nạp dư và thông tin về sự suy giảm của bộ pin 1.

Lưu ý rằng, hai rãnh bố trí cực 36 và 36, và hai cực nối 35 và 35 có thể được bố trí trong đầu nối 33. Trong trường hợp ở đó hai cực nối 35 và 35 được bố trí, hai cực nối 35 và 35 có chức năng lần lượt như điện cực dương và điện cực âm, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc cách bố trí trong đó điện cực dương và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải. Ngoài ra, bốn rãnh bố trí cực 36, 36, ..., và bốn cực nối 35, 35, ... có thể được bố trí trong đầu nối 33. Trong trường hợp ở đó bốn cực nối 35, 35, ... được bố trí, bốn cực nối 35, 35, ... lần lượt có chức năng là điện cực dương, điện cực âm, cực thông tin, và cực giao tiếp, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, cực giao tiếp, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, cực giao tiếp, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải, theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực giao tiếp, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực giao tiếp, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải. Cực giao tiếp được sử dụng để cho thiết bị nổi nhận biết các loại thông tin khác nhau của bộ pin 1 chẳng hạn như lượng nạp dư và thông tin về sự suy giảm của bộ pin 1, và trong trường hợp này, cực thông tin được sử dụng để thông báo cho thiết bị nổi chỉ về thông tin nhiệt độ.

Các rãnh bố trí cực 36, 36, và 36 được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng xuống, và được tạo nên để được đặt phía bên cách xa nhau. Các rãnh định vị 37 và 37 mà được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng xuống được tạo nên trong vỏ hộp 34 trên phía bên ngoài của các rãnh bố trí cực 36, 36, và 36 theo hướng bên phải và bên trái.

Các phần giữa các rãnh bố trí cực 36, 36, và 36 trong vỏ hộp 34 của đầu nối 33 được bố trí làm các sườn cách ly cực 34a và 34a, và các phần giữa các rãnh bố trí cực 36 và 36 và các rãnh định vị 37 và 37 trong vỏ hộp 34 được bố trí

làm các sườn liên rãnh 34b và 34b. Chiều rộng của mỗi trong số các sườn cách ly cực 34a theo hướng bên phải và bên trái được thiết đặt để lớn hơn so với chiều rộng của mỗi trong số các sườn liên rãnh 34b theo hướng bên phải và bên trái để ngăn chặn tiếp xúc giữa các cực nối 35, 35, và 35.

Bề mặt của mỗi trong số các rãnh bố trí cực 36 trên phía mặt trên cùng 11, và bề mặt của mỗi trong số các rãnh định vị 37 trên phía mặt trên cùng 11 lần lượt được tạo nên làm các mặt đáy bên trong 36a và 37a, và các vị trí của các mặt đáy bên trong 36a và 37a theo hướng phía trên và phía dưới được thiết đặt để gần như giống nhau. Các mặt đáy bên trong 36a và 37a được bố trí trên phía hướng xuống so với mặt được tạo nấc 18. Ngoài ra, các mặt đáy bên trong 36a và 37a được bố trí trên phía hướng xuống so với mép phía trên 22a của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, mép phía trên 23a của rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và mép phía trên 24a của rãnh dẫn hướng thứ ba 24, và được bố trí trên phía hướng lên so với mép phía dưới 22b của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, mép phía dưới 23b của rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và mép phía dưới 24b của rãnh dẫn hướng thứ ba 24.

Mỗi trong số các cực nối 35 có thể biến dạng đàn hồi gần như theo hướng bên phải và bên trái, và được giữ vào vỏ hộp 34 ở trạng thái được gài vào trong mỗi trong số các rãnh bố trí cực 36.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của ví dụ trong đó trong mặt được tạo hốc lõm 29, các đầu phía trên của các phần vách 29b và 29b, và phần trung gian 29c được bố trí ở độ cao giống như độ cao của đầu phía trên của vỏ hộp 34 của đầu nối 33. Tuy nhiên, ví dụ, các đầu phía trên của các phần vách 29b và 29b và phần trung gian 29c có thể được bố trí trên phía hướng lên so với đầu phía trên của vỏ hộp 34 (xem Fig.14). Trong trường hợp này, các đầu phía trên của các phần vách 29b và 29b và phần trung gian 29c có thể được bố trí ở vị trí bất kỳ ở các vị trí phía dưới được làm lệch với đầu phía trên của vỏ hộp 2.

Ngoài ra, trong mặt được tạo hốc lõm 29, ví dụ, phần trung gian 29c có thể không có mặt, và các phần vách 29b và 29b có thể được tạo nên ở các vị trí từ đầu phía trên đến đầu phía dưới của vỏ hộp 2 (xem Fig.15 và Fig.16).

Ngoài ra, các phần vách 29b và 29b mà được nghiêng theo các hướng

phía trước, sau, bên trái và phải có thể không được tạo nên, và các phần bề mặt vách thứ nhất 29x và 29x mà hướng về phía hướng ra trước, và các phần bề mặt vách thứ hai 29y và 29y mà nối liền với các mép ngoài của các phần bề mặt vách thứ nhất 29x và 29x theo hướng bên phải và bên trái, và đối diện với nhau theo hướng bên phải và bên trái có thể được tạo nên thay cho các phần vách 29b và 29b (xem Fig.17 và Fig.18). Lưu ý rằng, các phần bề mặt vách thứ nhất 29x và 29x và các phần bề mặt vách thứ hai 29y và 29y có thể được nghiêng ở góc bất kỳ theo hướng bên phải và bên trái, hướng phía trước và phía sau, hoặc hướng phía trên và phía dưới.

Trong đầu nối 33, các đầu của các cực nối 35, 35, và 35 trên một phía được nối với tám nền mạch 9 được bố trí ở bên trong của vỏ hộp 2 qua các lỗ bố trí 28.

Trong trạng thái trong đó đầu nối 33 được bố trí trong hốc lõm bố trí 27, mặt trước 33a được bố trí trên phía sau so với mặt trước 14 của vỏ hộp 2. Đầu nối 33 được bố trí trong vùng được bao quanh bởi phần đế 29a của mặt được tạo hốc lõm 29 trong hốc lõm bố trí 27, và các phần vách 29b và 29b và phần trung gian 29c của mặt được tạo hốc lõm 29 được bố trí ở phía trước đầu nối 33.

Trong trạng thái trong đó đầu nối 33 được bố trí trong hốc lõm bố trí 27, mặt phía dưới 33b được bố trí trên mặt phẳng giống như mặt phẳng của mặt đáy 12 của vỏ hộp 2.

Kết cấu ví dụ của thiết bị nối

Phần tiếp theo mô tả thiết bị tạo ảnh (camera tĩnh) 50 như là ví dụ về thiết bị nối mà bộ pin 1 được nối với (xem các hình vẽ từ Fig.19 đến Fig.21).

Ví dụ, trong thiết bị tạo ảnh 50, các bộ phận cần thiết lần lượt được bố trí trên phía bên trong và trên phía bên ngoài của vỏ hộp bên ngoài phẳng dài phía bên 51 (xem Fig.19). Phụ kiện chẳng hạn như ống kính thay đổi 70 và bộ tiếp hợp (không được minh họa) có thể tháo được từ thiết bị tạo ảnh 50. Các vòng điều khiển 71, 72, và 73 mà được điều khiển để xoay được bố trí trong ống kính thay đổi 70. Các vòng điều khiển 71, 72, và 73 có chức năng làm vòng lấy nét để thực hiện lấy nét, vòng ống kính thu phóng để điều chỉnh góc nhìn, và vòng điều sáng để thực hiện việc điều chỉnh lượng ánh sáng.

Các bộ phận thao tác khác nhau 52, 52, ... được bố trí trên mặt phía trên của vỏ hộp bên ngoài 51. Đối với các bộ phận thao tác 52, 52, ..., ví dụ, nút chụp ảnh, nút thu phóng, nút nguồn, nút lựa chọn chế độ, và tương tự được bố trí. Đèn chớp 53 có khả năng thụt vào và nhô ra được bố trí trong đầu phía trên của vỏ hộp bên ngoài 51.

Kính ngắm 54 được bố trí ở đầu phía trên của vỏ hộp bên ngoài 51 trên phía sau của đèn chớp 53. Màn hình 55 và các bộ phận thao tác khác nhau 52, 52, ... được bố trí trên mặt sau của vỏ hộp bên ngoài 51 (xem Fig.20).

Thành phần tạo ảnh (không được minh họa) được bố trí ở bên trong của vỏ hộp bên ngoài 51. Đối với thành phần tạo ảnh, ví dụ, thiết bị tích điện kép (CCD), chất bán dẫn ôxit kim loại bù (CMOS), hoặc tương tự được sử dụng.

Phần lắp bộ pin 56 được bố trí ở phần phía sau trên phía hướng ra sau so với khung (không được minh họa) mà ống kính thay đổi được nối với ở một đầu của thiết bị tạo ảnh 50 theo hướng bên phải và bên trái, hoặc thành phần tạo ảnh (xem Fig.20 và Fig.21).

Phần lắp bộ pin 56 bao gồm một phần của vỏ hộp bên ngoài 51 và chi tiết nắp 57 mà xoay được ở đầu phía dưới của vỏ hộp bên ngoài 51. Trong phần lắp bộ pin 56, không gian bên trong được tạo nên làm khoảng trống lắp 56a, và khoảng trống lắp 56a được hở thông đến phía hướng xuống.

Lò xo hiệu dịch 58 và phần nối cực 59 được bố trí trong phần sâu (đầu phía trên) của phần lắp bộ pin 56. Phần nối cực 59 bao gồm phần giá đỡ 60 mà được tạo nên từ vật liệu không dẫn điện, và các cực điện cực 61, 61, và 61 mà được tạo nên từ vật liệu dẫn điện, và các cực điện cực 61, 61, và 61 được giữ vào phần giá đỡ 60 ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau.

Các phần nhô định vị 60a và 60a được bố trí trong phần giá đỡ 60 trên phía bên ngoài của các cực điện cực 61, 61, và 61 theo hướng bên phải và bên trái.

Trong phần nối cực 59, các đầu trên một phía của các cực điện cực 61, 61, và 61 được nối với tám nền điều khiển (không được minh họa) mà được bố trí ở bên trong của vỏ hộp bên ngoài 51.

Cần ép 62 được hỗ trợ theo cách xoay đến mép mở của khoảng trống lắp

56a ở đầu phía dưới của phần lắp bộ pin 56. Cần ép 62 xoay được giữa vị trí ép và vị trí không ép, và được ép bởi lò xo (không được minh họa) theo hướng, ví dụ, từ vị trí không ép đến vị trí ép.

Các phần ngăn chặn gài sai 56b và 56b được bố trí ở bên trong của phần lắp bộ pin 56. Phần lắp bộ pin 56 được bố trí có cơ chế khóa mà khóa chi tiết nắp 57 trong trạng thái đóng của khoảng trống lắp 56a.

Lắp bộ pin vào thiết bị nổi (thiết bị tạo ảnh)

Phần sau đây mô tả việc lắp bộ pin 1 vào phần lắp bộ pin 56 của thiết bị tạo ảnh 50 (xem các hình vẽ từ Fig.22 đến Fig.24).

Trong trạng thái trong đó chi tiết nắp 57 được hở thông, như được mô tả dưới đây, người dùng gài bộ pin 1 vào khoảng trống lắp 56a để lắp bộ pin 1 trong phần lắp bộ pin 56.

Bộ pin 1 được gài vào trong khoảng trống lắp 56a từ phía mặt trước 14 (xem Fig.22). Tại thời điểm này, bộ pin 1 được gài vào trong khoảng trống lắp 56a theo hướng trong đó các rãnh khác 2a và 2a ăn khớp với các phần ngăn chặn gài sai 56b và 56b. Theo đó, khi gài bộ pin 1 vào khoảng trống lắp 56a theo hướng trong đó các rãnh khác 2a và 2a không ăn khớp với các phần ngăn chặn gài sai 56b và 56b, ví dụ, các bề mặt nghiêng 16 mà là các phần góc được tạo nên bởi một phần của vỏ hộp 2, ví dụ, mặt trên 11 và mặt bên 13 tiếp xúc với các phần ngăn chặn gài sai 56b và 56b, và việc gài sai của bộ pin 1 vào khoảng trống lắp 56a được ngăn chặn.

Việc gài bộ pin 1 vào khoảng trống lắp 56a được thực hiện trong trạng thái trong đó cần ép 62 được xoay đến vị trí không ép. Khi bộ pin 1 được gài vào trong khoảng trống lắp 56a, cần ép 62 đi vào trạng thái trong đó cần ép 62 trượt đến một trong số các mặt bên 13 của bộ pin 1, và do đó sự xoay của cần ép 62 đến vị trí ép được điều chỉnh.

Trong bộ pin 1 được gài vào trong khoảng trống lắp 56a, các cực nổi 35, 35, và 35 của đầu nổi 33 lần lượt được nối với các cực điện cực 61, 61, và 61 của phần nối cực 59. Tại thời điểm này, mỗi trong số các cực điện cực 61 được gài vào trong giữa một cặp phần tiếp xúc mà được phân nhánh phía bên trong mỗi trong số các cực nổi 35 và có độ đàn hồi theo hướng trong đó các phần tiếp

xúc sấp tiếp xúc với nhau, và do đó cực nối 35 được nối với cực điện cực 61 trong trạng thái trong đó cặp phần tiếp xúc kẹp cực điện cực 61 từ cả hai phía bên phải và bên trái. Ngoài ra, tại thời điểm này, các phần nhô định vị 60a và 60a của phần nối cực 59 lần lượt được gài vào trong các rãnh định vị 37 và 37 của đầu nối 33, và do đó việc định vị đầu nối 33 đối với phần nối cực 59 được thực hiện.

Trong trạng thái trong đó các cực nối 35, 35, và 35 lần lượt được nối với các cực điện cực 61, 61, và 61, trong khoảng trống lắp 56a, mặt sau 15 được bố trí trên phía sâu hơn so với cần ép 62, cần ép 62 được xoay đến vị trí ép bởi lực làm lệch của lò xo, và mặt trước 14 được ép bởi lò xo hiệu dịch 58. Với sự bố trí này, bộ pin 1 được làm lệch với phía hướng ra sau (xem Fig.23). Theo đó, phần ép 15a (xem Fig.22) được bố trí trên mặt sau 15 của bộ pin 1 được ép vào cần ép 62, và sự tách ra khỏi khoảng trống lắp 56a được điều chỉnh. Phần ép 15a được bố trí trên phía mặt trên 11 khác so với rãnh khắc 2a.

Như được mô tả trên đây, trong trạng thái trong đó sự tách ra của bộ pin 1 khỏi khoảng trống lắp 56a được điều chỉnh do cần ép 62, khoảng trống lắp 56a được đóng lại bởi chi tiết nắp 57. Với sự bố trí này, bộ pin 1 được lắp trong phần lắp bộ pin 56. Tại thời điểm này, chi tiết nắp 57 được khóa vào vỏ hộp bên ngoài 51 bởi cơ chế khóa.

Mặt khác, khi khóa của chi tiết nắp 57 đối với vỏ hộp bên ngoài 51 được giải phóng, chi tiết nắp 57 được xoay để mở khoảng trống lắp 56a, và cần ép 62 được xoay đến vị trí không ép, bộ pin 1 được lấy ra khỏi khoảng trống lắp 56a, và do đó có thể lấy bộ pin 1 ra khỏi phần lắp bộ pin 56.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của ví dụ trong đó phần ép 15a của mặt sau 15 được ép vào cần ép 62, và do đó sự tách ra của bộ pin 1 khỏi khoảng trống lắp 56a được điều chỉnh. Tuy nhiên, cũng có thể sử dụng kết cấu trong đó hốc lõm ép 38 mà được hở thông ít nhất đến phía hướng ra sau được tạo nên trong đầu phía sau của bộ pin 1, và một phần của cần ép 62 được gài vào trong hốc lõm ép 38 để điều chỉnh sự tách ra của bộ pin 1 khỏi khoảng trống lắp 56a (xem Fig.24).

Như được mô tả trên đây, khi hốc lõm ép 38 mà một phần của cần ép 62

được gài vào trong được tạo nên trong bộ pin 1, có thể định vị cần ép 62 trên phía sâu hơn của khoảng trống lắp 56a, và do đó có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của thiết bị tạo ảnh 50 theo tỷ lệ tương ứng với vị trí trên phía sâu hơn.

Kết cấu ví dụ khác của thiết bị nối

Tiếp theo, đối với ví dụ khác của thiết bị nối mà bộ pin 1 được nối với, bộ nạp 80 sẽ được mô tả (xem các hình vẽ từ Fig.25 đến Fig.29). Lưu ý rằng, bộ nạp 80 là thiết bị khác với thiết bị tạo ảnh 50 và tương tự, tuy nhiên kết cấu nối dưới đây của bộ nạp 80 có thể được bố trí tích hợp với các thiết bị khác nhau chẳng hạn như thiết bị tạo ảnh. Theo đó, bộ pin 1 có thể được nối với thiết bị tạo ảnh và tương tự trong đó kết cấu nối dưới đây của bộ nạp 80 được bố trí.

Trong bộ nạp 80, các bộ phận cần thiết lần lượt được bố trí trên phía bên trong và trên phía bên ngoài của vỏ hộp 81. Kết cấu nối dưới đây được bố trí trong vỏ hộp 81.

Vỏ 81 được tạo nên theo hình dạng về cơ bản là hình hộp chữ nhật, xấp xỉ một nửa trên một phía theo hướng bên phải và bên trái được bố trí như phần bố trí cơ cấu 82, và xấp xỉ một nửa trên phía còn lại theo hướng bên phải và bên trái được bố trí như phần lắp bộ pin 83.

Tấm nền, thân phát sáng chẳng hạn như điốt phát sáng, và tương tự (không được minh họa) được bố trí ở bên trong của phần bố trí cơ cấu 82. Các cửa sổ 82a và 82b được bố trí trong phần mặt trên của phần bố trí cơ cấu 82. Ánh sáng được phát ra từ điốt phát sáng được phát ra hướng về phía bên ngoài qua các cửa sổ 82a và 82b, và có thể nhận biết trạng thái hoạt động nạp, trạng thái lượng nạp, và tương tự với trạng thái phát xạ qua các cửa sổ 82a và 82b.

Hốc lõm lắp 83a mà được hở thông đến phía hướng lên và phía hướng ra sau được tạo nên trong phần lắp bộ pin 83. Các phần nắp 84 và 84 được bố trí trên cả hai phía phải và trái của hốc lõm lắp 83a, và các phần nắp 84 và 84 được tạo nên theo hình dạng nhô ra hướng về phía hướng lên và mở rộng theo hướng phía trước và phía sau. Các phần nắp 84 và 84 bao gồm các bề mặt phẳng 84a và 84a mà hướng về phía hướng lên, và các bề mặt đối diện 84b và 84b mà nối liền với các mép trong của các bề mặt phẳng 84a và 84a và đối mặt nhau. Lưu ý rằng,

bộ pin có kết cấu trong đó chỉ một rãnh khắc 2a được tạo nên trong vỏ hộp cũng có mặt, tuy nhiên trong trường hợp phân lắp bộ pin mà bộ pin được lắp vào, một phần nắp 84 có thể được bố trí.

Hộc lõm lắp 83a được tạo nên bởi các phần bề mặt tương ứng bao gồm phần bề mặt tấm đáy 85 mà được bố trí giữa các phần nắp 84 và 84 và hướng về phía hướng lên, và phần bề mặt tấm phía trước 86 mà hướng về phía hướng ra sau ngoài các phần nắp 84 và 84, và phần bề mặt tấm phía trước 86 nối liền với các mép phía trước của các phần nắp 84 và 84 và mép phía trước của phần bề mặt tấm đáy 85. Các phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 và 87, các phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88 và 88, và các phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 và 89 được bố trí trong các phần nắp 84 và 84 theo thứ tự này từ phía trước ở trạng thái được đặt cách xa nhau theo hướng phía trước và phía sau. Tất cả các phần ăn khớp dẫn hướng trong số các phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 và 87, các phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88 và 88, và các phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 và 89 nhô ra từ các bề mặt đối diện 84b và 84b theo hướng tiếp cận nhau.

Mỗi trong số các phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 được tạo nên theo hình dạng nhô ra mà mở rộng theo hướng phía trước và phía sau, đầu phía trước nối liền với phần bề mặt tấm phía trước 86, và nhô ra từ phần trung gian của mỗi trong số các bề mặt đối diện 84b theo hướng phía trên và phía dưới. Mỗi trong số các phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88 được tạo nên theo hình dạng nhô ra mà mở rộng theo hướng phía trước và phía sau, và được bố trí ở độ cao giống như độ cao của phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87. Mỗi trong số các phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 bao gồm phần ăn khớp 89a mà mở rộng theo hướng phía trước và phía sau, và phần vách lắp ráp 89b mà nhô ra hướng xuống từ đầu phía trước của phần ăn khớp 89a, và đầu phía dưới của phần vách lắp ráp 89b nối liền với phần bề mặt tấm đáy 85.

Lưu ý rằng, trong trường hợp lắp bộ pin của loại trong đó chỉ rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được tạo nên trên một phía theo hướng bên phải và bên trái, chỉ rãnh dẫn hướng thứ hai 23 được tạo nên trên phía còn lại theo hướng bên phải và bên trái, và do đó các rãnh dẫn hướng được tạo nên một cách luân phiên trên phía bên trái và trên phía bên phải, chỉ các

phần ăn khớp dẫn hướng tương ứng với các rãnh dẫn hướng có thể được bố trí. Ví dụ, trong trường hợp lắp bộ pin trong đó chỉ rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được tạo nên trên một phía theo hướng bên phải và bên trái, và chỉ rãnh dẫn hướng thứ hai 23 được tạo nên trên phía còn lại theo hướng bên phải và bên trái, chỉ phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 và phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 có thể được bố trí trên một phía theo hướng bên phải và bên trái, và chỉ phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88 có thể được bố trí trên phía còn lại theo hướng bên phải và bên trái.

Phần nhô nhận dạng 90 mà nhô lên trên từ đầu phía trước của phần bề mặt tấm đáy 85 được bố trí trong phần lắp bộ pin 83. Trong phần nhô nhận dạng 90, phần dài 90a và phần ngắn 90b, mà có các độ dài khác nhau theo hướng phía trước và phía sau, được bố trí theo cách nối liền theo hướng bên phải và bên trái, và độ dài của phần dài 90a theo hướng phía trước và phía sau được thiết đặt để dài hơn độ dài của phần ngắn 90b theo hướng phía trước và phía sau. Chiều rộng phía bên của phần dài 90a được thiết đặt để nhỏ hơn chiều rộng phía bên của phần ngắn 90b.

Phần nhô nhận dạng 90 được bố trí ở vị trí mà ở đó đầu phía trước nối liền với phần bề mặt tấm phía trước 86, và được làm lệch với phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 trên một phía theo hướng bên phải và bên trái. Cụ thể là, theo hướng bên phải và bên trái, phần nhô nhận dạng 90 được bố trí trên phía gần hơn với phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 trên một phía so với trung tâm của khoảng giữa trung tâm của phần bề mặt tấm đáy 85 và phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 trên một phía, và được bố trí trên phía gần hơn với phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 trên một phía so với trung tâm của khoảng giữa phần nối cực 93 và phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 trên một phía. Trong phần nhô nhận dạng 90, phần ngắn 90b được bố trí trên phía phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 khác trên một phía so với phần dài 90a.

Phần nhô ra phát hiện 91 mà di chuyển được theo hướng phía trước và phía sau được bố trí ở đầu phía trước của phần lắp bộ pin 83. Phần nhô ra phát hiện 91 được làm lệch hướng ra sau bởi chi tiết lò xo (không được minh họa), và được bố trí ở vị trí được làm lệch với phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 trên

phía còn lại theo hướng bên phải và bên trái.

Lưu ý rằng, khi trung tâm của phần bề mặt tấm đáy 85 theo hướng bên phải và bên trái được thiết đặt làm sự tham chiếu, phần nhô ra phát hiện 91 có thể được bố trí ở vị trí đối xứng mà được làm lệch với phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 trên một phía. Ngoài ra, phần mô tả được đưa ra là ví dụ trong đó phần nhô nhận dạng 90 và phần nhô ra phát hiện 91 được bố trí ở các phía đối diện theo hướng bên phải và bên trái với phần nổi cực 93 được đặt xen giữa. Cả hai phần nhô nhận dạng 90 và phần nhô ra phát hiện 91 có thể được bố trí trên phía bên trái hoặc trên phía bên phải của phần nổi cực 93. Trong trường hợp này, phần nổi cực 93 và phần nhô ra phát hiện 91 được bố trí ở các phía đối diện theo hướng bên phải và bên trái với phần nhô nhận dạng 90 được đặt xen giữa.

Một phần của phần bề mặt tấm đáy 85 được bố trí như phần duy trì ăn khớp 92. Phần duy trì ăn khớp 92 là phần trên phía bên trong của khe hình dạng chữ U bên được tạo nên ở một phần của phần bề mặt tấm đáy 85, và được thiết đặt để biến dạng đàn hồi được theo hướng về cơ bản dọc theo đầu phía trước được thiết đặt làm điểm tựa. Phần nhô khóa 92a mà nhô lên trên được tạo nên ở đầu phía sau của phần duy trì ăn khớp 92.

Phần nổi cực 93 được bố trí ở đầu phía trước của phần lắp bộ pin 83. Phần nổi cực 93 bao gồm phần giá đỡ 94 mà được tạo nên từ vật liệu không dẫn điện và các cực điện cực 95, 95, và 95 mà được tạo nên từ vật liệu dẫn điện, và các cực điện cực 95, 95, và 95 được giữ vào phần giá đỡ 94 ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau.

Phần giá đỡ 94 được bố trí có các phần nhô định vị 94a và 94a trên các phía bên ngoài của các cực điện cực 95, 95, và 95 theo hướng bên phải và bên trái. Kích thước của chiều rộng của các phần nhô định vị 94a và 94a theo hướng bên phải và bên trái lớn hơn so với kích thước của chiều rộng của các cực điện cực 95, 95, và 95 theo hướng bên phải và bên trái.

Trong phần nổi cực 93, các đầu của các cực điện cực 95, 95, và 95 trên một phía được nối với tấm nền mà được bố trí ở bên trong của vỏ hộp 81.

Lắp bộ pin vào thiết bị nổi (bộ nạp)

Phần sau đây mô tả việc lắp bộ pin 1 vào phần lắp bộ pin 83 trong bộ

nạp 80 (xem các hình vẽ từ Fig.29 đến Fig.31).

Như được mô tả dưới đây, người dùng có thể lắp bộ pin 1 vào phần lắp bộ pin 83 bằng cách gài một phần bộ pin 1 vào hốc lõm lắp 83a.

Bộ pin 1 được gài vào trong hốc lõm lắp 83a từ phía hướng lên (xem Fig.29). Tại thời điểm này, các phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88 và 88 lần lượt được gài vào trong các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và 23 qua các rãnh gài 25 và 25, và các phần ăn khớp 89a và 89a của các phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 và 89 lần lượt được gài vào trong các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 và 24 qua các rãnh gài 26 và 26. Theo đó, các phần nấc 84 và 84 của bộ nạp 80 được gài vào trong các rãnh khác 2a và 2a của bộ pin 1, các mặt được tạo nấc 18 và 18 lần lượt được bố trí để đối diện với các bề mặt phẳng 84a và 84a theo hướng phía trên và phía dưới, và các mặt tạo nên đường rãnh 19 và 19 lần lượt được bố trí để đối diện với các bề mặt đối diện 84b và 84b theo hướng bên phải và bên trái.

Tại thời điểm này, bộ pin 1 được bố trí trên phần bề mặt tám đáy 85 từ phía hướng lên, và do đó phần nhô khóa 92a của phần duy trì ăn khớp 92 được ép hướng xuống, và được biến dạng đàn hồi.

Lưu ý rằng, khi gài bộ pin 1 vào hốc lõm lắp 83a theo hướng trong đó các phần nấc 84 và 84 không được gài vào trong các rãnh khác 2a và 2a, một phần của vỏ hộp 2 tiếp xúc với các phần nấc 84 và 84, và do đó việc gài sai của bộ pin 1 vào hốc lõm lắp 83a được ngăn chặn.

Tiếp theo, bộ pin 1 trượt về phía trước đối với bộ nạp 80 (xem Fig.30). Khi bộ pin 1 trượt đến phía hướng ra trước, các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và 22 lần lượt được dẫn hướng tới các phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 và 87, các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và 23 lần lượt được dẫn hướng tới các phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88 và 88, và các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 và 24 lần lượt được dẫn hướng tới các phần ăn khớp 89a và 89a của các phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 và 89. Bộ pin 1 trượt về phía trước đến mép di chuyển mà ở đó các mép mở phía sau của các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 và 24 lần lượt tiếp xúc với các phần vách lắp ráp 89b và 89b của các phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 và 89.

Trong trạng thái trong đó bộ pin 1 trượt về phía trước đến mép di chuyển, các mép mở của các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và 22 ăn khớp tương ứng với các phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 và 87, các mép mở của các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và 23 ăn khớp tương ứng với các phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88 và 88, và các mép mở của các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 và 24 ăn khớp tương ứng với các phần ăn khớp 89a và 89a của các phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 và 89. Theo đó, mép phía trên của phần vấu ăn khớp thứ nhất 2p ăn khớp với ít nhất một phần mép phía dưới của phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87, mép phía trên của phần vấu ăn khớp thứ hai 2q ăn khớp với ít nhất một phần mép phía dưới của phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88, và mép phía trên của phần vấu ăn khớp thứ ba 2r ăn khớp với ít nhất một phần mép phía dưới của phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89.

Tại thời điểm này, mép đầu phía sau của bộ pin 1 được bố trí ở phía trước phần nhô khóa 92a của phần duy trì ăn khớp 92, phần duy trì ăn khớp 92 trở lại đàn hồi và phần nhô khóa 92a ăn khớp với đầu phía dưới của mép đầu phía sau trong bộ pin 1, và do đó bộ pin 1 được lắp trong phần lắp bộ pin 83.

Khi bộ pin 1 được lắp trong phần lắp bộ pin 83, phần nhô ra phát hiện 91 của bộ nạp 80 được ép và được thao tác bởi phần ép phát hiện 14a mà được bố trí trên mặt trước 14 của bộ pin 1. Phần nhô ra phát hiện 91 di chuyển về phía trước, và khi phần nhô ra phát hiện 91 di chuyển về phía trước, việc lắp bộ pin 1 vào phần lắp bộ pin 83 được phát hiện bởi bộ phận phát hiện (không được minh họa).

Khi việc lắp bộ pin 1 vào phần lắp bộ pin 83 được phát hiện, trong trạng thái trong đó bộ nạp 80 được nối với nguồn điện, ánh sáng được phát ra từ điốt phát sáng và được phát ra hướng lên qua các cửa sổ 82a và 82b. Theo đó, người dùng có thể nhận biết đó có phải trạng thái nạp được hay không hoặc lượng nạp đối với bộ pin 1 bằng cách xác nhận trực quan trạng thái của ánh sáng mà được phát ra qua các cửa sổ 82a và 82b.

Ngoài ra, khi bộ pin 1 được lắp trong phần lắp bộ pin 83, phần nhô nhận dạng 90 của bộ nạp 80 được gài vào trong rãnh nhận dạng 30 trên một phía của bộ pin 1 (xem Fig.31). Trong phần nhô nhận dạng 90, phần dài 90a được gài vào

trong phần nhận dạng thứ nhất 31, và phần ngấn 90b được gài vào trong phần nhận dạng thứ hai 32.

Khi phần nhô nhận dạng 90 được gài vào trong rãnh nhận dạng 30, bộ pin 1 được lắp trong phần lắp bộ pin 83 có phải là loại có thể được nạp bởi bộ nạp 80 hay không được nhận dạng. Ví dụ, bộ pin 1 là loại trong đó dung lượng điện mà có thể được nạp là xấp xỉ trung bình.

Ngoài ra, khi bộ pin 1 được lắp trong phần lắp bộ pin 83, phần nối cực 93 của bộ nạp 80 được gài vào trong giữa các phần vách 29b và 29b của bộ pin 1. Tại thời điểm này, khoảng, dung sai kích thước, hoặc tương tự để đảm bảo đặc điểm gài dễ dàng của bộ pin 1 đối với phần lắp bộ pin 83 có mặt giữa bộ pin 1 và bộ nạp 80, và do đó bộ pin 1 có thể được gài vào trong phần lắp bộ pin 83 trong trạng thái trong đó bộ pin 1 nghiêng về bên hoặc được dịch chuyển đối với bộ nạp 80 (xem Fig.32).

Ngay cả trong trường hợp ở đó bộ pin 1 được gài trong trạng thái nghiêng hoặc trạng thái được dịch chuyển đối với bộ nạp 80, vì các phần vách 29b và 29b được tạo nên như các bề mặt nghiêng mà được đặt cách xa nhau theo hướng bên phải và bên trái khi chúng tiến về phía trước, phần nối cực 93 được dẫn hướng đến các phần vách 29b và 29b, và tiếp cận đầu nối 33. Theo đó, trong bộ pin 1, các cực nối 35, 35, và 35 của đầu nối 33 lần lượt được nối chắc chắn với các cực điện cực 95, 95, và 95 của phần nối cực 93 (xem Fig.33). Tại thời điểm này, các phần nhô định vị 94a và 94a của phần nối cực 93 lần lượt được gài vào trong các rãnh định vị 37 và 37 của đầu nối 33, và việc định vị đầu nối 33 đối với phần nối cực 93 được thực hiện.

Mặt khác, khi bộ pin 1 được tạo để trượt về phía sau để giải phóng sự ăn khớp của phần nhô khóa 92a với mép đầu phía sau của bộ pin và để giải phóng sự ăn khớp của các phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 và 87, các phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88 và 88, và các phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 và 89, và bộ pin 1 được đưa ra hướng lên từ hốc lõm lắp 83a, bằng cách này bộ pin 1 có thể được lấy ra khỏi phần lắp bộ pin 83.

Tóm tắt

Như được mô tả trên đây, trong bộ pin 1, bề mặt mà tạo nên hốc lõm bố

trí 27 của vỏ hộp 2 được tạo nên như mặt được tạo hốc lõm 29, và phần trung gian 29c mà là một phần của mặt được tạo hốc lõm 29 có mặt giữa mặt trước 14 của mặt ngoài 10 và đầu nối 33.

Theo đó, vì mặt trước 33a của đầu nối 33 được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 2 so với mặt trước 14 của vỏ hộp 2, sự xảy ra nứt vỡ hoặc hư hỏng của đầu nối 33 khi bị rơi hoặc tương tự được giảm bớt, và do đó có thể đảm bảo trạng thái nối thỏa mãn của các cực nối 35 đối với các cực điện cực 61 hoặc 95.

Cụ thể là, lực tác động do tác động rơi ít có khả năng được truyền đến đầu nối 33, và do đó các vết nứt ít có khả năng xảy ra trong mối hàn để nối các cực nối 35 vào tấm nền mạch 9, và có thể giảm bớt sự xuất hiện của sự cố nối điện.

Ngoài ra, vì sự xảy ra nứt vỡ hoặc hư hỏng của đầu nối 33 được giảm bớt, các cực nối 35 ít có khả năng bị hở từ vỏ hộp 34, và có thể đảm bảo chất lượng cao của đầu nối 33.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của ví dụ trong đó mặt trước 33a của đầu nối 33 được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 2 so với mặt trước 14 của vỏ hộp 2. Tuy nhiên, ví dụ, mặt phía dưới 33b của đầu nối 33 có thể được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 2 so với mặt đáy 12 của vỏ hộp 2 (xem Fig.34).

Như được mô tả trên đây, trong trường hợp ở đó mặt phía dưới 33b của đầu nối 33 được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 2 so với mặt đáy 12 của vỏ hộp 2, sự xảy ra nứt vỡ hoặc hư hỏng của đầu nối 33 khi bị rơi hoặc tương tự được giảm bớt, và do đó có thể đảm bảo trạng thái nối thỏa mãn của các cực nối 35 đối với các cực điện cực 61 hoặc 95.

Ngoài ra, ví dụ, mặt trước 33a của đầu nối 33 có thể được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 2 so với mặt trước 14 của vỏ hộp 2, và mặt phía dưới 33b của đầu nối 33 có thể được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 2 so với mặt đáy 12 của vỏ hộp 2 (xem Fig.35).

Như được mô tả trên đây, trong trường hợp ở đó mặt trước 33a được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 2 so với mặt trước 14, và mặt phía dưới 33b được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 2 so với mặt đáy 12, toàn bộ đầu

nổi 33 được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 2. Theo đó, sự xảy ra nứt vỡ hoặc hư hỏng của đầu nổi 33 khi bị rơi hoặc tương tự còn được giảm bớt, và do đó có thể đảm bảo trạng thái nổi thỏa mãn của các cực nổi 35 đối với các cực điện cực 61 hoặc 95.

Ngoài ra, trong bộ pin 1, hốc lõm bố trí 27 được hở thông theo hướng nổi của các cực nổi 35 đối với các cực điện cực 61 hoặc 95, và phần trung gian 29c mà là mặt được tạo hốc lõm 29 có mặt giữa mặt ngoài 10 và đầu nổi 33 theo hướng nổi.

Theo đó, vì đầu nổi 33 được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 2 so với mặt ngoài 10 theo hướng nổi, các cực điện cực 61 hoặc 95 được gài vào trong đến phía sâu hơn của hốc lõm bố trí 27, và do đó có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của các thiết bị nổi (thiết bị tạo ảnh 50 và bộ nạp 80) theo hướng nổi.

Ngoài ra, một phần của mặt được tạo hốc lõm 29 được tạo nên làm bề mặt nghiêng trong đó diện tích mở của hốc lõm bố trí 27 tăng lên khi nó được đặt cách quãng từ đầu nổi 33 theo hướng mở (hướng nổi) của hốc lõm bố trí 27.

Theo đó, phần của mặt được tạo hốc lõm 29 có chức năng như bề mặt dẫn hướng trong khi đưa các cực điện cực 61 hoặc 95 vào hốc lõm bố trí 27, và do đó có thể đảm bảo trạng thái nổi thỏa mãn giữa các cực nổi 35 và các cực điện cực 61 hoặc 95.

Ngoài ra, mặt được tạo hốc lõm 29 bao gồm cặp phần vách 29b và 29b mà được bố trí để được đặt cách xa nhau theo hướng mà vuông góc với hướng nổi, và các phần vách 29b và 29b được tạo nên như các bề mặt nghiêng mà được đặt cách xa nhau khi chúng tiến dọc theo hướng nổi.

Theo đó, vì các phần vách 29b và 29b có chức năng như các bề mặt dẫn hướng trong khi đưa các cực điện cực 61 hoặc 95 vào hốc lõm bố trí 27, có thể đảm bảo trạng thái nổi thỏa mãn khác giữa các cực nổi 35 và các cực điện cực 61 hoặc 95.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của ví dụ trong đó cặp phần vách 29b và 29b được tạo nên như các bề mặt nghiêng mà được đặt cách xa nhau khi nó tiến dọc theo hướng nổi. Tuy nhiên, ví dụ, phần vách 29b trên một phía có

thể được tạo nên làm bề mặt nghiêng trong đó diện tích mở của hốc lõm bố trí 27 tăng lên khi nó tiến dọc theo hướng nổi (xem Fig.36).

Ngoài ra, trong bộ pin 1, phần trung gian 29c của mặt được tạo hốc lõm 29 có thể được tạo nên làm bề mặt nghiêng trong đó diện tích mở của hốc lõm bố trí 27 tăng lên khi nó được đặt cách quãng từ đầu nổi 33 theo hướng nổi (xem Fig.37).

Như được mô tả trên đây, khi phần trung gian 29c được tạo nên làm bề mặt nghiêng, phần trung gian 29c có chức năng như bề mặt dẫn hướng trong khi đưa các cực điện cực 61 hoặc 95 vào hốc lõm bố trí 27, và do đó có thể đảm bảo trạng thái nổi thỏa mãn khác giữa các cực nổi 35 và các cực điện cực 61 hoặc 95.

Lưu ý rằng, trong trường hợp này, các phần vách 29b và 29b có thể được tạo nên như các bề mặt nghiêng ngoài phần trung gian 29c, phần vách 29b trên một phía có thể được tạo nên làm bề mặt nghiêng ngoài phần trung gian 29c, hoặc chỉ phần trung gian 29c có thể được tạo nên làm bề mặt nghiêng.

Ngoài ra, góc nghiêng của phần vách 29b hoặc phần trung gian 29c đối với hướng nổi là bất kỳ. Tuy nhiên, ví dụ, tốt hơn là góc nghiêng được thiết đặt để lớn hơn so với 0° và bằng hoặc nhỏ hơn 45° .

Khi góc nghiêng của phần vách 29b hoặc phần trung gian 29c được thiết đặt để lớn hơn so với 0° và bằng hoặc nhỏ hơn 45° , góc nghiêng của mặt được tạo hốc lõm 29 mà có chức năng như bề mặt dẫn hướng tạo nên góc nhọn, và do đó có thể gài dễ dàng các cực điện cực 61 hoặc 95 mà được dẫn hướng bởi bề mặt dẫn hướng vào hốc lõm bố trí 27.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của bộ nạp 80 của loại trong đó bộ pin 1 được gài vào trong hốc lõm lắp 83a từ phía hướng lên và được tạo để trượt về phía trước để được lắp như một ví dụ. Tuy nhiên, đối với loại khác, bộ nạp 80A mà bộ pin 1 được gài vào trong từ phía hướng lên và được lắp ở đó có mặt (xem Fig.38).

Ví dụ, trong bộ nạp 80A, toàn bộ chúng được bố trí như phần lắp bộ pin 83A, và hốc lõm lắp 83b mà được hở thông đến phía hướng lên được tạo nên trong phần lắp bộ pin 83A. Phần nổi cực 96 bao gồm các cực điện cực được bố

trí trong phần lắp bộ pin 83A. Bộ pin 1 được gài vào trong hốc lõm lắp 83b của bộ nạp 80A theo hướng trong đó mặt trước 14 hướng về phía hướng xuống.

Trong trường hợp này, khi ít nhất một trong số các phần vách 29b và 29b của bộ pin 1, hoặc phần trung gian 29c được tạo nên làm bề mặt nghiêng (bề mặt dẫn hướng), phần nổi cực 96 được dẫn hướng đến bề mặt nghiêng do trọng lượng riêng của bộ pin 1 trong khi gài bộ pin 1 vào hốc lõm lắp 83b.

Theo đó, có thể đảm bảo trạng thái nổi dễ dàng và thỏa mãn của bộ pin 1 đối với bộ nạp 80A.

Liên quan đến bộ pin 1, rãnh khắc 2a được tạo nên trong vỏ hộp 2 do mặt được tạo nấc 18 mà nối liền với mặt bên 13 và mặt tạo nên đường rãnh 19 mà nối liền với mặt đáy 12, rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 mà được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh 19 được tạo nên, và rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được bố trí trên phía mặt đáy 12 khác so với mặt được tạo nấc 18.

Theo đó, rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24, và mặt được tạo nấc 18 không được bố trí một cách nối liền, và một phần của mặt tạo nên đường rãnh 19 được bố trí giữa rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24, và mặt được tạo nấc 18. Theo đó, mặt tạo nên đường rãnh 19 và mặt được tạo nấc 18 gần với các pin 6 hơn so với trường hợp ở đó rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24, và mặt được tạo nấc 18 được bố trí một cách nối liền, và do đó có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ pin 1.

Ngoài ra, các rãnh khắc 2a và 2a lần lượt được tạo nên ở các vị trí mà nối liền với hai mặt bên 13 và 13. Theo đó, các rãnh khắc 2a và 2a có mặt trên cả hai phía của hai mặt bên 13 và 13, và mặt ngoài 10 của vỏ hộp 2 được bố trí để gần với các pin 6 và 6 ở hai phía. Kết quả là, có thể thực hiện giảm bớt hơn nữa kích thước của bộ pin 1.

Ngoài ra, các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và 22, các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và 23, và các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 và 24 được tạo nên để được đặt

cách xa nhau theo hướng nổi của các cực nổi 35 đối với các cực điện cực 61 hoặc 95. Theo đó, các phần trong vỏ hộp 2 giữa rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24 được tạo nên như các phần nhô đối với rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, và rãnh dẫn hướng thứ ba 24, và do đó phần nhô có chức năng như sườn gia cố. Kết quả là, có thể thực hiện việc nâng cao độ bền của vỏ hộp 2.

Kết cấu ví dụ khác của bộ pin

Sau đây, kết cấu ví dụ khác của bộ pin 1 sẽ được mô tả (xem các hình vẽ từ Fig.39 đến Fig.44).

Các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 có thể được tạo nên trong bộ pin 1 ít nhất trên cả hai phía phải và trái (xem Fig.39). Ví dụ, các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 lần lượt được hở thông đến các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và 23.

Bộ pin 1 trong đó các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 được tạo nên được nổi, ví dụ, ở trạng thái được giữ vào bộ nạp 80B. Bộ nạp 80B bao gồm thân chính 97, các tay giữ 98 và 98 mà nhô ra phía sau từ thân chính 97, và phần nổi cực 99 mà được bố trí trong thân chính 97 ở trạng thái nhô ra phía sau và bao gồm các cực điện cực.

Nút thao tác 97a được bố trí trong thân chính 97, và khi nút thao tác 97a được thao tác, các tay giữ 98 và 98 được thao tác theo hướng trong đó các tay giữ 98 và 98 được đặt cách xa nhau.

Trong các tay giữ 98 và 98, các đầu mút của chúng được bố trí làm các phần nhô ăn khớp 98a và 98a mà được uốn theo hướng tiếp cận nhau. Các bề mặt trượt 98b và 98b mà được nghiêng theo hướng tiếp cận nhau khi chúng tiếp cận thân chính 97 được tạo nên trong các tay giữ 98 và 98. Các tay giữ 98 và 98 được làm lệch theo hướng tiếp cận nhau bởi lò xo (không được minh họa) mà được bố trí ở bên trong của thân chính 97.

Khi bộ pin 1 di chuyển về phía trước đối với bộ nạp 80B, các mép phía trước của bộ pin 1 trượt trên các bề mặt trượt 98b và 98b, các tay giữ 98 và 98 di chuyển theo hướng được đặt cách xa nhau chống lại lực làm lệch của lò xo, và các tay giữ 98 và 98 lần lượt được gài vào trong các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và 22. Các tay giữ 98 và 98 di chuyển một cách tương đối từ các rãnh dẫn hướng

thứ nhất 22 và 22 về phía các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và 23, một cách lần lượt, di chuyển từ các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và 22 theo hướng tiếp cận nhau ở trạng thái lướt trên các mặt tạo nên đường rãnh 19 và 19 cùng một lúc để được gài vào trong các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và 23, và các phần nhô ăn khớp 98a và 98a ăn khớp tương ứng với các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 (xem Fig.40).

Bộ nạp 80B đi vào trạng thái trong đó các phần nhô ăn khớp 98a và 98a ăn khớp tương ứng với các hốc lõm ăn khớp 39 và 39, và bộ pin 1 được kẹp từ cả hai phía bên phải và bên trái, và bộ pin 1 được giữ vào bộ nạp 80B. Khi các phần nhô ăn khớp 98a và 98a ăn khớp tương ứng với các hốc lõm ăn khớp 39 và 39, đầu nối 33 được nối đồng thời với phần nối cực 99.

Trong trường hợp giải phóng việc giữ bộ pin 1 bởi bộ nạp 80B, nút thao tác 97a được thao tác và các tay giữ 98 và 98 được di chuyển theo hướng được đặt cách xa nhau để giải phóng trạng thái ăn khớp của các phần nhô ăn khớp 98a và 98a đối với các hốc lõm ăn khớp 39 và 39. Với sự bố trí này, có thể tháo bộ pin 1 và bộ nạp 80B khỏi nhau.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của ví dụ trong đó các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 lần lượt được hở thông đến các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và 23, tuy nhiên các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 có thể lần lượt được hở thông đến các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 và 24. Tuy nhiên, trong trường hợp ở đó các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 lần lượt được hở thông đến các rãnh dẫn hướng 23 và 23, các phần nhô ăn khớp 98a và 98a của bộ nạp 80B được dẫn hướng ở trạng thái được gài vào trong các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và 23, và do đó các phần nhô ăn khớp 98a và 98a có thể ăn khớp một cách chắc chắn với các hốc lõm ăn khớp 39 và 39.

Như được mô tả trên đây, vì các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 mà lần lượt được hở thông đến các bề mặt hướng về các hướng đối diện trong vỏ hộp 2 và với nó các phần nhô ăn khớp 98a và 98a ăn khớp tương ứng được tạo nên, có thể giữ bộ pin 1 bằng cách tạo ra các phần nhô ăn khớp 98a và 98a để ăn khớp tương ứng với các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 từ các phía đối diện, và có thể dễ dàng giữ bộ pin 1 ở trạng thái ổn định.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của ví dụ trong đó các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 được tạo nên trên cả hai phía phải và trái của bộ pin 1. Tuy nhiên, ví dụ, ngoài các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 trên cả hai phía bên phải và bên trái, hốc lõm ăn khớp 39 mà được hở thông đến ít nhất một trong số mặt trên 11 hoặc mặt đáy 12 có thể được tạo nên (xem Fig.41).

Như được mô tả trên đây, khi hốc lõm ăn khớp 39 được hở thông đến mặt trên 11 hoặc mặt đáy 12, mà vuông góc với cả hai bề mặt bên phải và bên trái hướng về các hướng đối diện với nhau, được tạo nên, có thể giữ bộ pin 1 bằng cách tạo ra các phần nhô ăn khớp 98a, 98a, và 98a để ăn khớp tương ứng với các hốc lõm ăn khớp 39, 39, và 39 từ các phía đối diện với nhau và phía vuông góc với các phía đối diện với nhau, và do đó có thể giữ bộ pin 1 ở trạng thái ổn định hơn.

Ngoài ra, mỗi trong số các hốc lõm ăn khớp 39 được tạo nên trong vùng trong đó mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ hai 23 có mặt, và do đó mỗi trong số các phần nhô ăn khớp 98a được dẫn hướng đến rãnh dẫn hướng thứ hai 23 và ăn khớp với hốc lõm ăn khớp 39. Theo đó, có thể thực hiện một cách dễ dàng và đáng tin cậy sự ăn khớp của phần nhô ăn khớp 98a với hốc lõm ăn khớp 39.

Lưu ý rằng, hốc lõm ăn khớp 39 có thể được tạo nên trong vùng trong đó mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 có mặt thay cho vùng trong đó rãnh dẫn hướng thứ hai 23 có mặt (xem Fig.42). Ngoài ra, hốc lõm ăn khớp 39 có thể được tạo nên trong vùng trong đó mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ ba 24 có mặt (xem Fig.43).

Cụ thể là, trong trường hợp ở đó hốc lõm ăn khớp 39 được tạo nên trong vùng trong đó rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 có mặt, hốc lõm ăn khớp 39 có mặt trong vùng trong đó rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 được bố trí trên phía đầu mút cuối theo hướng nối có mặt.

Theo đó, khi bộ pin 1 được lắp vào bộ nạp 80B, phần nhô ăn khớp 98a không cần phải đi qua mặt tạo nên đường rãnh 19, và do đó có thể thực hiện một cách dễ dàng và nhanh chóng sự ăn khớp của phần nhô ăn khớp 98a với hốc lõm ăn khớp 39.

Ngoài ra, khi phần nhô ăn khớp 98a ăn khớp với hốc lõm ăn khớp 39,

các cực điện cực của phần nối cực 99 được nối với các cực nối 35 của đầu nối 33.

Theo đó, sự ăn khớp của phần nhô ăn khớp 98a với hốc lõm ăn khớp 39, và sự nối của các cực điện cực với các cực nối 35 được thực hiện đồng thời, và do đó không cần thiết phải thực hiện việc ăn khớp của phần nhô ăn khớp 98a với hốc lõm ăn khớp 39, và việc nối của các cực điện cực với các cực nối 35 một cách thận trọng. Kết quả là, có thể thực hiện việc nâng cao khả năng làm việc.

Lưu ý rằng, hốc lõm ăn khớp 39 có thể được tạo nên trong vùng khác với vùng trong đó rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, rãnh dẫn hướng thứ hai 23, hoặc rãnh dẫn hướng thứ ba 24 có mặt, hoặc có thể được tạo nên ở trạng thái được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh 19. Ví dụ, các hốc lõm ăn khớp 39 và 39, mà được hở thông ít nhất đến phía hướng xuống và phía hướng ra sau, có thể lần lượt được tạo nên trong các đầu phía dưới ở các đầu phía sau của các mặt tạo nên đường rãnh 19 và 19 (xem Fig.44).

Theo kết cấu trong đó các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 lần lượt được tạo nên trong các đầu phía dưới ở các đầu phía sau của các mặt tạo nên đường rãnh 19 và 19, ví dụ, hai phần duy trì ăn khớp 92 và 92 được bố trí trong bộ nẹp 80 hoặc tương tự, và các phần nhô khóa 92a và 92a của các phần duy trì ăn khớp 92 và 92 lần lượt được khóa vào các mép mở của các hốc lõm ăn khớp 39 và 39, và do đó có thể giữ bộ pin 1 vào bộ nẹp 80 hoặc tương tự.

Trong trường hợp này, các hốc lõm ăn khớp 39 và 39 được bố trí trên phía trước khác so với mặt sau 15 trong bộ pin 1, và do đó các phần nhô khóa 92a và 92a cũng được bố trí trên phía trước theo tỷ lệ tương ứng với vị trí trên phía trước. Kết quả là, chiều dài của bộ nẹp 80 hoặc tương tự theo hướng phía trước và phía sau được rút ngắn, và do đó có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ nẹp 80 hoặc tương tự.

Kết cấu của rãnh nhận dạng hoặc tương tự

Tiếp theo, kết cấu của rãnh nhận dạng 30 hoặc tương tự sẽ được mô tả (xem Fig.45 đến Fig.56).

Như được mô tả trên đây, rãnh nhận dạng 30 bao gồm phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32 mà có các độ dài khác nhau theo

hướng phía trước và phía sau, và phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32 được tạo nên liên tục theo hướng bên phải và bên trái (xem Fig.45 và phần phía trên của Fig.46). Mỗi phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32 đều có khả năng nhận dạng.

Mặt khác, trong bộ pin trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng, rãnh nhận dạng thứ nhất A tương ứng với phần nhận dạng thứ nhất 31 và rãnh nhận dạng thứ hai B tương ứng với phần nhận dạng thứ hai 32 được tạo nên ở trạng thái được đặt cách xa nhau với khoảng không đổi theo hướng bên phải và bên trái (tham khảo phần phía dưới của Fig.46).

Một cách thông thường, chiều rộng của rãnh nhận dạng theo hướng bên phải và bên trái được xác định thích hợp với khả năng chảy của nhựa, mức độ làm chậm khung, và tương tự trong quá trình đúc vỏ hộp.

Ngoài ra, chiều rộng của rãnh nhận dạng được tạo nên theo kích thước mà với nó độ bền của phần nhô nhận dạng mà được gài vào trong rãnh nhận dạng được đảm bảo. Cụ thể là, nếu chiều rộng của rãnh nhận dạng là nhỏ, cần phải giảm bớt chiều rộng của phần nhô nhận dạng để được gài vào trong. Tuy nhiên, khi chiều rộng của phần nhô nhận dạng là nhỏ, độ bền của phần nhô nhận dạng giảm đi, và do đó có khả năng cao là đứt gãy hoặc các vết nứt có thể xảy ra. Theo đó, cần phải thiết đặt chiều rộng đến mức nhất định hoặc lớn hơn để đảm bảo độ bền của phần nhô nhận dạng đến mức nhất định hoặc lớn hơn, và do đó cần phải thiết đặt chiều rộng của rãnh nhận dạng đến mức nhất định hoặc lớn hơn theo tỷ lệ tương ứng với sự gia tăng chiều rộng của phần nhô nhận dạng.

Mặt khác, ví dụ, chiều rộng ngang của hốc lõm lắp 83a trong bộ nẹp 80 được thiết đặt để lớn hơn so với chiều rộng ngang của bộ pin 1 bởi một lề (lề cán nhẵn) để đảm bảo các đặc điểm gài dễ dàng của bộ pin 1 đối với hốc lõm lắp 83a. Theo đó, các kích thước với lề để cho phép sự đưa vào của phần nhô nhận dạng được thực hiện một cách đáng tin cậy cũng cần cho chiều rộng của rãnh nhận dạng. Ngoài ra, chiều rộng của rãnh nhận dạng được thiết đặt đến kích thước mà có xem xét đến dung sai kích thước hoặc dung sai lắp ráp của các phần tương ứng, và chiều rộng của rãnh nhận dạng được xác định mà có xem xét đến các lề.

Ngoài ra, trong bộ pin trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng, khoảng không

đôi H được tạo nên giữa rãnh nhận dạng thứ nhất A và rãnh nhận dạng thứ hai B, và khoảng H cũng cần có độ rộng không đổi hoặc lớn hơn để đảm bảo độ bền không đổi hoặc lớn hơn.

Theo đó, trong bộ pin theo giải pháp kỹ thuật liên quan, khi các chiều rộng của các phần nhô nhận dạng mà lần lượt được gài vào trong rãnh nhận dạng thứ nhất A và rãnh nhận dạng thứ hai B được thiết đặt đến $W1$, chiều rộng của rãnh nhận dạng thứ nhất A và chiều rộng của rãnh nhận dạng thứ hai B trở thành " $W1 + C$ " khi các lè (lè cán nhẵn và lè dung sai) được thiết đặt làm C. Ngoài ra, khoảng H là cần thiết giữa rãnh nhận dạng thứ nhất A và rãnh nhận dạng thứ hai B, và do đó kích thước Wp , mà cần thiết đối với vỏ hộp để tạo nên rãnh nhận dạng thứ nhất A và rãnh nhận dạng thứ hai B, theo hướng bên phải và bên trái được thiết đặt làm " $2W1 + 2C + H$ ".

Mặt khác, trong bộ pin 1, phần nhận dạng thứ nhất 31 tương ứng với rãnh nhận dạng thứ nhất A và phần nhận dạng thứ hai 32 tương ứng với rãnh nhận dạng thứ hai B được tạo nên liên tục theo hướng bên phải và bên trái (tham khảo phần phía trên của Fig.46). Theo đó, rãnh nhận dạng 30 bao gồm phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32 được tạo nên, và do đó kích thước W, mà cần thiết đối với vỏ hộp 2, theo hướng bên phải và bên trái trở thành kích thước " $2W1 + 2C$ " hoặc nhỏ hơn bởi vì khoảng H là không cần thiết.

Ngoài ra, trong rãnh nhận dạng 30, vì phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32 được tạo nên liên tục theo hướng bên phải và bên trái, một lè C giữa các lè 2C là cũng không cần thiết đối với kích thước W, và do đó kích thước W trở thành kích thước " $2W1 + C$ " hoặc nhỏ hơn.

Ngoài ra, một phần của phần nhô nhận dạng, mà được gài vào trong phần nhận dạng thứ hai 32 trên phía chiều dài ngắn, có thể được gài vào trong phần nhận dạng thứ nhất 31, và do đó chiều rộng của phần nhận dạng thứ hai 32 có thể được thiết đặt để nhỏ hơn $W1$. Khi kích thước có khả năng được giảm bớt được thiết đặt làm α , kích thước W trở thành " $2W1 - \alpha + C$ ".

Theo đó, kích thước W, mà cần thiết đối với vỏ hộp 2 để tạo nên rãnh nhận dạng 30, theo hướng bên phải và bên trái giảm đi " $C + H + \alpha$ " từ kích thước Wp , mà cần thiết đối với vỏ hộp trong bộ pin theo giải pháp kỹ thuật liên

quan, theo hướng bên phải và bên trái. Kết quả là, có thể giảm bớt kích thước của bộ pin 1 bởi phần giảm đi.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của rãnh nhận dạng 30 bao gồm phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32 mà có hình dạng chữ nhật như một ví dụ. Tuy nhiên, trong rãnh nhận dạng 30, ví dụ, các mặt đáy sâu 31a và 32a có thể được tạo nên theo hình dạng nghiêng (xem Fig.47). Trong rãnh nhận dạng 30 trong đó các mặt đáy sâu 31a và 32a có hình dạng nghiêng, một phần theo hướng bên phải và bên trái được thiết đặt làm phần nhận dạng thứ nhất 31, và phần còn lại được thiết đặt làm phần nhận dạng thứ hai 32.

Độ chênh lệch bậc không có mặt trong rãnh nhận dạng 30 trong đó các mặt đáy sâu 31a và 32a có hình dạng nghiêng, và do đó có thể dễ dàng tạo nên rãnh nhận dạng 30 trong vỏ hộp 2.

Tiếp theo, ví dụ về các bộ pin 1A và 1B mà có rãnh nhận dạng khác với rãnh nhận dạng của bộ pin 1 sẽ được mô tả (xem Fig.48 và Fig.49).

Như được mô tả trên đây, hai rãnh nhận dạng 30 và 30 được tạo nên trong bộ pin 1 ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau. Ví dụ, bộ pin 1 thuộc về loại dung lượng trung bình trong đó dung lượng nạp lớn nhất là tiêu chuẩn.

Ví dụ, bộ pin 1A thuộc về loại dung lượng cao trong đó dung lượng nạp lớn nhất lớn hơn so với dung lượng nạp lớn nhất của bộ pin 1. Trong bộ pin 1A, một rãnh nhận dạng 30 và một rãnh nhận dạng 30A được tạo nên (xem Fig.48). Rãnh nhận dạng 30A bao gồm phần nhận dạng thứ nhất 31A mà có chiều dài theo hướng phía trước và phía sau dài hơn chiều dài của phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32A.

Ví dụ, bộ pin 1B thuộc về loại dung lượng thấp trong đó dung lượng nạp lớn nhất nhỏ hơn dung lượng nạp lớn nhất của bộ pin 1. Trong bộ pin 1B, một rãnh nhận dạng 30 được tạo nên (xem Fig.49).

Phần tiếp theo mô tả kết cấu ví dụ của phần lắp bộ pin của thiết bị nói mà bộ pin 1, bộ pin 1A, hoặc bộ pin 1B được lắp vào (xem các hình vẽ từ Fig.50 đến Fig.53).

Các ví dụ về thiết bị nói bao gồm camera công suất nhỏ có khả năng hoạt động ở công suất nhỏ, camera công suất trung bình có khả năng hoạt động ở

công suất trung bình lớn hơn so với công suất của camera công suất nhỏ, và camera công suất lớn có khả năng hoạt động ở công suất lớn hơn so với công suất của camera công suất trung bình, và bộ nạp 80.

Phần nổi cực 59 được bố trí trong phần lắp bộ pin của camera công suất nhỏ, và phần nhô nhận dạng mà được gài vào trong rãnh nhận dạng 30 hoặc tương tự không được bố trí (xem Fig.50).

Phần nổi cực 59 được bố trí trong phần lắp bộ pin của camera công suất trung bình, và phần nhô nhận dạng 90B được bố trí trên phía hướng bên của phần nổi cực 59 (xem Fig.51). Phần nhô nhận dạng 90B được thiết đặt đến độ dài có khả năng được gài hoàn toàn vào trong phần nhận dạng thứ nhất 31 hoặc phần nhận dạng thứ nhất 31A.

Phần nổi cực 59 được bố trí trong phần lắp bộ pin của camera công suất lớn, và phần nhô nhận dạng 90C được bố trí trên phía hướng bên của phần nổi cực 59 (xem Fig.52). Phần nhô nhận dạng 90C được thiết đặt đến độ dài mà dài hơn độ dài của phần nhô nhận dạng 90B, và với nó toàn bộ phần nhô nhận dạng 90C không được gài hoàn toàn vào trong phần nhận dạng thứ nhất 31, và có khả năng được gài hoàn toàn vào trong phần nhận dạng thứ nhất 31A.

Như được mô tả trên đây, phần nổi cực 93 được bố trí trong phần lắp bộ pin 83 của bộ nạp 80, và phần nhô nhận dạng 90 được bố trí trên phía hướng bên của phần nổi cực 93 (xem Fig.53). Phần nhô nhận dạng 90 bao gồm phần dài 90a và phần ngắn 90b.

Tiếp theo, ví dụ liên quan đến đặc điểm nhận dạng của các rãnh nhận dạng 30 và 30A được mô tả trên đây sẽ được mô tả (xem Fig.54).

Sau đây, như là một ví dụ, các đặc điểm nhận dạng của bộ pin 1, bộ pin 1A, và bộ pin 1B đối với camera công suất nhỏ, camera công suất trung bình, camera công suất lớn, và bộ nạp 80 sẽ được mô tả. Trên Fig.54, “Y” thể hiện rằng bộ pin có khả năng lắp trong camera hoặc bộ nạp, và “N” thể hiện rằng bộ pin không có khả năng được lắp trong camera hoặc bộ nạp.

Bộ pin loại dung lượng lớn 1A bao gồm rãnh nhận dạng 30 mà được bố trí trên phía bên trái và rãnh nhận dạng 30A mà được bố trí trên phía bên phải, bộ pin loại dung lượng trung bình 1 bao gồm các rãnh nhận dạng 30 và 30 mà

được đặt phía bên cách xa nhau, và bộ pin loại dung lượng nhỏ 1B bao gồm một phần của rãnh nhận dạng 30 mà được bố trí trên phía bên trái.

Camera công suất nhỏ không bao gồm phần nhô nhận dạng trong phần lắp bộ pin, và do đó phần mà được gài vào trong rãnh nhận dạng 30 hoặc 30A không có mặt. Theo đó, bộ pin bất kỳ trong số bộ pin 1, bộ pin 1A, và bộ pin 1B có thể được lắp trong phần lắp bộ pin của camera công suất nhỏ, và nhận dạng được rằng bộ pin bất kỳ trong số bộ pin 1, bộ pin 1A, và bộ pin 1B là bộ pin có khả năng được sử dụng trong camera công suất nhỏ.

Camera công suất trung bình bao gồm phần nhô nhận dạng 90B mà được bố trí trên phía bên phải của phần lắp bộ pin, và phần nhô nhận dạng 90B được thiết đặt để được gài vào trong phần nhận dạng bất kỳ trong số phần nhận dạng thứ nhất 31 của rãnh nhận dạng 30 và phần nhận dạng thứ nhất 31A của rãnh nhận dạng 30A. Phần nhô nhận dạng 90B được gài vào trong phần nhận dạng thứ nhất 31 của rãnh nhận dạng 30 mà được bố trí trên phía bên phải trong bộ pin 1, và phần nhận dạng thứ nhất 31A của rãnh nhận dạng 30A mà được bố trí trên phía bên phải trong bộ pin 1A. Mặt khác, vì rãnh nhận dạng không được tạo nên trên phía bên phải của bộ pin 1B, và do đó phần nhô nhận dạng 90B cản trở bộ pin 1B.

Theo đó, nhận dạng được rằng bộ pin bất kỳ trong số bộ pin 1A và bộ pin 1 có thể được lắp trong phần lắp bộ pin của camera công suất trung bình, nhưng bộ pin 1B không thể được lắp trong phần lắp bộ pin, và bộ pin bất kỳ trong số bộ pin 1A và bộ pin 1 là bộ pin có khả năng được sử dụng trong camera công suất trung bình, và nhận dạng được rằng bộ pin 1B là bộ pin mà không có khả năng được sử dụng trong camera công suất trung bình.

Camera công suất lớn bao gồm phần nhô nhận dạng 90C mà được bố trí trên phía bên phải của phần lắp bộ pin, và phần nhô nhận dạng 90C được thiết đặt để được gài vào trong phần nhận dạng thứ nhất 31A của rãnh nhận dạng 30A. Phần nhô nhận dạng 90C được gài vào trong phần nhận dạng thứ nhất 31A của rãnh nhận dạng 30A mà được bố trí trên phía bên phải trong bộ pin 1A. Mặt khác, phần nhô nhận dạng 90B có thể được gài vào trong phần nhận dạng thứ nhất 31 của rãnh nhận dạng 30 mà được bố trí trên phía bên phải trong bộ pin 1,

nhưng được gài giữa chừng vào phần nhận dạng 31, và do đó các cực điện cực 95 không được nối với các cực nối 35 của đầu nối 33 của bộ pin 1. Ngoài ra, vì rãnh nhận dạng không được bố trí trên phía bên phải của bộ pin 1B, phần nhô nhận dạng 90B cản trở bộ pin 1B.

Theo đó, nhận dạng được rằng bộ pin 1A có thể được lắp trong phần lắp bộ pin của camera công suất lớn, nhưng bộ pin 1 và bộ pin 1B không thể được lắp trong phần lắp bộ pin, bộ pin 1A là bộ pin có khả năng được sử dụng trong camera công suất lớn, và bộ pin 1 và bộ pin 1B là các bộ pin mà không có khả năng được sử dụng trong camera công suất lớn.

Bộ nạp 80 bao gồm phần nhô nhận dạng 90 mà được bố trí trên phía bên trái của phần lắp bộ pin 83, và phần nhô nhận dạng 90 được thiết đặt để được gài vào trong rãnh nhận dạng 30. Phần nhô nhận dạng 90 được gài vào trong rãnh nhận dạng 30 mà được bố trí trên phía bên trái của bộ pin bất kỳ trong số bộ pin 1, bộ pin 1A, và bộ pin 1B.

Theo đó, nhận dạng được rằng bộ pin bất kỳ trong số bộ pin 1, bộ pin 1A, và bộ pin 1B có thể được lắp vào phần lắp bộ pin 83 của bộ nạp 80, và bộ pin bất kỳ trong số bộ pin 1, bộ pin 1A, và bộ pin 1B là bộ pin có khả năng được sử dụng trong bộ nạp 80.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của ví dụ liên quan đến việc nhận dạng các bộ pin thích hợp với sự khác nhau về dung lượng nạp. Tuy nhiên, việc nhận dạng bằng rãnh nhận dạng 30 hoặc tương tự không giới hạn ở nhận dạng thích hợp với sự khác nhau về dung lượng nạp, và cũng áp dụng được cho, ví dụ, nhận dạng liên quan đến các sự khác nhau khác chẳng hạn như sự khác nhau về việc bộ pin là loại có nạp được hay không, và sự khác nhau về tốc độ nạp.

Ngoài ra, phần mô tả được đưa ra của ví dụ của rãnh nhận dạng 30 mà được cấu thành bởi hai phần bao gồm phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32 mà có các độ dài khác nhau, tuy nhiên rãnh nhận dạng 30 có thể bao gồm ba phần nhận dạng trở lên mà có các độ dài khác nhau.

Như được mô tả trên đây, rãnh nhận dạng 30 để thực hiện nhận dạng thiết bị nối được tạo nên trong vỏ hộp 2 của bộ pin 1 (bộ pin 1A hoặc bộ pin 1B), và trong rãnh nhận dạng 30, các phần nhận dạng có các độ dài khác nhau được

tạo nên liên tục.

Theo đó, vì phần mà cách ly các phần nhận dạng không có mặt giữa các phần nhận dạng có các độ dài khác nhau, kích thước theo hướng trong đó các phần nhận dạng của rãnh nhận dạng 30 nối tiếp trở thành tổng kích thước của các phần nhận dạng, và có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ pin 1 trong khi đảm bảo đặc điểm nhận dạng cao.

Ngoài ra, vì phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32 được tạo nên như các phần nhận dạng, kích thước theo hướng trong đó các phần nhận dạng của rãnh nhận dạng 30 nối tiếp trở thành tổng kích thước của phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32, và do đó có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ pin 1 trong khi nâng cao đặc điểm nhận dạng.

Ngoài ra, trong rãnh nhận dạng 30, các phần nhận dạng được tạo nên liên tục theo hướng chiều rộng, kích thước của rãnh nhận dạng 30 theo hướng chiều rộng trở thành tổng kích thước của các phần nhận dạng, và có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ pin 1 theo hướng chiều rộng trong khi nâng cao đặc điểm nhận dạng so với trường hợp ở đó các rãnh nhận dạng được tạo nên để được đặt cách xa nhau theo hướng chiều rộng.

Ngoài ra, trong các phần nhận dạng, chiều dài càng ngắn hơn, chiều rộng càng nhỏ hơn. Ví dụ, trong phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32, chiều rộng của phần nhận dạng thứ hai 32 có độ dài ngắn được thiết đặt để nhỏ hơn chiều rộng của phần nhận dạng thứ nhất 31 có độ dài lớn.

Theo đó, kích thước của rãnh nhận dạng 30 theo hướng chiều rộng trở nên nhỏ hơn tổng chiều rộng trong trường hợp ở đó các phần nhận dạng có chiều rộng tương tự được tạo nên, và do đó có thể thực hiện giảm bớt hơn nữa kích thước của bộ pin 1 theo hướng chiều rộng trong khi nâng cao đặc điểm nhận dạng.

Ngoài ra, vì hai rãnh nhận dạng 30 và 30 được tạo nên ở trạng thái được đặt cách xa nhau theo hướng chiều rộng, có thể thực hiện nhận dạng thiết bị nổi nhờ sử dụng hai rãnh nhận dạng 30 và 30, và có thể tăng thêm loại các thiết bị nổi có khả năng được nhận dạng.

Lưu ý rằng, trong trường hợp này, các hình dạng hoặc các kích thước của

hai rãnh nhận dạng 30 và 30 có thể được thiết đặt để khác nhau.

Ngoài ra, trong mỗi trong số các rãnh nhận dạng 30, phần nhận dạng thứ nhất 31 và phần nhận dạng thứ hai 32 có thể được tạo nên theo các hình dạng khác nhau (xem Fig.55). Ví dụ, trong rãnh nhận dạng 30, phần nhận dạng thứ hai 32 có thể được tạo nên trong không gian có hình dạng gần như cột tam giác, và khi rãnh nhận dạng 30 được tạo nên theo hình dạng này, một phần của vùng của phần nhận dạng thứ hai 32 trong mặt đáy bên trong 30a của rãnh nhận dạng 30 được tạo nên làm bề mặt nghiêng 32c. Bề mặt nghiêng 32c được nghiêng để được dịch chuyển về phía mặt đáy 12 khi nó tiếp cận mặt bên 13 mà được bố trí trên phía đối diện với phần nhận dạng thứ nhất 31 mà nối liền với phần nhận dạng thứ hai 32 theo hướng bên phải và bên trái.

Rãnh nhận dạng 30 là phần mà được tạo nên trong vùng lân cận của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22, và khi rãnh nhận dạng 30 được tạo nên theo hình dạng này, độ dày (độ rộng) của phần giữa rãnh dẫn hướng thứ nhất 22 và rãnh nhận dạng 30 trong vỏ hộp 2 tăng lên, và do đó có thể gia cố phần ở ngoại vi của rãnh dẫn hướng thứ nhất 22.

Ngoài ra, phần mô tả được đưa ra của rãnh nhận dạng 30 trong đó phần nhận dạng thứ nhất 31X và phần nhận dạng thứ hai 32X có các độ dài khác nhau nối liền theo hướng chiều rộng như là một ví dụ, tuy nhiên rãnh nhận dạng 30X có thể được tạo nên thay cho rãnh nhận dạng 30 (xem Fig.56). Rãnh nhận dạng 30X có kết cấu trong đó phần nhận dạng thứ nhất 31X và phần nhận dạng thứ hai 32X mà có các kích thước khác nhau theo hướng phía trên và phía dưới (hướng chiều sâu) nối liền. Ví dụ, phần nhận dạng thứ nhất 31X được thiết đặt để dài hơn phần nhận dạng thứ hai 32X, và phần nhận dạng thứ nhất 31X được tạo nên liên tục trên phía dưới của phần nhận dạng thứ hai 32X.

Lưu ý rằng, như trong rãnh nhận dạng 30, rãnh nhận dạng 30X có thể bao gồm ba phần nhận dạng trở lên có các độ dài khác nhau.

Như được mô tả trên đây, khi các phần nhận dạng được tạo nên liên tục theo hướng chiều sâu, kích thước của rãnh nhận dạng 30X theo hướng chiều sâu trở thành tổng kích thước của các phần nhận dạng, và có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ pin 1 theo hướng chiều sâu (hướng phía trên và phía

dưới) trong khi nâng cao đặc điểm nhận dạng so với trường hợp ở đó các rãnh nhận dạng được tạo nên để được đặt cách xa nhau theo hướng chiều sâu.

Ngoài ra, trong rãnh nhận dạng 30X, khi chiều dài càng ngắn, các độ sâu của các phần nhận dạng có thể được thiết đặt để nhỏ hơn.

Khi rãnh nhận dạng 30X được thiết đặt đến kết cấu được mô tả trên đây, kích thước của rãnh nhận dạng 30X theo hướng chiều sâu trở nên nhỏ hơn tổng chiều sâu trong trường hợp ở đó các phần nhận dạng có chiều sâu tương tự được tạo nên, và do đó có thể thực hiện giảm bớt hơn nữa kích thước của bộ pin 1 theo hướng chiều sâu trong khi nâng cao đặc điểm nhận dạng.

Ví dụ sửa đổi

Sau đây, các ví dụ sửa đổi của các phần tương ứng của bộ pin 1 sẽ được mô tả (xem Fig.57 đến Fig.59).

Ví dụ sửa đổi thứ nhất đề cập đến ví dụ sửa đổi của mặt được tạo hốc lõm (xem Fig.57 và Fig.58). Mặt được tạo hốc lõm 29A theo ví dụ sửa đổi thứ nhất bao gồm các phần vách 29d và 29d. Các phần vách 29d và 29d bao gồm lần lượt các bề mặt nghiêng thứ nhất 40 và 40 mà nối liền với phần đế 29a, các bề mặt trung gian 41 và 41 mà nối liền với các bề mặt nghiêng thứ nhất 40 và 40, và các bề mặt nghiêng thứ hai 42 và 42 mà nối liền với các bề mặt trung gian 41 và 41.

Các bề mặt nghiêng thứ nhất 40 và 40 nối liền với đầu phía trước của phần đế 29a, và được nghiêng theo hướng được đặt cách xa nhau theo hướng bên phải và bên trái khi chúng tiến về phía trước. Các bề mặt trung gian 41 và 41 nối liền với các đầu phía trước của các bề mặt nghiêng thứ nhất 40 và 40, và được tạo nên như các bề mặt hướng về phía trước. Các bề mặt nghiêng thứ hai 42 và 42 nối liền với các mép ngoài của các bề mặt trung gian 41 và 41 theo hướng bên phải và bên trái, và được nghiêng theo hướng được đặt cách xa nhau theo hướng bên phải và bên trái khi chúng tiến về phía trước.

Góc nghiêng của mỗi trong số các bề mặt nghiêng thứ nhất 40 đối với bề mặt trung gian 41 được thiết đặt để lớn hơn so với góc nghiêng của mỗi trong số các bề mặt nghiêng thứ hai 42 đối với bề mặt trung gian 41. Tuy nhiên, góc nghiêng của bề mặt nghiêng thứ nhất 40 đối với bề mặt trung gian 41 có thể

được thiết đặt để nhỏ hơn góc nghiêng của bề mặt nghiêng thứ hai 42 đối với bề mặt trung gian 41, hoặc có thể được thiết đặt để giống như góc nghiêng của bề mặt nghiêng thứ hai 42 đối với bề mặt trung gian 41.

Ngoài ra, chiều rộng của bề mặt nghiêng thứ nhất 40 theo hướng nghiêng của chúng được thiết đặt để lớn hơn so với chiều rộng của bề mặt nghiêng thứ hai 42 theo hướng nghiêng của chúng. Tuy nhiên, chiều rộng của bề mặt nghiêng thứ nhất 40 theo hướng nghiêng của chúng có thể được thiết đặt để nhỏ hơn chiều rộng của bề mặt nghiêng thứ hai 42 theo hướng nghiêng của chúng, hoặc có thể được thiết đặt để giống như chiều rộng của bề mặt nghiêng thứ hai 42 theo hướng nghiêng của chúng.

Khi mặt được tạo hốc lõm 29A bao gồm các phần vách 29d và 29d được tạo nên, độ dày của phần trên phía sau của mỗi trong số các phần vách 29d và 29d trong vỏ hộp 2 theo hướng phía trước và phía sau tăng lên, và do đó có thể thực hiện việc nâng cao độ bền của vỏ hộp 2.

Ví dụ sửa đổi thứ hai đề cập đến ví dụ sửa đổi của đầu nối (xem Fig.59). Đầu nối 33A theo ví dụ sửa đổi thứ hai bao gồm vỏ hộp 34 được tạo nên từ vật liệu không dẫn điện, và các cực nối 35, 35, và 35 được tạo nên từ vật liệu dẫn điện. Các rãnh bố trí cực 36, 36, và 36 trong đó các cực nối 35, 35, và 35 được bố trí được tạo nên trong vỏ hộp 34, tuy nhiên các rãnh định vị 37 và 37 không được tạo nên.

Các cực nối 35, 35, và 35 mà có chức năng như là điện cực dương, điện cực âm, và cực thông tin lần lượt được bố trí trong các rãnh bố trí cực 36, 36, và 36. Lưu ý rằng, trong đầu nối 33A, hai rãnh bố trí cực 36 và 36, hoặc bốn rãnh bố trí cực 36, 36, ... có thể được tạo nên. Trong trường hợp ở đó hai rãnh bố trí cực 36 và 36 được tạo nên trong đầu nối 33A, điện cực dương và điện cực âm lần lượt được bố trí trong hai rãnh bố trí cực 36 và 36. Trong trường hợp ở đó bốn rãnh bố trí cực 36, 36, ... được tạo nên trong đầu nối 33A, điện cực dương, điện cực âm, cực thông tin, và cực giao tiếp lần lượt được bố trí trong bốn rãnh bố trí cực 36, 36,

Trong trường hợp ở đó đầu nối 33A có thể được sử dụng, các rãnh định vị 37 và 37 được tạo nên trên cả hai phía phải và trái của đầu nối 33A trong vỏ

hộp 2.

Khi đầu nối 33A được mô tả trên đây có thể được sử dụng, trong vỏ hộp 2, chiều rộng của phần trên cả hai phía của hốc lõm bố trí 27 theo hướng bên phải và bên trái tăng lên, và có thể thực hiện việc nâng cao độ bền của vỏ hộp 2.

Kết cấu của bộ pin khác

Tiếp theo, kết cấu của bộ pin 1C khác với bộ pin 1 sẽ được mô tả (xem Fig.60 và Fig.61).

Lưu ý rằng, bộ pin 1C dưới đây là khác với bộ pin 1 được mô tả trên đây trong đó đầu nối không có mặt, và các kết cấu của các phần tương ứng khác với đầu nối, các mối quan hệ vị trí của các phần tương ứng, hoặc các kích thước của chúng tương tự như trong bộ pin 1. Theo đó, chỉ các phần khác với các phần trong bộ pin 1 sẽ được mô tả chi tiết, và đối với các phần khác, các số chỉ dẫn tương tự được đưa ra tương tự các phần như trong bộ pin 1, phần mô tả của chúng sẽ được bỏ qua.

Hốc lõm 27C được tạo nên ở đầu phía trước của phần đáy 21 (xem Fig.60). Hốc lõm 27C được tạo nên ở gần như phần trung tâm theo hướng bên phải và bên trái, và được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng xuống.

Hốc lõm 27C được tạo nên bởi mặt được tạo hốc lõm 29C. Mặt được tạo hốc lõm 29C bao gồm phần đế 29e, các phần vách 29b và 29b, và phần trung gian 29c.

Phần đế 29e ở trạng thái hướng về phía hướng ra trước. Các phần vách 29b và 29b lần lượt nối liền tới cả hai đầu bên phải và bên trái của phần đế 29e, và được tạo nên như các bề mặt nghiêng mà được đặt cách xa nhau theo hướng bên phải và bên trái khi chúng tiến về phía trước. Phần trung gian 29c được tạo nên giữa các mép phía dưới của các phần vách 29b và 29b mà hướng về phía hướng xuống.

Các rãnh bố trí cực 36C, 36C, và 36C được tạo nên trong phần mà nối liền với phía sau của hốc lõm 27C trong vỏ hộp 2C ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau. Mỗi trong số các rãnh bố trí cực 36C được hở thông đến phía hướng xuống và phía hướng ra trước, và lỗ thông trên phía trước được tạo nên

trong phần đế 29e. Các cực nối 35, 35, và 35 được giữ vào vỏ hộp 2C trong trạng thái trong đó ít nhất các phần của chúng lần lượt được bố trí trong các rãnh bố trí cực 36C, 36C, và 36C. Trong bộ pin 1C, đầu nối không được bố trí, và các cực nối 35, 35, và 35 được xây dựng làm phần cực.

Các rãnh định vị 37C và 37C, mà lần lượt được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng xuống, được tạo nên trong vỏ hộp 2C trên các phía bên ngoài của các rãnh bố trí cực 36C, 36C, và 36C.

Các phần giữa các rãnh bố trí cực 36C, 36C, và 36C trong vỏ hộp 2C được bố trí làm các sườn cách ly cực 2b và 2b, và các phần giữa các rãnh bố trí cực 36C và 36C và các rãnh định vị 37C và 37C trong vỏ hộp 2C được bố trí làm các sườn liên rãnh 2c và 2c. Chiều rộng của mỗi trong số sườn cách ly cực 2b theo hướng bên phải và bên trái được thiết đặt để lớn hơn so với chiều rộng của mỗi trong số các sườn liên rãnh 2c theo hướng bên phải và bên trái để ngăn chặn tiếp xúc giữa các cực nối 35, 35, và 35.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của ví dụ trong đó các rãnh định vị 37C và 37C được tạo nên ở vị trí mà nối liền với hốc lõm 27C, tuy nhiên các rãnh định vị 37C và 37C có thể lần lượt được tạo nên trên cả hai phía bên phải và bên trái của hốc lõm 27C trong vỏ hộp 2C (xem Fig.61).

Ngoài ra, trong bộ pin 1C, hai rãnh bố trí cực 36C và 36C, hoặc bốn rãnh bố trí cực 36C, 36C, ... có thể được tạo nên như trong bộ pin 1.

Như được mô tả trên đây, trong bộ pin 1C, vì đầu nối không được bố trí, và các rãnh bố trí cực 36C và các rãnh định vị 37C được tạo nên trong vỏ hộp 2C, có thể thực hiện sự giảm bớt về chi phí chế tạo do sự đơn giản của cấu trúc và sự giảm bớt số lượng của các phần.

Kết cấu ví dụ của thiết bị nối khác

Sau đây, đối với ví dụ khác của thiết bị nối mà các bộ pin 1, 1, ... (1A, 1B, và 1C) được nối với, bộ nạp 110 sẽ được mô tả (xem Fig.62). Các (ví dụ, bốn) bộ pin 1, 1, ... có thể được lắp trong bộ nạp 110.

Bộ nạp 110 bao gồm vỏ hộp 111. Vỏ hộp 111 bao gồm phần tấm trên 112 và phần tấm đáy 113 mà được bố trí trên các phía trên và dưới, và phần tấm biên 114 mà được bố trí giữa phần tấm trên 112 và phần tấm đáy 113. Các phần lắp

bộ pin hình dạng hốc lõm 115, 115, ... mà được đặt cách xa nhau theo hướng phía trước và phía sau và theo hướng bên phải và bên trái được tạo nên trong bộ nạp 110.

Mỗi trong số các phần lắp bộ pin 115 có kết cấu tương tự như trong phần lắp bộ pin 83 của bộ nạp 80 (xem Fig.25 và tương tự). Các bộ pin 1, 1, ... có thể tháo được từ các phần lắp bộ pin 115, 115, ..., và khi các bộ pin 1, 1, ... được lắp một cách lần lượt trong các phần lắp bộ pin 115, 115, ..., có thể thực hiện nạp đối với tất cả các bộ pin trong số các bộ pin 1, 1,

Cáp điện (không được minh họa) có thể được nối với bộ nạp 110, và khi cáp điện được nối với bộ nạp 110, có thể thực hiện nạp đối với các bộ pin 1, 1, ... từ nguồn điện thương mại. Lưu ý rằng, các bộ pin 1A, 1B, và 1C được mô tả trên đây có thể cũng được lắp trong các phần lắp bộ pin 115 của bộ nạp 110.

Kết cấu ví dụ của bộ cấp điện

Tiếp theo, bộ cấp điện 116 mà có thể được nối với bộ nạp 110 sẽ được mô tả (xem các hình vẽ từ Fig.62 đến Fig.68).

Bộ cấp điện 116 có thể được nối với bộ nạp 110 qua cáp 300 (xem Fig.62). Bộ cấp điện 116 được nối với một đầu của cáp 300.

Bộ cấp điện 116 có kết cấu trong đó các bộ phận cần thiết lần lượt được bố trí trên phía bên trong và trên phía bên ngoài của vỏ hộp 117 (xem các hình vẽ từ Fig.63 đến Fig.68). Hình dạng bên ngoài của bộ cấp điện 116 được thiết đặt để nhỏ hơn hình dạng bên ngoài của các bộ pin 1, 1A, 1B, và 1C được mô tả trên đây.

Vỏ 117 được tạo nên theo hình dạng về cơ bản là hình hộp chữ nhật, và nắp che hộp (thân trên) 118 và hộp chứa (thân dưới) 119 được ghép theo hướng phía trên và phía dưới. Nắp che hộp 118 được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng xuống. Hộp chứa 119 được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng lên. Trong trạng thái trong đó nắp che hộp 118 và hộp chứa 119 được ghép theo hướng phía trên và phía dưới để tạo thành vỏ hộp 117, không gian bên trong của vỏ hộp 117 được tạo nên làm không gian chứa.

Trong vỏ hộp 117, mặt ngoài 120 bao gồm mặt trên 121, mặt đáy 122, các mặt bên 123 và 123, mặt trước 124, và mặt sau 125, kích thước theo hướng

phía trước và phía sau (hướng chiều dọc) được thiết đặt để lớn hơn so với kích thước theo hướng bên phải và bên trái (hướng chiều rộng), và kích thước theo hướng bên phải và bên trái (hướng chiều rộng) được thiết đặt để lớn hơn so với kích thước theo hướng phía trên và phía dưới (hướng chiều cao). Các bề mặt nghiêng phía trên 126 và 126 lần lượt được tạo nên trong vỏ hộp 117 giữa mặt trên 121 và các mặt bên 123 và 123. Các bề mặt nghiêng phía trên 126 và 126 được dịch chuyển hướng xuống khi chúng tiếp cận các mặt bên 123 và 123 từ mặt trên 121. Các bề mặt nghiêng phía dưới 127 và 127 lần lượt được tạo nên trong vỏ hộp 117 giữa mặt đáy 122 và các mặt bên 123 và 123. Các bề mặt nghiêng phía dưới 127 và 127 được dịch chuyển hướng lên khi chúng tiếp cận các mặt bên 123 và 123 từ mặt đáy 122. Mỗi trong số các bề mặt nghiêng phía trên 126 và 126, và các bề mặt nghiêng phía dưới 127 và 127 được tạo nên theo hình dạng bề mặt phẳng.

Tất cả các mặt trong số mặt trên 121, mặt đáy 122, các mặt bên 123 và 123, mặt trước 124, mặt sau 125, các bề mặt nghiêng phía trên 126 và 126, và các bề mặt nghiêng phía dưới 127 và 127 được tạo nên như các bề mặt bên ngoài 128, 128,

Hốc lõm khóa 129 được tạo nên ở vị trí trên phía đầu phía trước trong đầu phía dưới của vỏ hộp 117. Hốc lõm khóa 129 được hở thông đến phía hướng xuống, phía hướng ra trước, và phía hướng bên (cả hai phía bên phải và bên trái), và bao gồm phần mở đầu được kéo dài phía bên 129a mà được bố trí trên phía trước, và phần cần được gài 129b mà nối liền với phía sau của phần mở đầu 129a. Phần cần được gài 129b được hở thông đến phía hướng xuống và phía hướng ra trước.

Phần cần được gài 129b được bố trí có vấu cần được khóa 130 mà nhô ra đến phía hướng bên. Vấu cần được khóa 130 bao gồm bề mặt nghiêng 130a mà được dịch chuyển đến phía hướng bên khi chúng đi về phía sau, và bề mặt cần được điều chỉnh 130b mà nối liền với đầu phía sau của bề mặt nghiêng 130a và hướng về phía hướng ra sau.

Phần hình dạng hốc lõm 131 mà được hở thông đến phía hướng ra sau và phía hướng bên (cả hai phía bên phải và bên trái) được tạo nên trong đầu phía

sau của vỏ hộp 117. Phần hình dạng hốc lõm 131 được tạo nên ở phần tâm của vỏ hộp 117 theo hướng phía trên và phía dưới. Bề mặt mà tạo nên phần hình dạng hốc lõm 131 và hướng về phía sau được tạo nên làm bề mặt tạo nên lỗ 132. Lỗ nổi được hở thông 132a được tạo nên trong vỏ hộp 117 ở phần tâm của bề mặt tạo nên lỗ 132 theo hướng bên phải và bên trái. Cáp 300 được gài vào trong lỗ nổi 132a, và cáp 300 được nối với bộ cấp điện 116.

Hốc lõm 133 được tạo nên trong đầu phía trước ở đầu phía trên của vỏ hộp 117. Hốc lõm 133 được tạo nên trong phần xấp xỉ một nửa của hốc lõm 133 theo hướng bên phải và bên trái, và được hở thông đến phía hướng lên và phía hướng bên.

Đầu nối ngoài 134 được bố trí trong đầu phía trước ở đầu phía trên của vỏ hộp 117. Đầu nối ngoài 134 được bố trí trên phía bên của hốc lõm 133. Đầu nối ngoài 134 là phần mà được nối với các cực điện cực của thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự như được mô tả sau, có chức năng như phần cực, và bao gồm ít nhất điện cực dương và điện cực âm.

Đầu nối ngoài 134 bao gồm vỏ hộp 135 được tạo nên từ vật liệu không dẫn điện, và các cực nối 136, 136, và 136 được tạo nên từ vật liệu dẫn điện, và các cực nối 136, 136, và 136 được giữ vào vỏ hộp 135 trong trạng thái trong đó ít nhất các phần của chúng lần lượt được bố trí trong các rãnh bố trí cực 137, 137, và 137 được tạo nên trong vỏ hộp 135. Trong mỗi trong số các cực nối 136, một đầu của miếng kim loại bao gồm một cặp phần tiếp xúc mà được phân nhánh phía bên từ phần định trước, và cặp phần tiếp xúc được bố trí trong mỗi trong số các rãnh bố trí cực 137 trong trạng thái trong đó các đầu mút có lực đàn hồi theo hướng sắp tiếp xúc với nhau và tiếp xúc với nhau hoặc tiếp cận nhau.

Các cực nối 136, 136, và 136 lần lượt có chức năng là điện cực dương, điện cực âm, và cực thông tin, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này theo hướng bên phải và bên trái, hoặc cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải.

Cực thông tin được sử dụng để cho thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự nhận biết nhiệt độ bên trong của bộ cấp điện 116, và được sử dụng để cho thiết bị tạo

ảnh hoặc tương tự nhận biết các loại thông tin khác nhau của bộ cấp điện 116 chẳng hạn như lượng nạp dư và thông tin về sự suy giảm của bộ cấp điện 116.

Lưu ý rằng, hai rãnh bố trí cực 137 và 137, và hai cực nối 136 và 136 có thể được bố trí trong đầu nối ngoài 134. Trong trường hợp ở đó hai cực nối 136 và 136 được bố trí, hai cực nối 136 và 136 có chức năng lần lượt như điện cực dương và điện cực âm, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc cách bố trí trong đó điện cực dương và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải. Ngoài ra, bốn rãnh bố trí cực 137, 137, ..., và bốn cực nối 136, 136, ... có thể được bố trí trong đầu nối ngoài 134. Trong trường hợp ở đó bốn cực nối 136, 136, ... được bố trí, bốn cực nối 136, 136, ... lần lượt có chức năng là điện cực dương, điện cực âm, cực thông tin, và cực giao tiếp, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, cực giao tiếp, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, cực giao tiếp, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải, theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực giao tiếp, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực giao tiếp, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải. Cực giao tiếp được sử dụng để cho thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự nhận biết các loại thông tin khác nhau của bộ cấp điện 116 chẳng hạn như lượng nạp dư và thông tin về sự suy giảm của bộ cấp điện 116, và trong trường hợp này, cực thông tin được sử dụng để thông báo cho thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự chỉ về thông tin nhiệt độ.

Các rãnh bố trí cực 137, 137, và 137 được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng lên, và được tạo nên để được đặt phía bên cách xa nhau. Các rãnh định vị 138 và 138 mà lần lượt được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng lên được tạo nên trong vỏ hộp 135 trên phía bên ngoài của các rãnh bố trí cực 137, 137, và 137 theo hướng bên phải và bên trái.

Trong đầu nối ngoài 134, các đầu của các cực nối 136, 136, và 136 trên một phía đều được nối với tấm nền mạch (không được minh họa) mà được bố trí ở bên trong của vỏ hộp 117.

Đầu nối trong 139 được bố trí trong đầu phía trước của vỏ hộp 117 ở phần mà được làm lệch với đầu phía trên. Đầu nối trong 139 được bố trí trên phía dưới của hốc lõm 133 và trên phía hướng bên của đầu nối ngoài 134. Đầu nối trong 139 là phần mà được nối với cực nối của bộ tiếp hợp như được mô tả sau, và có chức năng làm phần cực.

Đầu nối trong 139 bao gồm vỏ hộp 140 mà được tạo nên từ vật liệu không dẫn điện, và các cực nối 141, 141, và 141 mà được tạo nên từ vật liệu dẫn điện, và các cực nối 141, 141, và 141 được giữ vào vỏ hộp 140 trong trạng thái trong đó ít nhất các phần của chúng lần lượt được bố trí trong các rãnh bố trí cực 142, 142, và 142 mà được tạo nên trong vỏ hộp 140. Các cực nối 141, 141, và 141 lần lượt được nối với các cực nối 136, 136, và 136 của đầu nối ngoài 134 bởi tấm nền hoặc liên kết (không được minh họa).

Lưu ý rằng, như các cực nối 141 của đầu nối trong 139, hai phần hoặc bốn phần có thể được bố trí thích hợp với số lượng các cực nối 136 của đầu nối ngoài 134.

Các rãnh bố trí cực 142, 142, và 142 được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng lên, và được tạo nên ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau. Các rãnh định vị 143 và 143 mà lần lượt được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng lên được tạo nên trong vỏ hộp 140 trên phía bên ngoài của các rãnh bố trí cực 142, 142, và 142 theo hướng bên phải và bên trái.

Mỗi trong số các cực nối 141 có thể biến dạng đàn hồi gần như theo hướng bên phải và bên trái, và được giữ vào vỏ hộp 140 ở trạng thái được gài vào trong mỗi trong số các rãnh bố trí cực 142.

Bộ cấp điện 116 có kết cấu được mô tả trên đây được gài vào trong và được lắp trong phần lắp bộ pin 101 mà được tạo nên trong thiết bị tạo ảnh 100 loại A (xem Fig.69). Lưu ý rằng, ví dụ, thiết bị tạo ảnh 100 tương ứng với camera công suất nhỏ được mô tả trên đây (xem Fig.50).

Bộ cấp điện 116 có khả năng được nối với nguồn điện thương mại qua cáp 300 và thiết bị nối (không được minh họa). Trong trường hợp này, điện được cung cấp đến thiết bị tạo ảnh 100 qua thiết bị nối, cáp 300, và bộ cấp điện 116.

Ngoài ra, bộ cấp điện 116 có thể được lắp trong phần lắp bộ pin 101 của

thiết bị tạo ảnh 100 ở trạng thái được nối với bộ nạp 110 mà một hoặc nhiều bộ pin 1 (1A, 1B, và 1C) được lắp vào qua cáp 300, và có thể cung cấp điện của một hoặc nhiều bộ pin 1 (1A, 1B, và 1C) đến thiết bị tạo ảnh 100. Trong trường hợp ở đó các bộ pin 1 (1A, 1B, và 1C) được lắp vào bộ nạp 110, có thể tăng lượng cung cấp điện và thời gian cấp điện đến thiết bị tạo ảnh 100, và do đó trường hợp này phù hợp để chụp ảnh hoặc chụp ảnh động trong thời gian dài.

Kết cấu của bộ tiếp hợp

Tiếp theo, kết cấu của bộ tiếp hợp 150 sẽ được mô tả (xem các hình vẽ từ Fig.70 đến Fig.79).

Bộ tiếp hợp 150 có kết cấu trong đó các bộ phận cần thiết lần lượt được bố trí trên phía bên trong và trên phía bên ngoài của vỏ hộp 151. Hình dạng bên ngoài của bộ tiếp hợp 150 được thiết đặt đến kích thước gần giống như kích thước của hình dạng bên ngoài của các bộ pin 1, 1A, 1B, và 1C được mô tả trên đây.

Vỏ hộp 151 được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng ra sau, và được xây dựng bằng cách ghép nối nắp che hộp (thân trên) 152 và hộp chứa (thân dưới) 153 theo hướng phía trên và phía dưới. Nắp che hộp 152 được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng xuống và phía hướng ra sau. Trong hộp chứa 153, phần ngoại trừ đầu phía sau được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng lên, và đầu phía sau được bố trí như phần hình khuyên 153a mà đi qua hộp chứa 153 theo hướng phía trước và phía sau. Nắp che hộp 152 được ghép với phần được hở thông hướng lên của hộp chứa 153 từ phía hướng lên. Trong trạng thái trong đó nắp che hộp 152 và hộp chứa 153 được ghép để tạo thành vỏ hộp 151, không gian bên trong của vỏ hộp 151 được tạo nên làm không gian chứa.

Trong vỏ hộp 151, mặt ngoài 154 bao gồm mặt trên 155, mặt đáy 156, các mặt bên 157 và 157, mặt trước 158, và mặt sau 159, kích thước theo hướng phía trước và phía sau (hướng chiều dọc) được thiết đặt để lớn hơn so với kích thước theo hướng bên phải và bên trái (hướng chiều rộng), và kích thước theo hướng bên phải và bên trái (hướng chiều rộng) được thiết đặt để lớn hơn so với kích thước theo hướng phía trên và phía dưới (hướng chiều cao). Các bề mặt

ngiêng 160 và 160 được tạo nên trong vỏ hộp 151 một cách lần lượt giữa mặt trên 155 và các mặt bên 157 và 157. Các bề mặt nghiêng 160 và 160 được dịch chuyển hướng xuống khi chúng tiếp cận các mặt bên 157 và 157 từ mặt trên 155. Các phần đỡ tấm 161 và 161 lần lượt được bố trí trên phía mặt trong của vỏ hộp 151 ở các vị trí mà được làm lệch với đầu phía sau trên cả hai phía phải và trái. Các phần đỡ tấm 161 và 161 được dịch chuyển hướng lên khi chúng tiếp cận các mặt bên 157 và 157 từ mặt đáy 156. Mép mở mà được tạo nên trong mặt sau 159 được tạo nên làm mép mở phía sau 163.

Tất cả các mặt trong số mặt trên 155, mặt đáy 156, các mặt bên 157 và 157, mặt trước 158, mặt sau 159, và các bề mặt nghiêng 160 và 160 được tạo nên như các bề mặt bên ngoài 162, 162,

Trong vỏ hộp 151, các mép nghiêng phía trên 163a và 163a được tạo nên trong đầu phía trên của mép mở phía sau 163 ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau, và các mép nghiêng phía dưới 163b và 163b được tạo nên trong đầu phía dưới của mép mở phía sau 163 ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau. Các mép nghiêng phía trên 163a và 163a được tạo nên trong cả hai đầu bên phải và bên trái của mép mở phía sau 163, và được nghiêng một cách tuyến tính để được dịch chuyển hướng lên khi các mép nghiêng phía trên 163a và 163a tiếp cận nhau. Các mép nghiêng phía dưới 163b và 163b được tạo nên trong cả hai đầu bên phải và bên trái của mép mở phía sau 163 và được nghiêng một cách tuyến tính để được dịch chuyển hướng xuống khi các mép nghiêng phía dưới 163b và 163b tiếp cận nhau.

Các rãnh khắc 151a và 151a lần lượt được tạo nên trên cả hai phía phải và trái trong đầu phía dưới của vỏ hộp 151. Mỗi trong số các rãnh khắc 151a được hở thông đến phía hướng bên (phía hướng bên trái hoặc phía hướng bên phải), phía hướng xuống, phía hướng ra trước, và phía hướng ra sau, và bao gồm mặt được tạo nấc 164 mà mở rộng theo hướng phía trước và phía sau trên phía hướng xuống, và mặt tạo nên đường rãnh 165 mà mở rộng theo hướng phía trước và phía sau trên phía hướng bên. Mép ngoài của mặt được tạo nấc 164 nối liền với mép phía dưới của mặt bên 157. Mép phía trên của mặt tạo nên đường rãnh 165 nối liền với mép trong của mặt được tạo nấc 164, và mép phía dưới của

chúng nối liền với mép bên của mặt đáy 156. Mặt được tạo nấc 164 và mặt tạo nên đường rãnh 165 đều được tạo nên một cách nối liền qua vùng từ mặt trước 158 đến mặt sau 159.

Mặt được tạo nấc 164 và mặt đáy 156 được tạo nên như các bề mặt phẳng mà về cơ bản song song với nhau, và một phần của mặt tạo nên đường rãnh 165 ngoại trừ đầu phía trước, và mặt bên 157 được tạo nên như các bề mặt phẳng mà về cơ bản song song với nhau. Các đầu phía trước của các mặt tạo nên đường rãnh 165 và 165 được tạo nên như các bề mặt cong lồi ra ngoài 165a và 165a mà được dịch chuyển theo hướng tiếp cận nhau như là các đầu phía trước tiếp cận mặt trước 158.

Như được mô tả trên đây, trong bộ tiếp hợp 150, vì các đầu phía trước của các mặt tạo nên đường rãnh 165 và 165 lần lượt được tạo nên như là các bề mặt cong 165a và 165a, sự tập trung ứng suất ít có khả năng xảy ra hơn, và các đầu phía trước ít có khả năng tiếp xúc với mặt đất hoặc giống như trong trường hợp bị rơi, hoặc tương tự. Kết quả là, có thể thực hiện giảm thiểu tác động, và có thể giảm bớt sự xảy ra nứt vỡ.

Vỏ hộp 151 bao gồm phần thân chính 166 mà là một phần trên phía trên so với bề mặt ảo bao gồm các mặt được tạo nấc 164 và 164, và phần đáy 167 mà là một phần trên phía dưới so với bề mặt ảo. Các mặt được tạo nấc 164 và 164 được bao gồm trong phần thân chính 166. Chiều rộng phía bên của phần đáy 167 được thiết đặt để nhỏ hơn chiều rộng phía bên của phần thân chính 166, và khoảng cách giữa các mặt bên 157 và 157 theo hướng bên phải và bên trái được thiết đặt để lớn hơn so với khoảng cách giữa các mặt tạo nên đường rãnh 165 và 165.

Các rãnh dẫn hướng 168 và 168 lần lượt được tạo nên trên cả hai phía phải và trái của phần đáy 167. Mỗi trong số các rãnh dẫn hướng 168 được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh 165. Rãnh dẫn hướng 168 được tạo nên trong đầu phía trước của phần đáy 167, và được hở thông đến phía hướng bên và phía hướng ra trước.

Hốc lõm bố trí 169 được tạo nên trong đầu phía dưới ở đầu phía trước của phần đáy 167. Hốc lõm bố trí 169 được tạo nên ở gần như phần trung tâm

theo hướng bên phải và bên trái, và được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng xuống. Lỗ bố trí 170, mà thông với các phần khác với đầu phía trước của hốc lõm bố trí 169 và đi qua vỏ hộp 151 theo hướng phía trên và phía dưới, được tạo nên trong vỏ hộp 151.

Mép phía trên 168a của rãnh dẫn hướng 168 được bố trí trên phía dưới so với mặt được tạo nấc 164, và một phần của mặt tạo nên đường rãnh 165 có mặt giữa rãnh dẫn hướng 168 và mặt được tạo nấc 164. Theo đó, khoảng cách từ đầu phía dưới của mặt tạo nên đường rãnh 165 đến mép phía trên 168a của rãnh dẫn hướng 168 được thiết đặt để nhỏ hơn khoảng cách từ đầu phía trên của mặt tạo nên đường rãnh 165 đến đầu phía dưới của chúng. Ngoài ra, khoảng cách theo chiều thẳng đứng (chiều rộng rãnh) của rãnh dẫn hướng 168 có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn khoảng cách từ đầu phía trên của mặt tạo nên đường rãnh 165 đến mép phía trên 168a, và khoảng cách theo chiều thẳng đứng của rãnh dẫn hướng 168 có thể giống như khoảng cách từ đầu phía trên của mặt tạo nên đường rãnh 165 đến mép phía trên 168a. Mép phía dưới 168b của rãnh dẫn hướng 168 được bố trí trên phía trên so với mép phía dưới của mặt tạo nên đường rãnh 165.

Hốc lõm bố trí 169 được tạo nên bởi mặt được tạo hốc lõm 171 (xem Fig.71). Mặt được tạo hốc lõm 171 bao gồm phần đế 171a, các phần vách 171b và 171b, và phần trung gian 171c.

Phần đế 171a được tạo nên theo hình dạng chữ U bên mà được hở thông đến phía hướng ra trước, và ở trạng thái hướng về hướng chiều ngang. Các phần vách 171b và 171b đều nối liền với đầu phía trước của phần đế 171a, và được tạo nên như các bề mặt nghiêng mà được đặt cách xa nhau theo hướng bên phải và bên trái khi chúng tiến về phía hướng ra trước. Nghĩa là, phần vách 171b trên phía bên trái được tạo nên làm bề mặt nghiêng mà tiếp cận mặt bên 157 trên phía bên trái khi nó tiến về phía hướng ra trước, và phần vách 171b trên phía bên phải được tạo nên làm bề mặt nghiêng mà tiếp cận mặt bên 157 trên phía bên phải khi nó tiến về phía hướng ra trước. Lưu ý rằng, trong các phần vách 171b và 171b, một phần vách 171b có thể được tạo nên làm bề mặt nghiêng, và phần vách 171b còn lại có thể được tạo nên làm bề mặt mà không nghiêng và hướng về phía hướng bên trái hoặc phía hướng bên phải. Phần trung gian 171c

hướng về phía hướng xuống và được tạo nên giữa các mép phía trên của các phần vách 171b và 171b. Ví dụ, các phần vách 171b và 171b được nghiêng 45 độ đối với bề mặt mà hướng về hướng bên phải và bên trái.

Phần trung gian 171c được bố trí trên phía hướng xuống so với mặt được tạo nấc 164, được bố trí ở độ cao gần giống như độ cao của rãnh dẫn hướng 168, hoặc được bố trí trên phía hướng xuống một chút so với mép phía trên 168a. Tuy nhiên, phần trung gian 171c có thể được bố trí trên phía hướng lên so với mép phía trên 168a.

Lưu ý rằng, như trong phần vách 29d được bố trí trong mặt được tạo hốc lõm được mô tả trên đây 29A (xem Fig.57 và Fig.58), mỗi trong số các phần vách 171b có thể được tạo nên theo hình dạng bao gồm bề mặt nghiêng thứ nhất, bề mặt trung gian mà nối liền với bề mặt nghiêng thứ nhất, và bề mặt nghiêng thứ hai mà nối liền với bề mặt trung gian.

Rãnh nhận dạng 172 được tạo nên trong đầu phía trước của phần đáy 167 trên phía hướng bên của mặt được tạo hốc lõm 171 (xem Fig.71 và Fig.74). Rãnh nhận dạng 172 có chức năng như rãnh chức năng có chức năng định trước, và nhận dạng, ví dụ, loại thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự. Lưu ý rằng, rãnh chức năng không giới hạn ở rãnh nhận dạng 172. Đối với rãnh chức năng, ví dụ, các đường rãnh có chức năng khác với nhận dạng có thể được tạo nên thay cho rãnh nhận dạng 172. Các ví dụ về các đường rãnh bao gồm rãnh định vị mà thực hiện việc định vị đối với thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự, và rãnh phát hiện hoặc tương tự mà phát hiện trạng thái nổi hoặc tương tự của thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự.

Tuy nhiên, khi chức năng định trước là chức năng nhận dạng để nhận dạng loại thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự, loại thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự được nhận dạng bởi rãnh chức năng. Khi bộ tiếp hợp được lắp trong thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự, hoặc bộ tiếp hợp đi vào trạng thái không được lắp trong thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự, có thể nhận dạng một cách dễ dàng loại thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự mà bộ tiếp hợp được nối với.

Lưu ý rằng, chức năng định trước có thể là chức năng nhận dạng loại của chính bộ tiếp hợp.

Trong rãnh nhận dạng 172, phần nhận dạng thứ nhất 173 và phần nhận

dạng thứ hai 174 mà có các độ dài khác nhau theo hướng phía trước và phía sau được tạo nên liên tục theo hướng bên phải và bên trái.

Phần nhận dạng thứ nhất 173 và phần nhận dạng thứ hai 174 lần lượt có chức năng là phần chức năng thứ nhất và phần chức năng thứ hai.

Trong số các bề mặt mà cấu thành rãnh nhận dạng 172, bề mặt mà được bố trí trên phía trên và hướng về phía hướng xuống được tạo nên làm mặt đáy bên trong 172a. Mặt đáy bên trong 172a được bố trí trên phía hướng xuống so với phần trung gian 171c là bề mặt mà được bố trí trên phía trên trong mặt được tạo hốc lõm 171 và hướng về phía hướng xuống. Theo đó, độ sâu của rãnh nhận dạng 172 theo hướng phía trên và phía dưới nông hơn độ sâu của hốc lõm bố trí 169 theo hướng phía trên và phía dưới. Mặt đáy bên trong 172a được bố trí trên phía hướng xuống so với mép phía trên 168a của rãnh dẫn hướng 168 và mặt được tạo nấc 164. Ngoài ra, mặt đáy bên trong 172a được bố trí trên phía hướng lên so với mép phía dưới 168b của rãnh dẫn hướng 168. Tuy nhiên, mặt đáy bên trong 172a có thể được bố trí trên phía hướng xuống so với mép phía dưới 168b, hoặc có thể được bố trí ở độ cao giống như độ cao của mép phía dưới 168b.

Trong số các bề mặt mà cấu thành rãnh nhận dạng 172, bề mặt mà được bố trí trên phía sau trong phần nhận dạng thứ nhất 173 và hướng về phía hướng ra trước được tạo nên làm mặt đáy sâu 173a, và bề mặt mà được bố trí trên phía sau trong phần nhận dạng thứ hai 174 và hướng về phía hướng ra trước được tạo nên làm mặt đáy sâu 174a. Mặt đáy sâu 173a được bố trí trên phía hướng ra trước so với bề mặt, mà được bố trí trên phía sau cùng trong phần đế 171a và hướng về phía hướng ra trước, trong mặt được tạo hốc lõm 171. Các mặt đáy sâu 173a và 174a được bố trí trên phía hướng ra trước so với mép sau của rãnh dẫn hướng 168. Tuy nhiên, các mặt đáy sâu 173a và 174a có thể được bố trí trên phía hướng ra sau so với mép đầu phía sau của rãnh dẫn hướng 168 hoặc có thể được bố trí ở vị trí giống như vị trí của mép đầu phía sau của rãnh dẫn hướng 168 theo hướng phía trước và phía sau.

Phần nhận dạng thứ nhất 173 có chiều dài lớn hơn chiều dài của phần nhận dạng thứ hai 174 theo hướng phía trước và phía sau, mặt đáy sâu 173a được bố trí trên phía hướng ra sau một chút so với mặt đáy sâu 174a, và phần

nhận dạng thứ nhất 173 được bố trí trên phía hốc lõm bố trí 169 khác so với phần nhận dạng thứ hai 174. Chiều rộng của phần nhận dạng thứ hai 174 theo hướng bên phải và bên trái được thiết đặt để nhỏ hơn chiều rộng của phần nhận dạng thứ nhất 173 theo hướng bên phải và bên trái.

Phần vách trong 176 được tạo nên trong hộp chứa 153 trên phía ngay sau của phần tấm bề mặt trước 175 (xem Fig.78 và Fig.79). Phần vách trong 176 bao gồm phần che 176a mà hướng về xấp xỉ hướng phía trước và phía sau, và phần gắn tầm nền 176b mà nhô ra đến phía hướng ra sau từ một phần của đầu phía trên trong phần che 176a. Không gian phía trước 153b được tạo nên ở bên trong của hộp chứa 153 giữa phần che 176a và phần tấm bề mặt trước 175. Không gian phía dưới 153c được tạo nên giữa phần che 176a và phần tấm mặt đáy 177.

Hốc lõm đỡ được kéo dài phía bên 177a mà được hở thông đến phía hướng xuống và lỗ nối 177b mà thông với hốc lõm đỡ 177a được tạo nên trong phần tấm mặt đáy 177 của vỏ hộp 151 (xem Fig.71 và Fig.74). Lỗ nối 177b thông với một phần của hốc lõm đỡ 177a và đi qua phần tấm mặt đáy 177 theo hướng phía trên và phía dưới.

Cần khóa 178 được đỡ để phần tấm mặt đáy 177 di chuyển được theo hướng bên phải và bên trái. Cần khóa 178 bao gồm phần tấm thao tác 179 mà hướng về hướng phía trên và phía dưới, phần nhô nối 180 mà nhô lên trên từ phần tấm thao tác 179, và phần nhô khóa 181 mà nhô lên trên từ phần nhô nối 180 (xem Fig.71 và Fig.78). Phần nhô khóa 181 bao gồm mặt trượt 181a mà được dịch chuyển đến phía hướng bên khi nó tiến về phía hướng ra trước, và mặt khóa 181b mà nối liền với đầu phía trước của mặt trượt 181a và hướng về phía hướng ra trước.

Cần khóa 178 di chuyển được theo hướng bên phải và bên trái trong trạng thái trong đó phần tấm thao tác 179 được gài vào trong hốc lõm đỡ 177a của phần tấm mặt đáy 177. Mặt phía dưới của phần tấm thao tác 179 và mặt đáy 156 được bố trí để bằng phẳng với nhau, và phần tấm thao tác 179 ở trạng thái không nhô ra hướng xuống từ mặt đáy 156. Theo đó, chiều cao của bộ tiếp hợp 150 theo hướng phía trên và phía dưới không tăng lên, và do đó đạt được sự giảm bớt kích thước.

Trong cần khóa 178, phần nhô nổi 180 được gài vào trong lỗ nổi 177b, và phần nhô khóa 181 được bố trí trên phía trên của phần tấm mặt đáy 177. Cần khóa 178 được làm lệch với một hướng theo hướng bên phải và bên trái bởi lò xo (không được minh họa). Một mép đầu của phần tấm thao tác 179 theo hướng bên phải và bên trái được ép vào một mép mở của hốc lõm đỡ 177a theo hướng bên phải và bên trái bởi lực làm lệch của lò xo, và do đó sự di chuyển của phần tấm thao tác 179 được điều chỉnh.

Trong cần khóa 178, phần nhô nổi 180 được nối với tấm trượt 182. Tấm trượt 182 được tạo nên theo hình dạng tấm gần phẳng mà hướng về hướng phía trên và phía dưới. Tấm trượt 182 có thể di chuyển tích hợp với cần khóa 178 theo hướng bên phải và bên trái đối với phần tấm mặt đáy 177, và được làm lệch với hướng giống như trong cần khóa 178 bởi lực làm lệch của lò xo.

Tấm ép 183 được bố trí ở bên trong của hộp chứa 153 (xem Fig.78 và Fig.79). Một phần của tấm ép 183 được gắn vào hộp chứa 153 bằng vít hoặc tương tự. Tấm ép 183 bao gồm phần mặt tiếp nhận kéo dài phía bên 184 mà hướng về hướng phía trước và phía sau, và các phần mặt ép 185 và 185 mà nhô ra phía sau từ cả hai đầu bên phải và bên trái của phần mặt tiếp nhận 184.

Phần đoạn tiếp nhận 184a, mà có thể biến dạng đàn hồi gần như theo hướng phía trước và phía sau, được bố trí ở phần tâm của phần mặt tiếp nhận 184. Các đầu phía sau của các phần mặt ép 185 và 185 được đỡ một cách lần lượt để các phần đỡ tấm 161 và 161 được bố trí trên cả hai phần phía bên của vỏ hộp 151 theo cách bố trí được. Các phần mặt ép 185 và 185 biến dạng đàn hồi được đối với phần mặt tiếp nhận 184 để được dịch chuyển phía bên, và các phần ép 185a và 185a, mà nhô ra theo hướng tiếp cận nhau, được bố trí ở các vị trí mà được làm lệch với đầu phía sau.

Tấm nền thứ nhất 186 được gắn vào mặt phía trên của phần gắn tấm nền 176b của phần vách trong 176 mà được bố trí ở bên trong của vỏ hộp 151. Tấm nền thứ hai 187 được bố trí trong không gian phía dưới 153c mà được tạo nên trên phía dưới của phần vách trong 176. Ví dụ, ba phần cực được tạo nên trong mỗi trong số tấm nền thứ nhất 186 và tấm nền thứ hai 187. Ba phần cực được tạo nên trong tấm nền thứ nhất 186 và ba phần cực được tạo nên trong tấm nền

thứ hai 187 lần lượt được nối bởi các dây điện 188, 188, và 188. Các dây điện 188, 188, và 188 được bố trí trong không gian phía trước 153b mà được tạo nên ở phía trước phần vách trong 176.

Lưu ý rằng, ba phần cực trong tấm nền thứ nhất 186 và ba phần cực trong tấm nền thứ hai 187 có thể được nối bởi bảng mạch in dẻo.

Đầu nối role 189 được gắn vào mặt phía dưới của phần gắn tấm nền 176b của phần vách trong 176 (xem Fig.73 và Fig.76). Đầu nối role 189 là phần mà đầu nối trong 139 của bộ cấp điện 116 được nối với, và có chức năng như phần cực.

Đầu nối role 189 bao gồm vỏ hộp 190 mà được tạo nên bởi vật liệu không dẫn điện, và các cực nối 191, 191, và 191 mà được tạo nên từ vật liệu dẫn điện. Trong đầu nối role 189, các đầu của các cực nối 191, 191, và 191 trên một phía lần lượt được nối với các phần cực của tấm nền thứ nhất 186.

Lưu ý rằng, như các cực nối 191 của đầu nối role 189, hai phần hoặc bốn phần có thể được bố trí thích hợp với nhiều cực nối 141 của đầu nối trong 139 trong bộ cấp điện 116.

Đầu nối nối 192 được bố trí trong hốc lõm bố trí 169 của vỏ hộp 151 (xem Fig.71 và Fig.74). Đầu nối nối 192 được bố trí ở phần tâm của vỏ hộp 151 theo hướng bên phải và bên trái. Đầu nối nối 192 là phần mà được nối với các cực điện cực của thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự, và có chức năng như phần cực.

Đầu nối nối 192 bao gồm vỏ hộp 193 mà được tạo nên từ vật liệu không dẫn điện và các cực nối 194, 194, và 194 mà được tạo nên từ vật liệu dẫn điện, và các cực nối 194, 194, và 194 được giữ vào vỏ hộp 193 trong trạng thái trong đó ít nhất các phần của chúng lần lượt được bố trí trong các rãnh bố trí cực 195, 195, và 195 mà được tạo nên trong vỏ hộp 193.

Trong mỗi trong số các cực nối 194, một đầu của miếng kim loại bao gồm một cặp phần tiếp xúc mà được phân nhánh phía bên từ phần định trước, và cặp phần tiếp xúc được bố trí trong mỗi trong số các rãnh bố trí cực 195 trong trạng thái trong đó các đầu mút có lực đàn hồi theo hướng sắp tiếp xúc với nhau và tiếp xúc với nhau hoặc tiếp cận nhau.

Các cực nối 194, 194, và 194 lần lượt có chức năng là điện cực dương,

điện cực âm, và cực thông tin, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này theo hướng bên phải và bên trái, hoặc cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải.

Các rãnh bố trí cực 195, 195, và 195 được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng xuống, và được tạo nên để được đặt phía bên cách xa nhau. Các rãnh định vị 196 và 196 mà lần lượt được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng xuống được tạo nên trong vỏ hộp 193 trên phía bên ngoài của các rãnh bố trí cực 195, 195, và 195 theo hướng bên phải và bên trái.

Bề mặt của mỗi trong số các rãnh bố trí cực 195 trên phía mặt trên cùng 155, và bề mặt của mỗi trong số các rãnh định vị 196 trên phía mặt trên cùng 155 lần lượt được tạo nên làm các mặt đáy bên trong 195a và 196a, và các vị trí của các mặt đáy bên trong 195a và 196a theo hướng phía trên và phía dưới được thiết đặt để gần như giống nhau. Các mặt đáy bên trong 195a và 196a được bố trí trên phía hướng xuống so với mặt được tạo nấc 164. Ngoài ra, các mặt đáy bên trong 195a và 196a được bố trí trên phía hướng xuống so với mép phía trên 168a của rãnh dẫn hướng 168 và được bố trí trên phía hướng lên so với mép phía dưới 168b của rãnh dẫn hướng 168.

Mỗi trong số các cực nối 194 có thể biến dạng đàn hồi gần như theo hướng bên phải và bên trái, và được giữ vào vỏ hộp 193 ở trạng thái được gài vào trong mỗi trong số các rãnh bố trí cực 195.

Lưu ý rằng, như các cực nối 194 của đầu nối nối 192, hai phần hoặc bốn phần có thể được bố trí thích hợp với số lượng các cực nối 191 của đầu nối role 189.

Trong trường hợp ở đó hai cực nối 194 và 194 được bố trí, hai cực nối 194 và 194 có chức năng lần lượt như điện cực dương và điện cực âm, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc cách bố trí trong đó điện cực dương và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải. Ngoài ra, bốn rãnh bố trí cực 195, 195, ..., và bốn cực nối 194, 194, ... có thể được bố trí trong đầu nối nối 192. Trong trường hợp ở đó bốn cực nối 194, 194, ... được bố trí, bốn cực nối

194, 194, ... lần lượt có chức năng là điện cực dương, điện cực âm, cực thông tin, và cực giao tiếp, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, cực giao tiếp, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, cực giao tiếp, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải, theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực giao tiếp, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực giao tiếp, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải.

Các đầu của các cực nối 194, 194, và 194 trên một phía lần lượt được nối với các phần đầu của tám nền thứ hai 187. Theo đó, các cực nối 194, 194, và 194 của đầu nối nối 192 lần lượt được nối với các cực nối 191, 191, và 191 của đầu nối role 189 qua tám nền thứ hai 187, các dây điện 188, 188, và 188, và tám nền thứ nhất 186.

Như được mô tả trên đây, trong bộ tiếp hợp 150, bề mặt mà tạo nên hốc lõm bố trí 169 của vỏ hộp 151 được tạo nên như mặt được tạo hốc lõm 171, và phần trung gian 171c mà là một phần của mặt được tạo hốc lõm 171 có mặt giữa mặt trước 158 của mặt ngoài 154 và đầu nối nối 192.

Theo đó, vì đầu nối nối 192 được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 151 so với mặt trước 158 của vỏ hộp 151, sự xảy ra nứt vỡ hoặc hư hỏng của đầu nối nối 192 khi bị rơi hoặc tương tự được giảm bớt.

Cụ thể là, lực tác động do tác động rơi ít có khả năng được truyền đến đầu nối nối 192, và do đó các vết nứt ít có khả năng xảy ra trong mối hàn để nối các cực nối 194 vào tám nền mạch hoặc tương tự, và có thể giảm bớt sự xuất hiện của sự cố nối điện.

Ngoài ra, vì sự xảy ra nứt vỡ hoặc hư hỏng của đầu nối nối 192 được giảm bớt, các cực nối 194 ít có khả năng bị hở từ vỏ hộp 193, và có thể đảm bảo chất lượng cao của đầu nối nối 192.

Lưu ý rằng, phần mô tả được đưa ra của ví dụ trong đó đầu nối nối 192 được bố trí trên phía hướng ra sau so với mặt trước 158 của vỏ hộp 151. Tuy nhiên, ví dụ, đầu nối nối 192 có thể được bố trí trên phía hướng lên so với mặt

đáy 156 của vỏ hộp 151.

Như được mô tả trên đây, ngay cả trong trường hợp ở đó đầu nổi nổi 192 được bố trí trên phía hướng lên so với mặt đáy 156 của vỏ hộp 151, có thể giảm bớt hơn nữa sự xảy ra nứt vỡ hoặc hư hỏng của đầu nổi nổi 192 khi bị rơi hoặc tương tự.

Thao tác gắn và tháo của bộ cấp điện vào và ra khỏi bộ tiếp hợp

Như được mô tả trên đây, bộ cấp điện 116 có khả năng được lắp trong phần lắp bộ pin 101 được tạo nên trong thiết bị tạo ảnh 100 loại A, và có thể cũng được sử dụng ở trạng thái được lắp trong bộ tiếp hợp 150.

Bộ cấp điện 116 được gài vào trong bộ tiếp hợp 150 từ phía hướng ra sau (xem Fig.62 và Fig.80). Tại thời điểm này, cả hai mép nghiêng phía trên 163a và 163a và các mép nghiêng phía dưới 163b và 163b mà được tạo nên trong mép mở phía sau 163 của vỏ hộp 151 trong bộ tiếp hợp 150 được nghiêng theo hình dạng tuyến tính, và cả hai bề mặt nghiêng phía trên 126 và 126 và các bề mặt nghiêng phía dưới 127 và 127 của bộ cấp điện 116 được tạo nên theo hình dạng bề mặt phẳng. Các mép nghiêng phía trên 163a và 163a, các bề mặt nghiêng phía trên 126 và 126, các mép nghiêng phía dưới 163b và 163b, và các bề mặt nghiêng phía dưới 127 và 127 đều được tạo nên theo các hình dạng mà không giao nhau (xem Fig.81). Theo đó, bộ cấp điện 116 được gài vào trong một cách trơn tru từ mép mở phía sau 163 của bộ tiếp hợp 150.

Khi bộ cấp điện 116 được gài vào trong bộ tiếp hợp 150, các mặt bên 123 và 123 trượt trên các phần ép 185a và 185a của tấm ép 183 trong bộ tiếp hợp 150, và do đó các phần mặt ép 185 và 185 được ép và được mở rộng theo hướng được đặt cách xa nhau (xem Fig.82). Theo đó, các phần mặt ép 185 và 185 được biến dạng đàn hồi theo hướng được đặt cách xa nhau.

Tại thời điểm này, phần nhô khóa 181 của cần khóa 178 trong bộ tiếp hợp 150 lần lượt được gài vào trong từ phần mở đầu 129a của hốc lõm khóa 129 đến phần cần được gài 129b trong bộ cấp điện 116, bề mặt nghiêng 130a của vấu cần được khóa 130 trượt trên mặt trượt 181a của phần nhô khóa 181 trong cần khóa 178, và cần khóa 178 và tấm trượt 182 di chuyển tích hợp đến một phía theo hướng bên chống lại lực làm lệch của lò xo.

Ngoài ra, bộ cấp điện 116 được gài vào trong đến phía chiều sâu của bộ tiếp hợp 150, bề mặt nghiêng 130a của vấu cần được khóa 130 trèo qua mặt trượt 181a của phần nhô khóa 181, cần khóa 178 và tấm trượt 182 di chuyển tích hợp đến phía còn lại theo hướng bên do lực làm lệch của lò xo, và mặt khóa 181b của phần nhô khóa 181 được khóa vào bề mặt cần được điều chỉnh 130b của vấu cần được khóa 130 (xem Fig.83). Theo đó, sự di chuyển về phía sau của bộ cấp điện 116 đối với bộ tiếp hợp 150 được điều chỉnh bởi cần khóa 178, và bộ cấp điện 116 được khóa vào bộ tiếp hợp 150 (xem Fig.83 và Fig.84).

Trong trạng thái trong đó bộ cấp điện 116 được khóa vào bộ tiếp hợp 150, mặt trước 124 của bộ cấp điện 116 được ép vào phần đoạn tiếp nhận 184a của tấm ép 183 trong bộ tiếp hợp 150, và phần đoạn tiếp nhận 184a được biến dạng đàn hồi (xem Fig.83). Ngoài ra, các phần mặt ép 185 và 185 được ép trong trạng thái trong đó các phần ép 185a và 185a lần lượt được biến dạng đàn hồi lên các mặt bên 123 và 123 của bộ cấp điện 116. Theo đó, bộ cấp điện 116 lần lượt được ép vào phần đoạn tiếp nhận 184a và các phần ép 185a và 185a của tấm ép 183 từ phía hướng ra trước và phía hướng bên, và do đó bộ cấp điện 116 được giữ và được lắp trong bộ tiếp hợp 150 ở trạng thái ổn định.

Như được mô tả trên đây, trong trạng thái trong đó bộ cấp điện 116 được lắp trong bộ tiếp hợp 150, các cực nối 141, 141, và 141 của đầu nối trong 139 trong bộ cấp điện 116 lần lượt được nối với các cực nối 191, 191, và 191 của đầu nối role 189 trong bộ tiếp hợp 150. Theo đó, các cực nối 141, 141, và 141 của đầu nối trong 139 lần lượt được nối với các cực nối 194, 194, và 194 của đầu nối nối 192 qua các cực nối 191, 191, và 191 của đầu nối role 189, tấm nền thứ nhất 186, các dây điện 188, 188, và 188, và tấm nền thứ hai 187.

Như được mô tả trên đây, bộ tiếp hợp 150 mà bộ cấp điện 116 được lắp vào được gài vào trong phần lắp bộ pin 201 được tạo nên trong thiết bị tạo ảnh 200 loại B và được lắp ở đó (xem Fig.85). Thiết bị tạo ảnh 200 loại B bao gồm thiết bị tạo ảnh 50 được mô tả trên đây. Lưu ý rằng, ví dụ, thiết bị tạo ảnh 200 tương ứng với camera công suất trung bình được mô tả trên đây (xem Fig.51).

Bộ cấp điện 116 có thể được nối với nguồn điện thương mại qua cáp 300 và thiết bị nối (không được minh họa). Trong trường hợp này, điện từ nguồn

điện thương mại được cung cấp đến thiết bị tạo ảnh 200 qua thiết bị nối, cáp 300, bộ cấp điện 116, và bộ tiếp hợp 150.

Ngoài ra, bộ cấp điện 116 được lắp trong phần lắp bộ pin 201 của thiết bị tạo ảnh 200 ở trạng thái được nối với bộ nạp 110 mà một hoặc nhiều bộ pin 1 (1A, 1B, và 1C) được lắp qua cáp 300 để cung cấp điện của một hoặc nhiều bộ pin 1 (1A, 1B, và 1C) đến thiết bị tạo ảnh 200. Trong trường hợp ở đó các bộ pin 1 (1A, 1B, và 1C) được lắp vào bộ nạp 110, có thể tăng lượng cung cấp điện và thời gian cấp điện đến thiết bị tạo ảnh 200, và do đó trường hợp này phù hợp để chụp ảnh hoặc chụp ảnh động trong thời gian dài.

Như được mô tả trên đây, khi bộ tiếp hợp 150 được lắp trong phần lắp bộ pin 201 của thiết bị tạo ảnh 200, các phần nhô dẫn hướng (không được minh họa) của phần lắp bộ pin 201 lần lượt được gài vào trong các rãnh dẫn hướng 168 và 168 của bộ tiếp hợp 150, và phần nhô nhận dạng (không được minh họa) của phần lắp bộ pin 201 được gài vào trong rãnh nhận dạng 172 của bộ tiếp hợp 150.

Như được mô tả trên đây, trong bộ tiếp hợp 150, các phần vách 171b và 171b, mà được tạo nên như các bề mặt nghiêng được đặt cách xa nhau theo hướng bên phải và bên trái khi chúng đi về phía hướng ra trước, được tạo nên ở phía trước đầu nối nối 192.

Theo đó, khi bộ tiếp hợp 150 được gài vào trong phần lắp bộ pin 201 của thiết bị tạo ảnh 200, đầu nối được bố trí trên phía bên trong của thiết bị tạo ảnh 200 được dẫn hướng đến các phần vách 171b và 171b và tiếp cận đầu nối nối 192.

Như được mô tả trên đây, các phần vách 171b và 171b có chức năng như các bề mặt dẫn hướng trong khi đưa bộ tiếp hợp 150 vào phần lắp bộ pin 201, và do đó có thể đảm bảo trạng thái nối thỏa mãn của đầu nối nối 192 đối với phần lắp bộ pin 201 của thiết bị tạo ảnh 200.

Mặt khác, khi lắp bộ tiếp hợp 150 vào phần lắp bộ pin 83 của bộ nạp 80 được mô tả trên đây, vì rãnh nhận dạng 172 được tạo nên chỉ trên phía bên trái của đầu nối nối 192 trong bộ tiếp hợp 150, mặt trước 158 của vỏ hộp 151 tiếp xúc với phần nhô nhận dạng 90 mà được bố trí trên phía bên phải của phần nối

cực 93 trong phần lắp bộ pin 83, và việc lắp bộ tiếp hợp 150 vào phần lắp bộ pin 83 được điều chỉnh. Ngoài ra, trong bộ tiếp hợp 150, rãnh dẫn hướng khác hoặc rãnh gài không được tạo nên trên phía sau của các rãnh dẫn hướng 168 và 168 trong các mặt tạo nên đường rãnh 165 và 165, và do đó mặt đáy 156 của vỏ hộp 151 tiếp xúc với các phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88 và 88, hoặc các phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 và 89, và do đó việc lắp bộ tiếp hợp 150 vào phần lắp bộ pin 83 được điều chỉnh.

Theo đó, không thể thực hiện việc lắp bộ tiếp hợp 150 vào phần lắp bộ pin 83 của bộ nạp 80, và do đó việc lắp không chính xác của bộ tiếp hợp 150 vào bộ nạp 80 được ngăn chặn.

Ngoài ra, trong bộ tiếp hợp 150, rãnh khác 151a được tạo nên trong vỏ hộp 151 bởi mặt được tạo nấc 164 và mặt tạo nên đường rãnh 165 mà nối liền với mặt đáy 156, rãnh dẫn hướng 168 mà được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh 165 được tạo nên, và rãnh dẫn hướng 168 được bố trí trên phía mặt đáy 156 khác so với mặt được tạo nấc 164.

Theo đó, rãnh dẫn hướng 168 và mặt được tạo nấc 164 không được bố trí một cách nối liền, và một phần của mặt tạo nên đường rãnh 165 được bố trí giữa rãnh dẫn hướng 168 và mặt được tạo nấc 164. Theo đó, mặt tạo nên đường rãnh 165 và mặt được tạo nấc 164 được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 151 so với trường hợp ở đó rãnh dẫn hướng 168 và mặt được tạo nấc 164 được bố trí một cách nối liền, và do đó có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ tiếp hợp 150.

Ngoài ra, trong bộ tiếp hợp 150, rãnh nhận dạng 172 để thực hiện nhận dạng của thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự được tạo nên trong vỏ hộp 151, và trong rãnh nhận dạng 172, các phần nhận dạng có các độ dài khác nhau được tạo nên liên tục.

Theo đó, phần mà cách ly các phần nhận dạng không có mặt giữa các phần nhận dạng có các độ dài khác nhau. Theo đó, kích thước của rãnh nhận dạng 172 theo hướng trong đó các phần nhận dạng liền kề trở thành tổng kích thước của các phần nhận dạng và do đó có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ tiếp hợp 150 trong khi đảm bảo đặc điểm nhận dạng cao.

Kết cấu của bộ pin khác nữa

Tiếp theo, kết cấu của bộ pin 210 mà khác với các bộ pin 1, 1A, 1B, và 1C được mô tả trên đây sẽ được mô tả (xem các hình vẽ từ Fig.86 đến Fig.88). Lưu ý rằng, ví dụ, bộ pin 210 tương ứng với bộ pin loại dung lượng nhỏ 1B (xem Fig.49).

Bộ pin 210 có kết cấu trong đó các bộ phận cần thiết lần lượt được bố trí trên phía bên trong và trên phía bên ngoài của vỏ hộp 217. Hình dạng bên ngoài của bộ pin 210 được thiết đặt để nhỏ hơn hình dạng bên ngoài của các bộ pin 1, 1A, 1B, và 1C, và được thiết đặt để kích thước gần giống như kích thước của hình dạng bên ngoài của bộ cấp điện 116.

Vỏ 217 được tạo nên theo hình dạng về cơ bản là hình hộp chữ nhật, và nắp che hộp (thân trên) 218 và hộp chứa (thân dưới) 219 được ghép theo hướng phía trên và phía dưới. Nắp che hộp 218 được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng xuống. Hộp chứa 219 được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng lên. Trong trạng thái trong đó nắp che hộp 218 và hộp chứa 219 được ghép theo hướng phía trên và phía dưới để tạo thành vỏ hộp 217, không gian bên trong của vỏ hộp 217 được tạo nên làm không gian chứa.

Trong vỏ hộp 217, mặt ngoài 220 bao gồm mặt trên 221, mặt đáy 222, các mặt bên 223 và 223, mặt trước 224, và mặt sau 225, kích thước theo hướng phía trước và phía sau (hướng chiều dọc) được thiết đặt để lớn hơn so với kích thước theo hướng bên phải và bên trái (hướng chiều rộng), và kích thước theo hướng bên phải và bên trái (hướng chiều rộng) được thiết đặt để lớn hơn so với kích thước theo hướng phía trên và phía dưới (hướng chiều cao). Các bề mặt nghiêng phía trên 226 và 226 lần lượt được tạo nên trong vỏ hộp 217 giữa mặt trên 221 và các mặt bên 223 và 223. Các bề mặt nghiêng phía trên 226 và 226 được dịch chuyển hướng xuống khi chúng tiếp cận các mặt bên 223 và 223 từ mặt trên 221. Các bề mặt nghiêng phía dưới 227 và 227 lần lượt được tạo nên trong vỏ hộp 217 giữa mặt đáy 222 và các mặt bên 223 và 223. Các bề mặt nghiêng phía dưới 227 và 227 được dịch chuyển hướng lên khi chúng tiếp cận các mặt bên 223 và 223 từ mặt đáy 222. Các bề mặt nghiêng phía dưới 227 và 227 được tạo nên theo hình dạng bề mặt phẳng, và các bề mặt nghiêng phía trên

226 và 226 được tạo nên theo hình dạng bề mặt cong thoải mà lồi ra phía ngoài.

Tất cả các mặt trong số mặt trên 221, mặt đáy 222, các mặt bên 223 và 223, mặt trước 224, mặt sau 225, các bề mặt nghiêng phía trên 226 và 226, và các bề mặt nghiêng phía dưới 227 và 227 được tạo nên như các bề mặt bên ngoài 228, 228,

Các rãnh khắc gài 217a và 217a được tạo nên trong đầu phía trước ở đầu phía trên của vỏ hộp 217 ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau. Các rãnh khắc gài 217a và 217a được tạo nên cả hai đầu bên phải và bên trái của vỏ hộp 217. Các rãnh khắc gài 217a và 217a được hở thông đến phía hướng ra trước, phía hướng lên, và phía hướng ra ngoài theo hướng bên phải và bên trái.

Đầu nối 229 được bố trí trong đầu phía trước ở đầu phía trên của vỏ hộp 217. Đầu nối 229 được bố trí ở xấp xỉ một nửa của vỏ hộp 217 trên một phía theo hướng bên phải và bên trái. Đầu nối 229 là phần mà được nối với các cực điện cực của thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự, có chức năng như phần cực, và bao gồm ít nhất điện cực dương và điện cực âm.

Đầu nối 229 bao gồm vỏ hộp 230 được tạo nên từ vật liệu không dẫn điện, và các cực nối 231, 231, và 231 được tạo nên từ vật liệu dẫn điện, và các cực nối 231, 231, và 231 được giữ vào vỏ hộp 230 trong trạng thái trong đó ít nhất các phần của chúng lần lượt được bố trí trong các rãnh bố trí cực 232, 232, và 232 được tạo nên trong vỏ hộp 230. Trong mỗi trong số các cực nối 231, một đầu của miếng kim loại bao gồm một cặp phần tiếp xúc mà được phân nhánh phía bên từ phần định trước, và cặp phần tiếp xúc được bố trí trong mỗi trong số các rãnh bố trí cực 232 trong trạng thái trong đó các đầu mút có lực đàn hồi theo hướng sắp tiếp xúc với nhau và tiếp xúc với nhau hoặc tiếp cận nhau.

Các cực nối 231, 231, và 231 lần lượt có chức năng là điện cực dương, điện cực âm, và cực thông tin, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này theo hướng bên phải và bên trái, hoặc cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải.

Cực thông tin được sử dụng để cho thiết bị nối hoặc tương tự nhận biết nhiệt độ bên trong của bộ pin 210, và được sử dụng để cho thiết bị nối hoặc

tương tự nhận biết các loại thông tin khác nhau của bộ pin 210 chẳng hạn như lượng nạp dư và thông tin về sự suy giảm của bộ pin 210.

Lưu ý rằng, hai rãnh bố trí cực 232 và 232, và hai cực nối 231 và 231 có thể được bố trí trong đầu nối 229. Trong trường hợp ở đó hai cực nối 231 và 231 được bố trí, hai cực nối 231 và 231 có chức năng lần lượt như điện cực dương và điện cực âm, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc cách bố trí trong đó điện cực dương và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải. Ngoài ra, bốn rãnh bố trí cực 232, 232, ..., và bốn cực nối 231, 231, ... có thể được bố trí trong đầu nối 229. Trong trường hợp ở đó bốn cực nối 231, 231, ... được bố trí, bốn cực nối 231, 231, ... lần lượt có chức năng là điện cực dương, điện cực âm, cực thông tin, và cực giao tiếp, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, cực giao tiếp, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, cực giao tiếp, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải, theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực giao tiếp, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực giao tiếp, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải. Cực giao tiếp được sử dụng để cho thiết bị nối hoặc tương tự nhận biết các loại thông tin khác nhau của bộ pin 210 chẳng hạn như lượng nạp dư và thông tin về sự suy giảm của bộ pin 210, và trong trường hợp này, cực thông tin được sử dụng để thông báo cho thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự chỉ về thông tin nhiệt độ.

Các rãnh bố trí cực 232, 232, và 232 được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng lên, và được tạo nên để được đặt phía bên cách xa nhau. Các rãnh định vị 233 và 233 mà lần lượt được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng lên được tạo nên trong vỏ hộp 230 trên phía bên ngoài của các rãnh bố trí cực 232, 232, và 232 theo hướng bên phải và bên trái.

Trong đầu nối 229, các đầu của các cực nối 231, 231, và 231 trên một phía đều được nối với tám nền mạch (không được minh họa) mà được bố trí ở bên trong của vỏ hộp 217.

Bộ pin 210 có kết cấu được mô tả trên đây được gài vào trong phần lắp bộ pin 101 mà được tạo nên trong thiết bị tạo ảnh 100 loại A và được lắp ở đó. Như được mô tả trên đây, bộ cấp điện 116 có thể cũng được lắp trong phần lắp bộ pin 101 được tạo nên trong thiết bị tạo ảnh 100 loại A, và thiết bị tạo ảnh 100 loại A có thể được sử dụng nhờ sử dụng bộ cấp điện 116 hoặc bộ pin 210.

Ngoài ra, trong bộ pin 210, việc nạp được thực hiện bởi bộ nạp (không được minh họa) mà tương ứng với bộ pin 210.

Kết cấu của bộ tiếp hợp khác

Tiếp theo, kết cấu của bộ tiếp hợp 250 sẽ được mô tả (xem các hình vẽ từ Fig.89 đến Fig.96).

Bộ tiếp hợp 250 có kết cấu trong đó các bộ phận cần thiết lần lượt được bố trí trên phía bên trong và trên phía bên ngoài của vỏ hộp 251. Hình dạng bên ngoài của bộ tiếp hợp 250 được thiết đặt đến kích thước gần giống như kích thước của hình dạng bên ngoài của bộ tiếp hợp 150 được mô tả trên đây và các bộ pin 1, 1A, 1B, và 1C được mô tả trên đây.

Vỏ 251 được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng ra sau, và được xây dựng bằng cách ghép nối nắp che hộp (thân trên) 252 và hộp chứa (thân dưới) 253 theo hướng phía trên và phía dưới. Nắp che hộp 252 được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng xuống và phía hướng ra sau. Trong hộp chứa 253, phần ngoại trừ đầu phía sau được tạo nên dưới dạng hộp mà được hở thông đến phía hướng lên, và đầu phía sau được bố trí như phần hình khuyên 253a mà đi qua hộp chứa 253 theo hướng phía trước và phía sau. Nắp che hộp 252 được ghép với phần được hở thông hướng lên của hộp chứa 253 từ phía hướng lên. Trong trạng thái trong đó nắp che hộp 252 và hộp chứa 253 được ghép để tạo thành vỏ hộp 251, không gian bên trong của vỏ hộp 251 được tạo nên làm không gian chứa.

Trong vỏ hộp 251, mặt ngoài 254 bao gồm mặt trên 255, mặt đáy 256, các mặt bên 257 và 257, mặt trước 258, và mặt sau 259, kích thước theo hướng phía trước và phía sau (hướng chiều dọc) được thiết đặt để lớn hơn so với kích thước theo hướng bên phải và bên trái (hướng chiều rộng), và kích thước theo hướng bên phải và bên trái (hướng chiều rộng) được thiết đặt để lớn hơn so với

kích thước theo hướng phía trên và phía dưới (hướng chiều cao). Các bề mặt nghiêng 260 và 260 được tạo nên trong vỏ hộp 251 một cách lần lượt giữa mặt trên 255 và các mặt bên 257 và 257. Các bề mặt nghiêng 260 và 260 được dịch chuyển hướng xuống khi chúng tiếp cận các mặt bên 257 và 257 từ mặt trên 255. Mép mở mà được tạo nên trong mặt sau 259 được tạo nên như mép mở phía sau 263.

Tất cả các mặt trong số mặt trên 255, mặt đáy 256, các mặt bên 257 và 257, mặt trước 258, mặt sau 259, và các bề mặt nghiêng 260 và 260 được tạo nên như các bề mặt bên ngoài 261, 261,

Các phần nhô đưa vào 262 và 262 được bố trí trên đầu phía trên trên phía mặt trong của vỏ hộp 251 ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau. Các phần nhô đưa vào 262 và 262 được bố trí trên cả hai đầu bên phải và bên trái trong đầu phía trước, và nhô ra phía sau.

Trong vỏ hộp 251, các mép nghiêng phía trên 263a và 263a được tạo nên trong đầu phía trên của mép mở phía sau 263 ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau, và các mép nghiêng phía dưới 263b và 263b được tạo nên trong đầu phía dưới của mép mở phía sau 263 ở trạng thái được đặt phía bên cách xa nhau. Các mép nghiêng phía trên 263a và 263a được tạo nên trong cả hai đầu bên phải và bên trái của mép mở phía sau 263, và được nghiêng một cách tuyến tính để được dịch chuyển hướng lên khi các mép nghiêng phía trên 263a và 263a tiếp cận nhau. Các mép nghiêng phía dưới 263b và 263b được tạo nên trong cả hai đầu bên phải và bên trái của mép mở phía sau 263 và được nghiêng một cách tuyến tính để được dịch chuyển hướng xuống khi các mép nghiêng phía dưới 263b và 263b tiếp cận nhau.

Các rãnh khác 251a và 251a lần lượt được tạo nên trên cả hai phía phải và trái trong đầu phía dưới của vỏ hộp 251. Mỗi trong số các rãnh khác 251a được hở thông đến phía hướng bên (phía hướng bên trái hoặc phía hướng bên phải), phía hướng xuống, phía hướng ra trước, và phía hướng ra sau, và bao gồm mặt được tạo nấc 264 mà mở rộng theo hướng phía trước và phía sau trên phía hướng xuống, và mặt tạo nên đường rãnh 265 mà mở rộng theo hướng phía trước và phía sau trên phía hướng bên. Mép ngoài của mặt được tạo nấc 264 nổi

liền với mép phía dưới của mặt bên 257. Mép phía trên của mặt tạo nên đường rãnh 265 nối liền với mép trong của mặt được tạo nấc 264, và mép phía dưới của chúng nối liền với mép bên của mặt đáy 256. Mặt được tạo nấc 264 và mặt tạo nên đường rãnh 265 đều được tạo nên một cách nối liền qua vùng từ mặt trước 258 đến mặt sau 259.

Mặt được tạo nấc 264 và mặt đáy 256 được tạo nên như các bề mặt phẳng mà về cơ bản song song với nhau, và một phần của mặt tạo nên đường rãnh 265 ngoại trừ đầu phía trước, và mặt bên 257 được tạo nên như các bề mặt phẳng mà về cơ bản song song với nhau. Các đầu phía trước của các mặt tạo nên đường rãnh 265 và 265 được tạo nên như các bề mặt cong lồi ra ngoài 265a và 265a mà được dịch chuyển theo hướng tiếp cận nhau như các đầu phía trước tiếp cận mặt trước 258.

Như được mô tả trên đây, trong bộ tiếp hợp 250, vì các đầu phía trước của các mặt tạo nên đường rãnh 265 và 265 được tạo nên làm các bề mặt cong 265a và 265a, sự tập trung ứng suất ít có khả năng xảy ra hơn, và các đầu phía trước ít có khả năng tiếp xúc với mặt đất hoặc giống như trong trường hợp bị rơi, hoặc tương tự. Kết quả là, có thể thực hiện giảm thiểu tác động, và có thể giảm bớt sự xảy ra nứt vỡ.

Vỏ 251 bao gồm phần thân chính 266 mà là một phần trên phía trên so với bề mặt ảo bao gồm các mặt được tạo nấc 264 và 264, và phần đáy 267 mà là một phần trên phía dưới so với bề mặt ảo. Các mặt được tạo nấc 264 và 264 được bao gồm trong phần thân chính 266. Chiều rộng phía bên của phần đáy 267 được thiết đặt để nhỏ hơn chiều rộng phía bên của phần thân chính 266, và khoảng cách giữa các mặt bên 257 và 257 theo hướng bên phải và bên trái được thiết đặt để lớn hơn so với khoảng cách giữa các mặt tạo nên đường rãnh 265 và 265.

Các rãnh dẫn hướng thứ nhất 268 và 268, các rãnh dẫn hướng thứ hai 269 và 269, và các rãnh dẫn hướng thứ ba 270 và 270 được tạo nên trên cả hai phía phải và trái của phần đáy 267 theo thứ tự này từ phía trước ở trạng thái được đặt cách xa nhau. Mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và mỗi trong số các rãnh dẫn hướng

thứ ba 270 được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh 265.

Rãnh dẫn hướng thứ nhất 268 được tạo nên trong đầu phía trước của phần đáy 267, và được hở thông đến phía hướng bên và phía hướng ra trước. Rãnh dẫn hướng thứ hai 269 mở rộng theo hướng phía trước và phía sau, và được hở thông đến phía hướng bên. Rãnh dẫn hướng thứ ba 270 mở rộng theo hướng phía trước và phía sau, và được hở thông đến phía hướng bên. Lưu ý rằng, rãnh dẫn hướng thứ ba 270 có thể có hình dạng mà cũng được hở thông đến phía hướng ra sau.

Trên cả hai phía bên phải và bên trái của phần đáy 267, các rãnh gài 271 và 271, và các rãnh gài 272 và 272 được tạo nên theo thứ tự này từ phía trước ở trạng thái được đặt cách xa nhau. Rãnh gài 271 và rãnh gài 272 được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh 265. Rãnh gài 271 được hở thông đến phía hướng bên, phía hướng lên, và phía hướng xuống, và lỗ thông trên phía trên thông với xấp xỉ một nửa của phía trước của rãnh dẫn hướng thứ hai 269. Rãnh gài 272 được hở thông đến phía hướng bên, phía hướng lên, và phía hướng xuống, và lỗ thông trên phía trên thông với xấp xỉ một nửa của phía trước của rãnh dẫn hướng thứ ba 270.

Các phần giữa các mép phía dưới 268b và 268b của các rãnh dẫn hướng thứ nhất 268 và 268, và mặt đáy 256 trong vỏ hộp 251 lần lượt được bố trí như các phần vấu ăn khớp thứ nhất 251p và 251p. Các phần giữa các mép phía dưới 269b và 269b của các rãnh dẫn hướng thứ hai 269 và 269 và mặt đáy 256 trong vỏ hộp 251 lần lượt được bố trí như các phần vấu ăn khớp thứ hai 251q và 251q. Các phần giữa các mép phía dưới 270b và 270b của các rãnh dẫn hướng thứ ba 270 và 270 và mặt đáy 256 trong vỏ hộp 251 lần lượt được bố trí như các phần vấu ăn khớp thứ ba 251r và 251r. Mỗi trong số các phần vấu ăn khớp thứ nhất 251p và mỗi trong số các phần vấu ăn khớp thứ hai 251q được định vị trên phía mặt trước 258 khác so với phần tâm của vỏ hộp 251 theo hướng phía trước và phía sau, và mỗi trong số các phần vấu ăn khớp thứ ba 251r được định vị trên phía mặt sau 259 khác so với phần tâm của vỏ hộp 251 theo hướng phía trước và phía sau.

Hốc lõm bố trí 273 được tạo nên trong đầu phía trước của phần đáy 267.

Hốc lõm bố trí 273 được tạo nên ở gần như phần trung tâm theo hướng bên phải và bên trái, và được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng xuống. Lỗ bố trí 274, mà thông với một phần của hốc lõm bố trí 273 ngoại trừ đầu phía trước của chúng và đi qua vỏ hộp 251 theo hướng phía trên và phía dưới, được tạo nên trong vỏ hộp 251.

Tất cả mép phía trên trong số mép phía trên 268a của rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, mép phía trên 269a của rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và mép phía trên 270a của rãnh dẫn hướng thứ ba 270 được bố trí trên phía dưới so với mặt được tạo nấc 264, và một phần của mặt tạo nên đường rãnh 265 có mặt giữa rãnh dẫn hướng thứ nhất 268 và mặt được tạo nấc 264, giữa rãnh dẫn hướng thứ hai 269 và mặt được tạo nấc 264, và giữa rãnh dẫn hướng thứ ba 270 và mặt được tạo nấc 264. Theo đó, khoảng cách bất kỳ trong số khoảng cách từ đầu phía dưới của mặt tạo nên đường rãnh 265 đến mép phía trên 268a của rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, khoảng cách từ đầu phía dưới của mặt tạo nên đường rãnh 265 đến mép phía trên 269a của rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và khoảng cách từ đầu phía dưới của mặt tạo nên đường rãnh 265 đến mép phía trên 270a của rãnh dẫn hướng thứ ba 270 được thiết đặt để nhỏ hơn khoảng cách từ đầu phía trên đến đầu phía dưới của mặt tạo nên đường rãnh 265. Ngoài ra, khoảng cách theo chiều thẳng đứng (chiều rộng rãnh) của rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và rãnh dẫn hướng thứ ba 270 có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn khoảng cách từ đầu phía trên của mặt tạo nên đường rãnh 265 đến các mép phía trên 268a, 269a, và 270a, và khoảng cách theo chiều thẳng đứng của rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và rãnh dẫn hướng thứ ba 270 có thể giống như khoảng cách từ đầu phía trên của mặt tạo nên đường rãnh 265 đến các mép phía trên 268a, 269a, và 270a. Mép bất kỳ trong số mép phía dưới 268b của rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, mép phía dưới 269b của rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và mép phía dưới 270b của rãnh dẫn hướng thứ ba 270 được bố trí trên phía trên so với mép phía dưới của mặt tạo nên đường rãnh 265, và các vị trí theo hướng phía trên và phía dưới là giống nhau.

Hốc lõm bố trí 273 được tạo nên bởi mặt được tạo hốc lõm 275 (xem Fig.96). Mặt được tạo hốc lõm 275 bao gồm phần đế 275a, các phần vách 275b

và 275b, và phần trung gian 275c.

Phần đế 275a được tạo nên dưới dạng chữ U bên mà được hở thông đến phía hướng ra trước, và ở trạng thái hướng về hướng chiều ngang. Các phần vách 275b và 275b nối liền với đầu phía trước của phần đế 275a, và được tạo nên như các bề mặt nghiêng mà được đặt cách xa nhau theo hướng bên phải và bên trái khi nó tiến về phía hướng ra trước. Nghĩa là, phần vách 275b trên phía bên trái được tạo nên làm bề mặt nghiêng mà tiếp cận mặt bên 257 bên trái khi nó tiến về phía hướng ra trước, và phần vách 275b trên phía bên phải được tạo nên làm bề mặt nghiêng mà tiếp cận mặt bên 257 bên phải khi nó tiến về phía hướng ra trước. Lưu ý rằng, trong các phần vách 275b và 275b, một phần vách 275b có thể được tạo nên làm bề mặt nghiêng, và phần vách 275b còn lại có thể được tạo nên làm bề mặt mà không nghiêng và hướng về phía hướng bên trái hoặc phía hướng bên phải. Phần trung gian 275c hướng về phía hướng xuống và được tạo nên giữa các mép phía trên của các phần vách 275b và 275b. Ví dụ, các phần vách 275b và 275b được nghiêng, ví dụ, 45 độ đối với bề mặt mà hướng về hướng bên phải và bên trái. Phần trung gian 275c được bố trí trên phía hướng xuống so với mặt được tạo nấc 264, được bố trí ở độ cao gần giống như độ cao của các mép phía trên 268a, 269a, và 270a của rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và rãnh dẫn hướng thứ ba 270, hoặc được bố trí trên phía hướng xuống một chút so với các mép phía trên 268a, 269a, và 270a. Tuy nhiên, phần trung gian 275c có thể được bố trí trên phía hướng lên so với các mép phía trên 268a, 269a, và 270a.

Lưu ý rằng, như trong phần vách 29d mà được bố trí trong mặt được tạo hốc lõm được mô tả trên đây 29A (xem Fig.57 và Fig.58), phần vách 271b có thể được tạo nên theo hình dạng bao gồm bề mặt nghiêng thứ nhất, bề mặt trung gian mà nối liền với bề mặt nghiêng thứ nhất, và bề mặt nghiêng thứ hai mà nối liền với bề mặt trung gian.

Trong đầu phía trước của phần đáy 267, các rãnh nhận dạng 276 và 276 được tạo nên để được đặt phía bên cách xa nhau. Các rãnh nhận dạng 276 có chức năng như rãnh chức năng có chức năng định trước, và nhận dạng, ví dụ, loại thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự. Lưu ý rằng, rãnh chức năng không giới hạn ở

các rãnh nhận dạng 276. Đối với rãnh chức năng, ví dụ, các đường rãnh có chức năng khác với nhận dạng có thể được tạo nên thay cho rãnh nhận dạng 276. Các ví dụ về các đường rãnh bao gồm rãnh định vị mà thực hiện việc định vị đối với thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự, và rãnh phát hiện hoặc tương tự mà phát hiện trạng thái nổi hoặc tương tự của thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự.

Tuy nhiên, khi chức năng định trước là chức năng nhận dạng để nhận dạng loại thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự, loại thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự được nhận dạng bởi rãnh chức năng. Khi bộ pin được lắp trong thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự, hoặc bộ pin đi vào trạng thái không được lắp trong thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự, có thể nhận dạng một cách dễ dàng loại thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự mà bộ pin được nối đến.

Lưu ý rằng, chức năng định trước có thể là chức năng nhận dạng loại của chính bộ tiếp hợp.

Các rãnh nhận dạng 276 và 276 được tạo nên trên các phía đối diện với nhau với hốc lõm bố trí 273 được đặt xen giữa. Trong mỗi trong số các rãnh nhận dạng 276, phần nhận dạng thứ nhất 277 và phần nhận dạng thứ hai 278 mà có các độ dài khác nhau theo hướng phía trước và phía sau được tạo nên liên tục theo hướng bên phải và bên trái.

Phần nhận dạng thứ nhất 277 và phần nhận dạng thứ hai 278 lần lượt có chức năng là phần chức năng thứ nhất và phần chức năng thứ hai.

Trong số các bề mặt mà cấu thành rãnh nhận dạng 276, bề mặt mà được bố trí trên phía trên và hướng về phía hướng xuống được tạo nên làm mặt đáy bên trong 276a. Mặt đáy bên trong 276a được bố trí trên phía hướng xuống so với phần trung gian 275c là bề mặt mà được bố trí trên phía trên trong mặt được tạo hốc lõm 275 và hướng về phía hướng xuống. Theo đó, độ sâu của rãnh nhận dạng 276 theo hướng phía trên và phía dưới nông hơn độ sâu của hốc lõm bố trí 273 theo hướng phía trên và phía dưới. Ngoài ra, mặt đáy bên trong 276a được bố trí trên phía hướng xuống so với các mép phía trên 268a, 269a, và 270a của rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và rãnh dẫn hướng thứ ba 270, và mặt được tạo nấc 264. Ngoài ra, mặt đáy bên trong 276a được bố trí trên phía hướng lên so với các mép phía dưới 268b, 269b, và 270b của rãnh

dẫn hướng thứ nhất 268, rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và rãnh dẫn hướng thứ ba 270. Tuy nhiên, mặt đáy bên trong 276a có thể được bố trí trên phía hướng xuống so với các mép phía dưới 268b, 269b, và 270b, hoặc có thể được bố trí ở độ cao giống như độ cao của các mép phía dưới 268b, 269b, và 270b.

Trong số các bề mặt mà cấu thành rãnh nhận dạng 276, bề mặt mà được bố trí trên phía sau trong phần nhận dạng thứ nhất 277 và hướng về phía hướng ra trước được tạo nên làm mặt đáy sâu 277a, và bề mặt mà được bố trí trên phía sau trong phần nhận dạng thứ hai 278 và hướng về phía hướng ra trước được tạo nên làm mặt đáy sâu 278a. Các mặt đáy sâu 277a và 278a được bố trí trên phía hướng ra trước so với bề mặt, mà được bố trí trên phía sau cùng trong phần đế 275a và hướng về phía hướng ra trước, trong mặt được tạo hốc lõm 275, và được bố trí trên phía hướng ra sau so với mặt trước của đầu nối 229. Ngoài ra, các mặt đáy sâu 277a và 278a được bố trí trên phía hướng ra trước so với mép đầu phía sau của rãnh dẫn hướng thứ nhất 268. Tuy nhiên, các mặt đáy sâu 277a và 278a có thể được bố trí trên phía hướng ra sau so với mép đầu phía sau của rãnh dẫn hướng thứ nhất 268 hoặc có thể được bố trí ở vị trí giống như vị trí của mép đầu phía sau của rãnh dẫn hướng thứ nhất 268 theo hướng phía trước và phía sau.

Phần nhận dạng thứ nhất 277 có chiều dài lớn hơn chiều dài của phần nhận dạng thứ hai 278 theo hướng phía trước và phía sau, mặt đáy sâu 277a được bố trí trên phía hướng ra sau một chút so với mặt đáy sâu 278a, và phần nhận dạng thứ nhất 277 được bố trí trên phía hốc lõm bố trí 273 khác so với phần nhận dạng thứ hai 278. Chiều rộng của phần nhận dạng thứ hai 278 theo hướng bên phải và bên trái được thiết đặt để nhỏ hơn chiều rộng của phần nhận dạng thứ nhất 277 theo hướng bên phải và bên trái.

Đầu nối role 279 được gắn vào đầu phía trước của vỏ hộp 251 trên phía mặt trong (xem Fig.89, Fig.90, và Fig.95). Đầu nối role 279 là phần mà được bố trí ở vị trí được làm lệch với đầu phía trên ở bên trong của vỏ hộp 251, và mà đầu nối 229 của bộ pin 210 được nối với, và có chức năng như phần cực.

Đầu nối role 279 bao gồm vỏ hộp 280 mà được tạo nên bởi vật liệu không dẫn điện, và các cực nối 281, 281, và 281 mà được tạo nên từ vật liệu dẫn

điện.

Lưu ý rằng, như các cực nối 281 của đầu nối role 279, hai phần hoặc bốn phần có thể được bố trí thích hợp với số lượng các cực nối 231 của đầu nối 229 trong bộ pin 210.

Đầu nối nối 282 được bố trí trong hốc lõm bố trí 273 của vỏ hộp 251 (xem Fig.93, Fig.94, và Fig.96). Đầu nối nối 282 là phần mà được nối với các cực điện cực của thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự, có chức năng như phần cực, và bao gồm ít nhất điện cực dương và điện cực âm.

Đầu nối nối 282 bao gồm vỏ hộp 283 mà được tạo nên từ vật liệu không dẫn điện và các cực nối 284, 284, và 284 mà được tạo nên từ vật liệu dẫn điện, và các cực nối 284, 284, và 284 được giữ vào vỏ hộp 283 trong trạng thái trong đó ít nhất các phần của chúng được bố trí trong các rãnh bố trí cực 285, 285, và 285 mà được tạo nên trong vỏ hộp 283. Trong mỗi trong số các cực nối 284, một đầu của miếng kim loại bao gồm một cặp phần tiếp xúc mà được phân nhánh phía bên từ phần định trước, và cặp phần tiếp xúc được bố trí trong mỗi trong số các rãnh bố trí cực 285 trong trạng thái trong đó các đầu mút có lực đàn hồi theo hướng sắp tiếp xúc với nhau và tiếp xúc với nhau hoặc tiếp cận nhau.

Các cực nối 284, 284, và 284 lần lượt có chức năng là điện cực dương, điện cực âm, và cực thông tin, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải.

Các rãnh bố trí cực 285, 285, và 285 được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng xuống, và được tạo nên để được đặt phía bên cách xa nhau. Các rãnh định vị 286 và 286 mà được hở thông đến phía hướng ra trước và phía hướng xuống được tạo nên trong vỏ hộp 283 trên phía bên ngoài của các rãnh bố trí cực 285, 285, và 285 theo hướng bên phải và bên trái.

Bề mặt của mỗi trong số các rãnh bố trí cực 285 trên phía mặt trên cùng 255, và bề mặt của mỗi trong số các rãnh định vị 286 trên phía mặt trên cùng 255 được tạo nên như các mặt đáy bên trong 285a và 286a, và các vị trí của các mặt đáy bên trong 285a và 286a theo hướng phía trên và phía dưới được thiết

đặt để gần như giống nhau. Các mặt đáy bên trong 285a và 286a được bố trí trên phía hướng xuống so với mặt được tạo nấc 264. Ngoài ra, các mặt đáy bên trong 285a và 286a được bố trí trên phía hướng xuống so với mép phía trên 268a của rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, và được bố trí trên phía hướng lên so với mép phía dưới 268b của rãnh dẫn hướng 268.

Mỗi trong số các cực nối 284 có thể biến dạng đàn hồi gần như theo hướng bên phải và bên trái, và được giữ vào vỏ hộp 283 ở trạng thái được gài vào trong mỗi trong số các rãnh bố trí cực 285.

Lưu ý rằng, như các cực nối 284 của đầu nối nối 282, hai phần hoặc bốn phần có thể được bố trí thích hợp với số lượng các cực nối 281 của đầu nối role 279.

Trong trường hợp ở đó hai cực nối 284 và 284 được bố trí, hai cực nối 284 và 284 có chức năng lần lượt như điện cực dương và điện cực âm, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc cách bố trí trong đó điện cực dương và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải. Ngoài ra, bốn rãnh bố trí cực 285, 285, ..., và bốn cực nối 284, 284, ... có thể được bố trí trong đầu nối nối 282. Trong trường hợp ở đó bốn cực nối 284, 284, ... được bố trí, bốn cực nối 284, 284, ... lần lượt có chức năng là điện cực dương, điện cực âm, cực thông tin, và cực giao tiếp, và được bố trí theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, cực giao tiếp, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực thông tin, cực giao tiếp, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải, theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực giao tiếp, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên trái, hoặc theo cách bố trí trong đó điện cực dương, cực giao tiếp, cực thông tin, và điện cực âm được bố trí theo thứ tự này từ phía bên phải.

Các cực nối 284, 284, và 284 của đầu nối nối 282, và các cực nối 281, 281, và 281 của đầu nối role 279 đều được nối bởi bảng mạch in dẻo 287 (xem Fig.97). Lưu ý rằng, các cực nối 284, 284, và 284 của đầu nối nối 282 và các cực nối 281, 281, và 281 của đầu nối role 279 có thể được nối bởi tấm nền, các

dây điện, hoặc tương tự.

Thao tác gắn và tháo của bộ pin vào và ra khỏi bộ tiếp hợp

Như được mô tả trên đây, bộ pin 210 có khả năng được lắp trong phần lắp bộ pin 101 được tạo nên trong thiết bị tạo ảnh 100 loại A, và có thể cũng được sử dụng ở trạng thái được lắp trong bộ tiếp hợp 250.

Bộ pin 210 được gài vào trong bộ tiếp hợp 250 từ phía hướng ra sau. Tại thời điểm này, trong trạng thái trong đó các mép nghiêng phía trên 263a và 263a được tạo nên trong các mép mở phía sau 263 của vỏ hộp 251 trong bộ tiếp hợp 250, và các bề mặt nghiêng phía trên 226 và 226 của bộ pin 210 tương ứng với nhau, và các mép nghiêng phía dưới 263b và 263b và các bề mặt nghiêng phía dưới 227 và 227 tương ứng với nhau, bộ pin 210 được gài vào trong một cách trơn tru từ mép mở phía sau 263 của bộ tiếp hợp 250.

Khi bộ pin 210 được gài vào trong phía chiều sâu của bộ tiếp hợp 250, các phần nhô đưa vào 262 và 262 của vỏ hộp 251 lần lượt được gài vào trong các rãnh khắc gài 217a và 217a được tạo nên ở đầu phía trước của vỏ hộp 217 trong bộ pin 210. Theo đó, việc đưa vào của bộ pin 210 đối với bộ tiếp hợp 250 không được điều chỉnh, và bộ pin 210 được giữ vào bộ tiếp hợp 250 và được lắp ở đó.

Như được mô tả trên đây, trong trạng thái trong đó bộ pin 210 được lắp trong bộ tiếp hợp 250, các cực nối 231, 231, và 231 của đầu nối 229 trong bộ pin 210 lần lượt được nối với các cực nối 281, 281, và 281 của đầu nối role 279 trong bộ tiếp hợp 250. Theo đó, các cực nối 231, 231, và 231 của đầu nối 229 lần lượt được nối với các cực nối 284, 284, và 284 của đầu nối nối 282 qua các cực nối 281, 281, và 281 của đầu nối role 279, và bảng mạch in dẻo 287.

Như được mô tả trên đây, bộ tiếp hợp 250 mà bộ pin 210 được lắp vào được gài vào trong phần lắp bộ pin 201 được tạo nên trong thiết bị tạo ảnh 200 loại B, và được lắp ở đó (xem Fig.98). Thiết bị tạo ảnh 200 loại B bao gồm thiết bị tạo ảnh 50 được mô tả trên đây.

Bộ pin 210 được lắp trong phần lắp bộ pin 101 của thiết bị tạo ảnh 100, và cung cấp điện đến thiết bị tạo ảnh 100.

Bộ tiếp hợp 250 mà bộ pin 210 được lắp vào được lắp trong phần lắp bộ

pin 201 của thiết bị tạo ảnh 200, và điện được cung cấp đến thiết bị tạo ảnh 200 từ bộ pin 210 qua bộ tiếp hợp 250.

Khi bộ tiếp hợp 250 được lắp trong phần lắp bộ pin 201 của thiết bị tạo ảnh 200, các phần nhô dẫn hướng (không được minh họa) của phần lắp bộ pin 201 lần lượt được gài vào trong các rãnh dẫn hướng thứ nhất 268 và 268 của bộ tiếp hợp 250, và các phần nhô nhận dạng (không được minh họa) của các phần lắp bộ pin 201 lần lượt được gài vào trong các rãnh gài 272 và 272 của bộ tiếp hợp 250.

Mặt khác, khi bộ cấp điện 116 được gài vào trong bộ tiếp hợp 250, vì các rãnh khác tương ứng với các rãnh khác gài 217a và 217a được tạo nên trong bộ pin 210 không được tạo nên trong bộ cấp điện 116, mặt trước 224 của bộ cấp điện 116 tiếp xúc với các phần nhô đưa vào 262 và 262, và các cực nối 136, 136, và 136 của đầu nối ngoài 134 không tiếp xúc với các cực nối 281, 281, và 281 của đầu nối role 279 trong bộ tiếp hợp 250.

Theo đó, các cực nối 136, 136, và 136 không được nối với các cực nối 281, 281, và 281, và bộ cấp điện 116 không thể thực hiện lắp bộ cấp điện 116 vào bộ tiếp hợp 250, và do đó việc lắp không chính xác của bộ cấp điện 116 vào bộ tiếp hợp 250 được ngăn chặn.

Ngoài ra, khi đưa bộ pin 210 vào bộ tiếp hợp 150, vì các bề mặt nghiêng phía dưới 227 và 227 của bộ pin 210 được tạo nên theo hình dạng cong thoải lồi ra ngoài, và các mép nghiêng phía dưới 163b và 163b của mép mở phía sau 163 trong bộ tiếp hợp 150 được tạo nên theo hình dạng tuyến tính, các đầu phía trước của các bề mặt nghiêng phía dưới 227 và 227 lần lượt giao với các mép nghiêng phía dưới 163b và 163b (xem Fig.99). Theo đó, bộ pin 210 không được gài vào trong bộ tiếp hợp 150, và việc gài sai của bộ pin 210 vào trong bộ tiếp hợp 150 được ngăn chặn.

Mặt khác, vì các rãnh dẫn hướng thứ nhất 268 và 268, các rãnh dẫn hướng thứ hai 269 và 269, và các rãnh dẫn hướng thứ ba 270 và 270 được tạo nên trong phần đáy 267 của bộ tiếp hợp 250, có thể lắp bộ tiếp hợp 250 trong phần lắp bộ pin 83 của bộ nạp 80 theo cách tương tự như trong bộ pin 1 được mô tả trên đây hoặc tương tự.

Trong trạng thái trong đó bộ tiếp hợp 250 được lắp trong phần lắp bộ pin 83, các mép mở của các rãnh dẫn hướng thứ nhất 268 và 268 ăn khớp tương ứng với các phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 và 87, các mép mở của các rãnh dẫn hướng thứ hai 269 và 269 ăn khớp tương ứng với các phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88 và 88, và các mép mở của các rãnh dẫn hướng thứ ba 270 và 270 ăn khớp tương ứng với các phần ăn khớp 89a và 89a của các phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 và 89. Theo đó, mép phía trên của phần vấu ăn khớp thứ nhất 251p ăn khớp với ít nhất một phần của mép phía dưới của phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87, mép phía trên của phần vấu ăn khớp thứ hai 251q ăn khớp với ít nhất một phần của mép phía dưới của phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88, và mép phía trên của phần vấu ăn khớp thứ ba 251r ăn khớp với ít nhất một phần của mép phía dưới của phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89.

Ngoài ra, trong trạng thái trong đó bộ tiếp hợp 250 được lắp trong phần lắp bộ pin 83, các cực nối 284, 284, và 284 của đầu nối nối 282 lần lượt được nối với các cực điện cực 95, 95, và 95 của phần nối cực 93 mà được bố trí trên phần lắp bộ pin 83.

Như được mô tả trên đây, vì bộ tiếp hợp 250 có thể được lắp trong phần lắp bộ pin 83 của bộ nạp 80, có thể thực hiện nạp đối với bộ pin 210 được lắp vào bộ tiếp hợp 250 với bộ nạp 80. Việc nạp từ bộ nạp 80 đến bộ pin 210 được thực hiện qua phần nối cực 93 của bộ nạp 80, đầu nối nối 282 của bộ tiếp hợp 250, đầu nối role 279 của bộ tiếp hợp 250, và đầu nối 229 của bộ pin 210.

Lưu ý rằng, có khả năng là việc lắp bộ tiếp hợp 250 vào bộ nạp 80 có thể không được thực hiện một cách trơn tru phụ thuộc vào kích thước của các phần ăn khớp dẫn hướng thứ nhất 87 và 87, các phần ăn khớp dẫn hướng thứ hai 88 và 88, và các phần ăn khớp dẫn hướng thứ ba 89 và 89 của bộ nạp 80, kích thước của các rãnh dẫn hướng thứ nhất 268 và 268, các rãnh dẫn hướng thứ hai 269 và 269, và các rãnh dẫn hướng thứ ba 270 và 270 của bộ tiếp hợp 250, hoặc tương tự.

Trong trường hợp này, cũng có thể cho phép việc lắp bộ tiếp hợp 250 vào bộ nạp 80 được thực hiện một cách trơn tru bằng cách thay đổi kích thước hoặc hình dạng của các rãnh dẫn hướng thứ nhất 268 và 268, các rãnh dẫn hướng thứ

hai 269 và 269, và các rãnh dẫn hướng thứ ba 270 và 270 của bộ tiếp hợp 250 như được minh họa trên Fig.100.

Ngoài ra, bộ pin 210 mà có thể được sử dụng ở trạng thái được lắp vào bộ tiếp hợp 250 có kích thước nhỏ hơn kích thước của bộ pin 1 hoặc tương tự, và dung lượng nạp lớn nhất được thiết đặt để nhỏ hơn dung lượng nạp lớn nhất của bộ pin 1 hoặc tương tự, có khả năng là độ lớn dòng điện được cung cấp đến thiết bị tạo ảnh 200 có thể không đủ.

Để bổ sung sự thiếu hụt của độ lớn dòng điện, các bộ tụ điện 288 và 288 có thể được tạo nên trong bộ tiếp hợp 250 (xem Fig.101). Ví dụ, trong bộ tiếp hợp 250, các bộ tụ điện 288 và 288 được bố trí trên đầu phía trên ở bên trong của vỏ hộp 251 ở trạng thái được bố trí phía bên song song, và tấm nền 289 mà được nối với các bộ tụ điện 288 và 288 được bố trí ở phía trước các bộ tụ điện 288 và 288. Tấm nền 289 được nối với đầu nối role 279.

Nếu bộ tiếp hợp 250 có kết cấu được mô tả trên đây, khi bộ tiếp hợp 250 mà bộ pin 210 được lắp vào đó được lắp vào thiết bị tạo ảnh 200, độ lớn dòng điện được cung cấp đến thiết bị tạo ảnh 200 tăng lên do các bộ tụ điện 288 và 288, và do đó có thể cung cấp độ lớn dòng điện đủ đến thiết bị tạo ảnh 200.

Ngoài ra, trong bộ tiếp hợp 250, rãnh khác 251a được tạo nên trong vỏ hộp 251 do mặt được tạo nấc 264 và mặt tạo nên đường rãnh 265 mà nối liền với mặt đáy 256, rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và rãnh dẫn hướng thứ ba 270 mà được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh 265 được tạo nên, và rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và rãnh dẫn hướng thứ ba 270 được bố trí trên phía mặt đáy 256 khác so với mặt được tạo nấc 264.

Theo đó, vì rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và rãnh dẫn hướng thứ ba 270, và mặt được tạo nấc 264 không được bố trí một cách nối liền, và một phần của mặt tạo nên đường rãnh 265 được bố trí giữa mỗi trong số các rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và rãnh dẫn hướng thứ ba 270, và mặt được tạo nấc 264, mặt tạo nên đường rãnh 265 và mặt được tạo nấc 264 được bố trí trên phía bên trong trong vỏ hộp 251 so với trường hợp ở đó rãnh dẫn hướng thứ nhất 268, rãnh dẫn hướng thứ hai 269, và

rãnh dẫn hướng thứ ba 270, và mặt được tạo nấc 264 được bố trí một cách nối liền, và do đó có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ tiếp hợp 250.

Ngoài ra, trong bộ tiếp hợp 250, rãnh nhận dạng 276 để thực hiện nhận dạng của thiết bị tạo ảnh hoặc tương tự được tạo nên trong vỏ hộp 251, và trong rãnh nhận dạng 276, các phần nhận dạng có các độ dài khác nhau được tạo nên liên tục.

Theo đó, phần mà cách ly các phần nhận dạng không có mặt giữa các phần nhận dạng có các độ dài khác nhau, và do đó kích thước của rãnh nhận dạng 276 theo hướng trong đó các phần nhận dạng liên kế trở thành tổng kích thước của các phần nhận dạng. Kết quả là, có thể thực hiện việc làm giảm kích thước của bộ tiếp hợp 250 trong khi đảm bảo đặc điểm nhận dạng cao.

Lưu ý rằng, ngay cả trong bộ tiếp hợp 250, như trong bộ tiếp hợp 150, các phần vách, mà được tạo nên như các bề mặt nghiêng được đặt cách xa nhau theo hướng bên phải và bên trái khi chúng tiến về phía hướng ra trước, có thể được tạo nên ở phía trước đầu nối nối 282. Khi các phần vách được tạo nên, đầu nối được bố trí ở bên trong của thiết bị tạo ảnh 200 được dẫn hướng bởi các phần vách và tiếp cận đầu nối nối 282 khi bộ tiếp hợp 250 được gài vào trong phần lắp bộ pin 201 của thiết bị tạo ảnh 200. Theo đó, có thể đảm bảo trạng thái nối thỏa mãn của đầu nối nối 282 đối với phần lắp bộ pin 201 của thiết bị tạo ảnh 200.

Ngoài ra, đầu nối nối 282 có thể được bố trí trên phía hướng lên so với mặt đáy 222 của vỏ hộp 217.

Ngoài ra, ngay cả trong bộ tiếp hợp 250, như trong bộ tiếp hợp 150, tấm ép mà ép bộ pin 210 có thể được bố trí ở bên trong của vỏ hộp 217, và cần khóa mà khóa bộ pin 210 có thể được bố trí.

Tính khả thi và tính không khả thi của việc lắp bộ pin hoặc tương tự vào thiết bị nối hoặc tương tự

Phần sau đây mô tả tóm tắt liên quan đến tính khả thi và tính không khả thi của việc lắp bộ pin 1 được mô tả trên đây hoặc tương tự vào bộ nạp 80, thiết bị tạo ảnh 100, hoặc tương tự (xem Fig.102).

Bộ pin 1 (1A, 1B, hoặc 1C) có thể được lắp vào bộ nạp 80 và bộ nạp 110.

Ngoài ra, bộ pin 1 (1A, 1B, hoặc 1C) có thể được lắp vào thiết bị tạo ảnh 200 (bao gồm thiết bị tạo ảnh 50) của loại B. Mặt khác, bộ pin 1 (1A, 1B, hoặc 1C) không thể được lắp vào thiết bị tạo ảnh 100 loại A.

Bộ cấp điện 116 mà có thể được nối với bộ nạp 110 qua cáp 300 có thể được lắp vào thiết bị tạo ảnh 100 loại A. Mặt khác, bộ cấp điện 116 không thể được lắp vào bộ nạp 80 hoặc thiết bị tạo ảnh 200 loại B.

Bộ cấp điện 116 có thể được lắp trong bộ tiếp hợp 150, và bộ tiếp hợp 150 có thể được lắp vào thiết bị tạo ảnh 200 loại B. Mặt khác, bộ tiếp hợp 150 không thể được lắp vào các bộ nạp 80 và 110, và thiết bị tạo ảnh 100 loại A.

Bộ pin 210 có thể được lắp vào bộ nạp (không được minh họa) mà tương ứng với bộ pin 210. Ngoài ra, bộ pin 210 có thể được lắp vào thiết bị tạo ảnh 100 loại A. Mặt khác, bộ pin 210 không thể được lắp vào các bộ nạp 80 và 110, và thiết bị tạo ảnh 200 loại B.

Bộ pin 210 có thể được lắp vào bộ tiếp hợp 250, và bộ tiếp hợp 250 có thể được lắp vào thiết bị tạo ảnh 200 loại B. Ngoài ra, bộ tiếp hợp 250 có thể được lắp vào các bộ nạp 80 và 110. Mặt khác, bộ tiếp hợp 250 không thể được lắp vào thiết bị tạo ảnh 100 loại A.

Như được mô tả trên đây, mỗi trong số bộ cấp điện 116 và bộ pin 210 có thể được lắp một cách độc lập vào thiết bị tạo ảnh 100, và có thể được lắp vào thiết bị tạo ảnh 200 nhờ sử dụng bộ tiếp hợp 150 hoặc bộ tiếp hợp 250, và do đó có thể thực hiện việc nâng cao sự thuận tiện liên quan đến bộ cấp điện 116 hoặc bộ pin 210.

Sáng chế

Sáng chế có thể sử dụng các kết cấu dưới đây.

(1) Bộ pin bao gồm:

vỏ mà chứa pin trên phía bên trong; và

phần cực mà bao gồm cực nối được nối với cực điện cực của thiết bị nối, trong đó rãnh chức năng, mà có hướng chiều dọc khớp với hướng nối giữa cực nối và cực điện cực, và có chức năng định trước, được tạo nên trong vỏ hộp, và

trong rãnh chức năng, các phần chức năng có các độ dài khác nhau được

tạo nên liên tục.

(2) Bộ pin theo mục (1), trong đó phần chức năng thứ nhất và phần chức năng thứ hai được tạo nên làm phần chức năng.

(3) Bộ pin theo mục (1) hoặc mục (2), trong đó các phần chức năng được tạo nên liên tục theo hướng chiều rộng.

(4) Bộ pin theo mục (3), trong đó độ dài của mỗi trong số các phần chức năng càng ngắn, độ rộng của phần chức năng càng nhỏ.

(5) Bộ pin theo mục (1) hoặc mục (2), trong đó các phần chức năng được tạo nên liên tục theo hướng chiều sâu.

(6) Bộ pin theo mục (5), trong đó độ dài của mỗi trong số các phần chức năng càng ngắn, độ sâu của phần chức năng càng nhỏ.

(7) Bộ pin theo mục bất kỳ trong số các mục từ (1) đến (6), trong đó rãnh chức năng được tạo nên trên cả hai phía của phần cực theo hướng chiều rộng.

(8) Bộ pin theo mục bất kỳ trong số các mục từ (1) đến (7), trong đó vỏ hộp bao gồm mặt trước và mặt sau mà được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều dọc, và mặt trên và mặt đáy mà được bố trí giữa mặt trước và mặt sau theo hướng chiều cao mà vuông góc với hướng chiều dọc,

hốc lõm bố trí mà được hở thông ít nhất đến mặt trước được tạo nên trong vỏ hộp,

đầu nổi mà được bố trí trong hốc lõm bố trí được bố trí làm phần cực, và bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt đáy xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên hốc lõm bố trí.

(9) Bộ pin theo mục bất kỳ trong số các mục từ (1) đến (8), trong đó vỏ hộp bao gồm mặt trên và mặt đáy mà được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều cao,

rãnh bố trí cực, trong đó cực nổi được bố trí, được tạo nên trong vỏ hộp,

bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt đáy xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh bố trí cực.

(10) Bộ pin theo mục bất kỳ trong số các mục từ (1) đến (9), trong đó

vỏ hộp bao gồm hai mặt bên mà được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều rộng, và mặt trên và mặt đáy mà được bố trí giữa hai mặt bên theo hướng chiều cao mà vuông góc với hướng chiều rộng,

rãnh khác được tạo nên trong vỏ hộp bởi mặt được tạo nấc mà nối liền với mỗi trong số các mặt bên, và mặt tạo nên đường rãnh mà nối liền với mặt đáy, và

bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt đáy xa hơn so với mặt được tạo nấc.

(11) Bộ pin theo mục (10), trong đó

rãnh dẫn hướng mà được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh được tạo nên trong vỏ hộp, và

bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt đáy xa hơn so với mép đầu mà được bố trí trên phía mặt trên cùng trong rãnh dẫn hướng.

(12) Bộ pin theo mục (10) hoặc mục (11), trong đó

rãnh dẫn hướng mà được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh được tạo nên trong vỏ hộp, và

bề mặt được bố trí trên phía mặt trên cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trên xa hơn so với mép đầu được bố trí trên phía mặt đáy dưới cùng trong rãnh dẫn hướng.

(13) Bộ pin theo mục bất kỳ trong số các mục từ (1) đến (12), trong đó

vỏ hộp bao gồm mặt trước và mặt sau được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều dọc,

hốc lõm bố trí mà được hở thông ít nhất đến mặt trước được tạo nên trong vỏ hộp,

đầu nối mà được bố trí trong hốc lõm bố trí được bố trí làm phân cực, và

bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trước xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên hốc lõm bố trí.

(14) Bộ pin theo mục (13), trong đó

bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt sau xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt trước ngoài cùng trong đầu nối.

(15) Bộ pin theo mục bất kỳ trong số các mục từ (1) đến (12), trong đó

vỏ hộp bao gồm mặt trước và mặt sau mà được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều dọc,

rãnh bố trí cực trong đó cực nội được bố trí được tạo nên trong vỏ hộp, và

bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trước xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh bố trí cực.

(16) Bộ pin theo mục bất kỳ trong số các mục từ (1) đến (15), trong đó

vỏ hộp bao gồm mặt trước và mặt sau mà được bố trí trên các phía đối diện theo hướng chiều dọc, hai mặt bên mà được bố trí giữa mặt trước và mặt sau theo hướng chiều rộng mà vuông góc với hướng chiều dọc, và mặt trên và mặt đáy mà được bố trí giữa mặt trước và mặt sau và giữa hai mặt bên theo hướng chiều cao mà vuông góc với hướng chiều dọc và hướng chiều rộng,

rãnh khắc được tạo nên trong vỏ hộp bởi mặt được tạo nấc mà nối liền với mỗi trong số các mặt bên, và mặt tạo nên đường rãnh mà nối liền với mặt đáy,

rãnh dẫn hướng mà được hở thông đến mặt tạo nên đường rãnh và mặt trước được tạo nên trong vỏ hộp, và

bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong số các bề mặt mà nó tạo nên rãnh chức năng được bố trí trên phía mặt trước xa hơn so với bề mặt được bố trí trên phía mặt sau cùng trong rãnh dẫn hướng.

(17) Bộ pin theo mục (2), trong đó

vỏ hộp bao gồm hai mặt bên mà được bố trí giữa mặt trước và mặt sau

theo hướng chiều rộng mà vuông góc với hướng chiều dọc, và mặt trên và mặt đáy mà được bố trí giữa mặt trước và mặt sau và giữa hai mặt bên theo hướng chiều cao mà vuông góc với hướng chiều dọc và hướng chiều rộng,

phần chức năng thứ nhất và phần chức năng thứ hai được tạo nên liên tục theo hướng chiều rộng, và phần chức năng thứ nhất được bố trí trên phía tâm khác nữa theo hướng chiều rộng so với phần chức năng thứ hai, và

bề mặt, mà nối liền với phần chức năng thứ nhất theo hướng chiều rộng, trong phần chức năng thứ hai được tạo nên làm bề mặt nghiêng mà được dịch chuyển đến phía mặt đáy như bề mặt tiếp cận mặt bên được bố trí trên phía đối diện với phần chức năng thứ nhất.

(18) Bộ pin theo mục bất kỳ trong số các mục từ (1) đến (17), trong đó chức năng định trước là chức năng nhận dạng để nhận dạng loại thiết bị nối.

(19) Thiết bị nối mà bộ pin được lắp vào theo cách tháo được, bộ pin bao gồm vỏ hộp chứa pin trên phía bên trong và phần cực bao gồm cực nối được nối với cực điện cực, trong đó

rãnh chức năng, mà có hướng chiều dọc khớp với hướng nối giữa cực nối và cực điện cực, và có chức năng định trước, được tạo nên trong vỏ hộp của bộ pin, và trong rãnh chức năng, các phần chức năng có các độ dài khác nhau được tạo nên liên tục.

Danh mục các số chỉ dẫn

- | | |
|----|---------------------------------|
| 1 | Bộ pin |
| 2 | Vỏ |
| 6 | Pin |
| 30 | Rãnh nhận dạng |
| 31 | Phần nhận dạng thứ nhất |
| 32 | Phần nhận dạng thứ hai |
| 33 | Đầu nối |
| 35 | Cực nối |
| 50 | Thiết bị tạo ảnh (thiết bị nối) |
| 61 | Cực điện cực |

80	Bộ nạp (thiết bị nối)
95	Cực điện cực
80A	Bộ nạp (thiết bị nối)
80B	Bộ nạp (thiết bị nối)
1A	Bộ pin
1B	Bộ pin
33A	Đầu nối
1C	Bộ pin
2C	Vỏ
16	Bộ cấp điện
17	Vỏ
34	Đầu nối ngoài
36	Cực nối
39	Đầu nối trong
41	Cực nối
100	Thiết bị tạo ảnh (thiết bị nối)
50	Bộ tiếp hợp
51	Vỏ
72	Rãnh nhận dạng
73	Phần nhận dạng thứ nhất
74	Phần nhận dạng thứ hai
89	Đầu nối role
91	Cực nối
92	Đầu nối nối
94	Cực nối
200	Thiết bị tạo ảnh (thiết bị nối)
10	Bộ pin
17	Vỏ
29	Đầu nối
31	Cực nối
50	Bộ tiếp hợp

51	Vỏ
76	Rãnh nhận dạng
77	Phần nhận dạng thứ nhất
78	Phần nhận dạng thứ hai
79	Đầu nối role
81	Cực nối
82	Đầu nối nối
84	Cực nối

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Bộ pin (1) bao gồm:

vỏ hộp (2) gồm các pin (6) được chứa trong đó; và

phần cực (33) gồm cực nối (35) được nối với cực điện cực (61, 95) của thiết bị nối (80),

trong đó vỏ (2) bao gồm mặt trước (14) và mặt sau (15) mà được đặt trên các cạnh đối diện theo chiều dài, hai mặt bên (13) mà được đặt giữa mặt trước (14) và mặt sau (15) theo hướng chiều rộng trực giao với hướng chiều dài, và mặt trên cùng (11) và mặt đáy (12) mà được đặt giữa mặt trước (14) và mặt sau (15) và giữa hai mặt bên (13) theo hướng chiều cao trực giao với cả hướng chiều dài và hướng chiều rộng,

trong đó, trong vỏ (2), rãnh chức năng thứ nhất (30) và rãnh chức năng thứ hai (30) được tạo nên trên cả hai cạnh của phần cực (33) theo hướng chiều rộng, mỗi rãnh chức năng (30) có chức năng nhận dạng để nhận dạng loại của thiết bị nối (80) trong đó hướng chiều dài trùng khớp với hướng nối của cực nối (35) và cực điện cực (61, 95),

trong đó mỗi rãnh chức năng (30) bao gồm bộ phận chức năng thứ nhất (31) và bộ phận chức năng thứ hai (32),

trong đó bộ phận chức năng thứ nhất (31) và bộ phận chức năng thứ hai (32) được tạo nên liên tục theo hướng chiều rộng và có độ dài khác nhau, và bộ phận chức năng thứ nhất (31) được đặt trên cạnh tâm theo hướng chiều rộng hơn so với bộ phận chức năng thứ hai (32), và

trong đó mặt của bộ phận chức năng thứ hai (32) liên tiếp với bộ phận chức năng thứ nhất (31) theo hướng chiều rộng được tạo nên như là mặt nghiêng (32c) mà được dịch chuyển đến phía mặt đáy khi mặt tiếp cận mặt bên (13) được đặt trên phía đối diện với bộ phận chức năng thứ nhất (31),

trong đó bộ phận chức năng thứ nhất (31) có dạng hình chữ nhật và bộ phận chức năng thứ hai (32) có dạng hình lăng trụ tam giác,

trong đó hai rãnh khác (2a) được tạo nên trong vỏ (2), mỗi rãnh khác (2a) được tạo nên trong vỏ (2) bởi mặt được tạo nấc (18) mà liên tục với một mặt bên (13) và mặt tạo nên đường rãnh (19) mà liên tục với mặt đáy (12),

trong đó hai rãnh được dẫn hướng (22) được tạo nên trong vỏ (2), mỗi rãnh được dẫn hướng (22) được hở đến một mặt tạo nên đường rãnh (19) và mặt trước (14), và

trong đó mặt được đặt gần nhất với phía mặt sau trong số các mặt tạo nên các rãnh chức năng (30) được đặt trên phía mặt trước hơn so với mặt của mỗi rãnh được dẫn hướng (22) mà được định vị gần nhất với phía mặt sau.

2. Bộ pin theo điểm 1, trong đó phần lõm bố trí (27) mà được hở đến ít nhất mặt trước (14) được tạo nên trong vỏ (2),

trong đó bộ nối (33) được bố trí tại phần lõm bố trí (27) được tạo nên như là phần cực (33), và

trong đó mặt được đặt gần nhất với phía mặt trên cùng trong số các mặt tạo nên rãnh chức năng (30) được đặt trên phía mặt đáy xa hơn so với mặt được đặt gần nhất với phía mặt trên cùng trong số các mặt tạo nên phần lõm bố trí (27) .

3. Bộ pin theo điểm 1 hoặc 2, trong đó rãnh bố trí cực (36) trong đó cực nối (35) được bố trí được tạo nên trong vỏ (2), và

trong đó mặt được đặt gần nhất với phía mặt trên cùng trong số các mặt tạo nên rãnh chức năng (30) được đặt trên phía mặt đáy xa hơn so với mặt được đặt gần nhất với phía mặt trên cùng trong số các mặt tạo nên rãnh bố trí cực (36).

4. Bộ pin theo điểm bất kỳ trong số các điểm 1 đến 3, trong đó mặt được đặt gần nhất với phía mặt trên cùng trong số các mặt tạo nên mỗi rãnh chức năng (30) được đặt trên phía mặt đáy xa hơn so với mỗi mặt được tạo nấc (18).

5. Bộ pin theo điểm 4, mặt được đặt gần nhất với phía mặt trên cùng trong số các mặt tạo nên mỗi rãnh chức năng (30) được đặt trên phía mặt đáy xa hơn so với mép đầu của mỗi rãnh được dẫn hướng (22, 23, 24) mà được đặt gần nhất với phía mặt trên cùng.

6. Bộ pin theo điểm 4, trong đó mặt được đặt gần nhất với phía mặt trên cùng trong số các mặt tạo nên mỗi rãnh chức năng (30) được đặt trên phía mặt trên cùng xa hơn so với mép đầu của mỗi rãnh được dẫn hướng (22, 23, 24) mà được đặt gần nhất với phía mặt đáy.

7. Bộ pin theo điểm bất kỳ trong số các điểm 1 đến 6, trong đó phần lõm bố trí (27) mà được hở đến ít nhất mặt trước (14) được tạo nên trong vỏ (2), trong đó bộ nối (33) được bố trí tại phần lõm bố trí (27) được tạo nên như là phần cực (33), và

trong đó mặt được đặt gần nhất với phía mặt sau trong số các mặt tạo nên rãnh chức năng (30) được đặt trên phía mặt trước xa hơn so với mặt được đặt gần nhất với phía mặt sau trong số các mặt tạo nên phần lõm bố trí (27),

cụ thể trong đó mặt được đặt gần nhất với phía mặt sau trong số các mặt tạo nên rãnh chức năng (30) được đặt trên phía mặt sau xa hơn so với mặt của bộ nối (33) mà được định vị gần nhất với phía mặt trước.

8. Bộ pin theo điểm bất kỳ trong số các điểm 1 đến 7, trong đó rãnh bố trí cực (36) trong đó cực nối (33) được bố trí được tạo nên trong vỏ (2), và

trong đó mặt được đặt gần nhất với phía mặt sau trong số các mặt tạo nên rãnh chức năng (30) được đặt trên phía mặt trước xa hơn so với mặt được đặt gần nhất với phía mặt sau trong số các mặt tạo nên rãnh bố trí cực (36).

9. Hệ thống nối bao gồm:

bộ pin (1) theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 8; và

thiết bị nối (80) bao gồm phần mà trong đó bộ pin (1) có thể lắp được.

FIG. 1

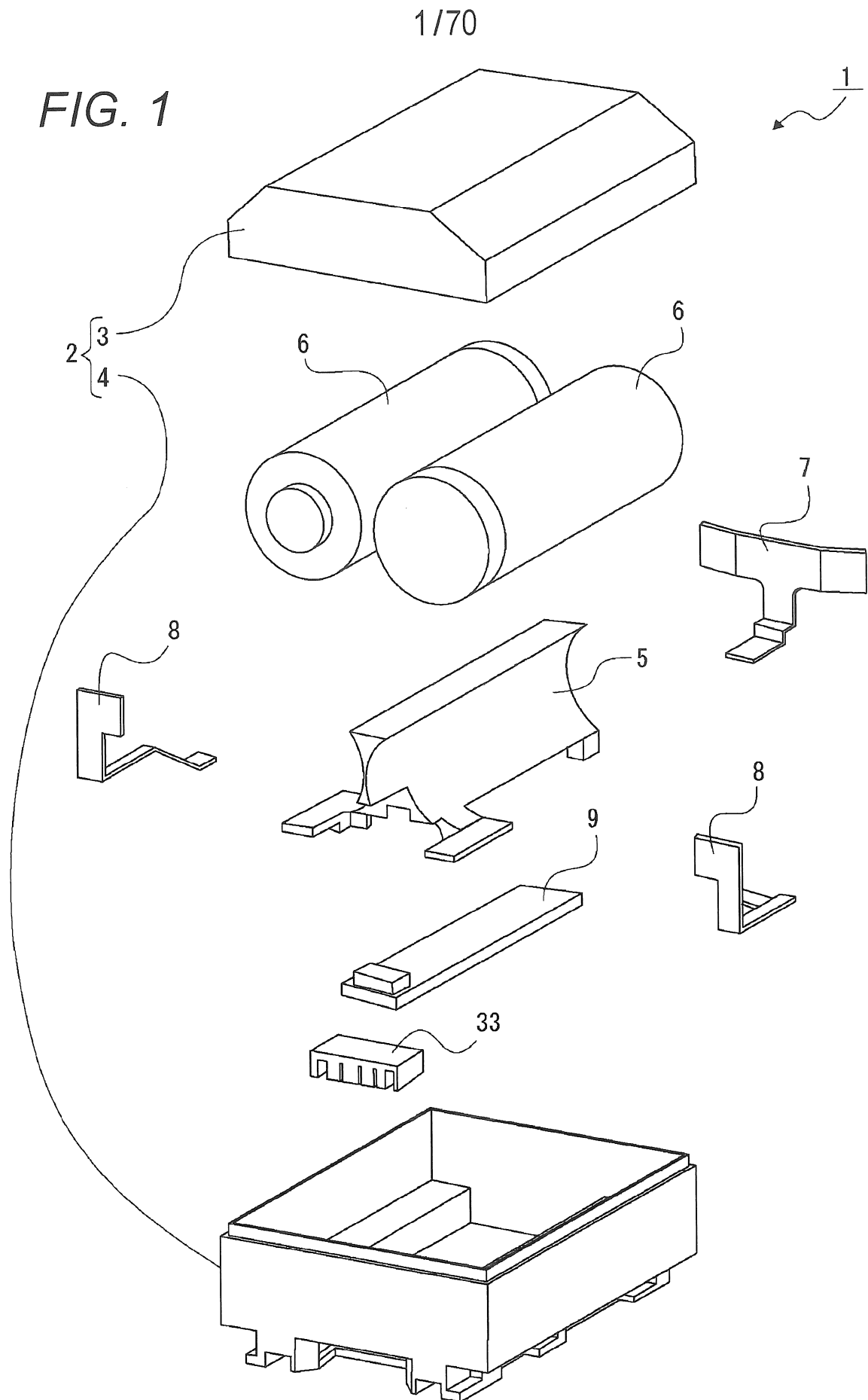


FIG. 2

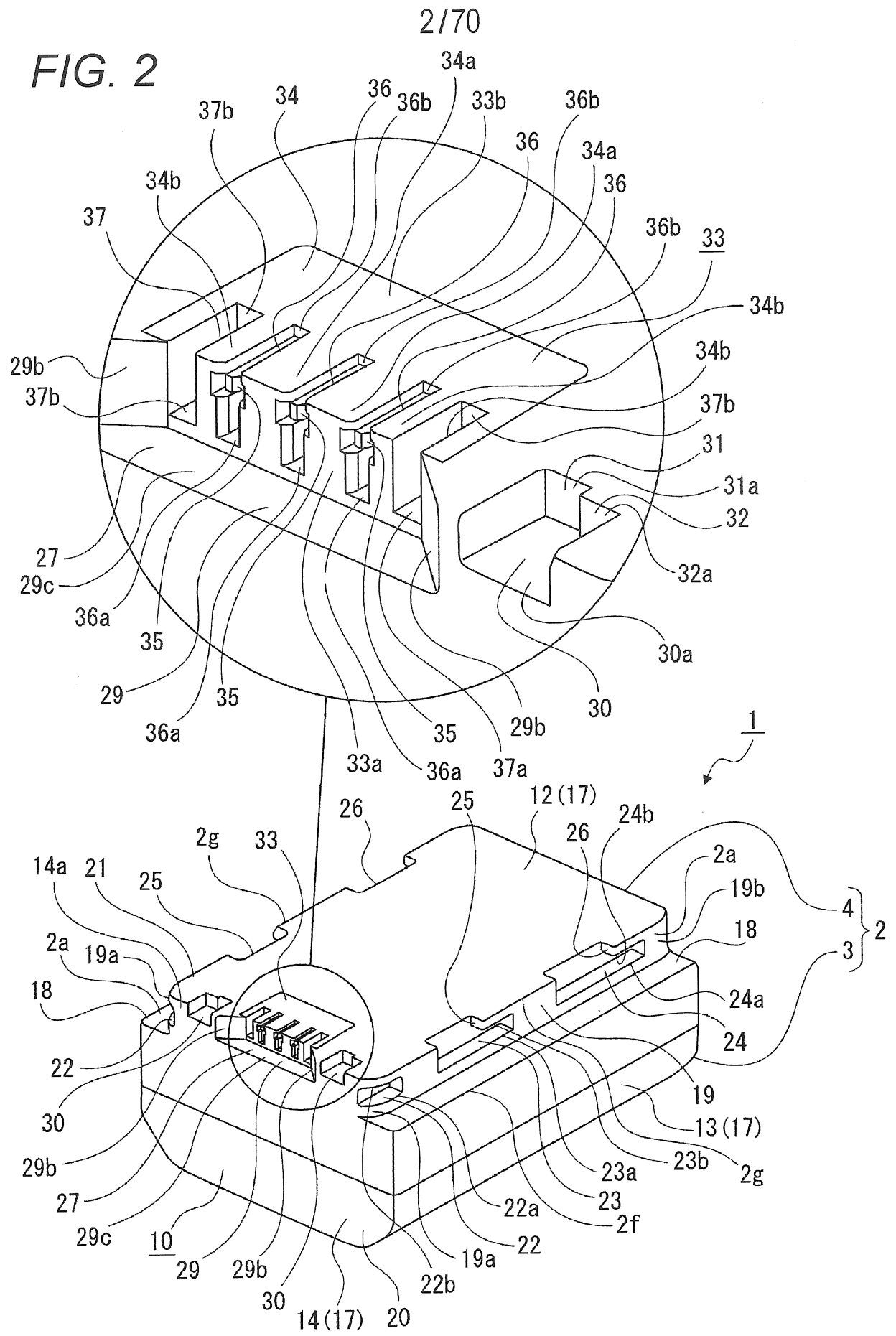
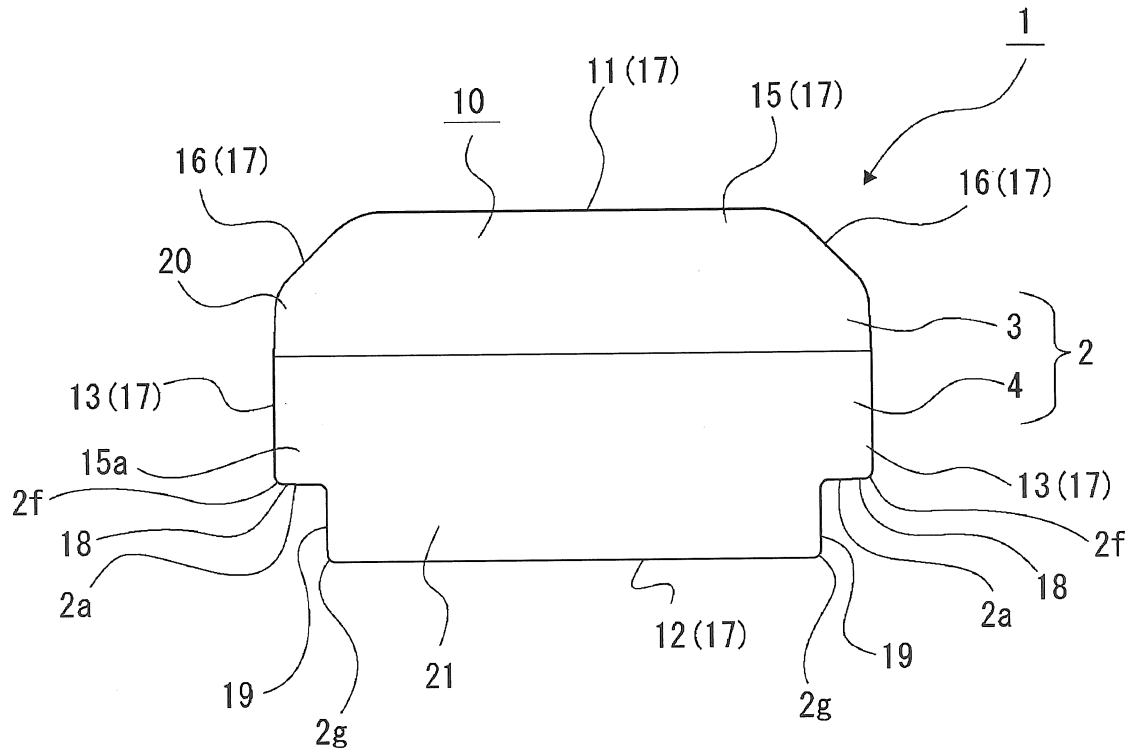
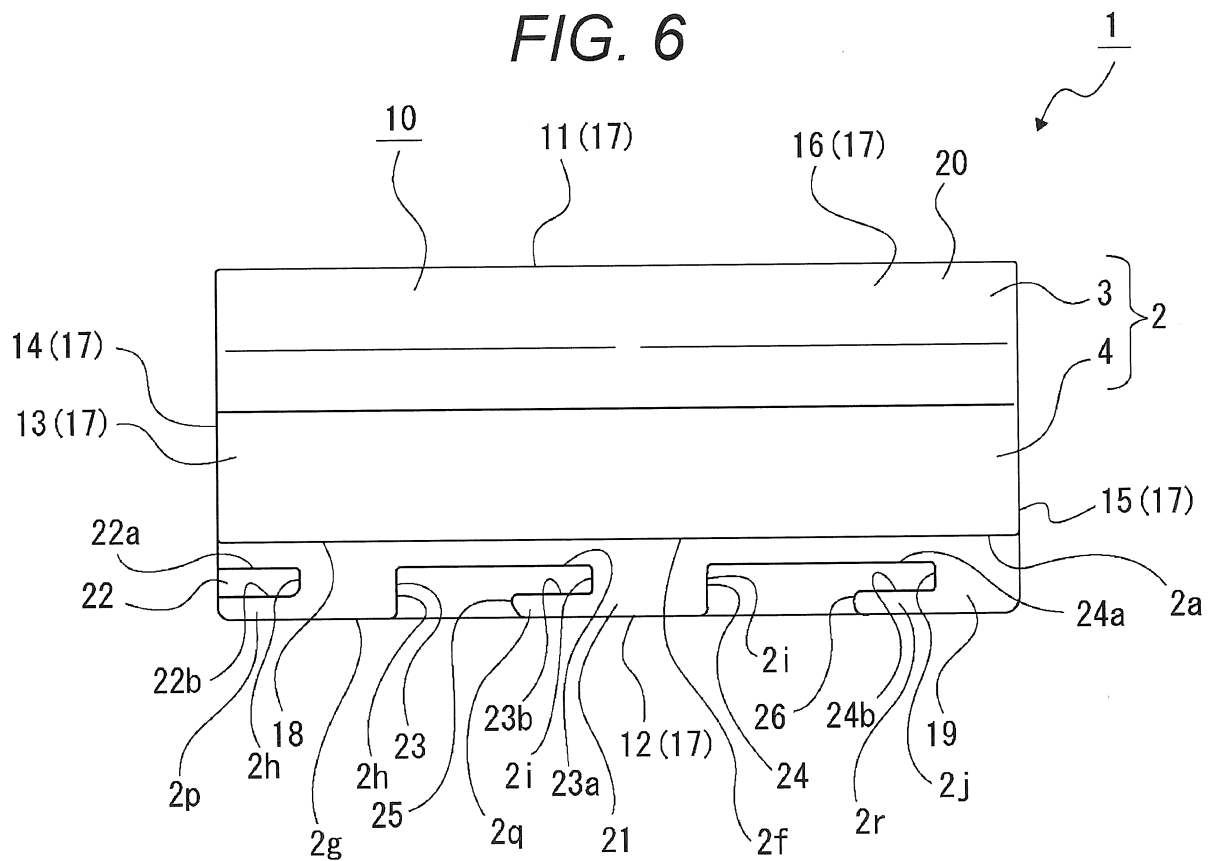


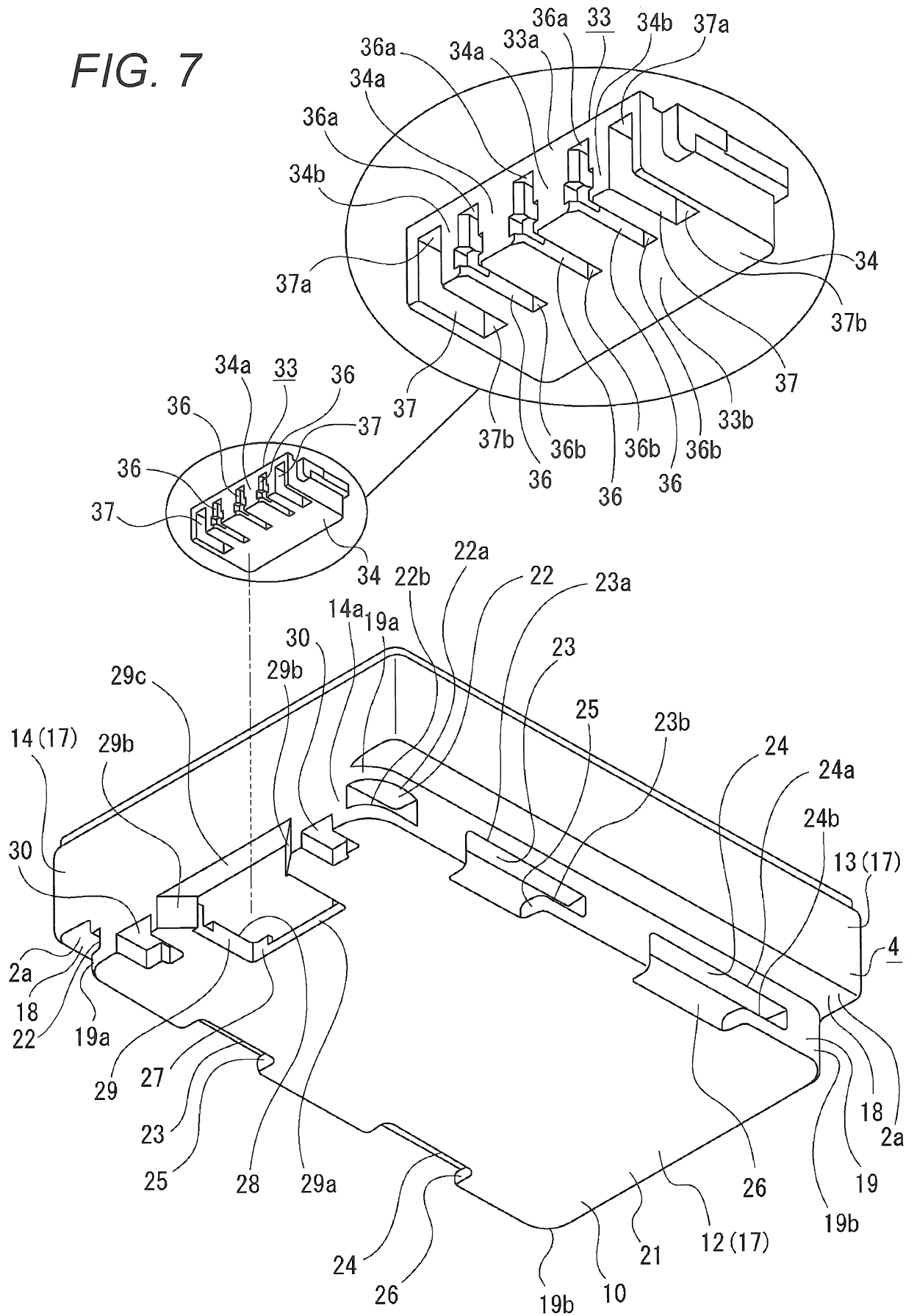
FIG. 3

4/70

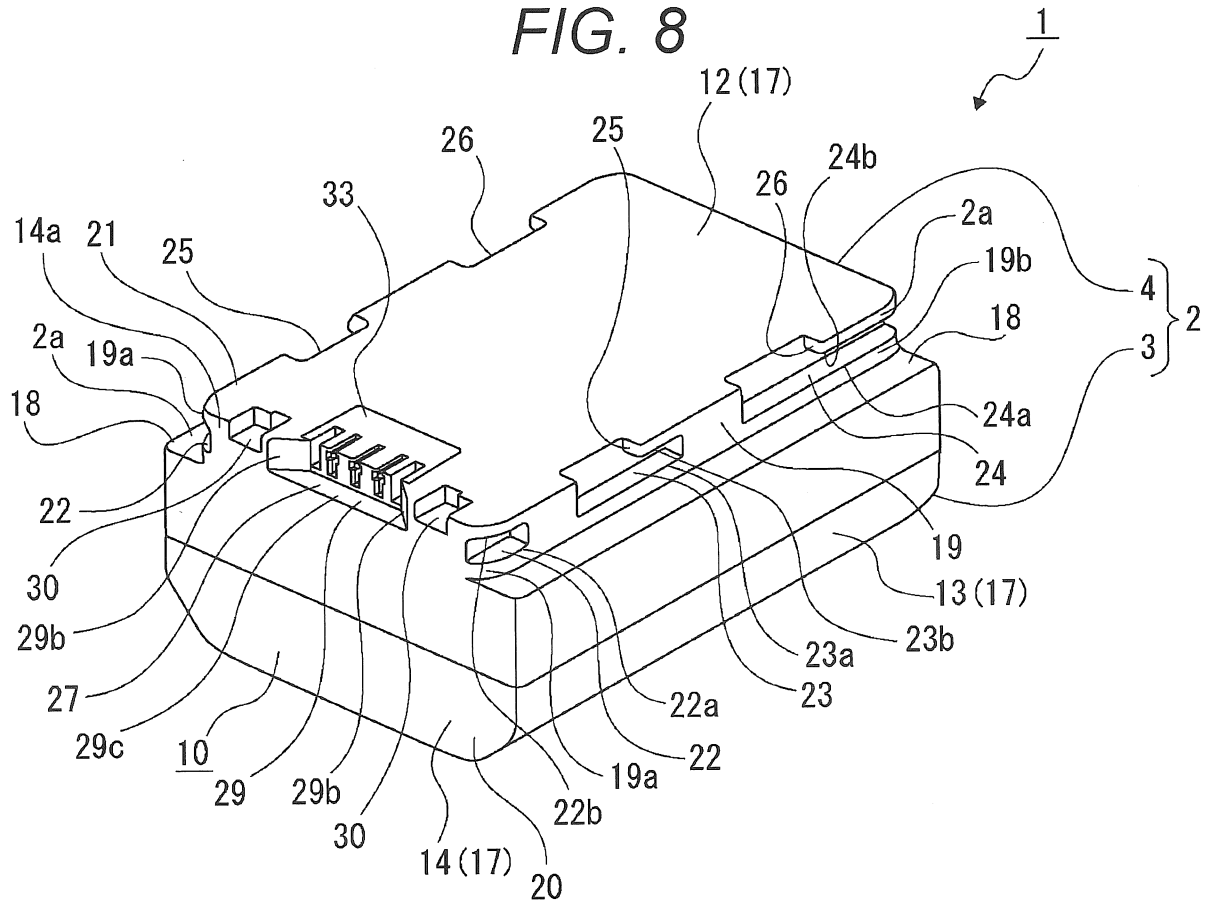
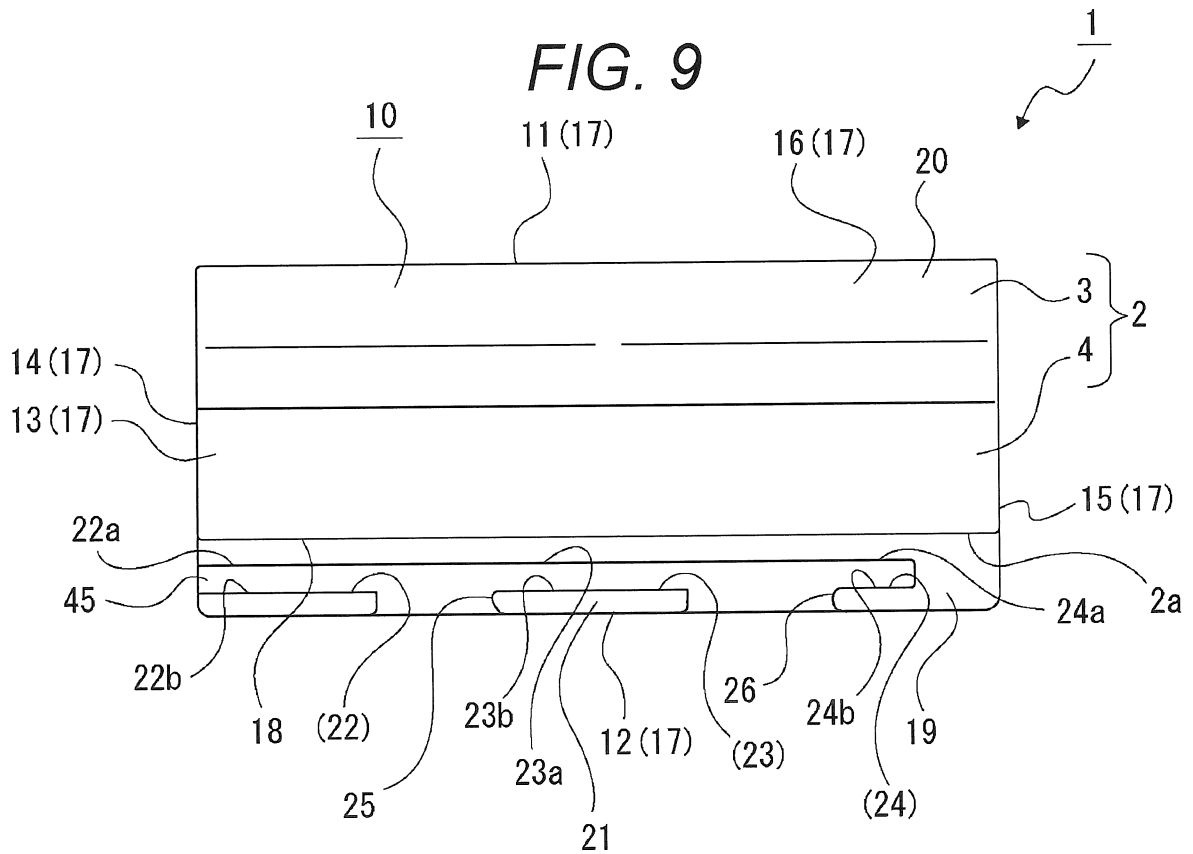
FIG. 5**FIG. 6**

5/70

FIG. 7



6/70

FIG. 8**FIG. 9**

7 / 70

FIG. 10

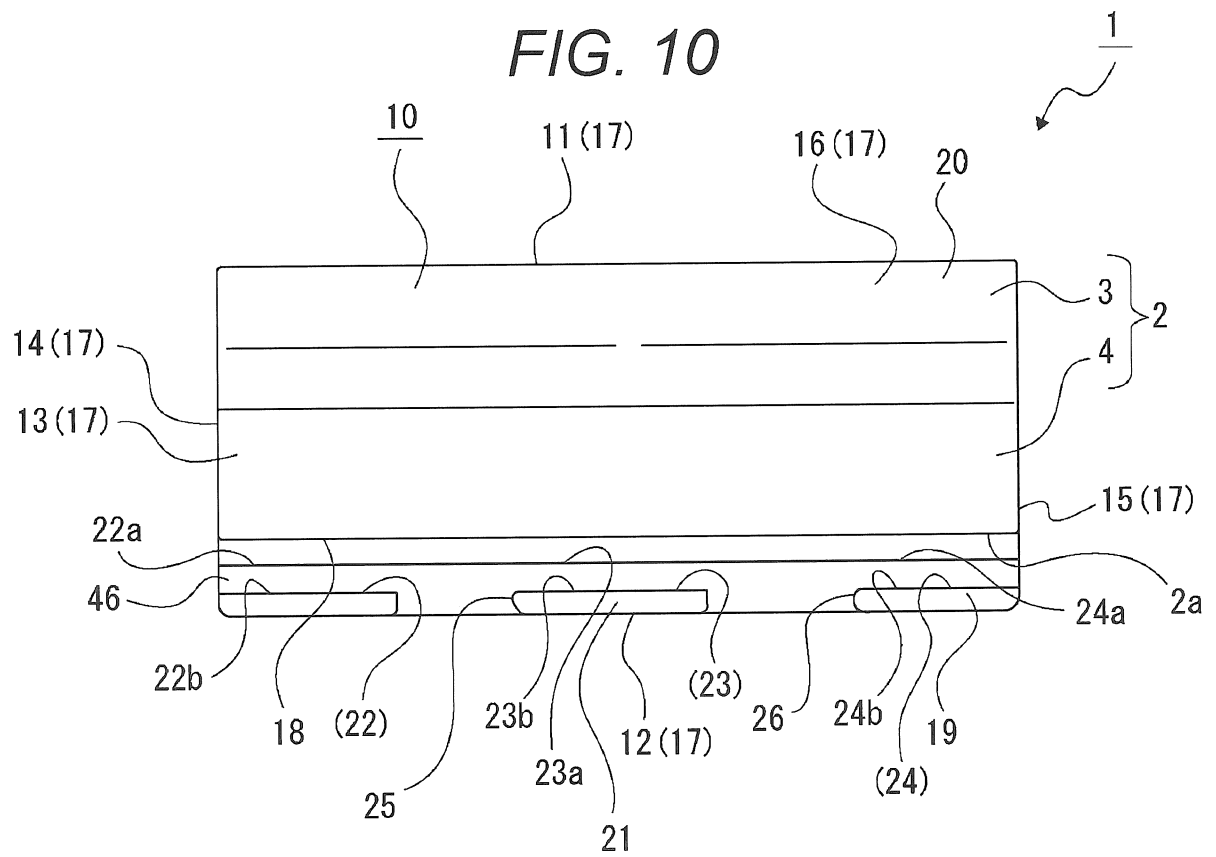
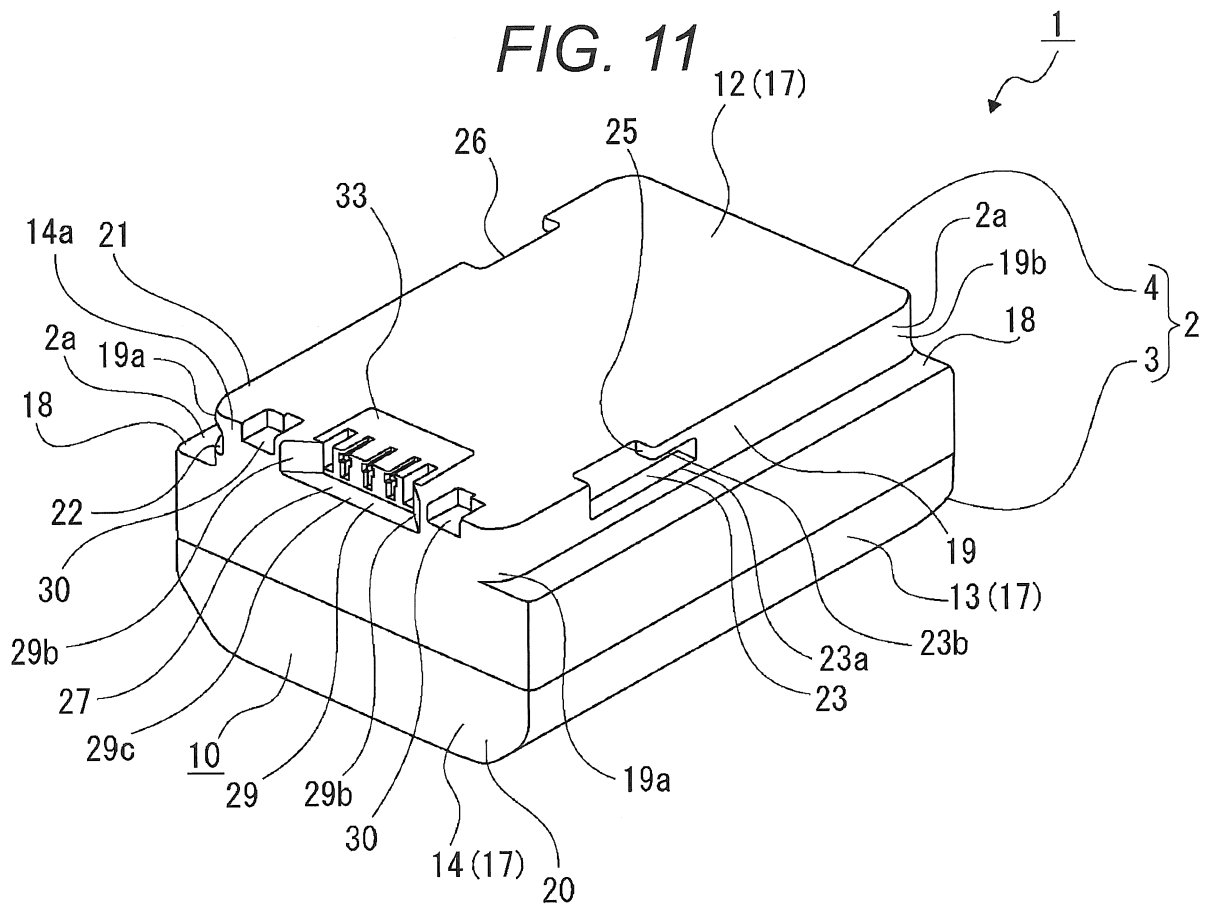


FIG. 11



8/70

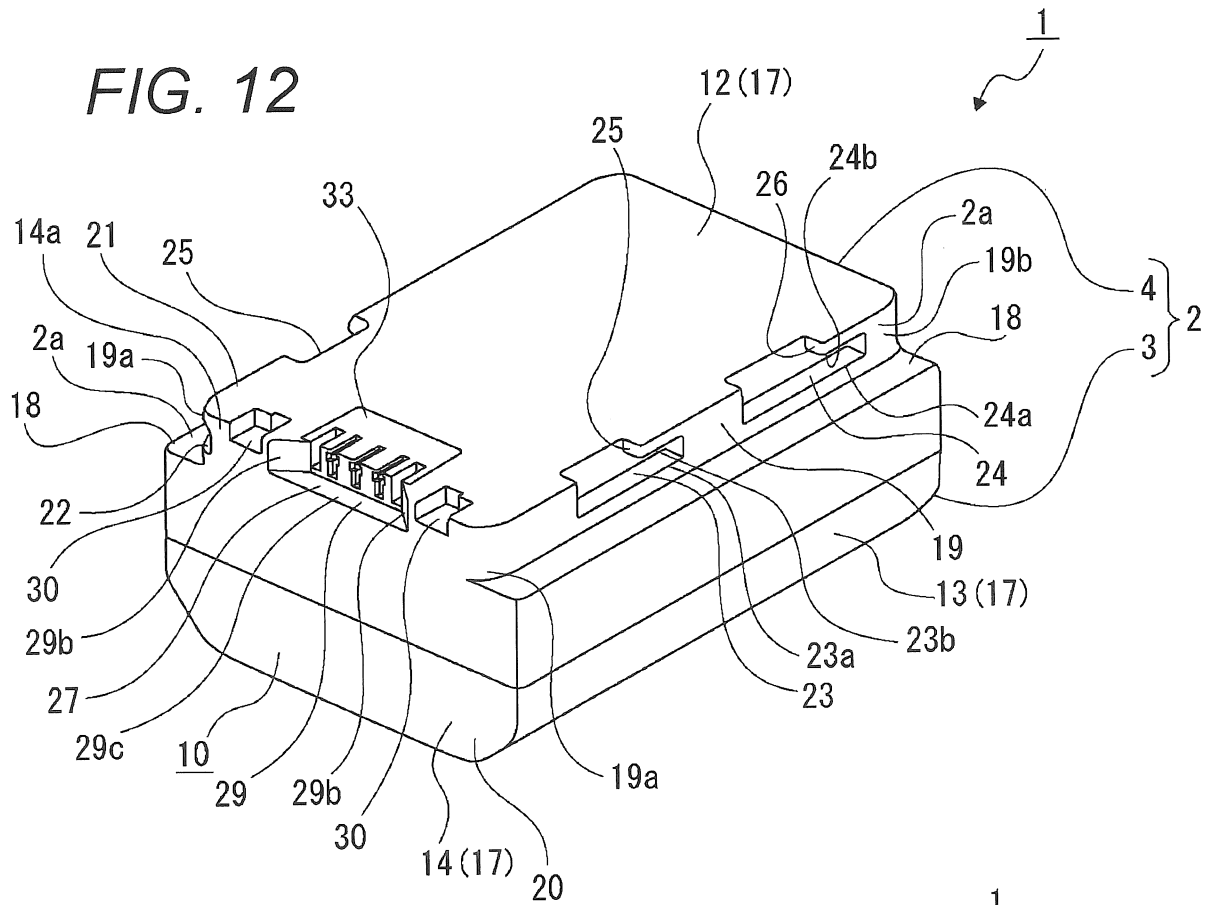
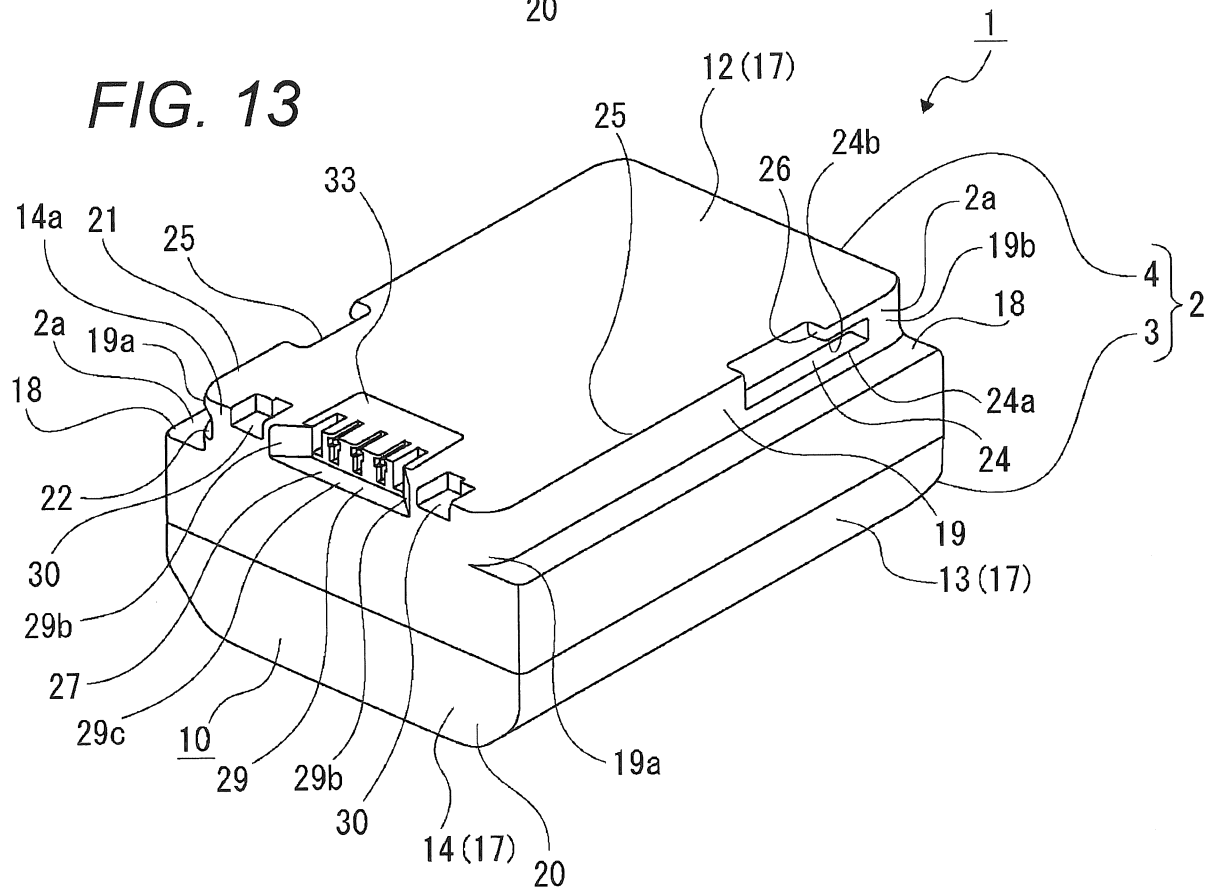
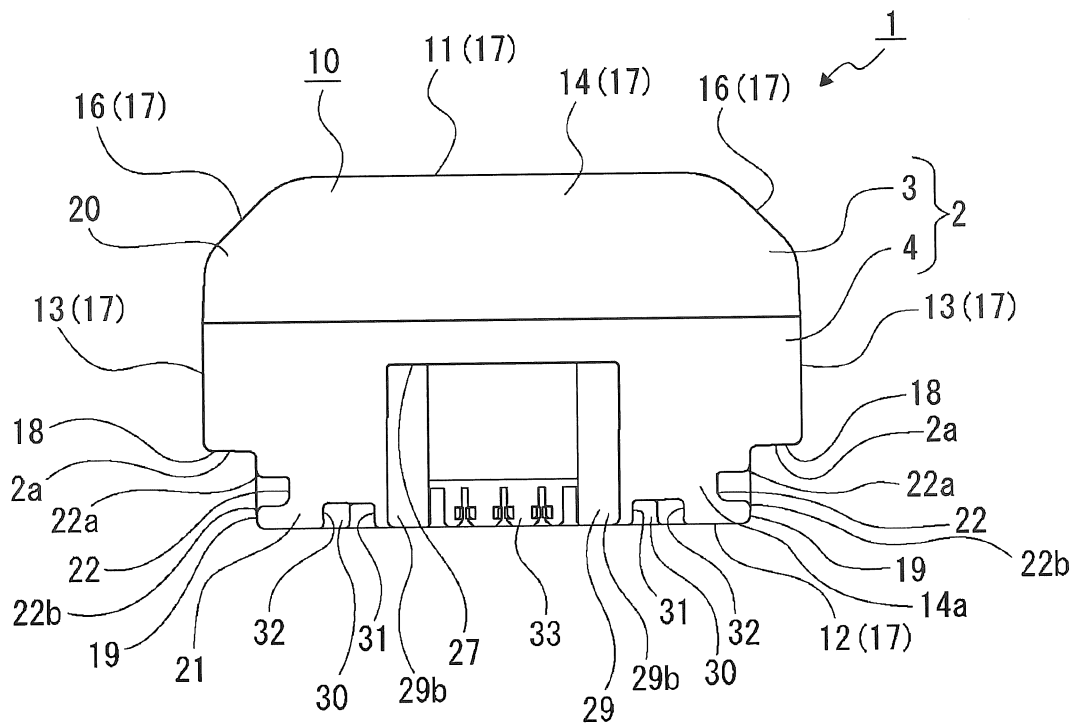
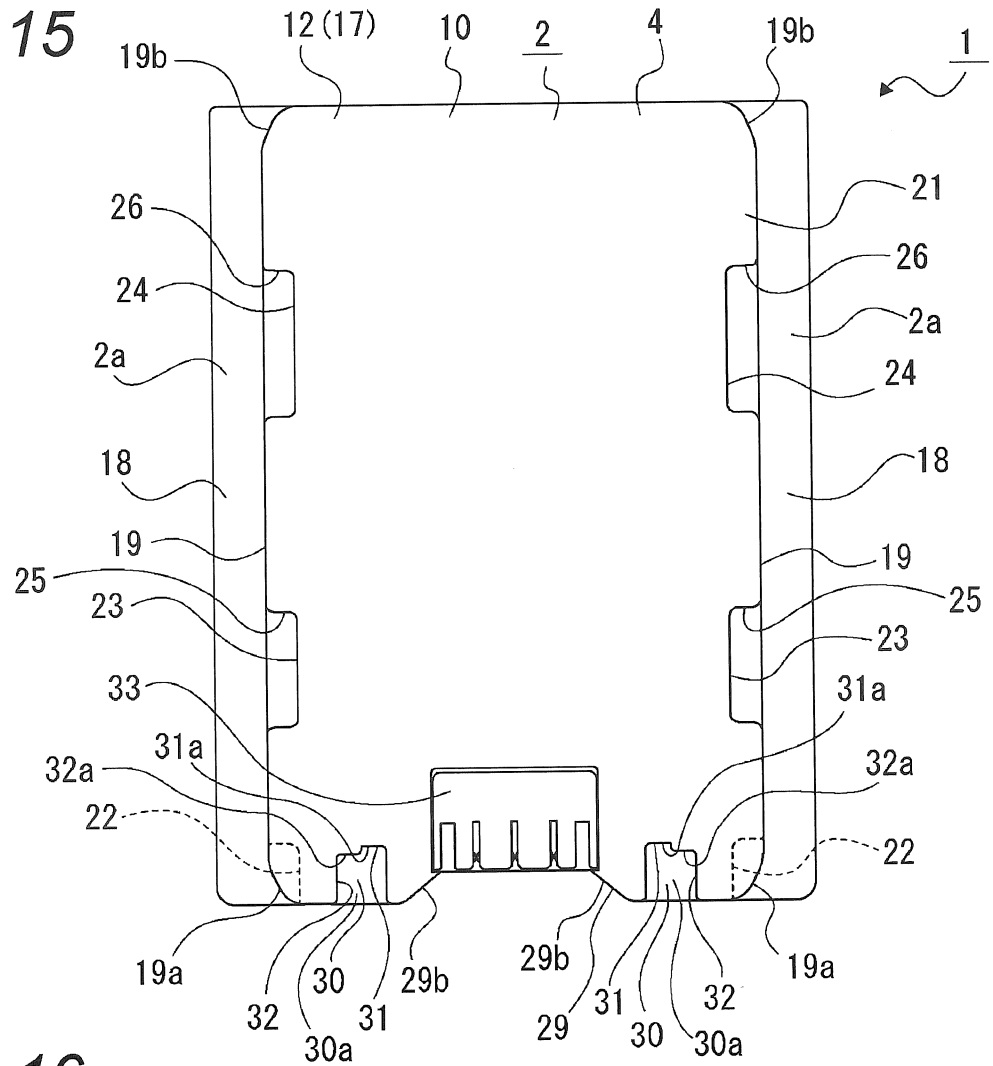
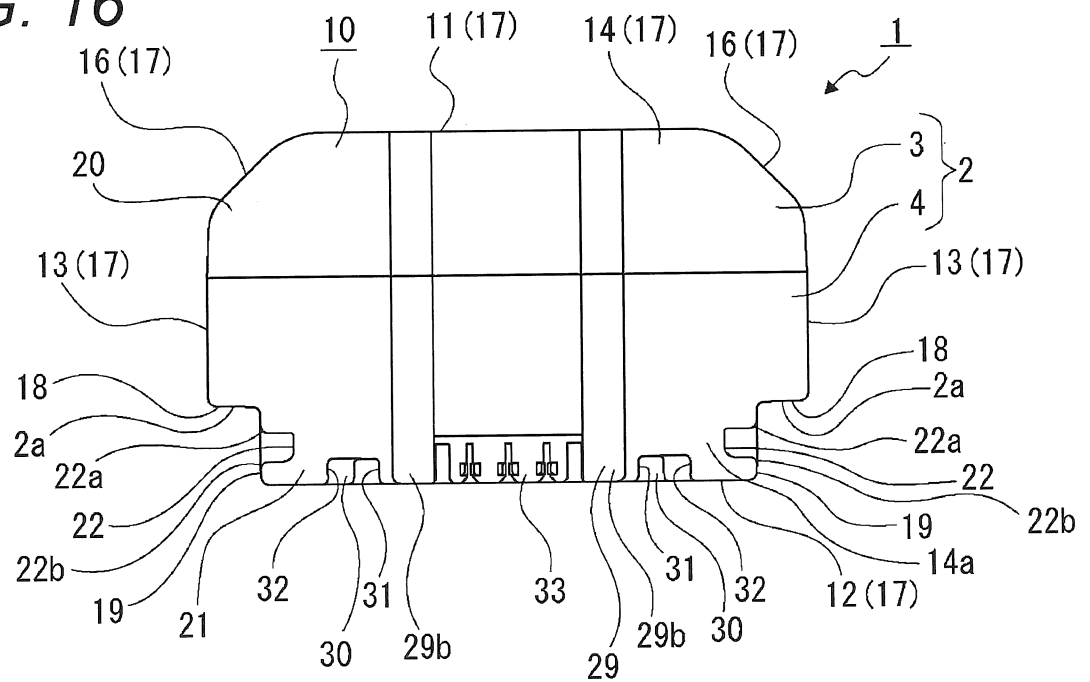
FIG. 12**FIG. 13**

FIG. 14



10/70

FIG. 15**FIG. 16**

12/70

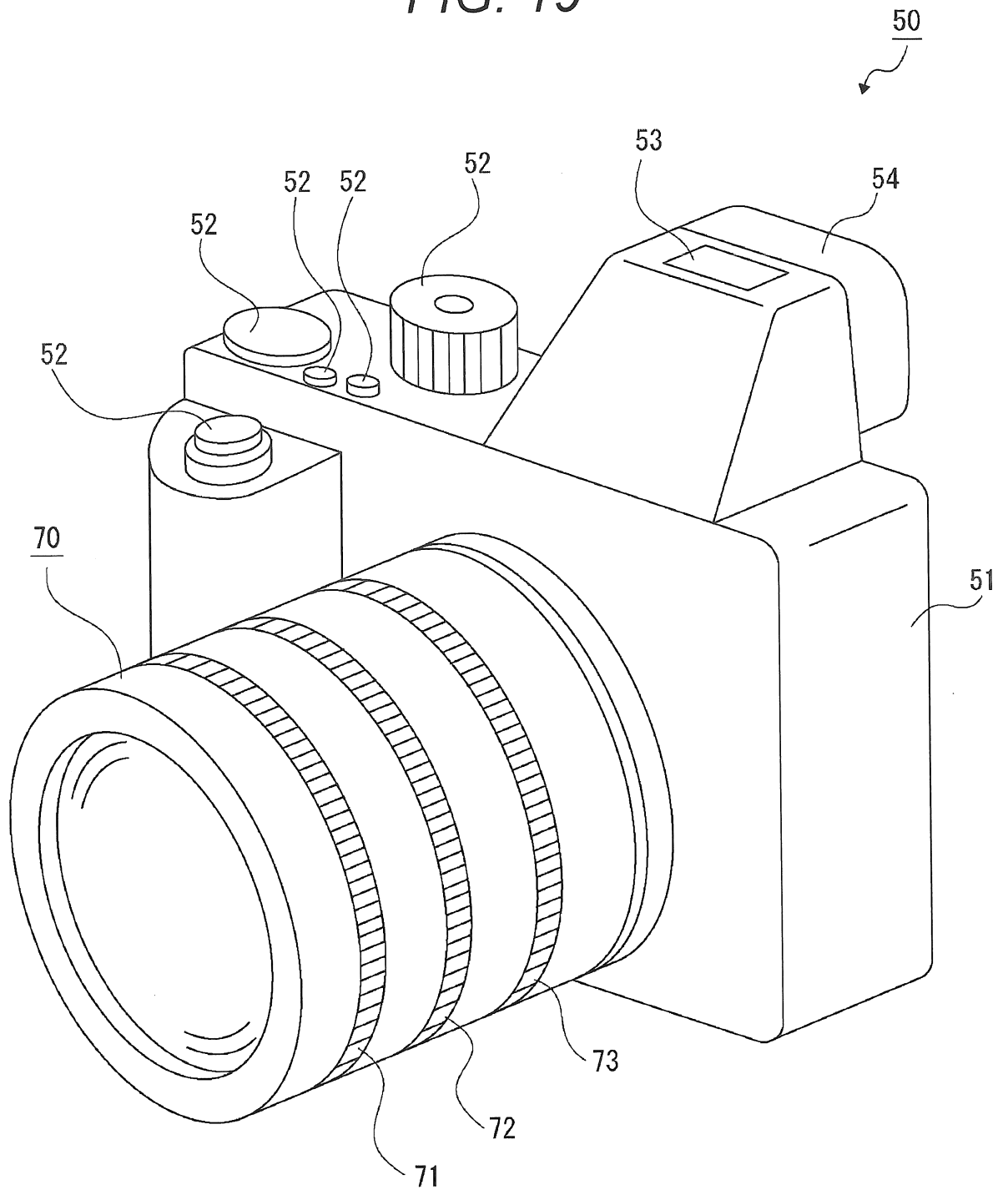
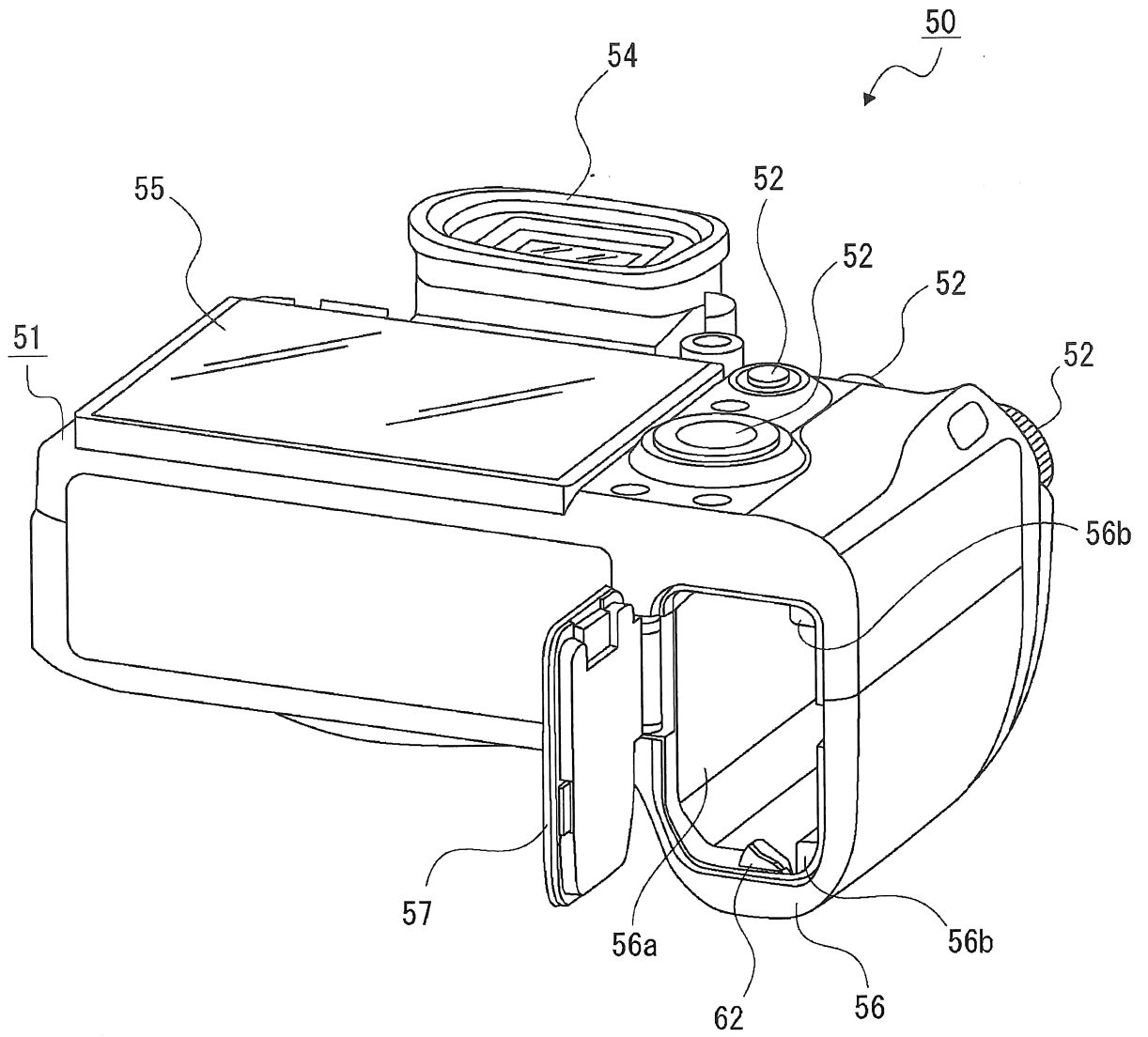
FIG. 19

FIG. 20



14/70

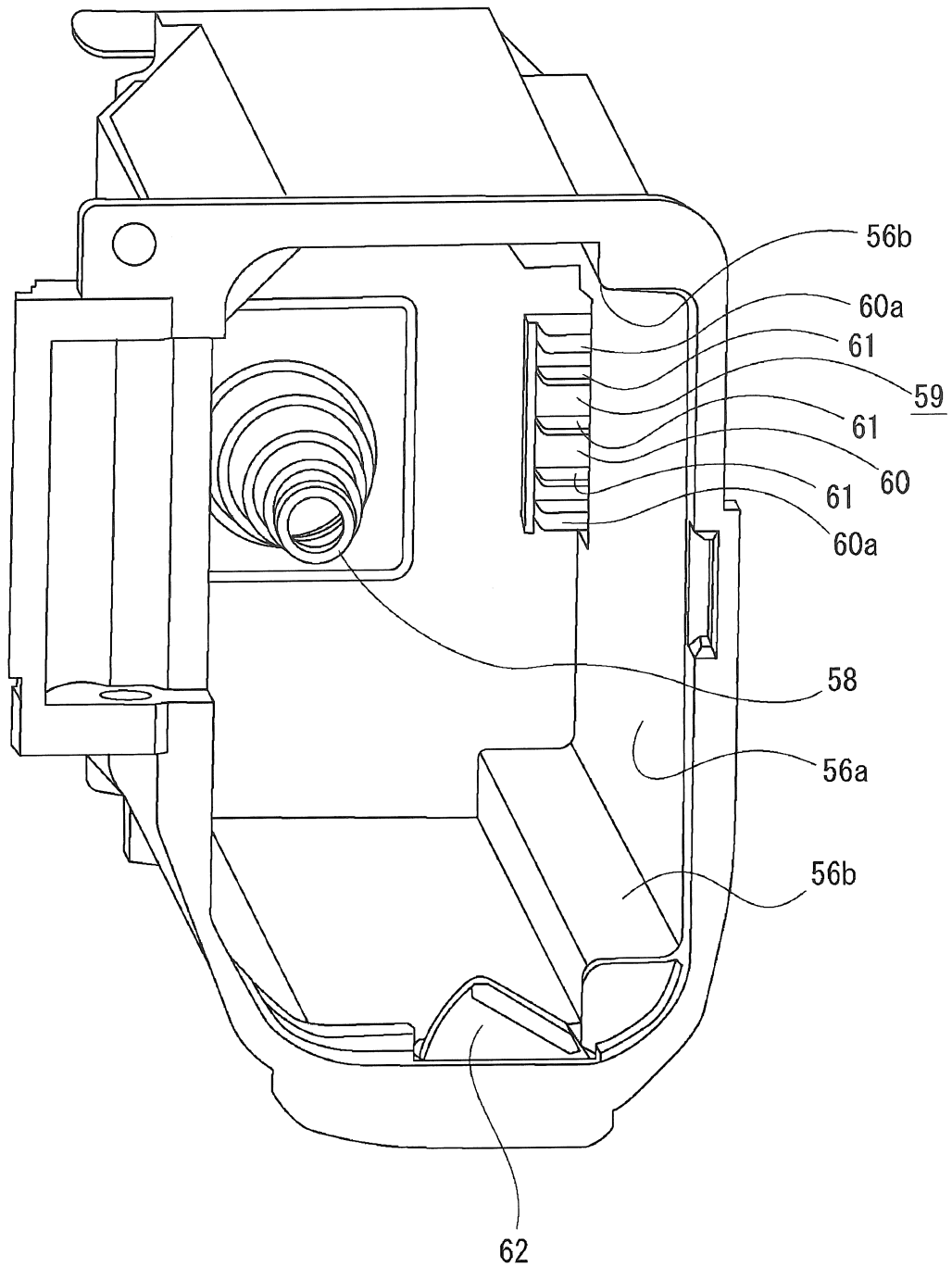
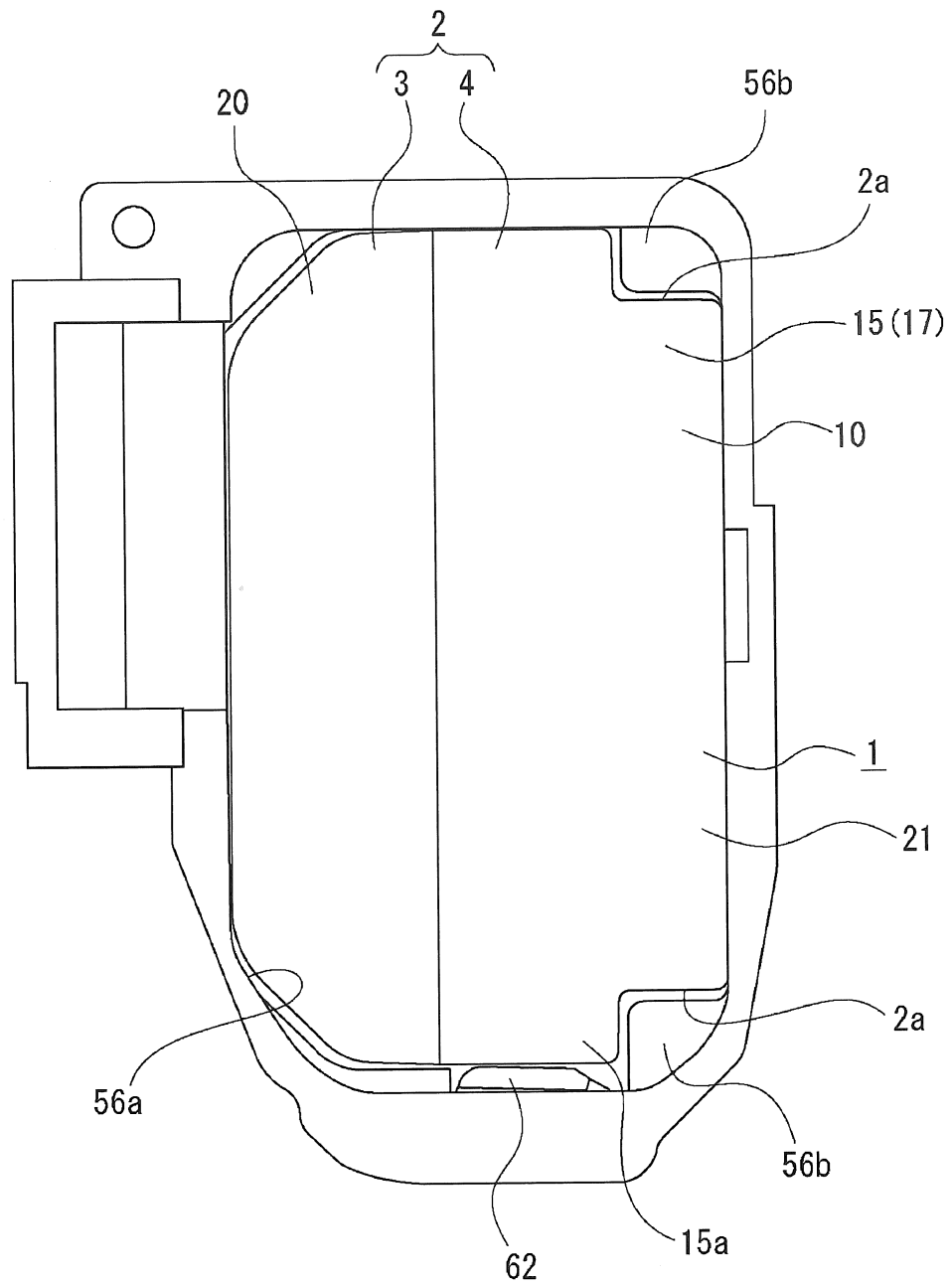
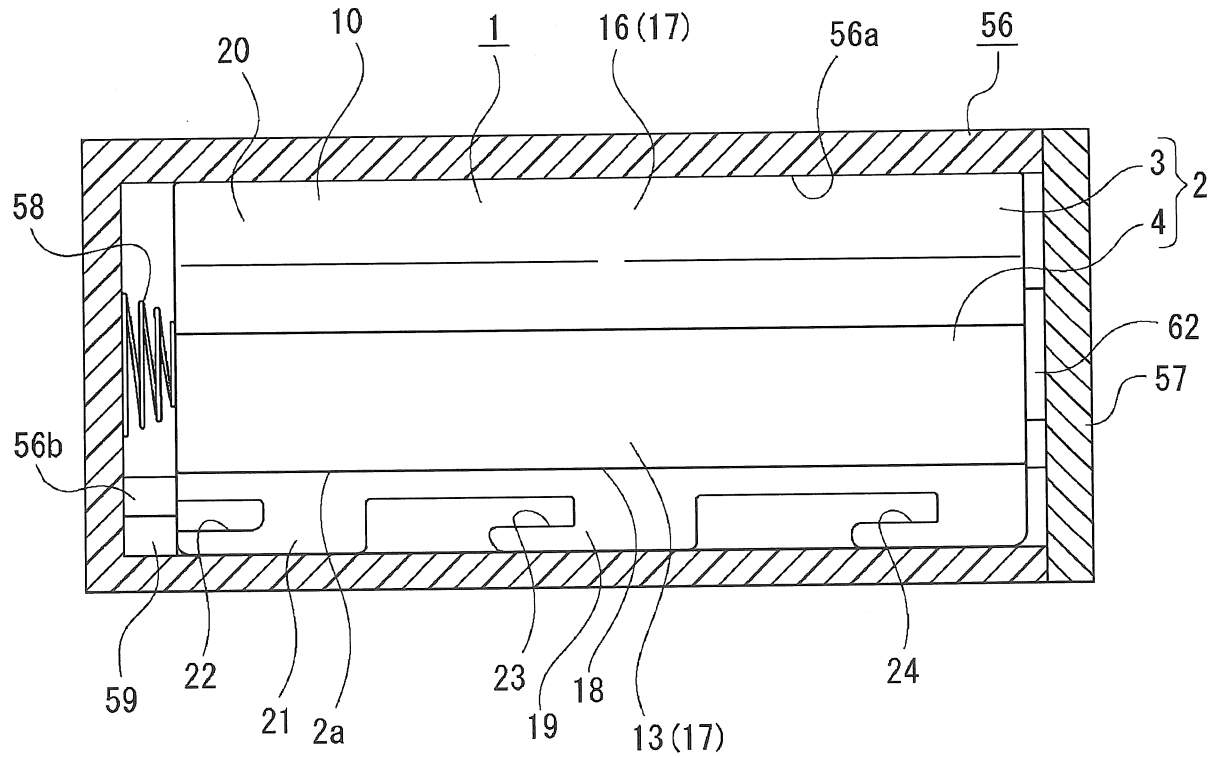
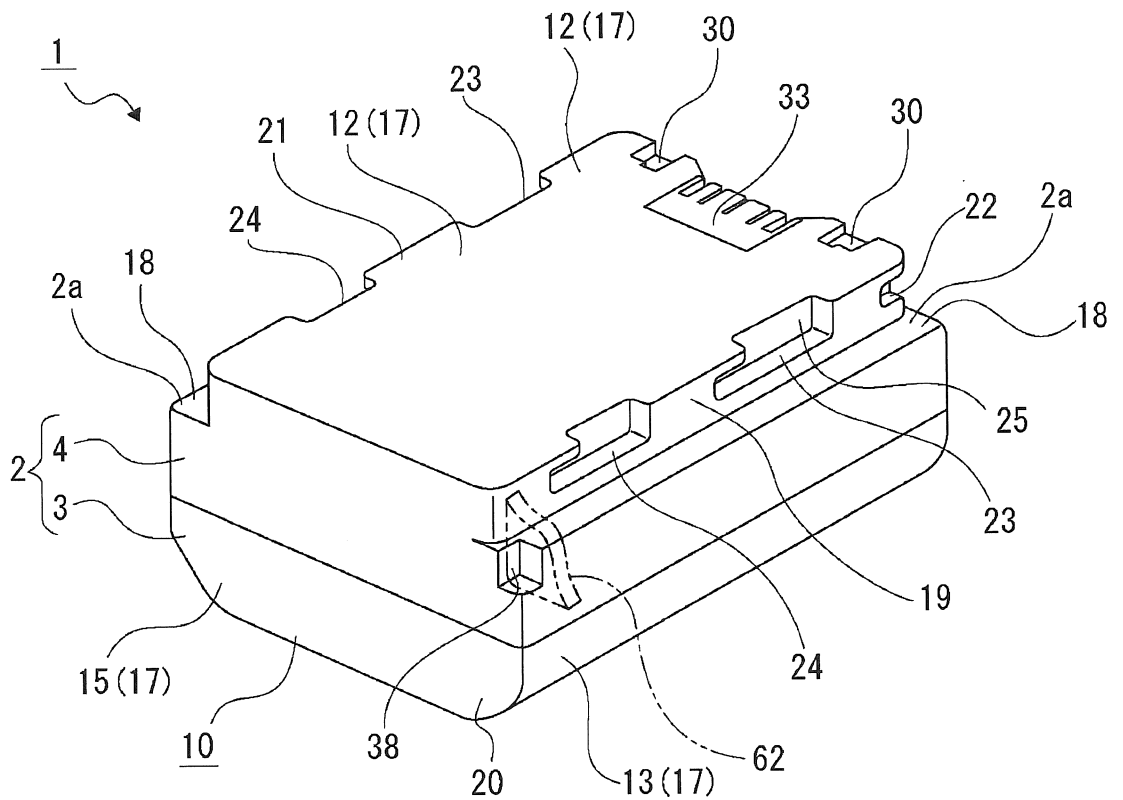
FIG. 21

FIG. 22



16/70

FIG. 23**FIG. 24**

17/70

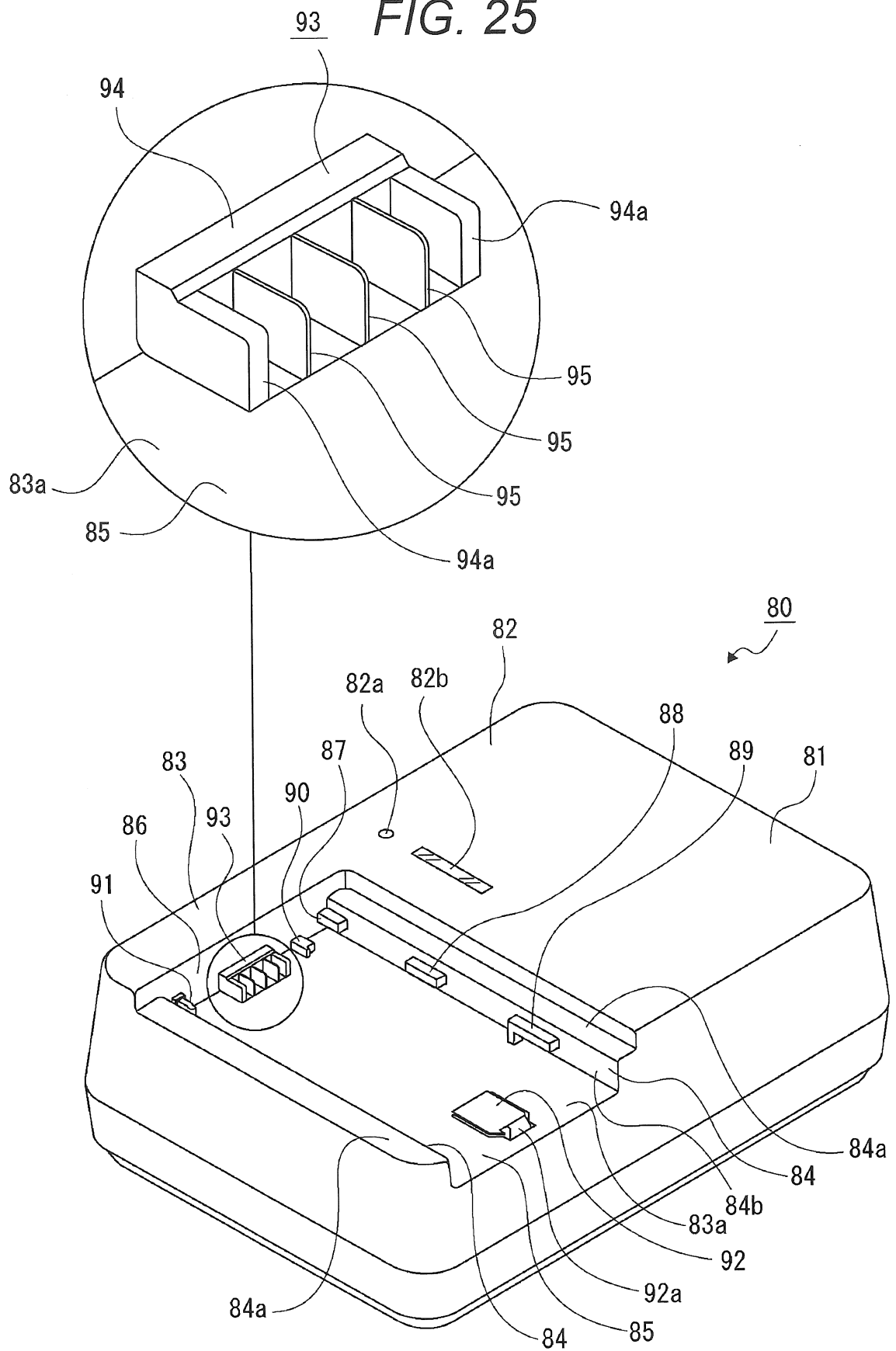
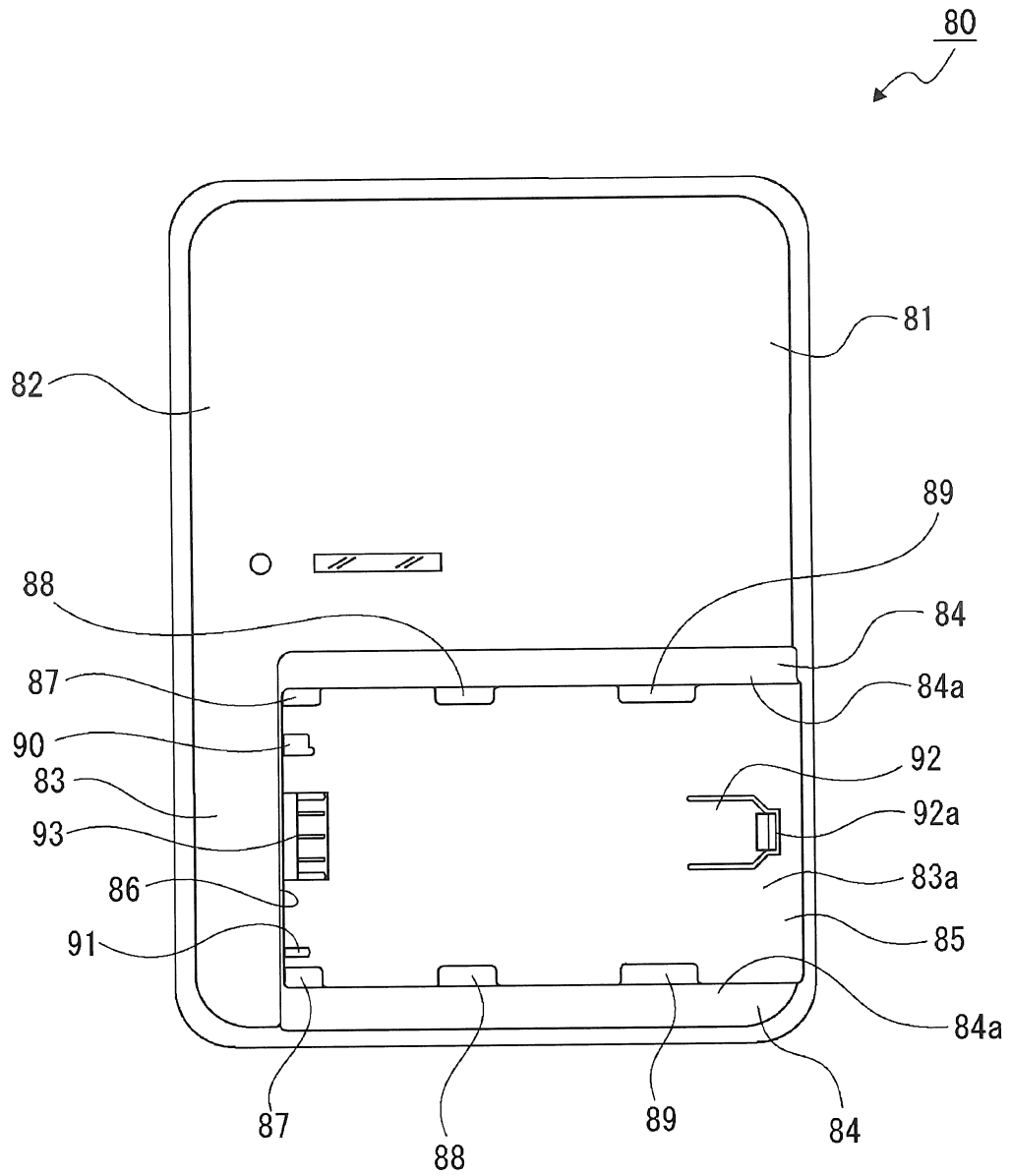
FIG. 25

FIG. 26



19/70

FIG. 27

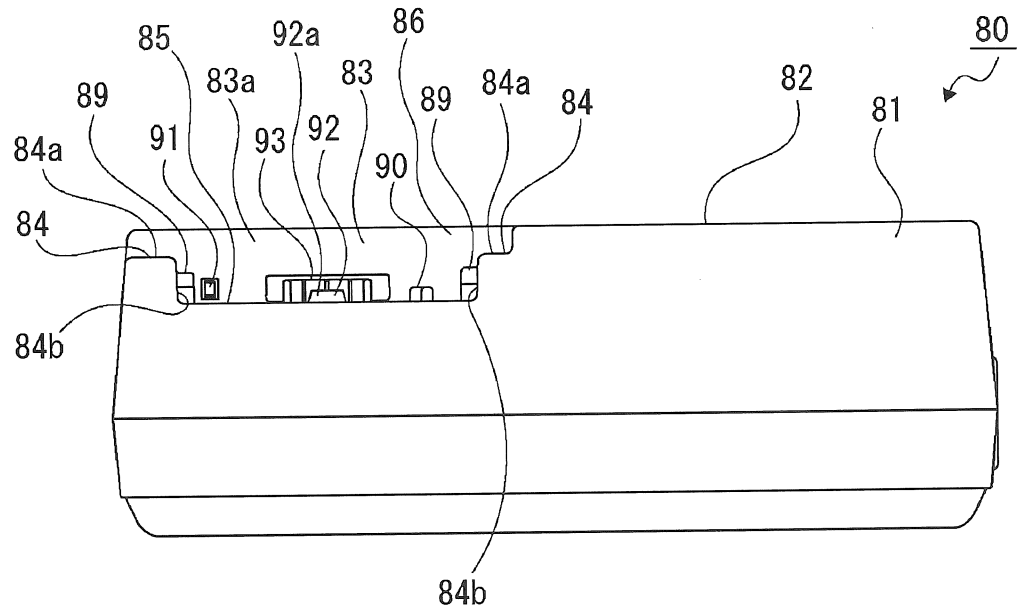


FIG. 28

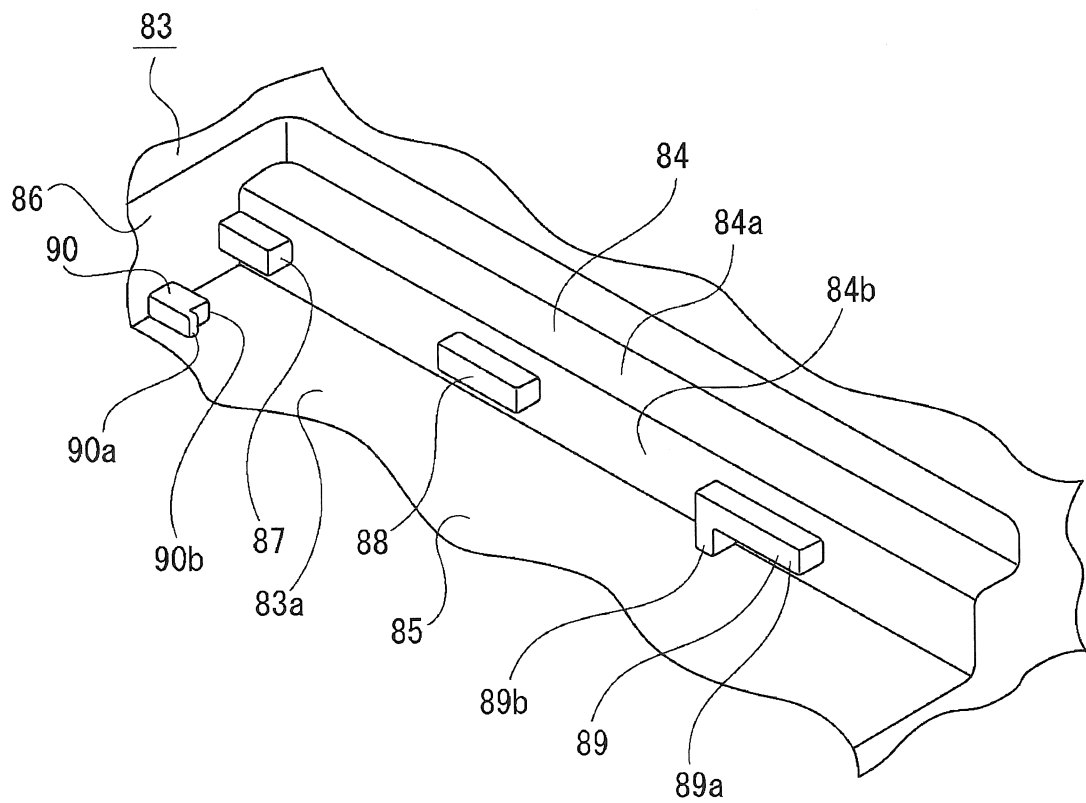


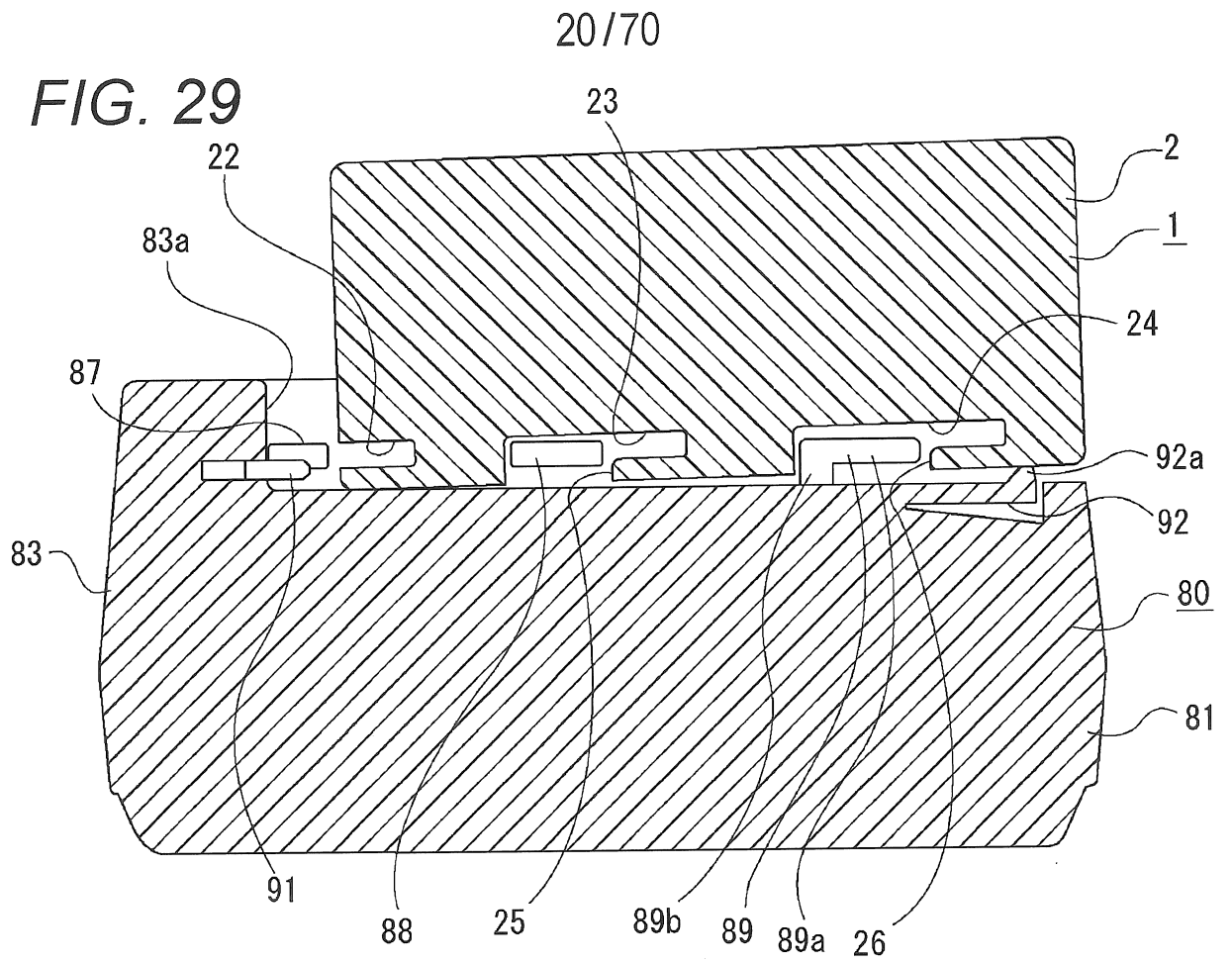
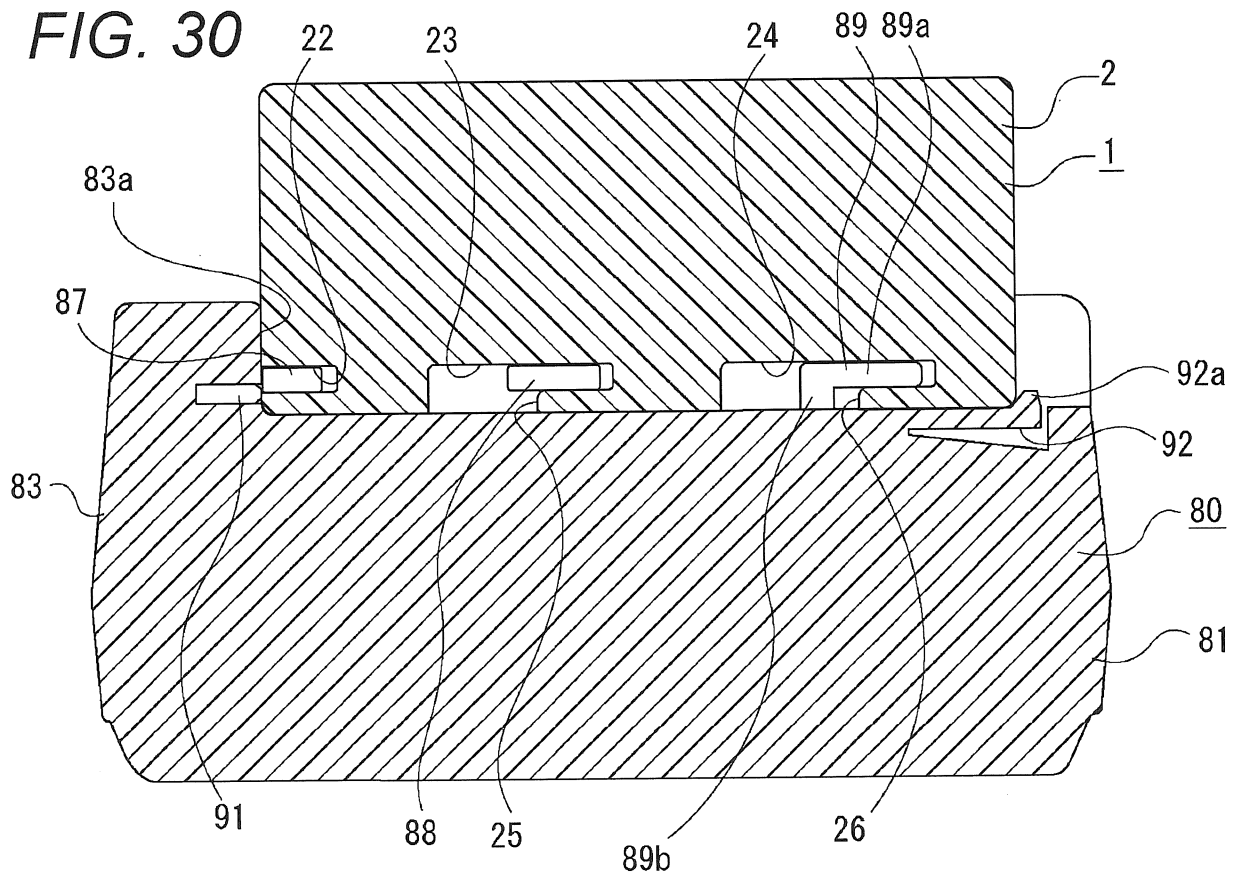
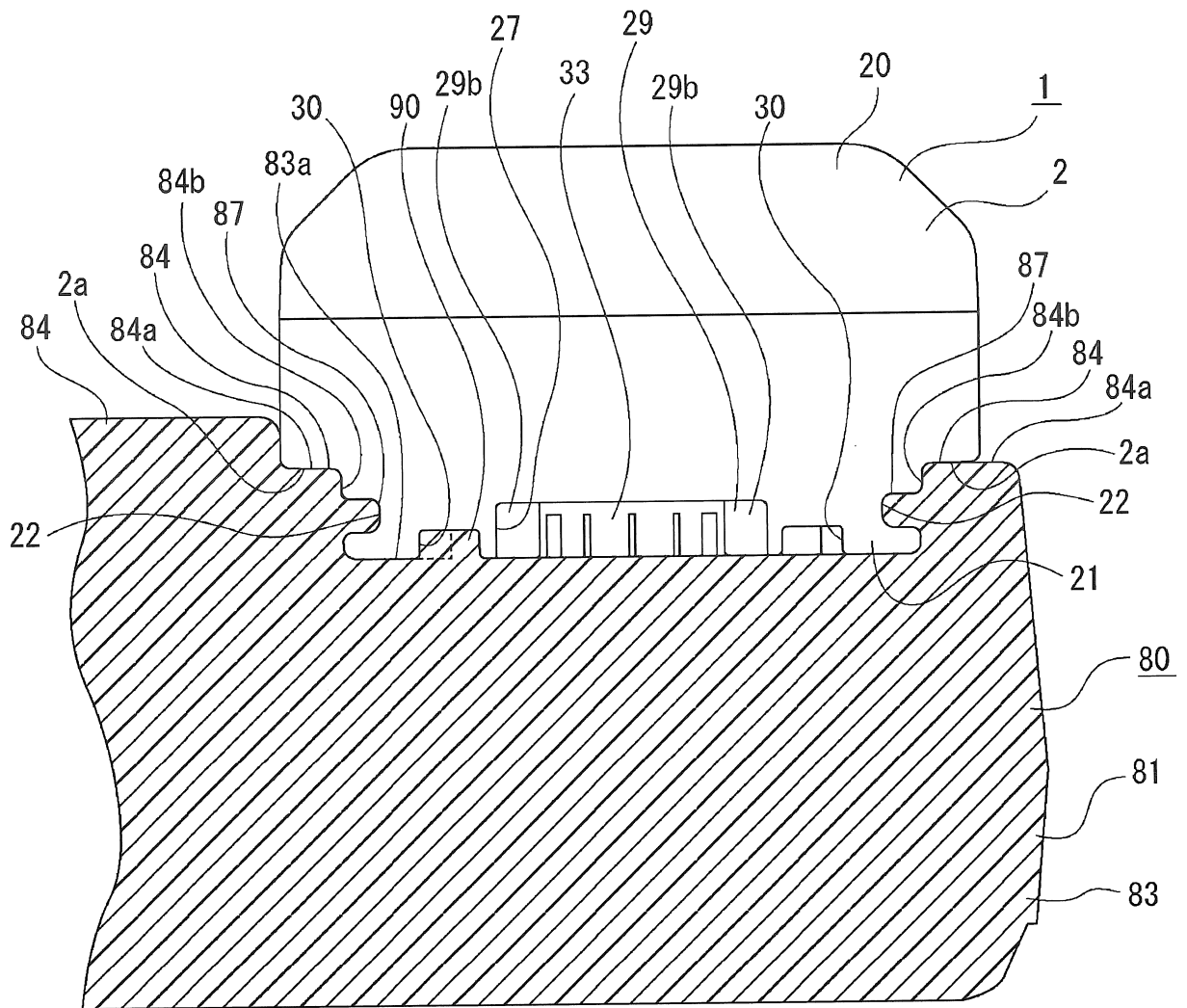
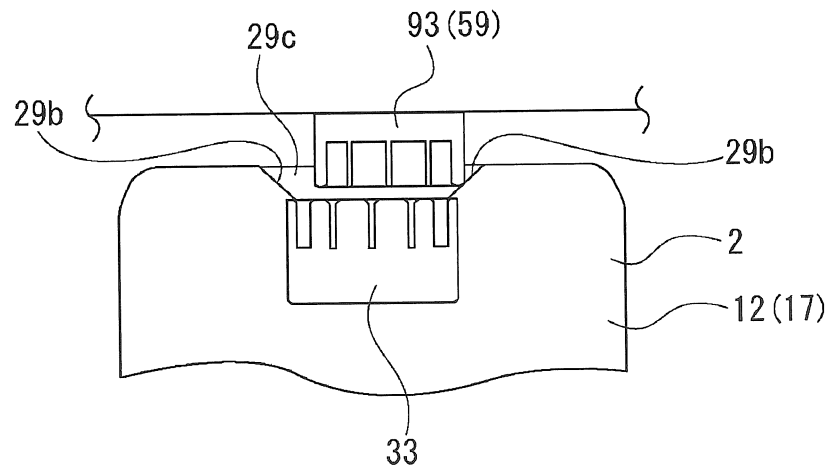
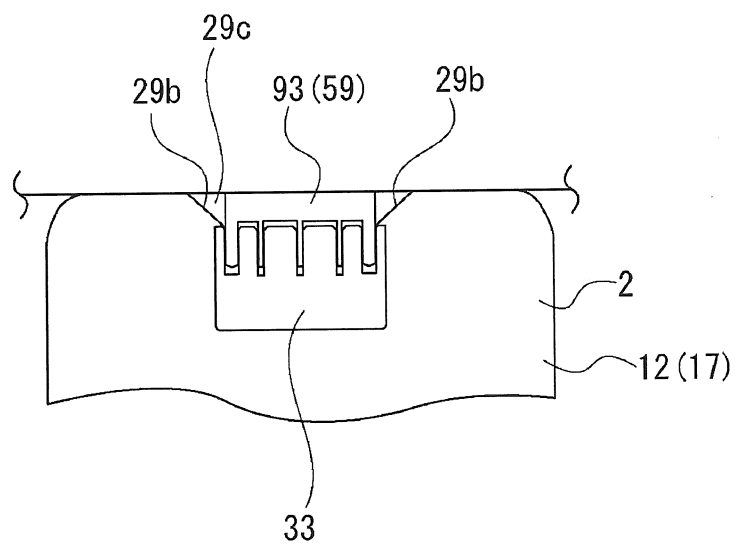
FIG. 29**FIG. 30**

FIG. 31



22/70

FIG. 32*FIG. 33*

23/70

FIG. 34

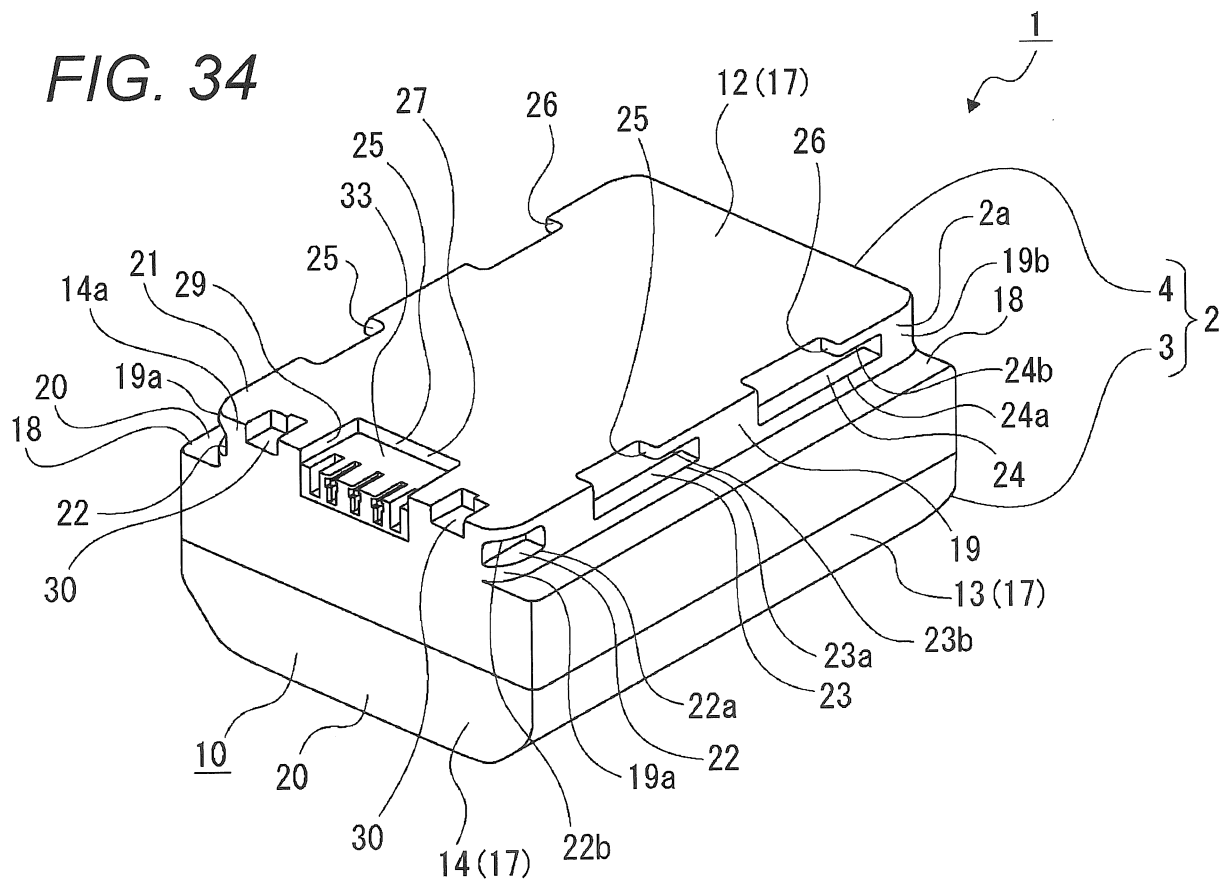


FIG. 35

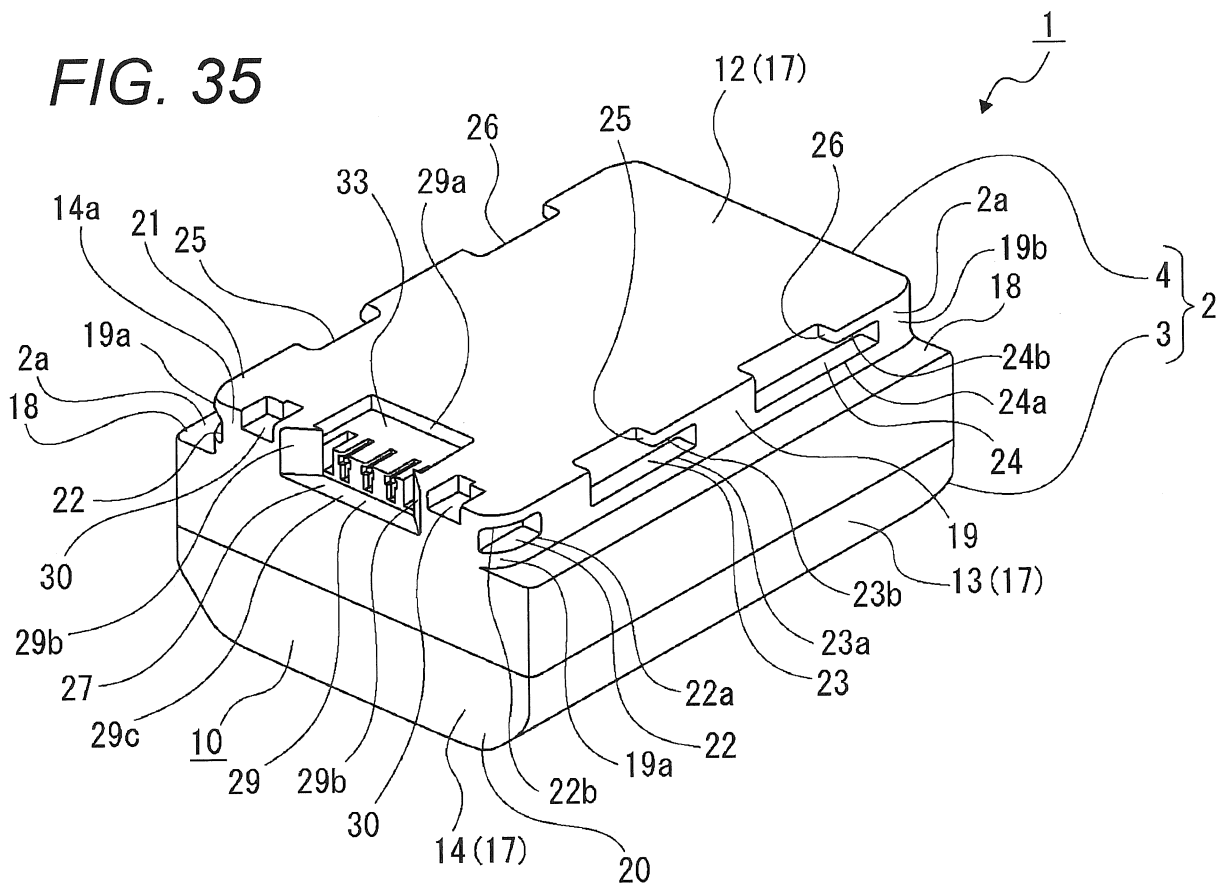


FIG. 36

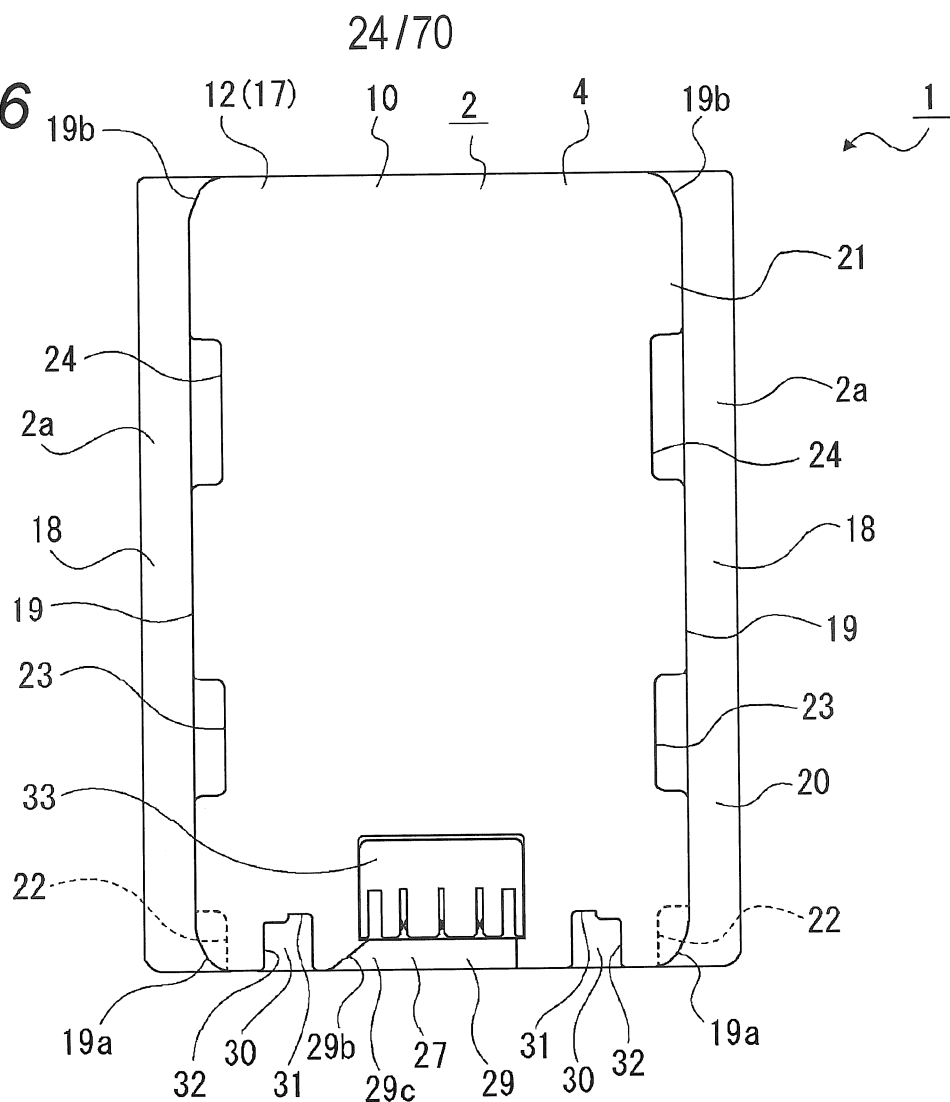
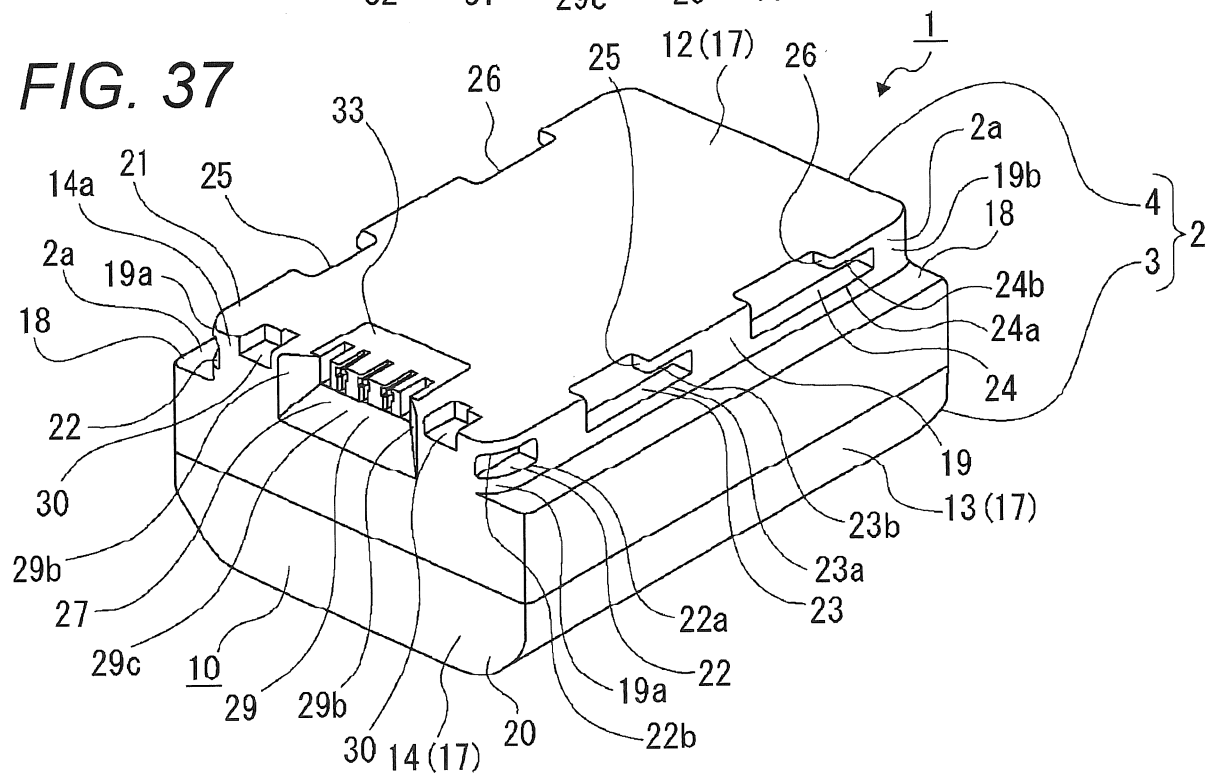


FIG. 37



25/70

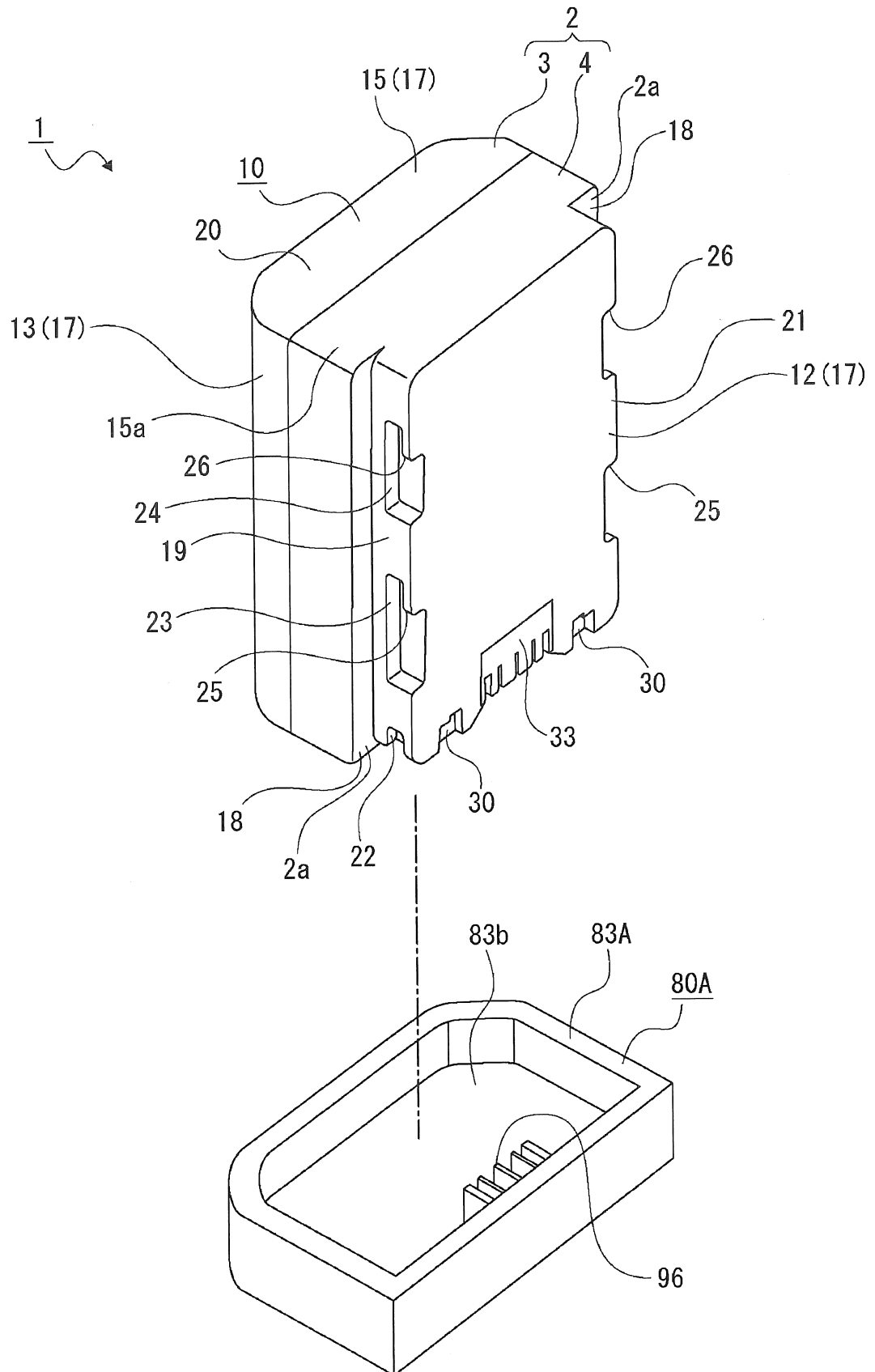
FIG. 38

FIG. 40

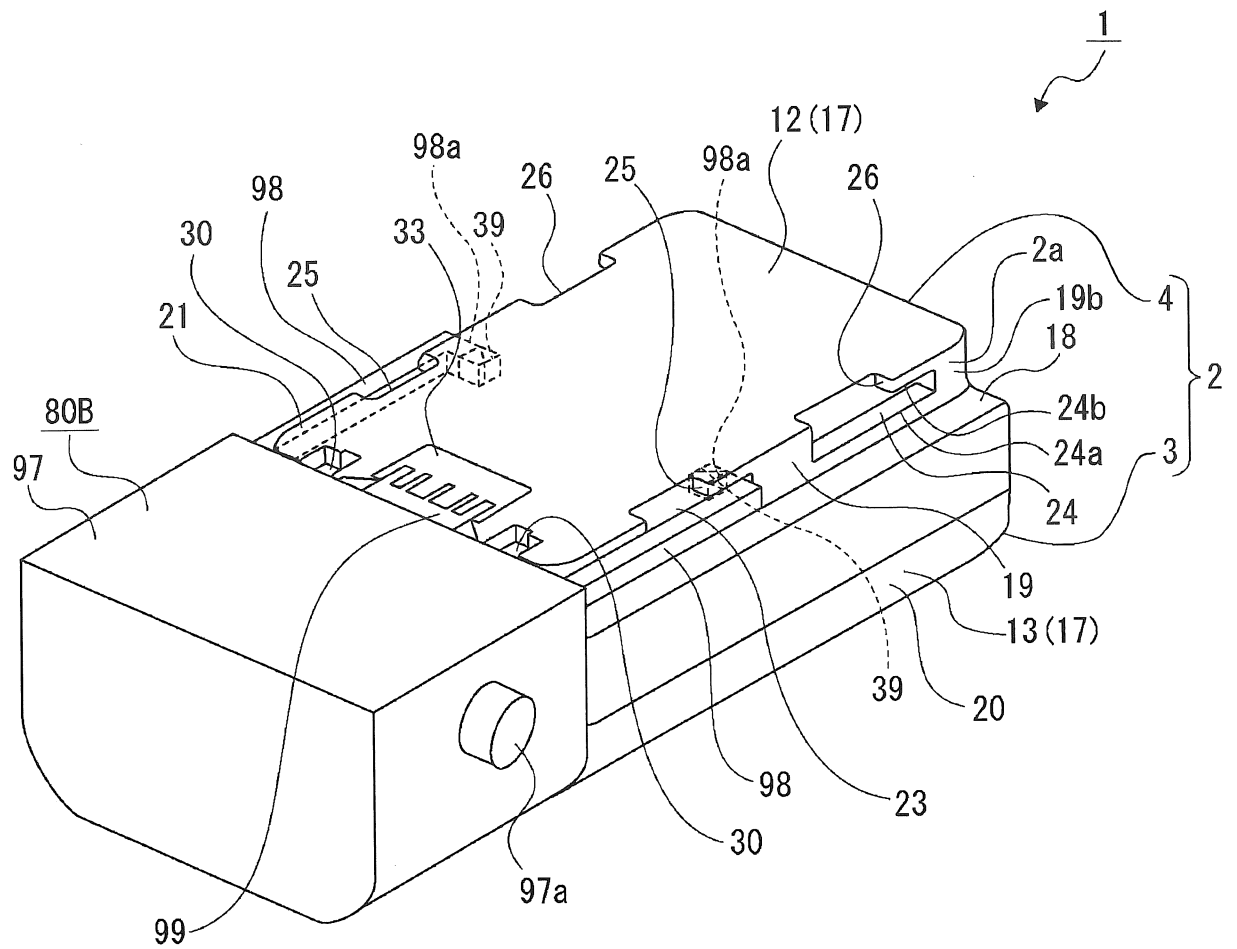
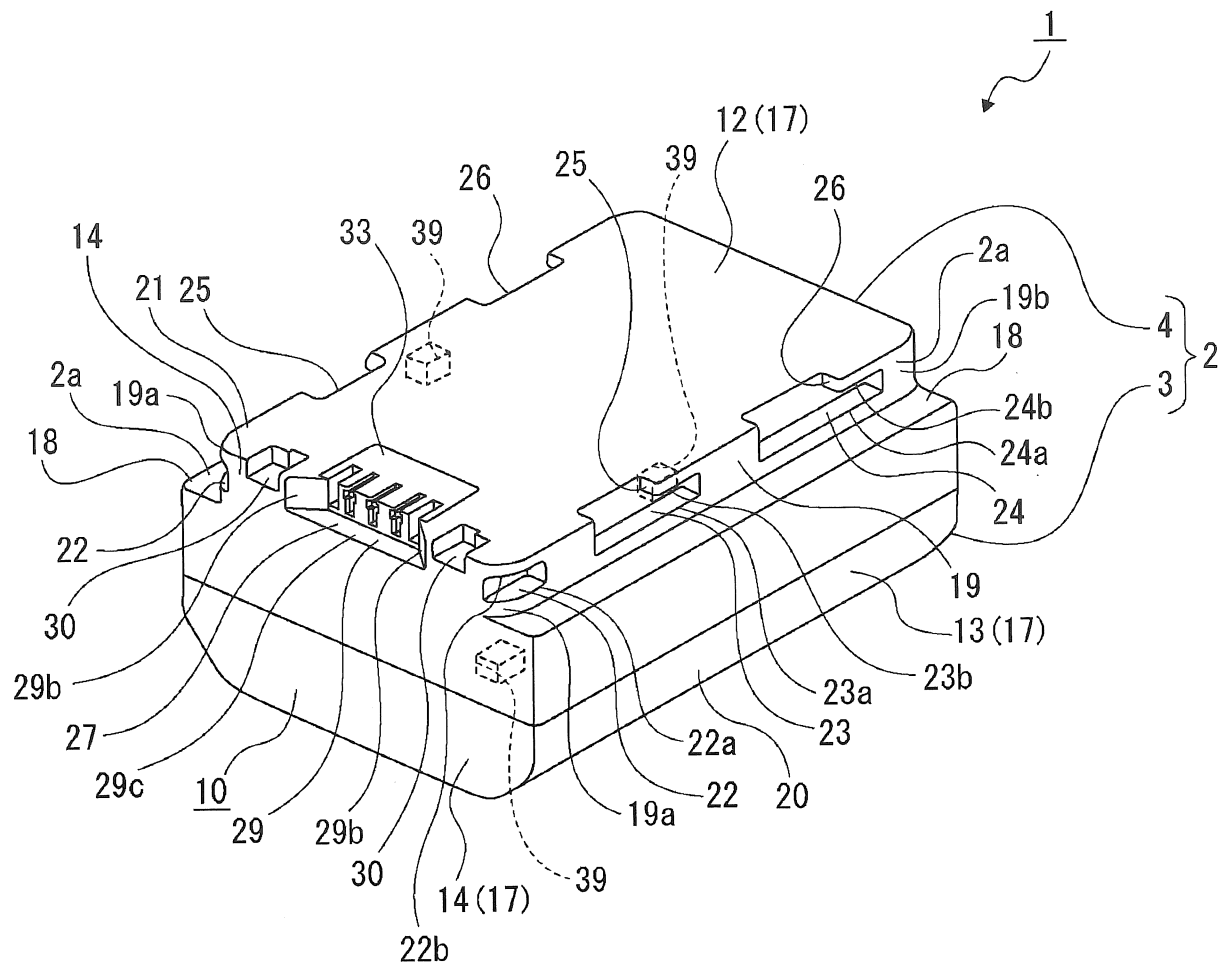
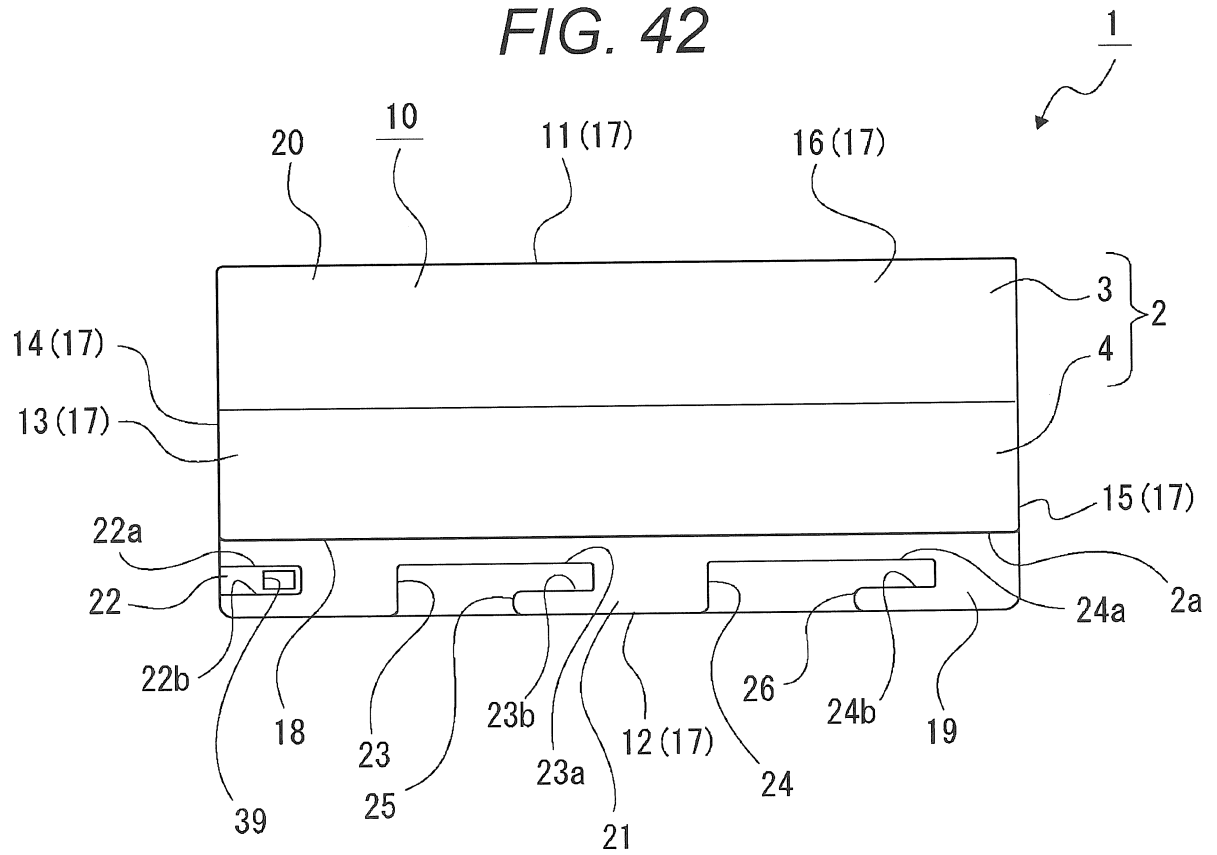
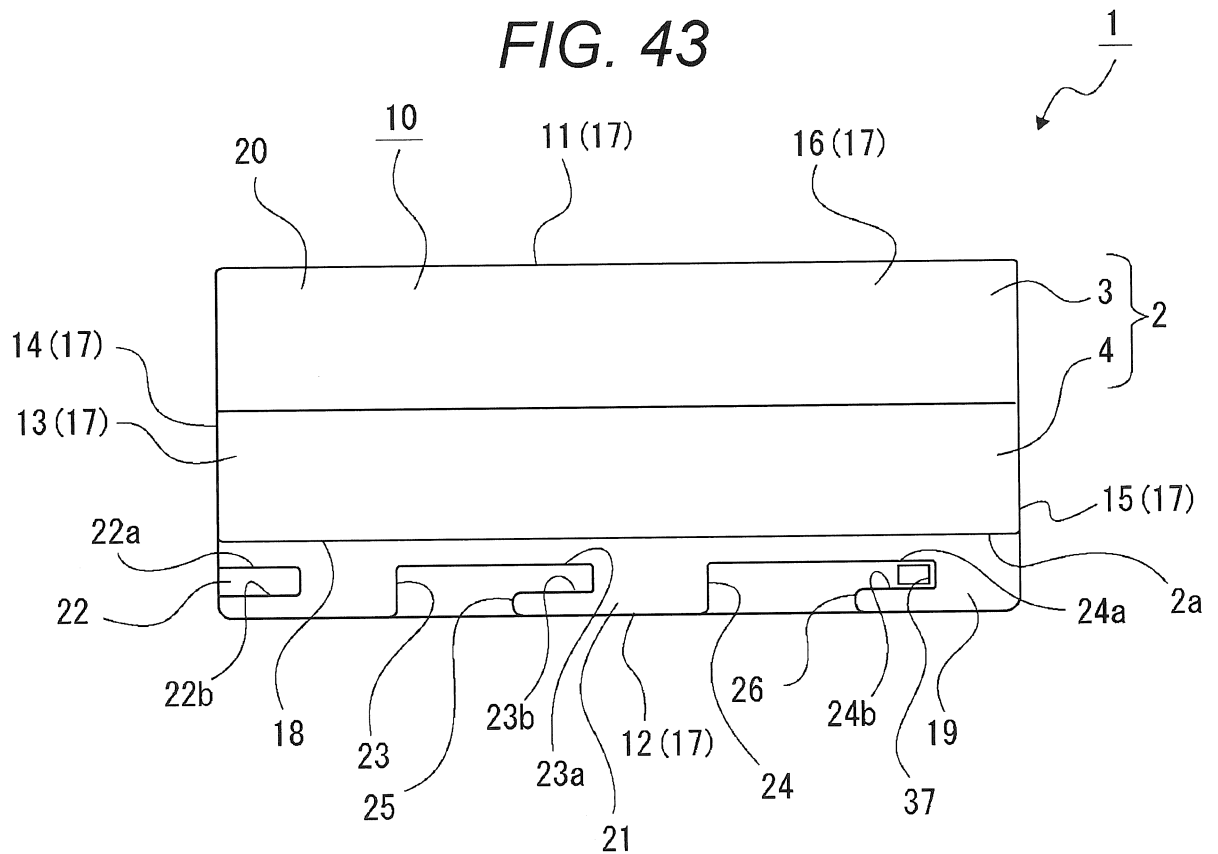


FIG. 41



29/70

FIG. 42**FIG. 43**

30/70

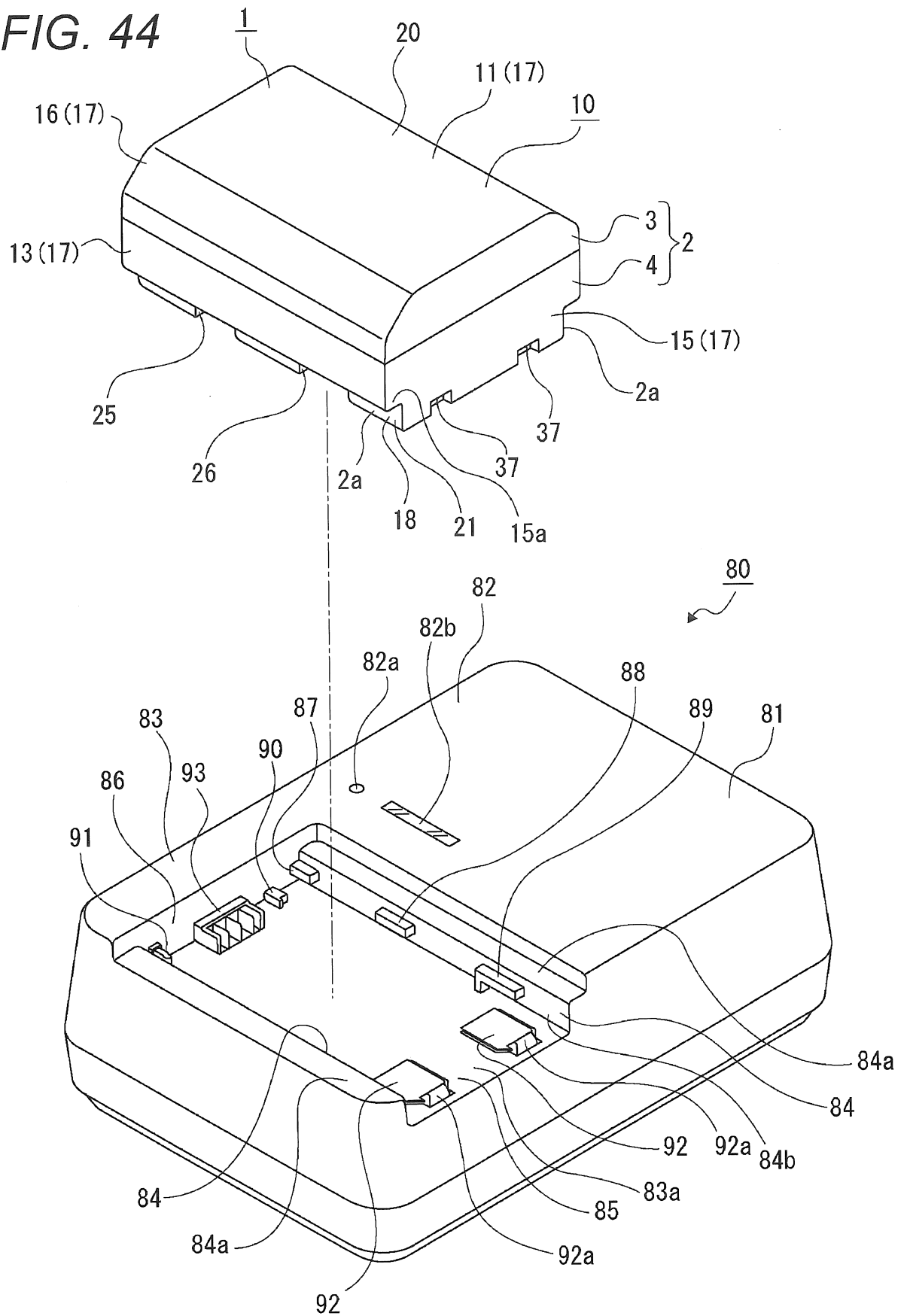
FIG. 44

FIG. 45

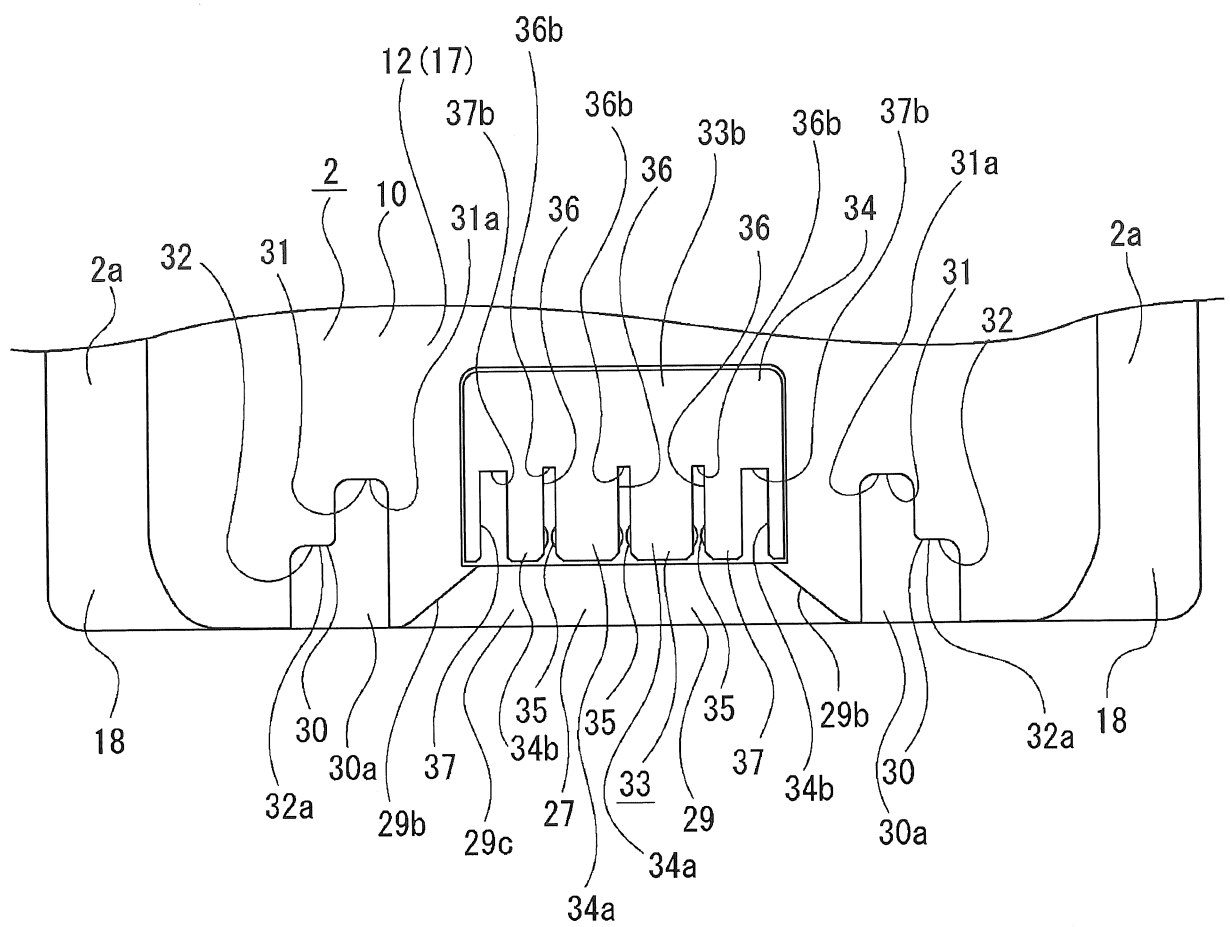


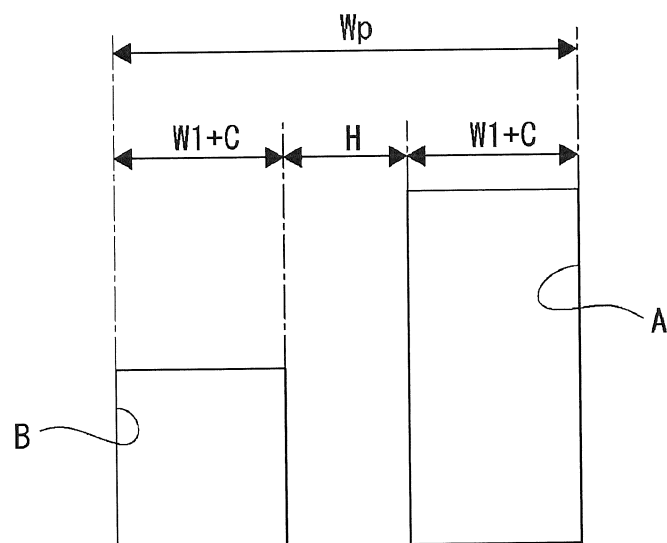
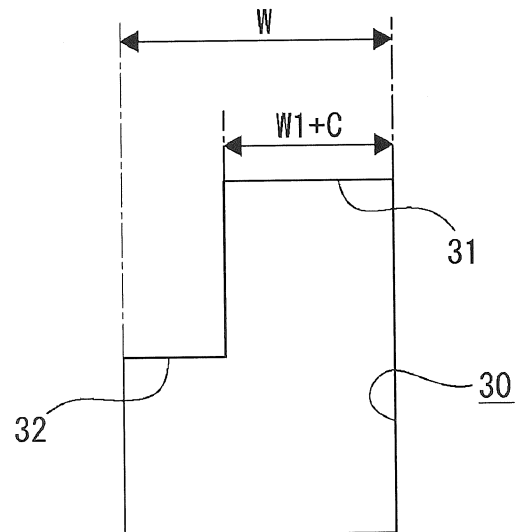
FIG. 46

FIG. 47

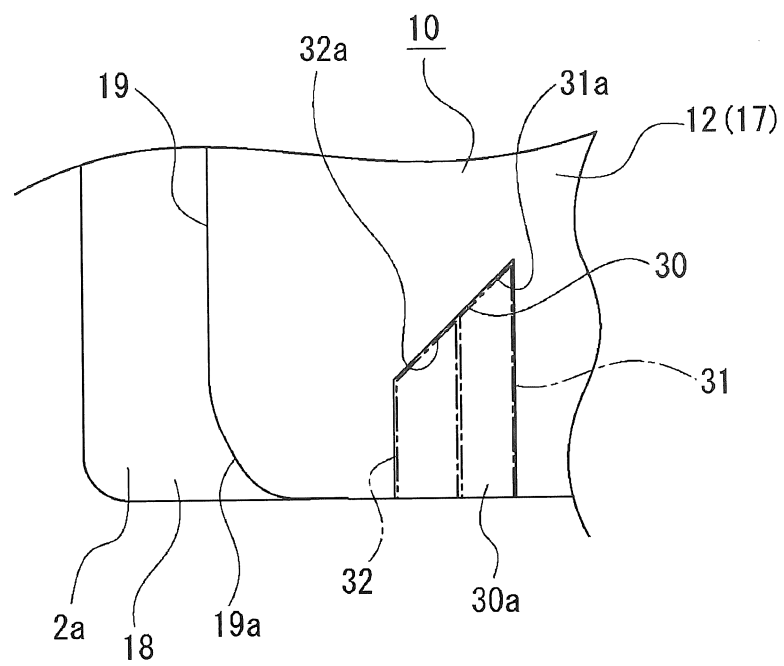
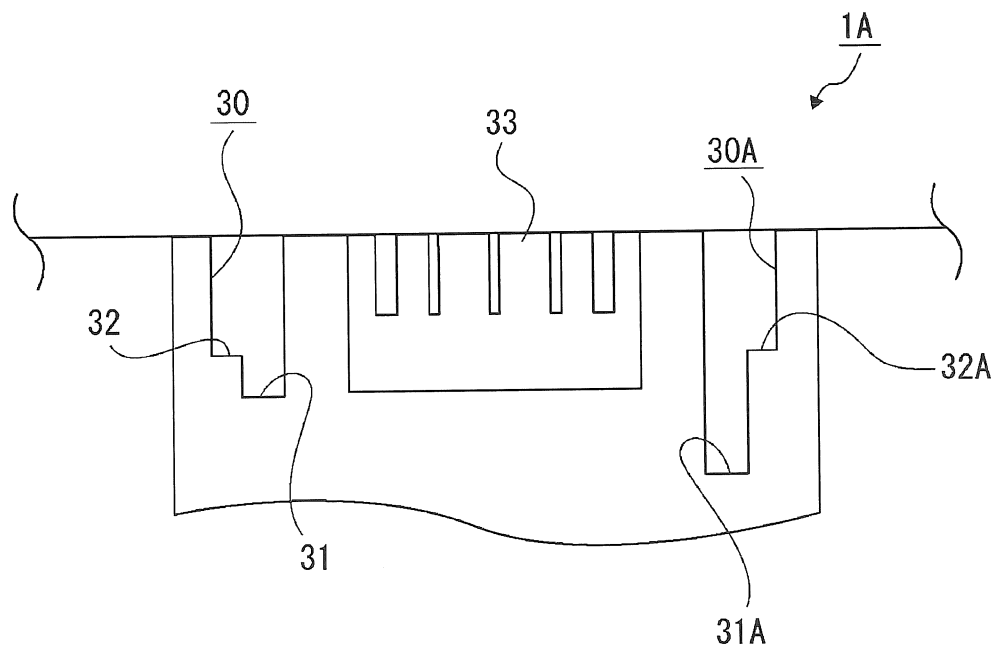
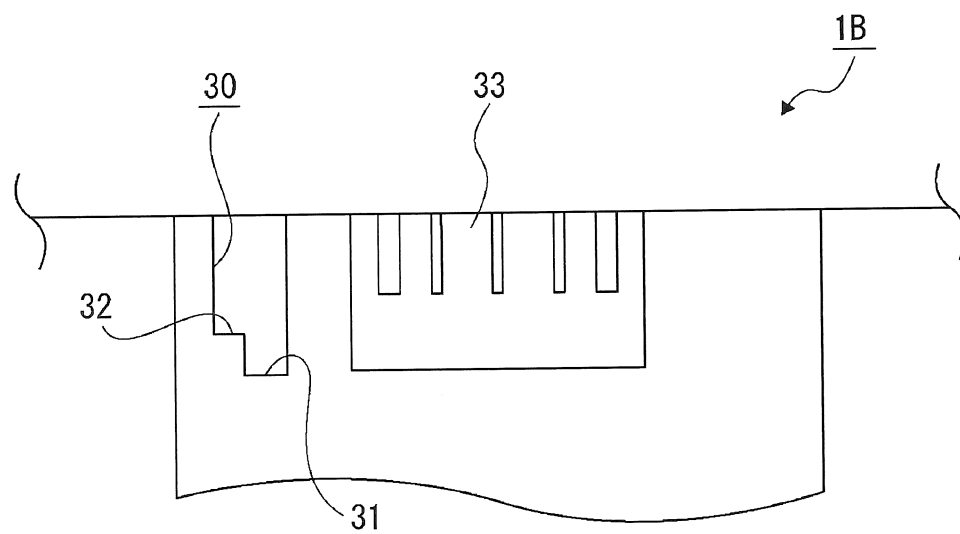


FIG. 48*FIG. 49*

35/70

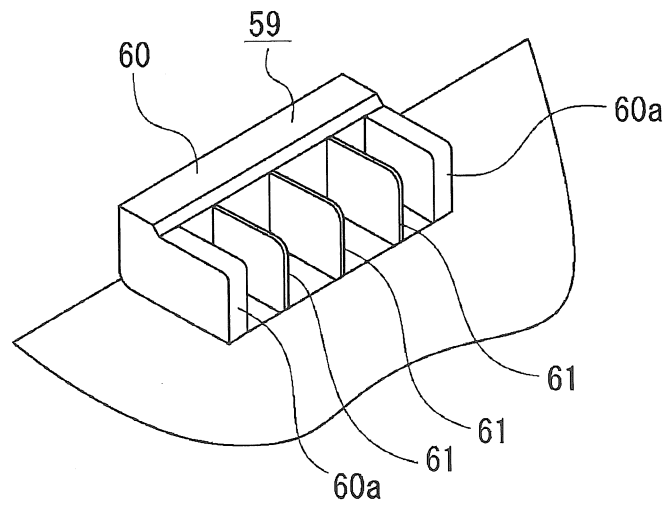
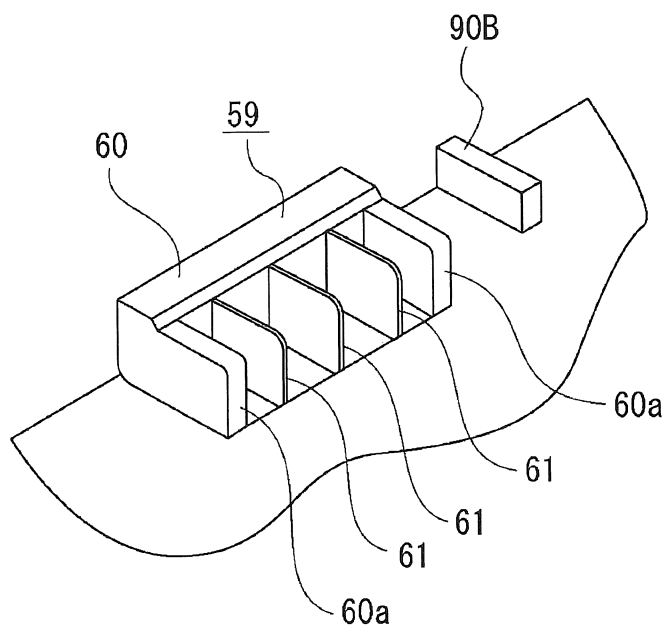
FIG. 50*FIG. 51*

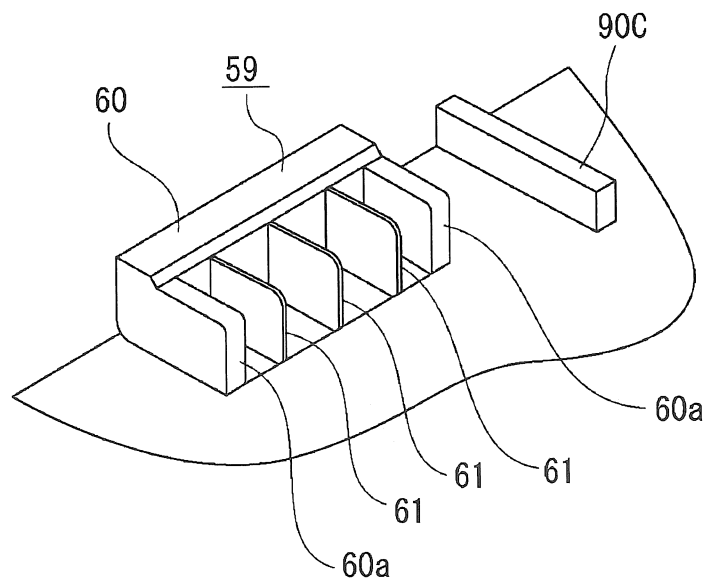
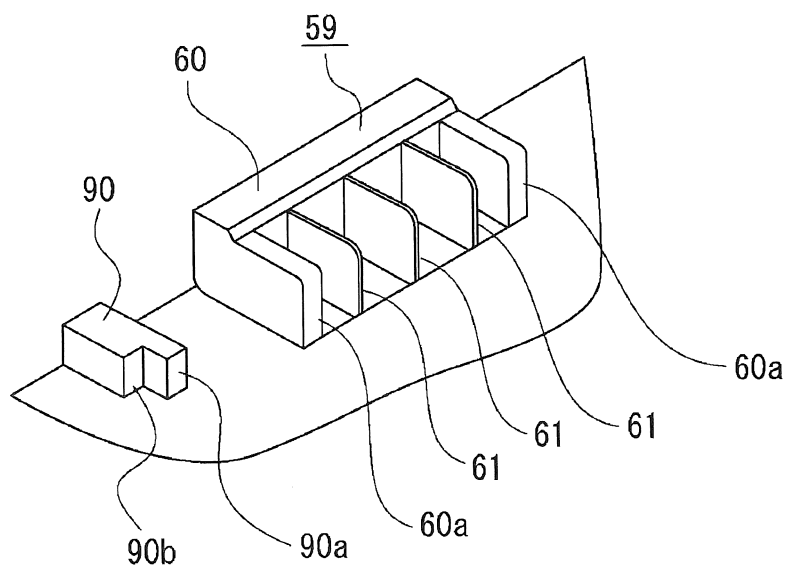
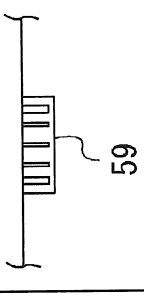
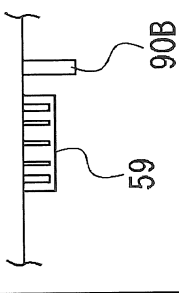
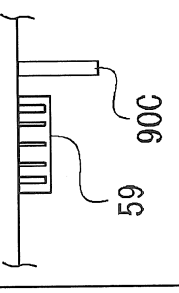
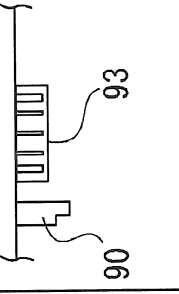
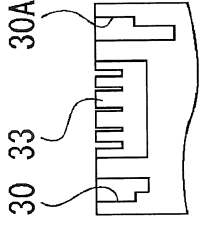
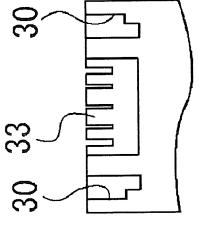
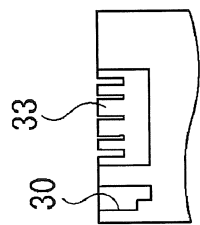
FIG. 52*FIG. 53*

FIG. 54

Thiết bị kết nối		Camera công suất nhỏ	Camera công suất trung bình	Camera công suất lớn	Bộ nạp
Bộ pin					
	Bộ pin công suất lớn			Y	Y
	Bộ pin công suất trung bình		Y	N	Y
	Bộ pin công suất nhỏ		N	N	Y

38/70

FIG. 55

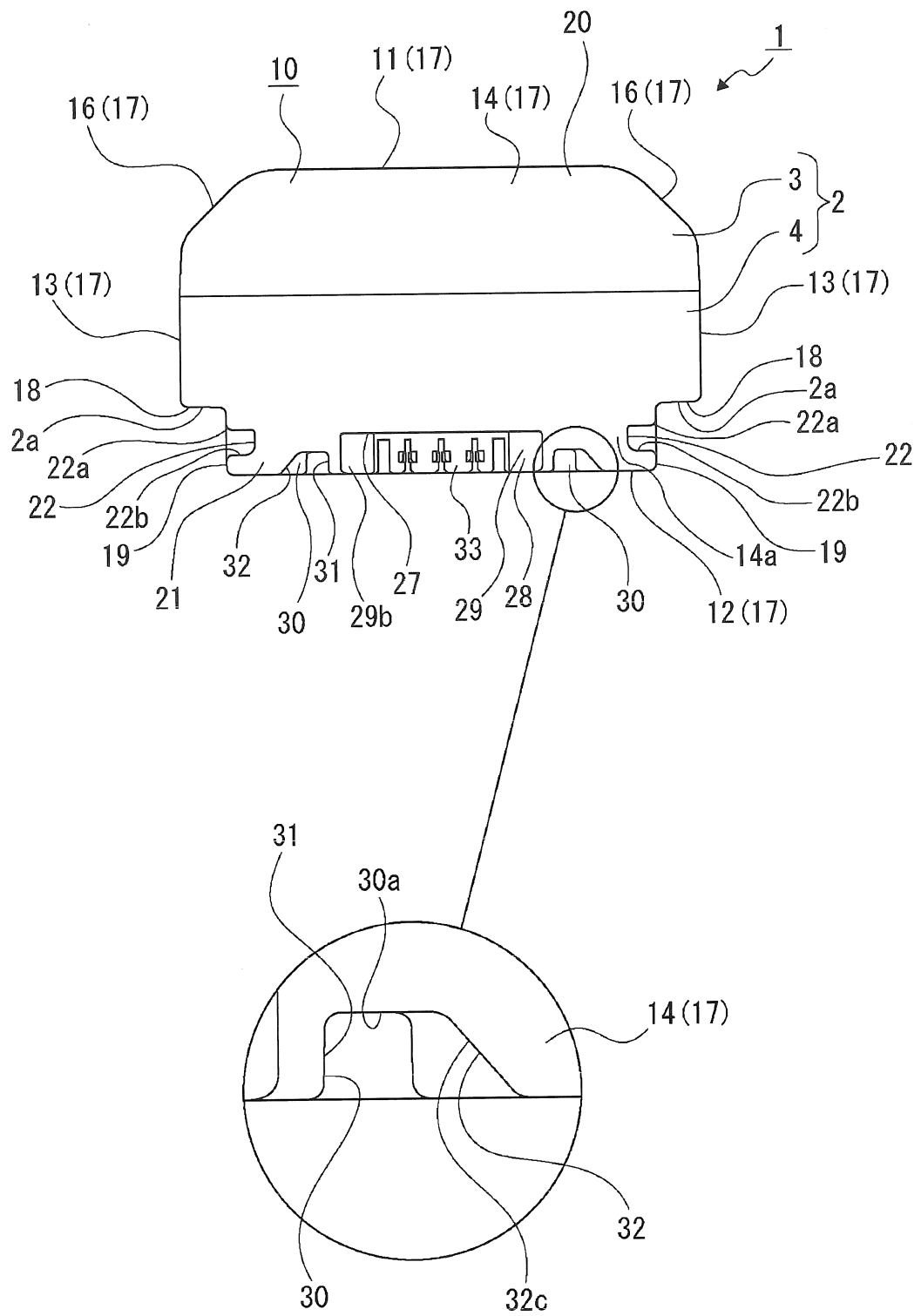
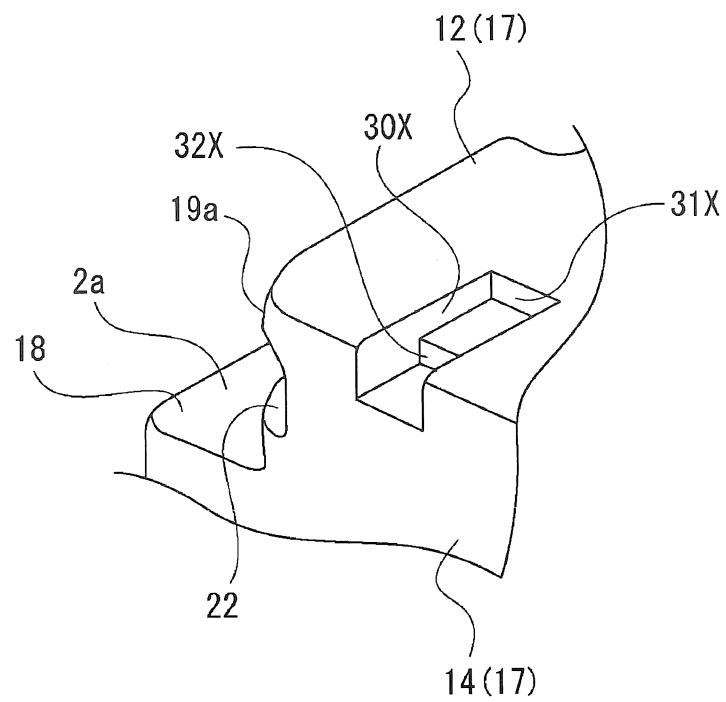


FIG. 56

40 / 70

FIG. 57

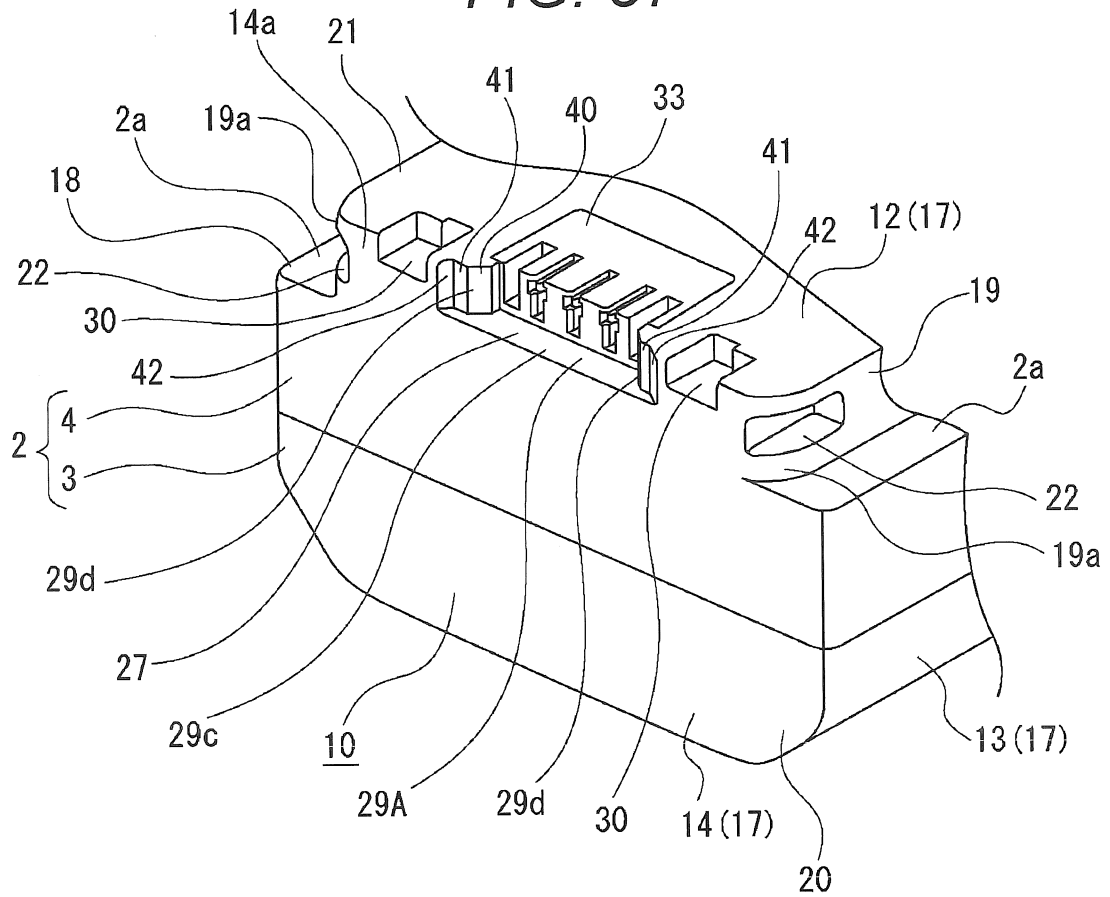
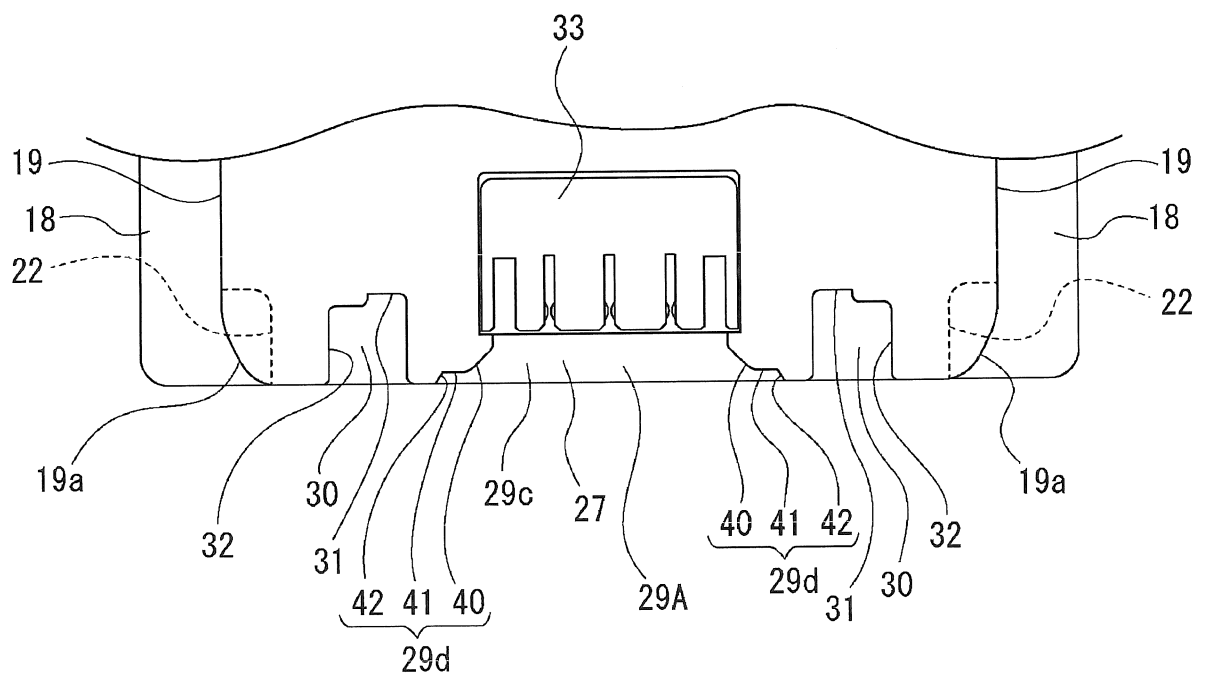


FIG. 58



41/70

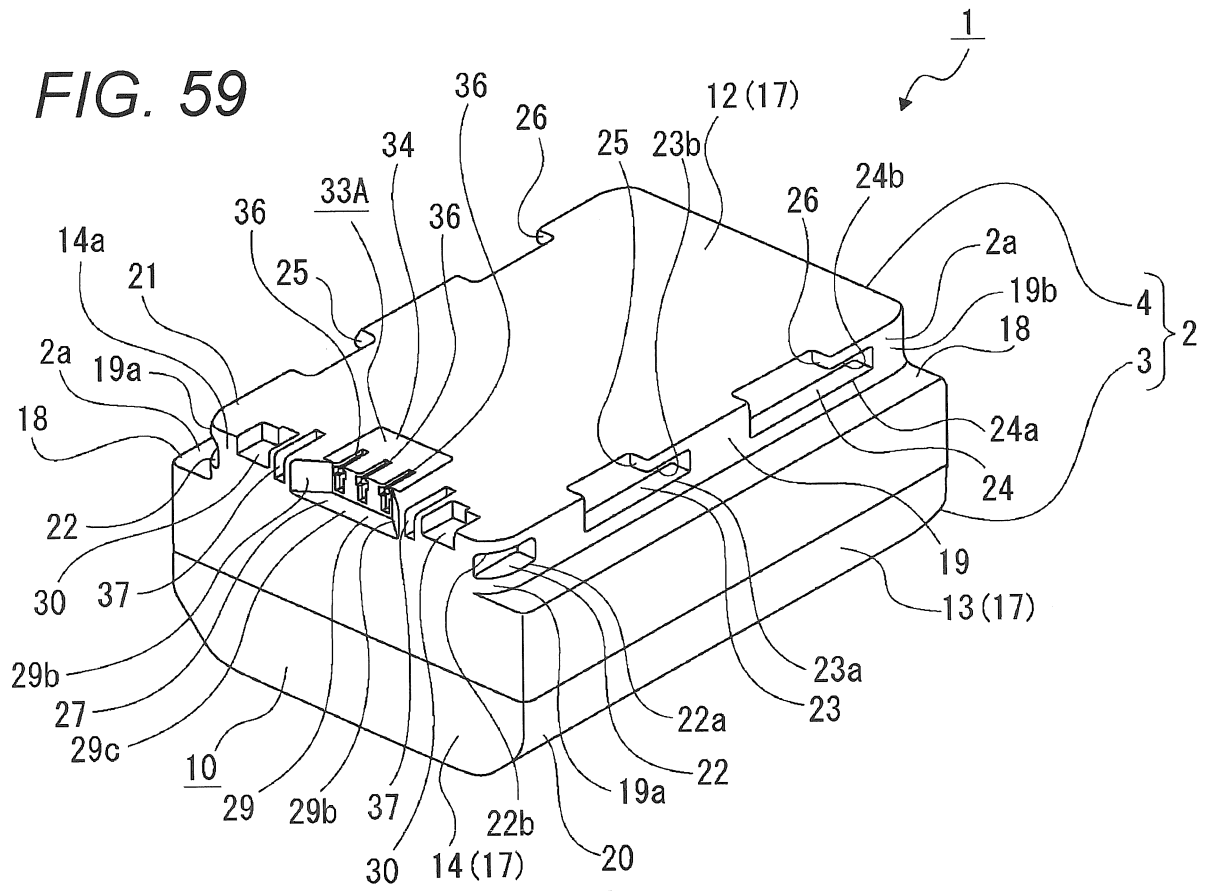
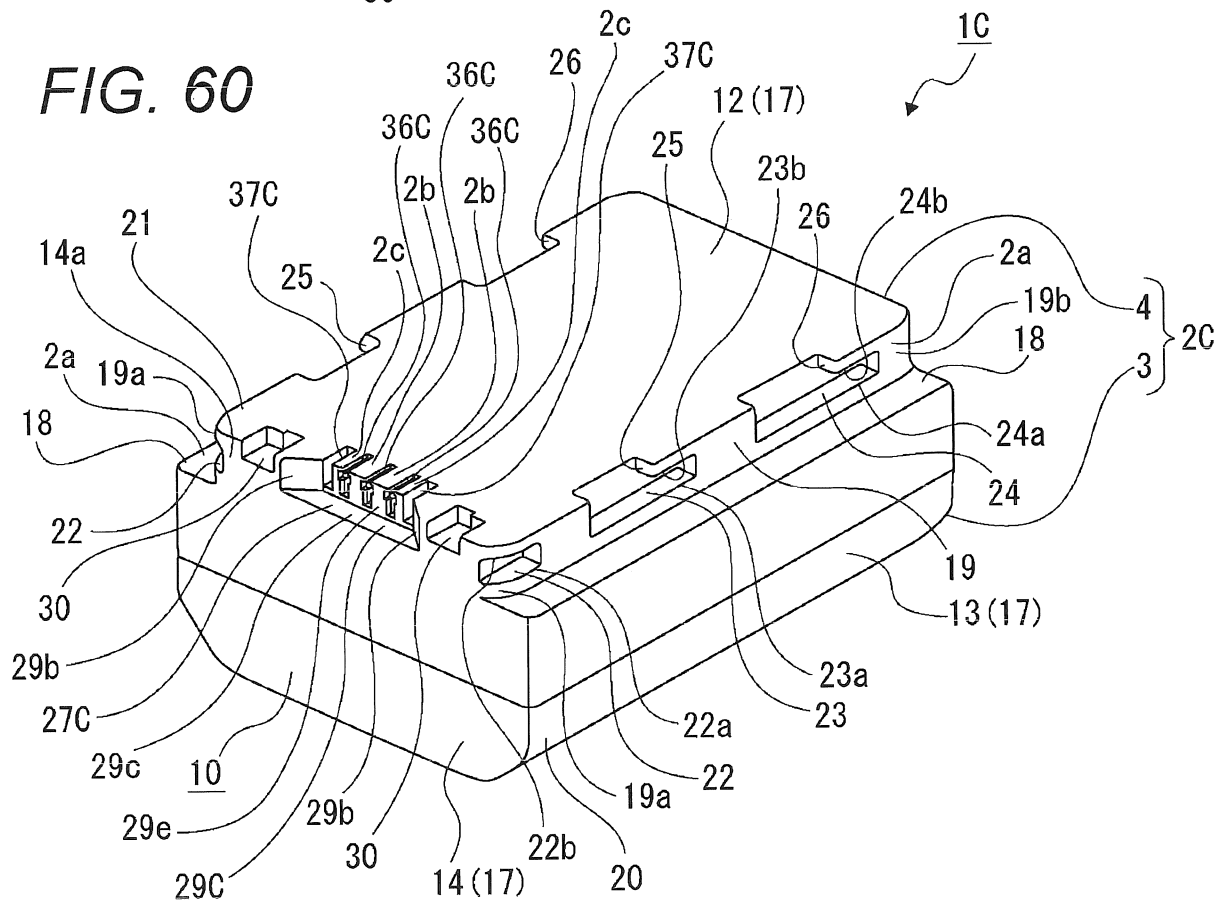
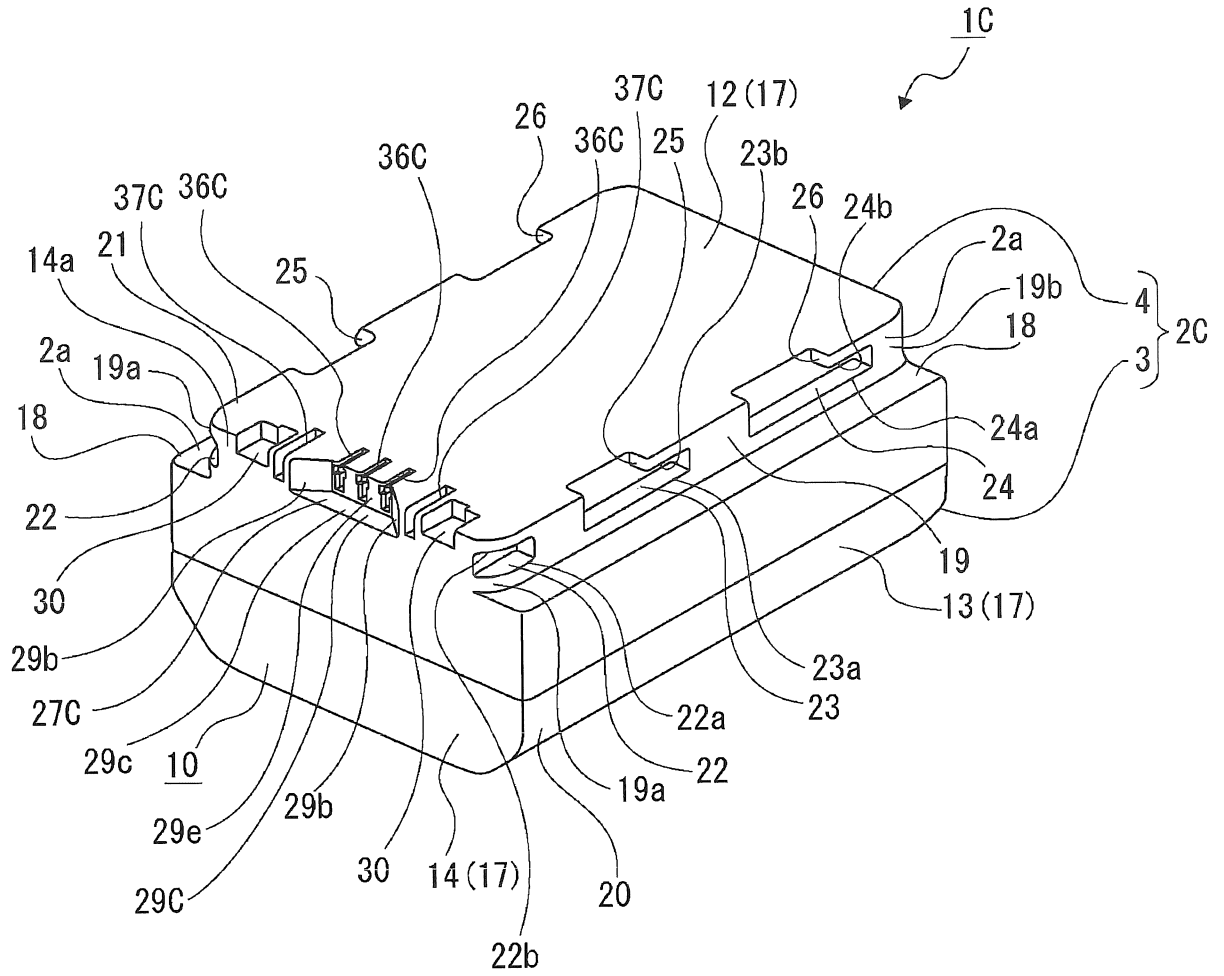
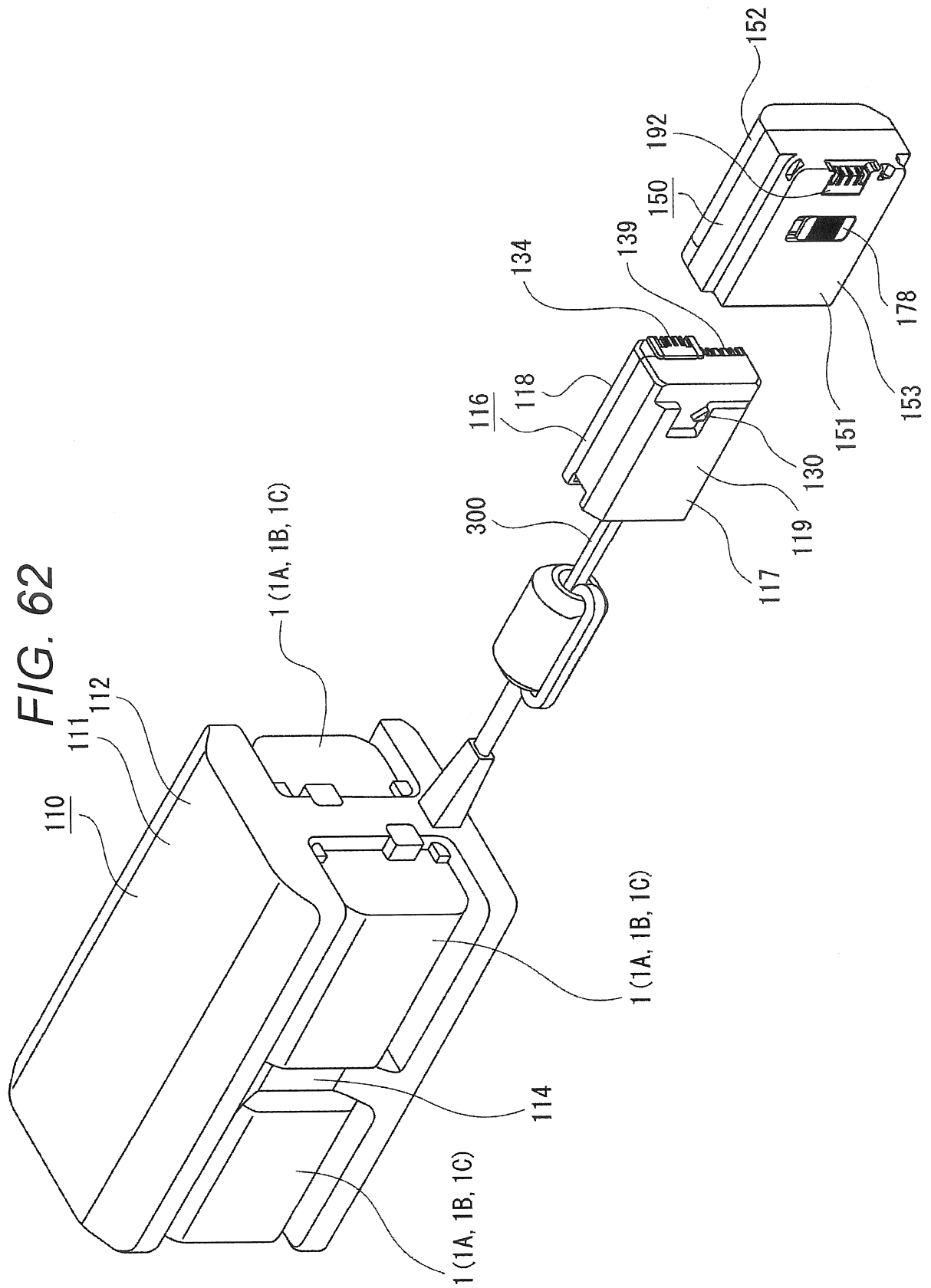
FIG. 59**FIG. 60**

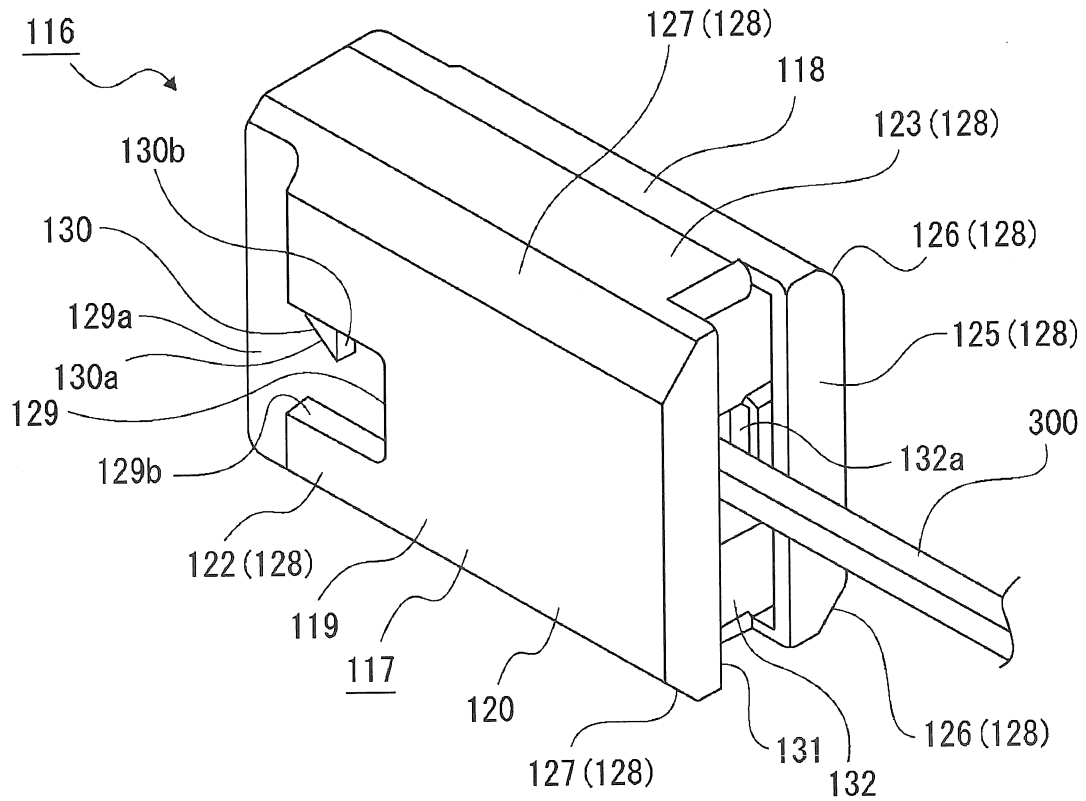
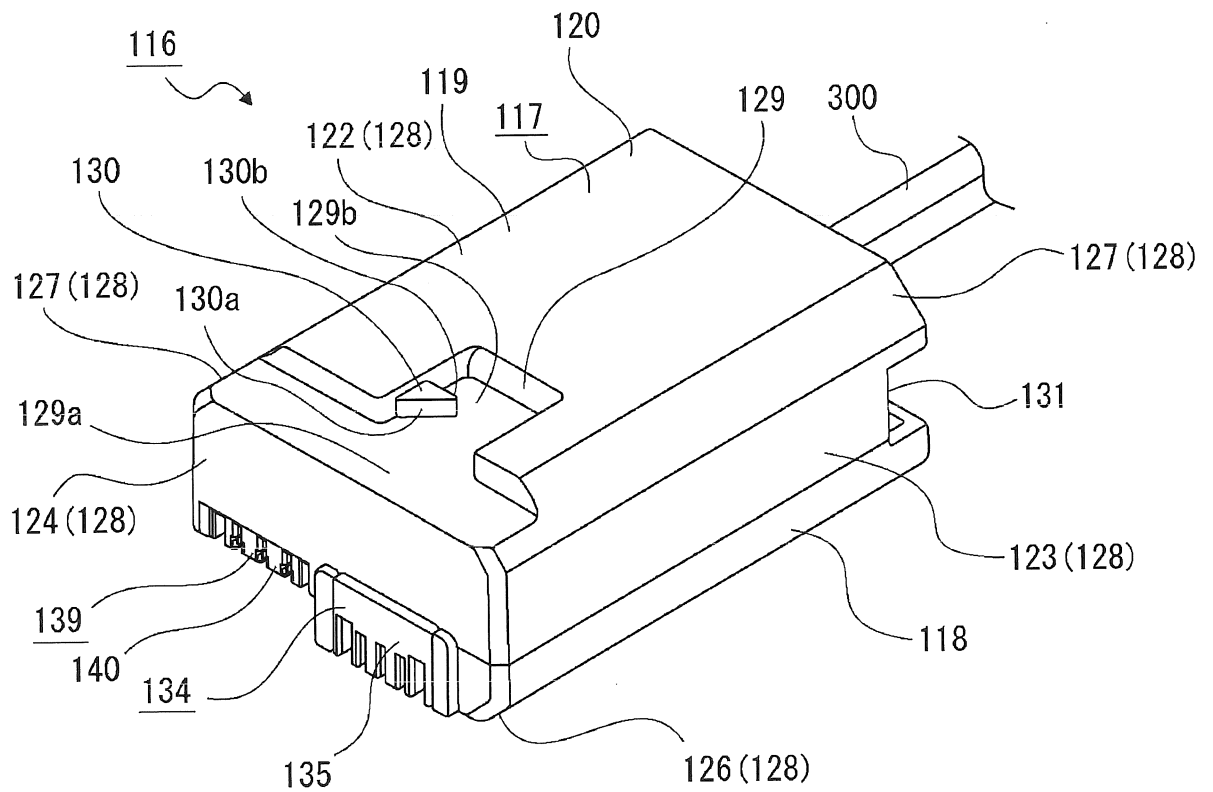
FIG. 61



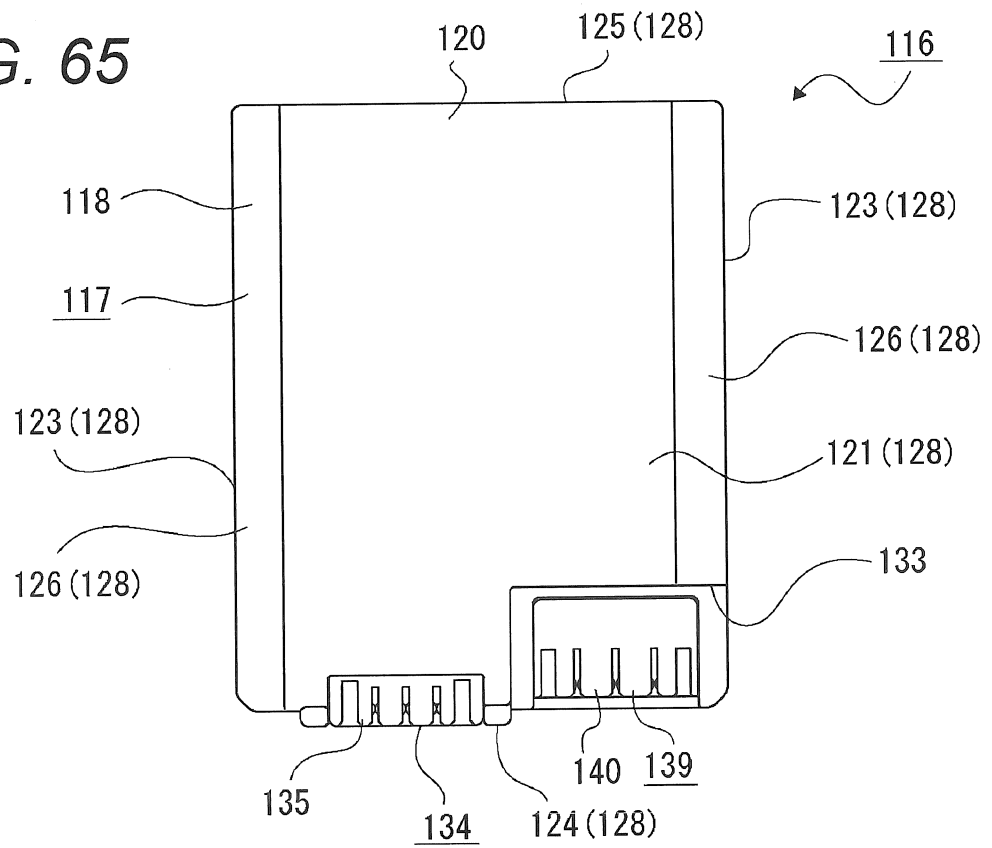
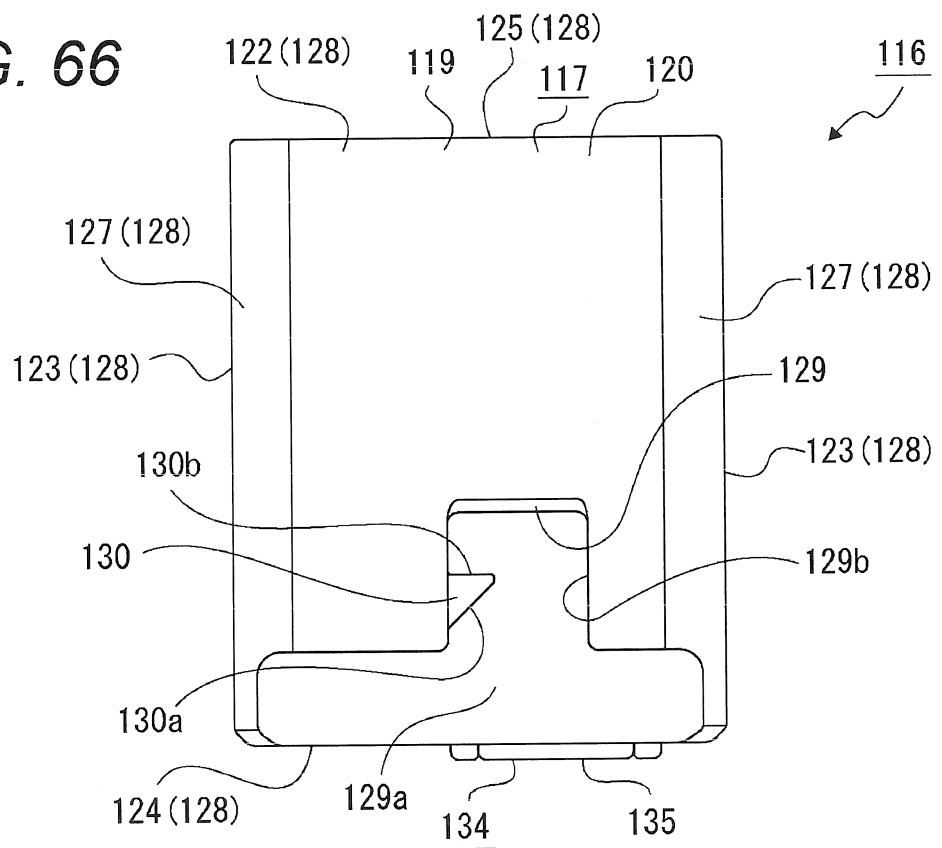
43/70



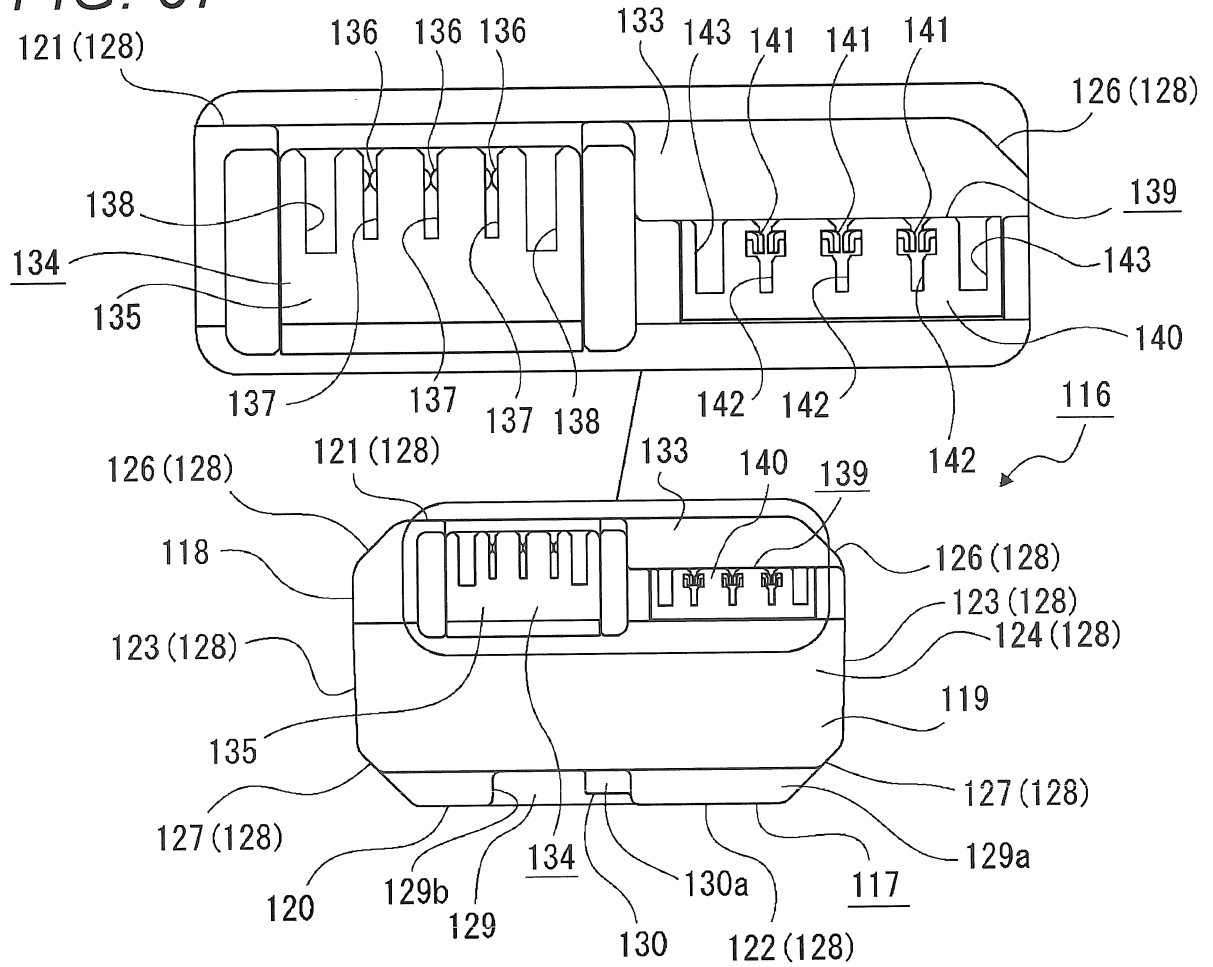
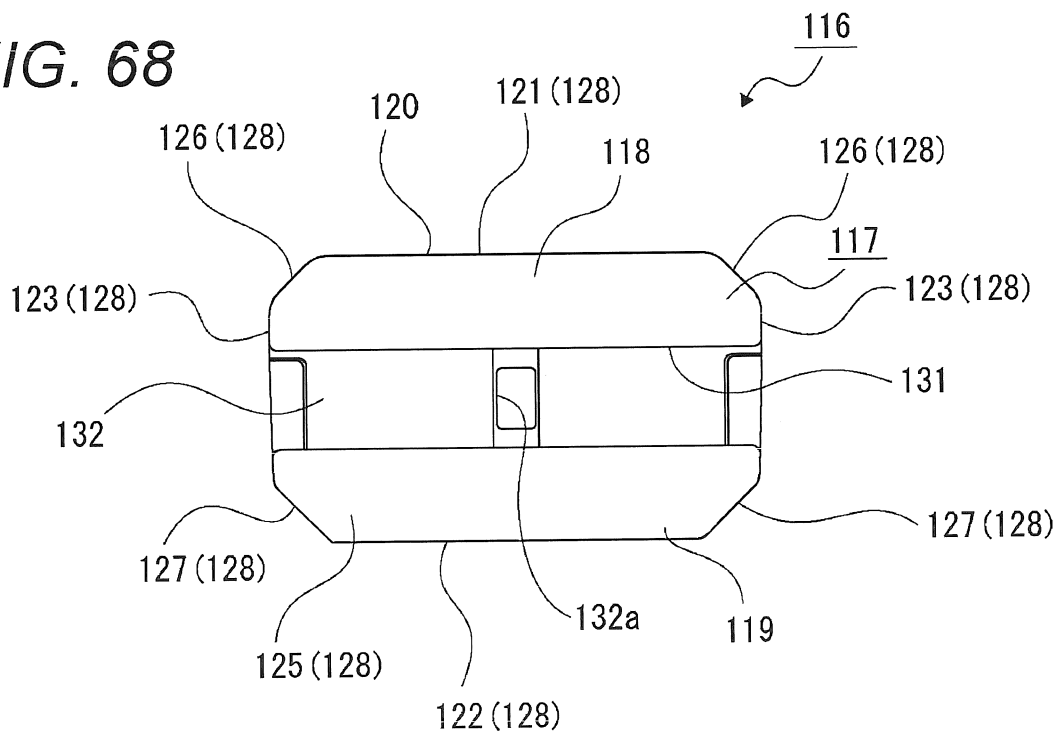
44/70

FIG. 63**FIG. 64**

45/70

FIG. 65**FIG. 66**

46/70

FIG. 67**FIG. 68**

47 / 70

FIG. 69

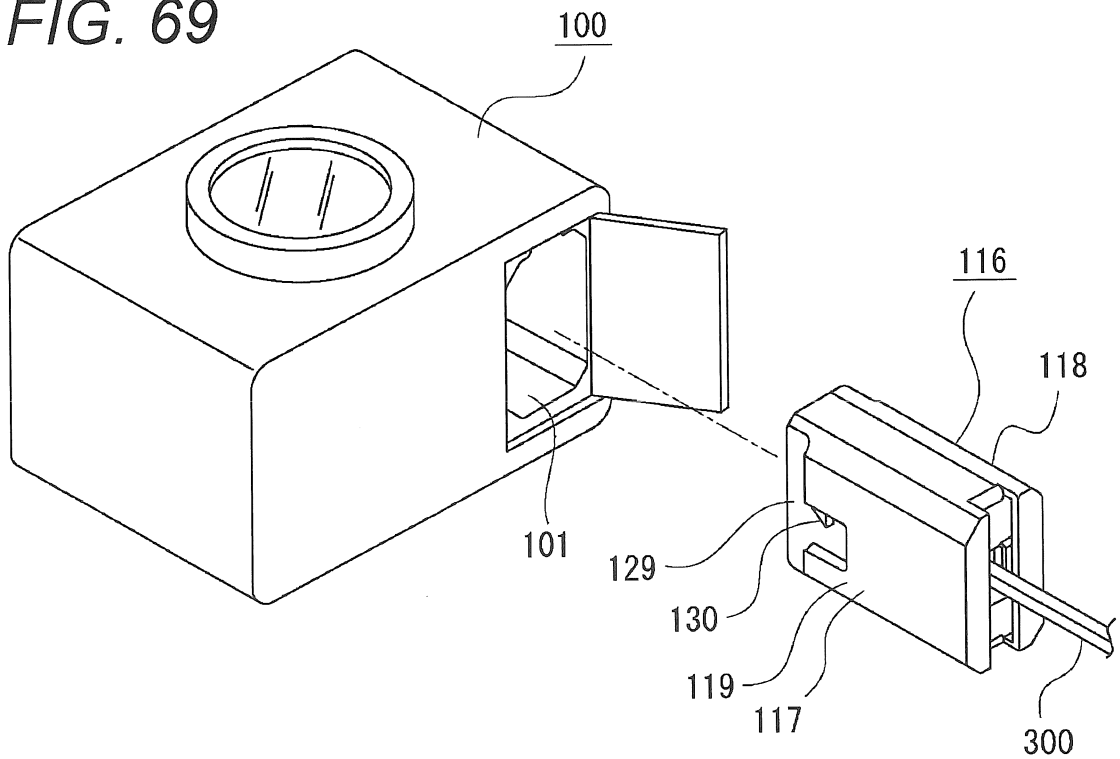
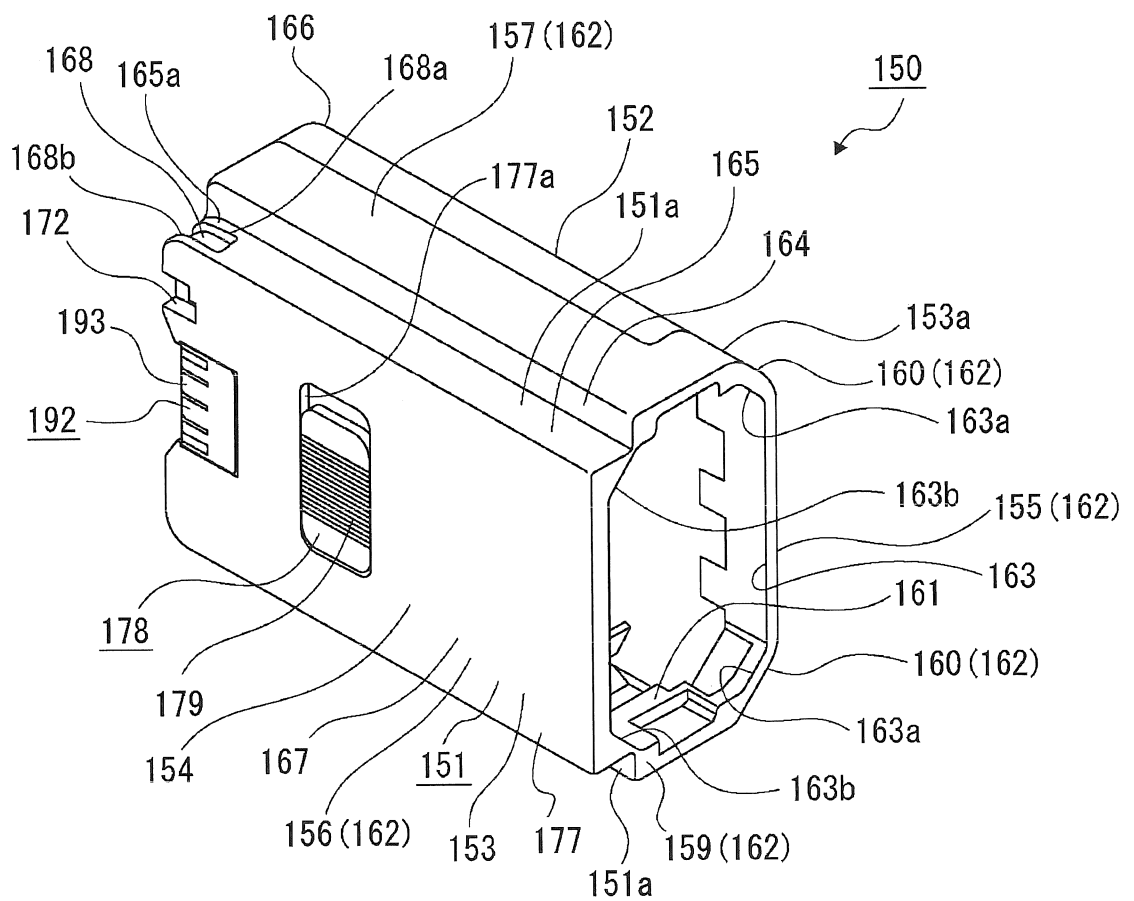
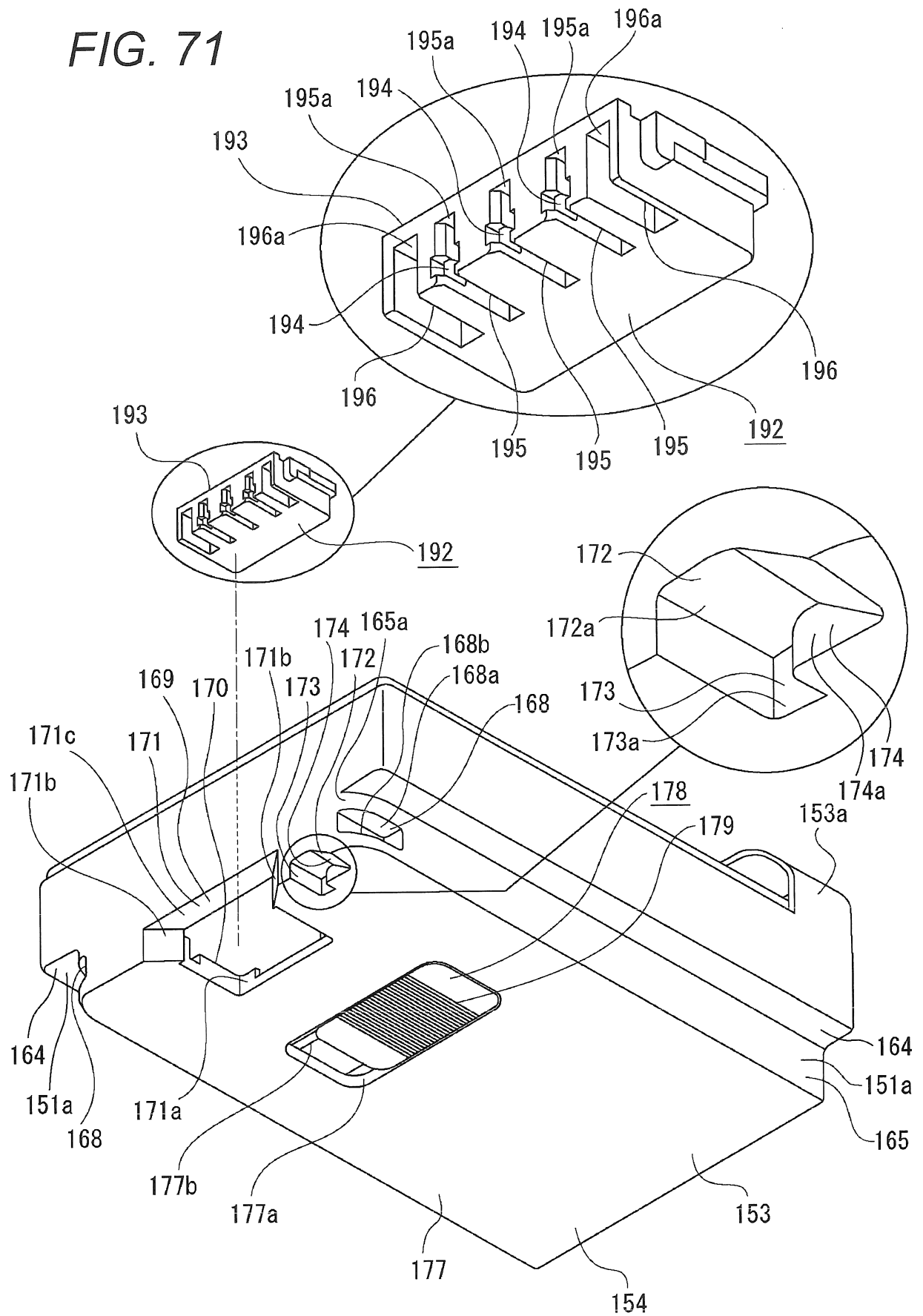


FIG. 70



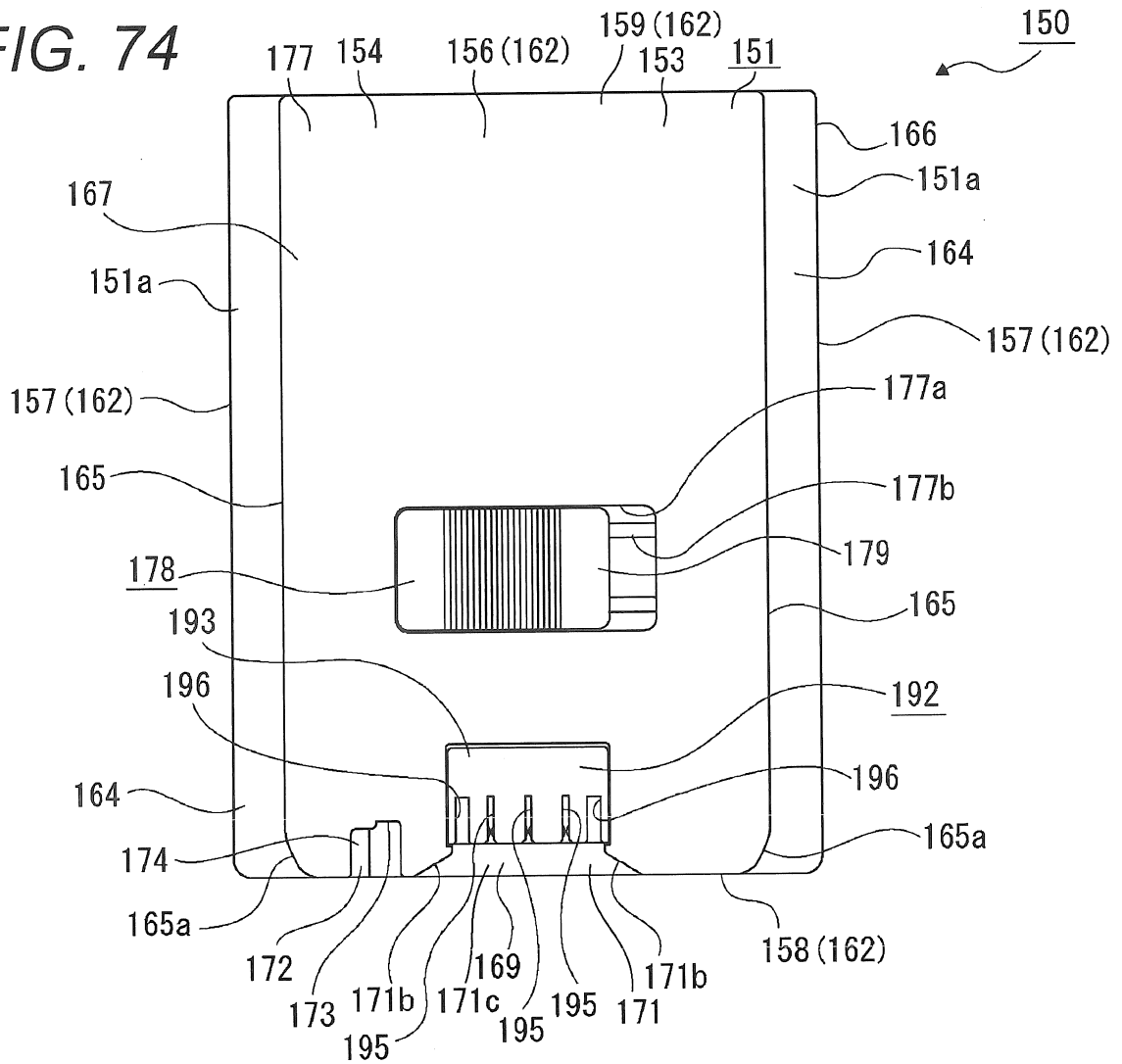
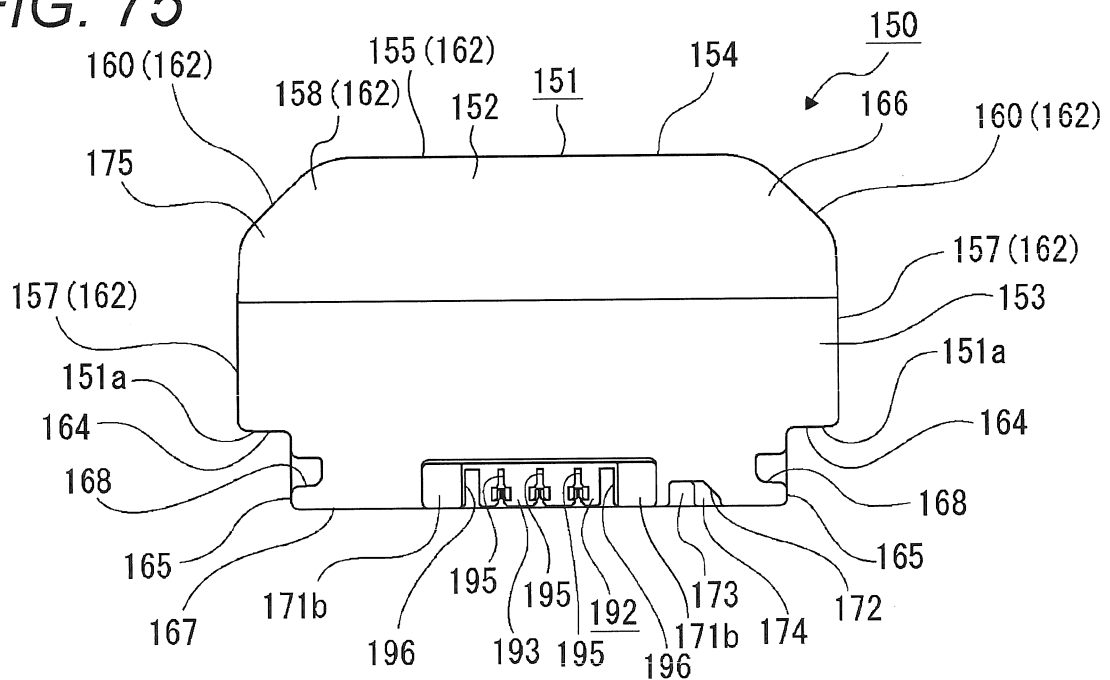
48/70

FIG. 71

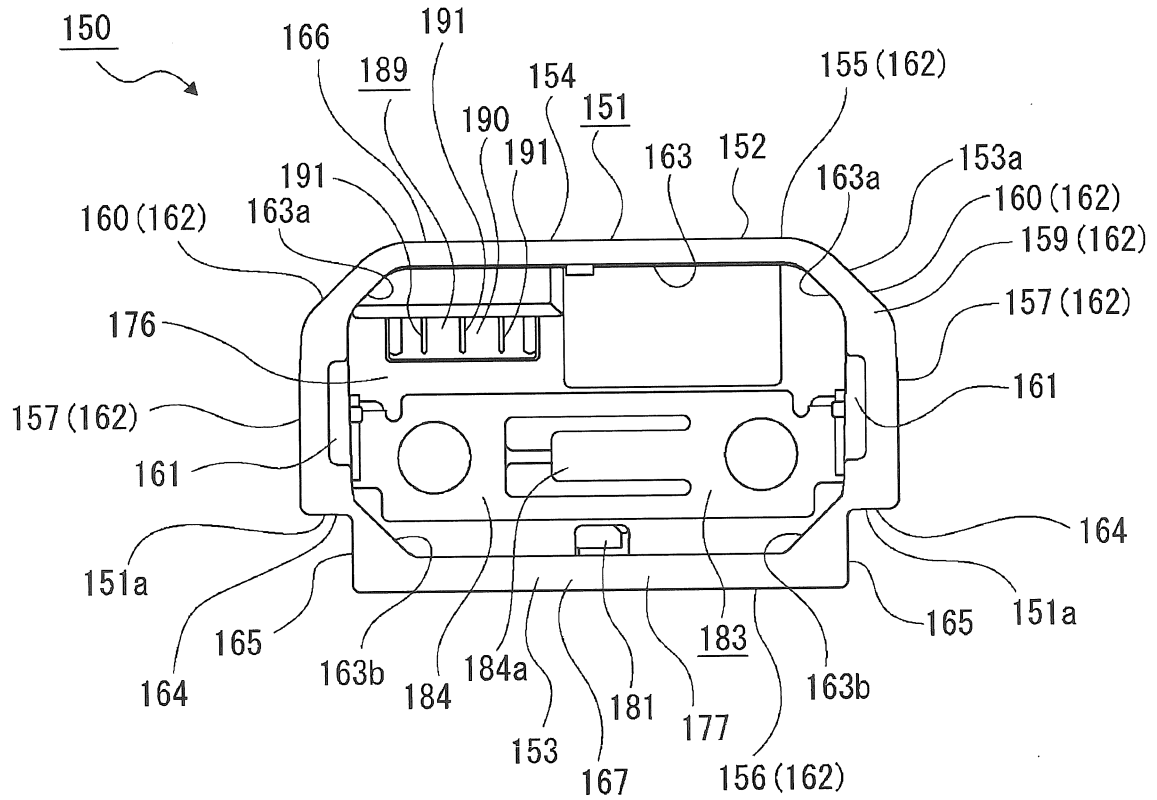
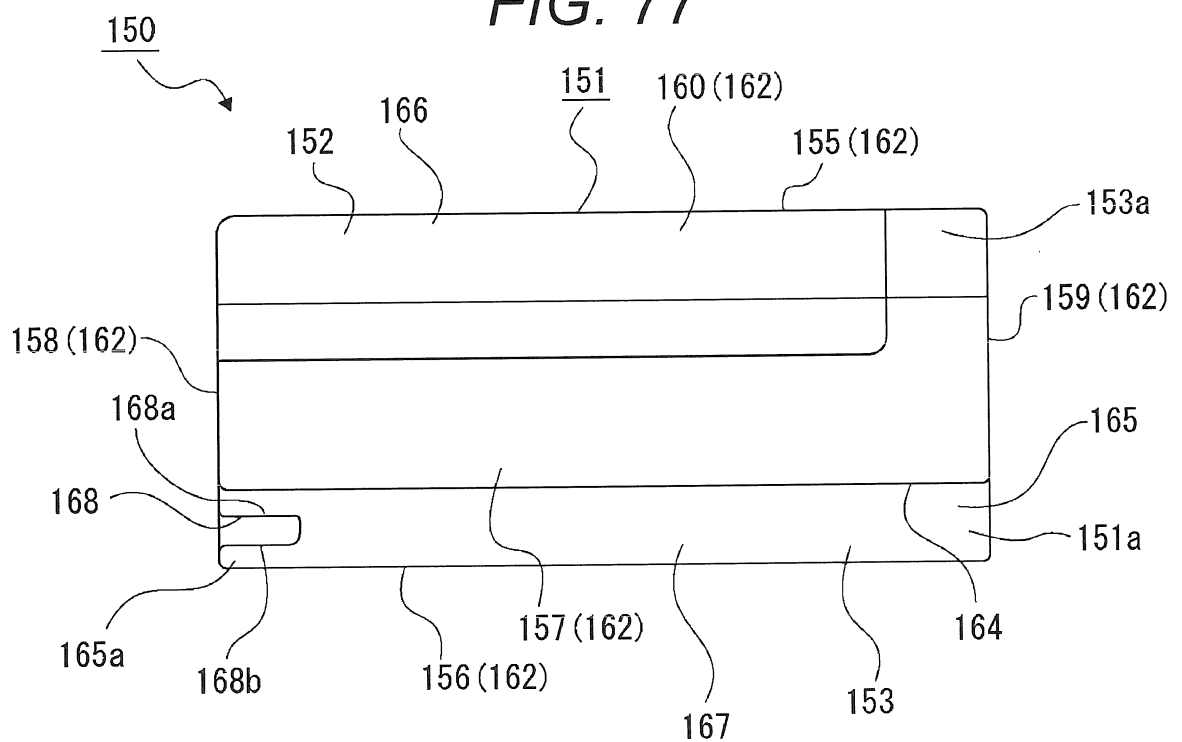


[illegible][illegible]

50/70

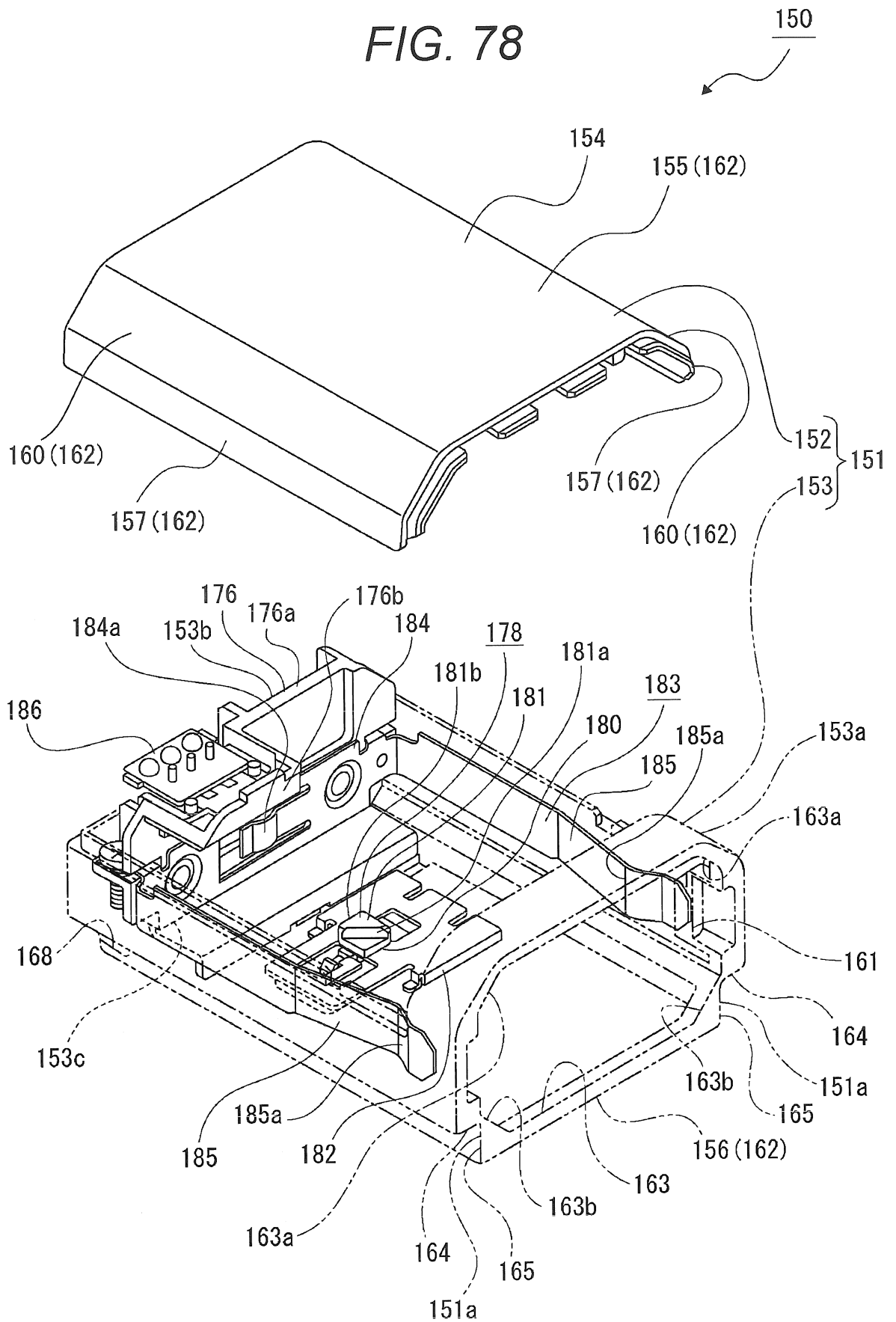
FIG. 74**FIG. 75**

51/70

FIG. 76**FIG. 77**

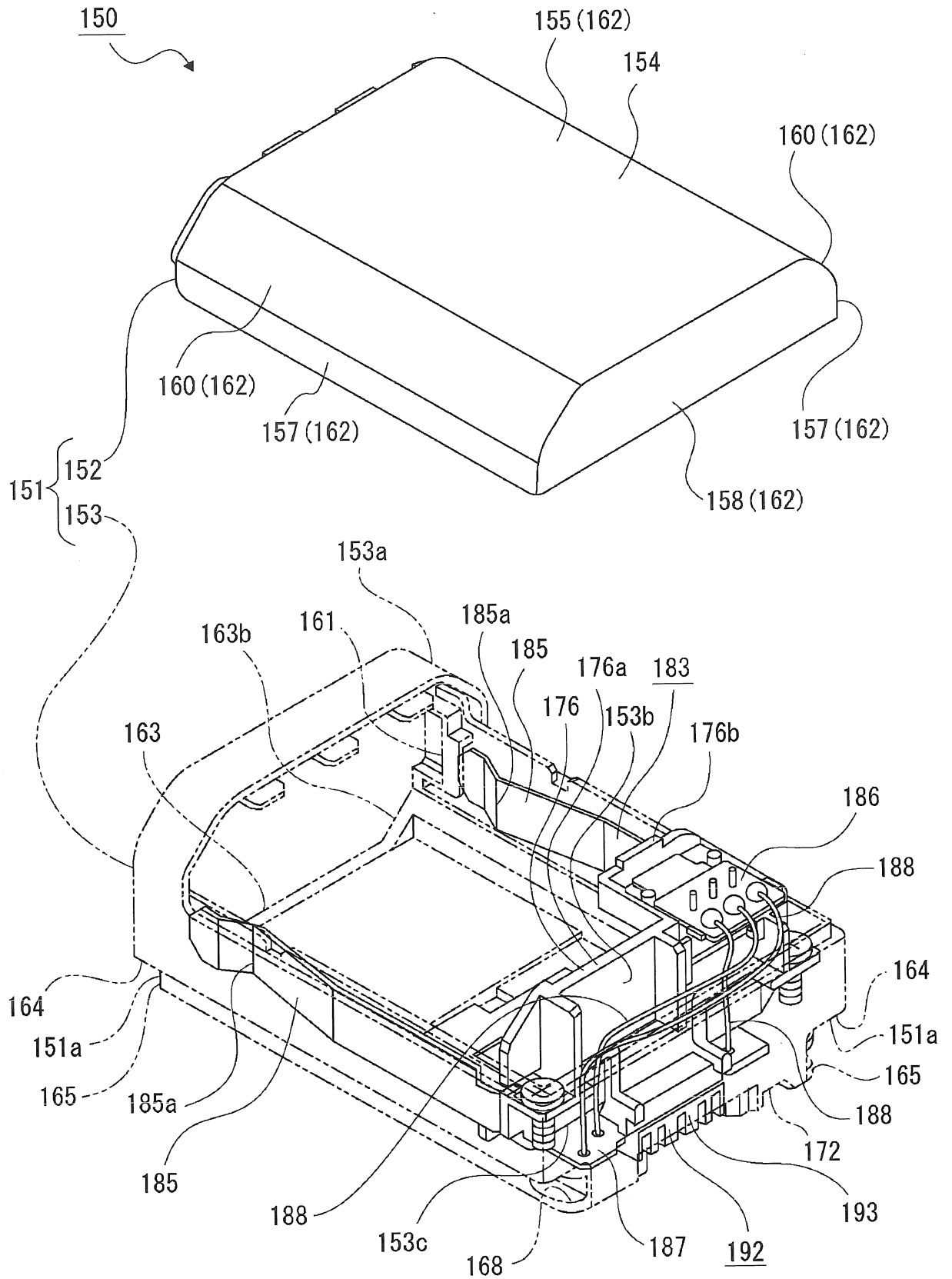
52/70

FIG. 78



53/70

FIG. 79



54/70

FIG. 80

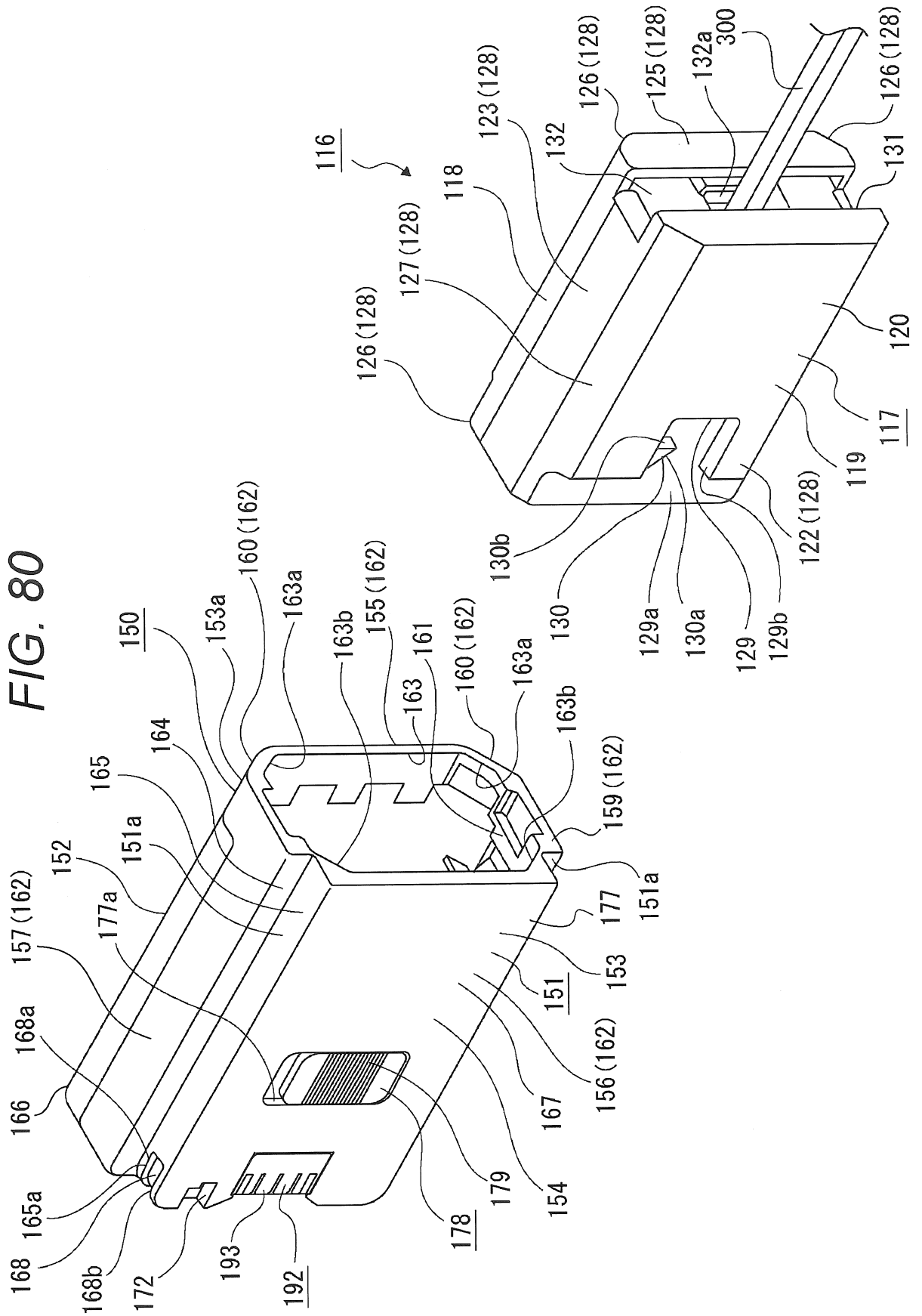


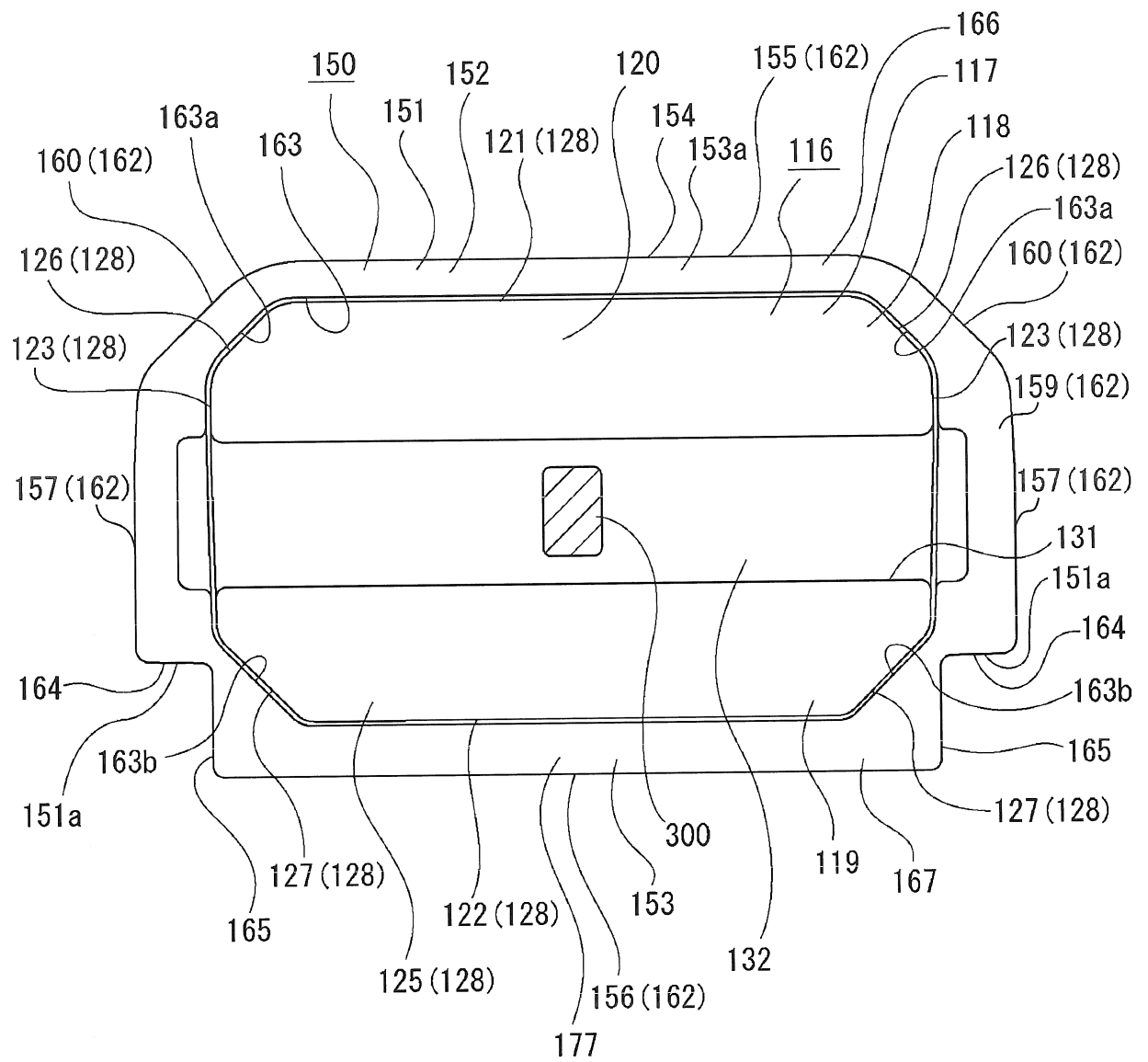
FIG. 81

FIG. 82

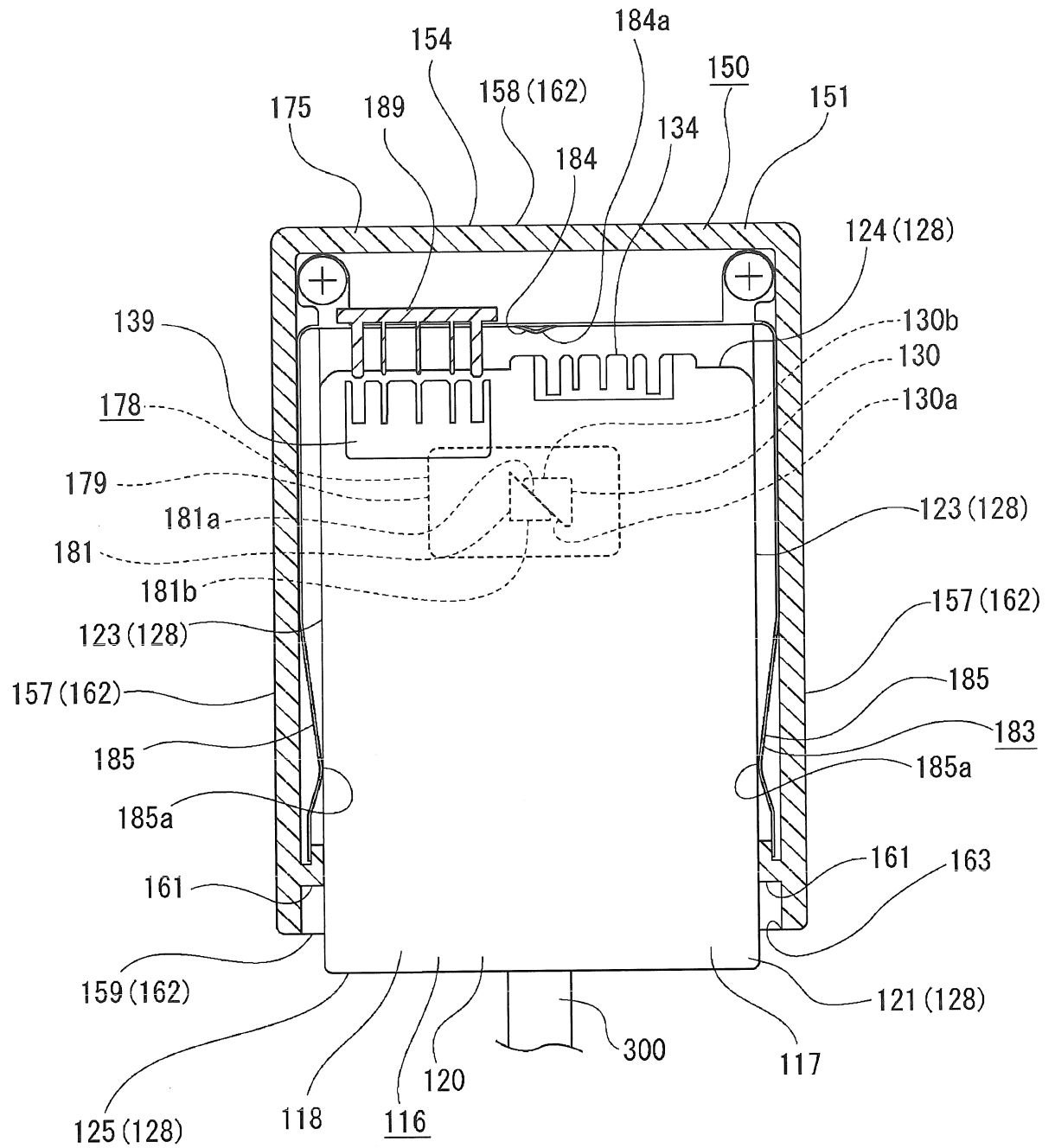
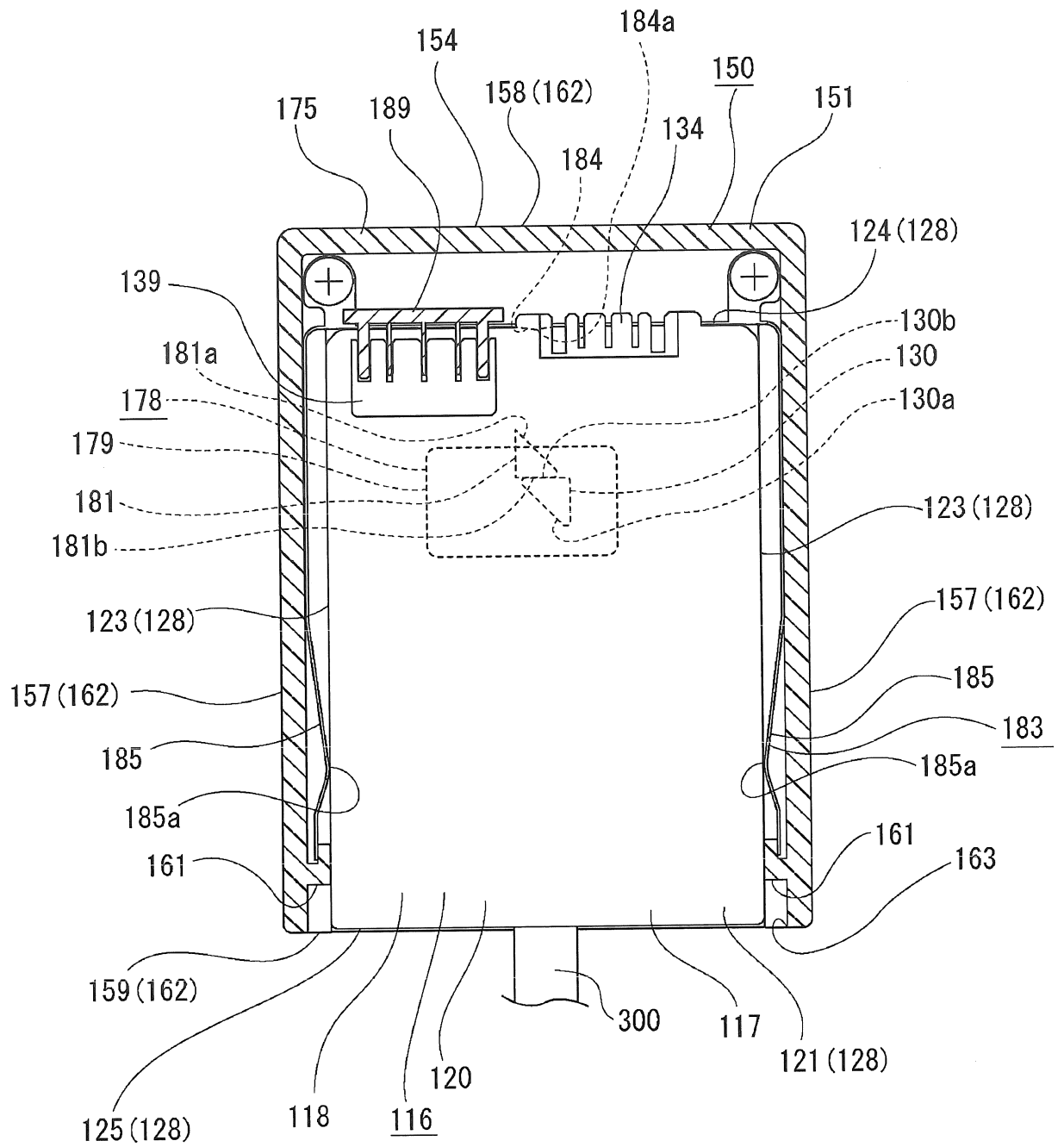


FIG. 83



58/70

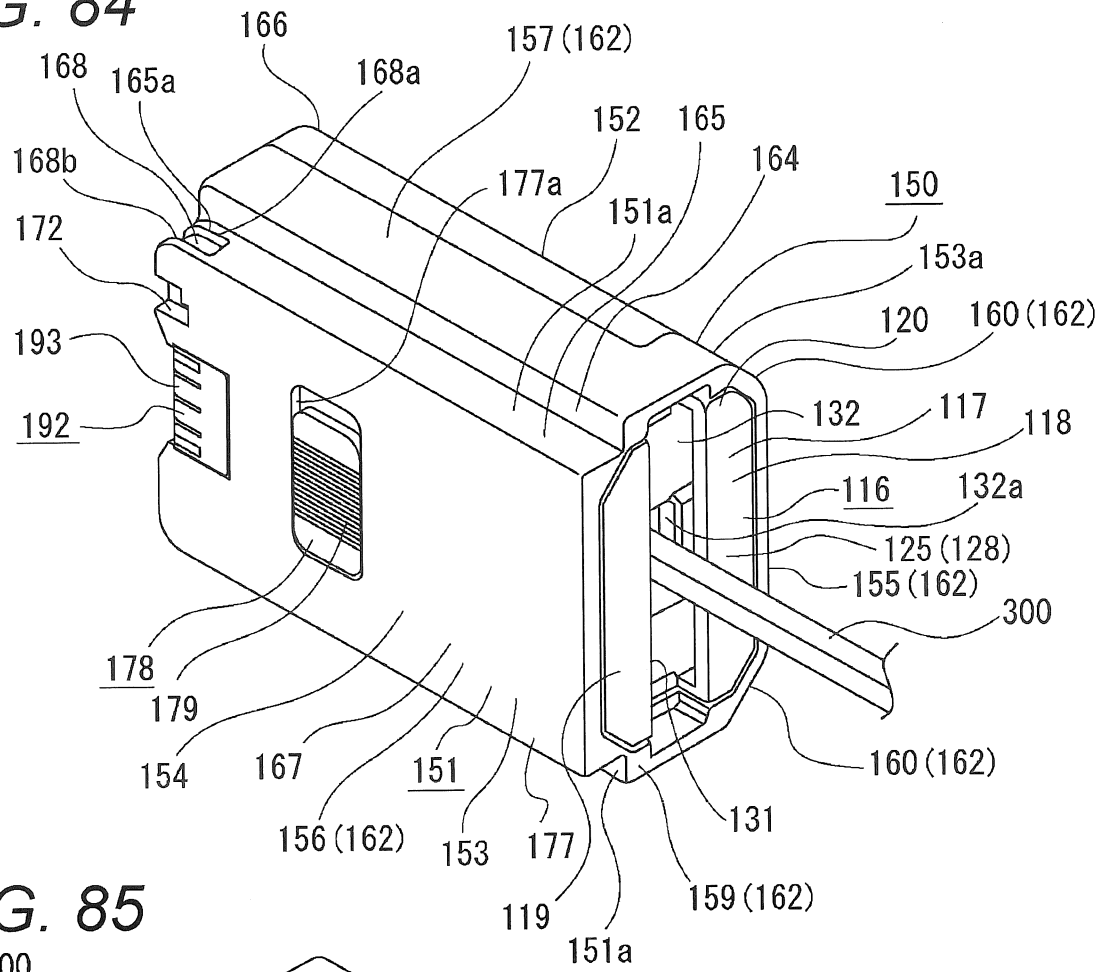
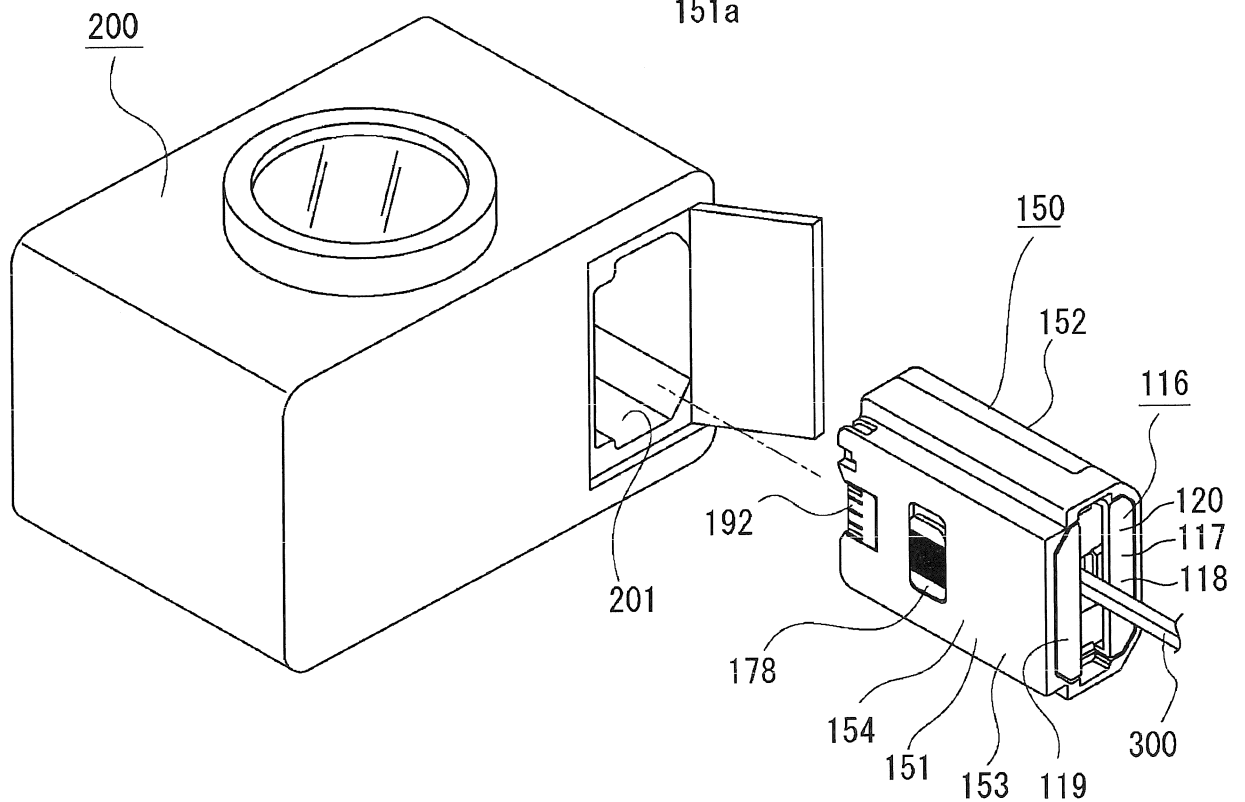
FIG. 84**FIG. 85**

FIG. 86

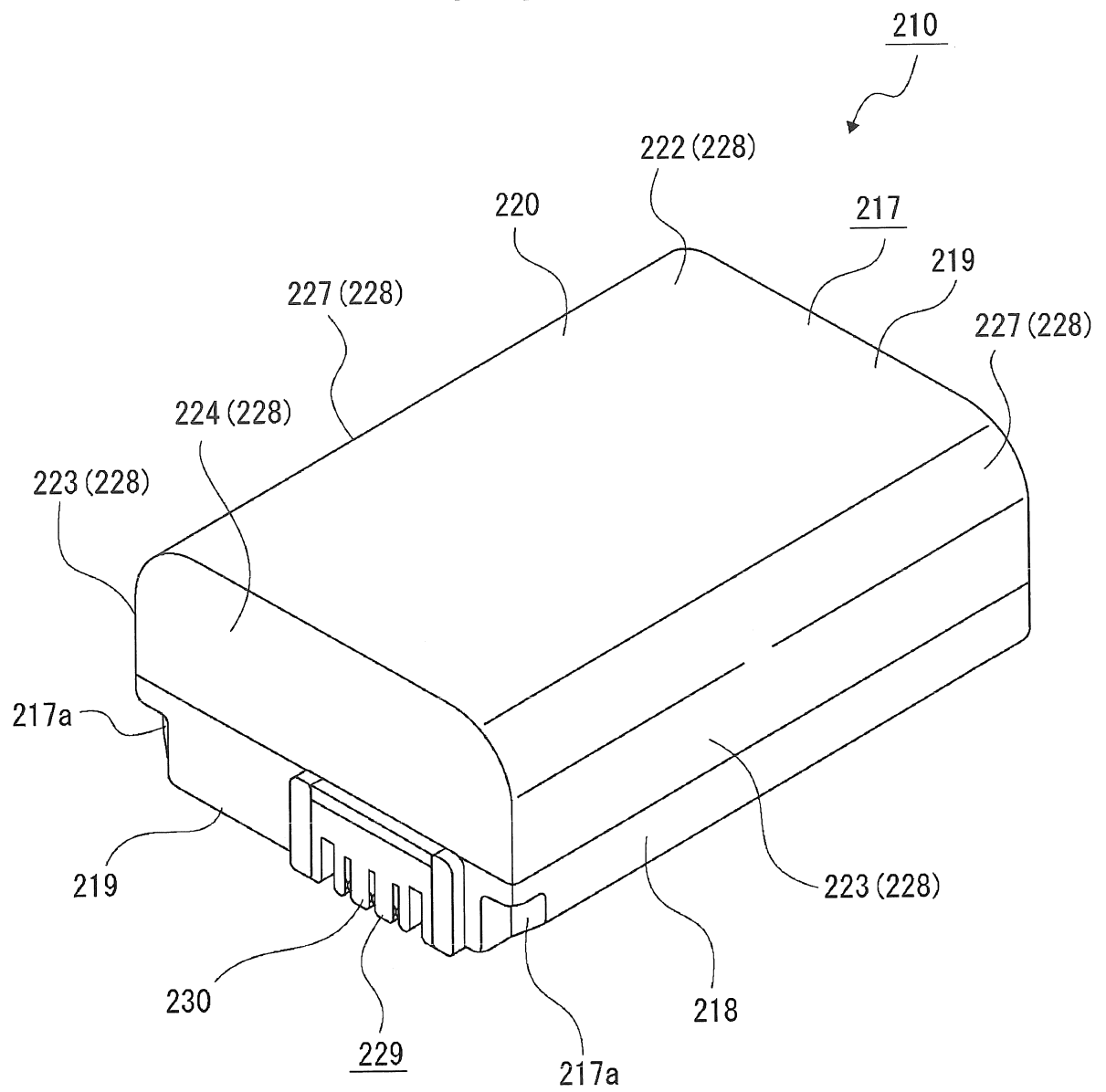


FIG. 87

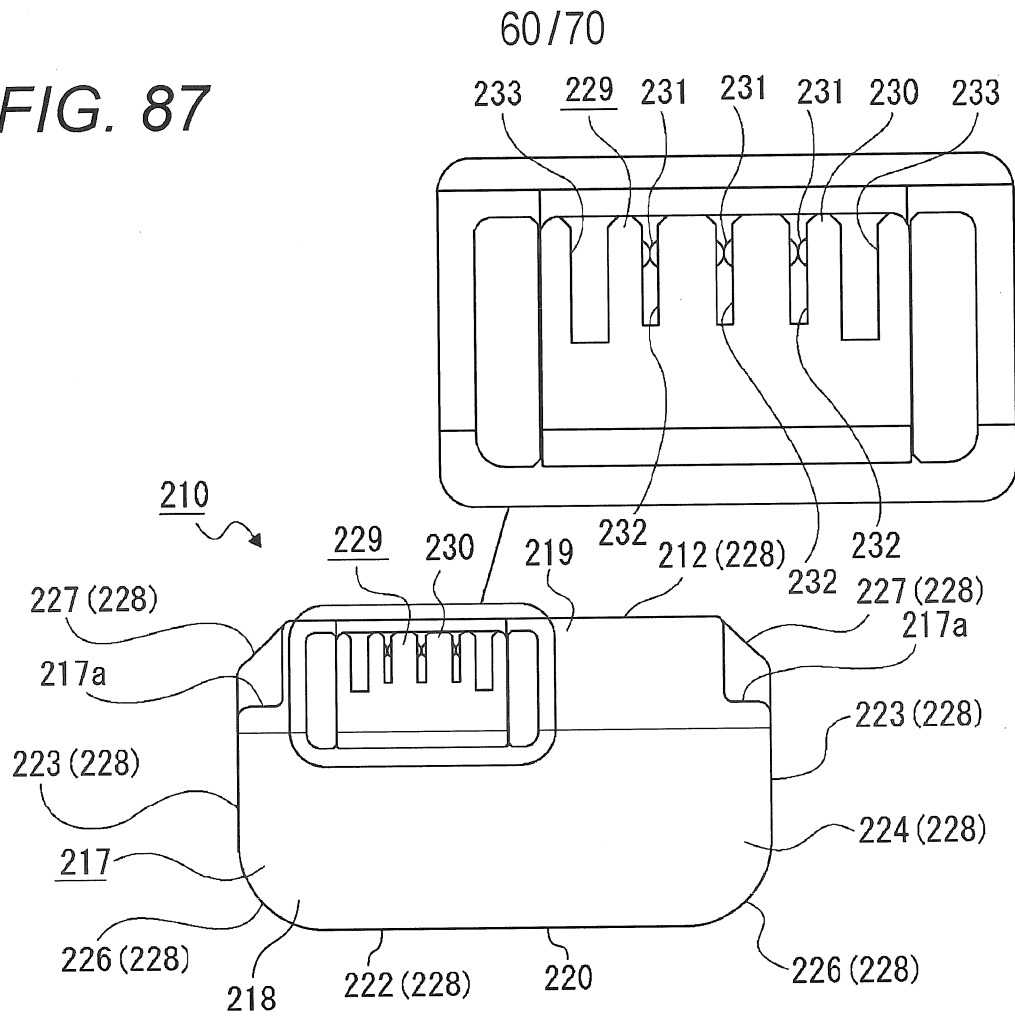


FIG. 88

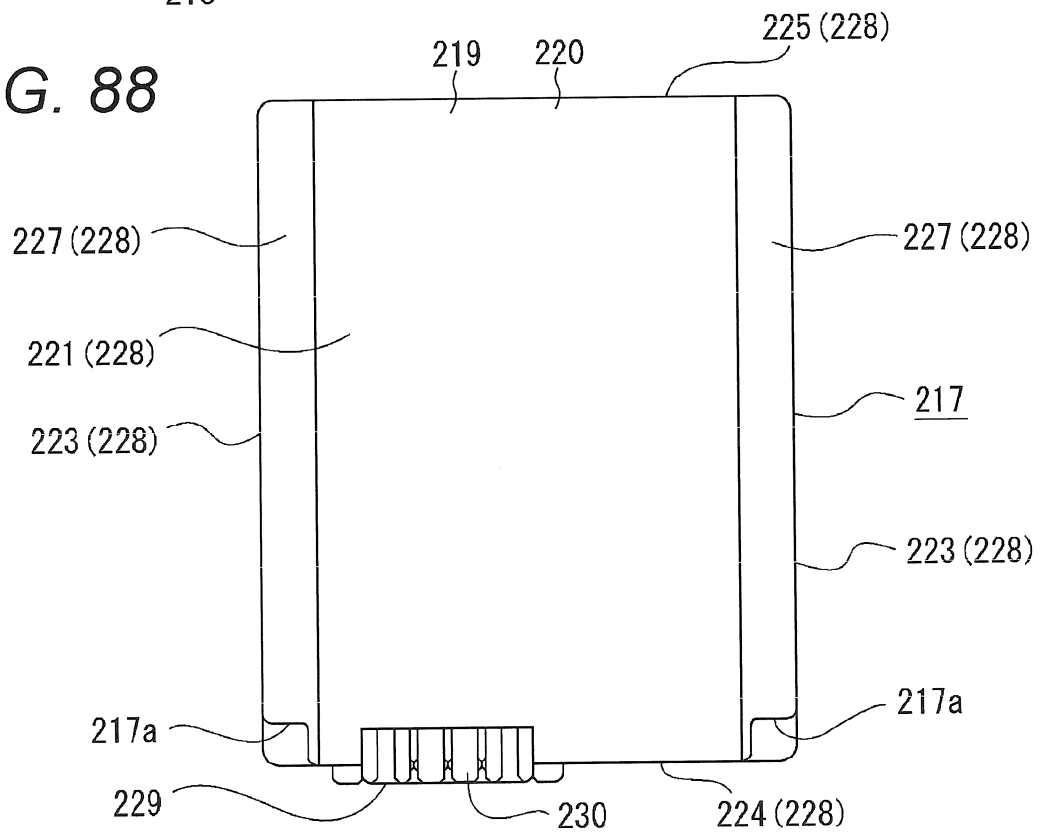
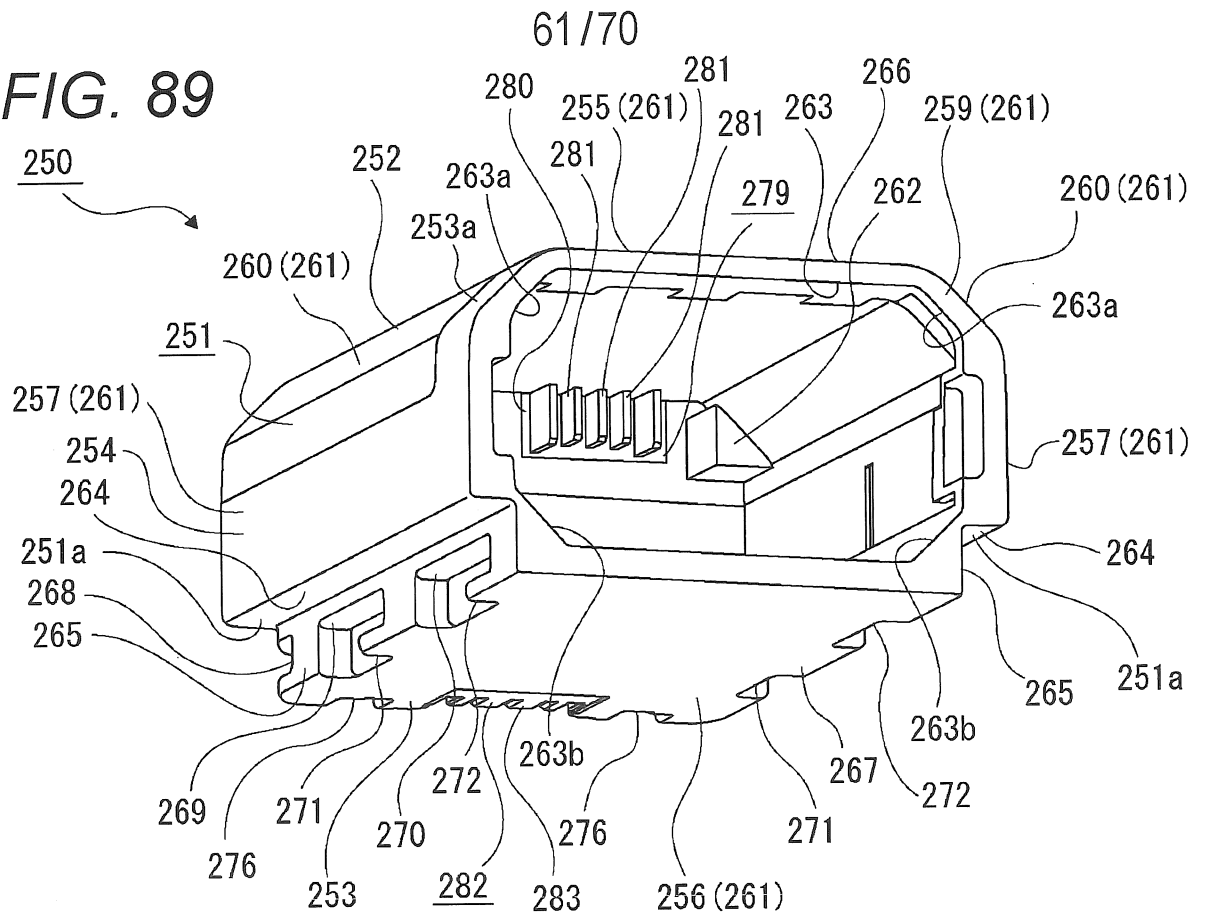
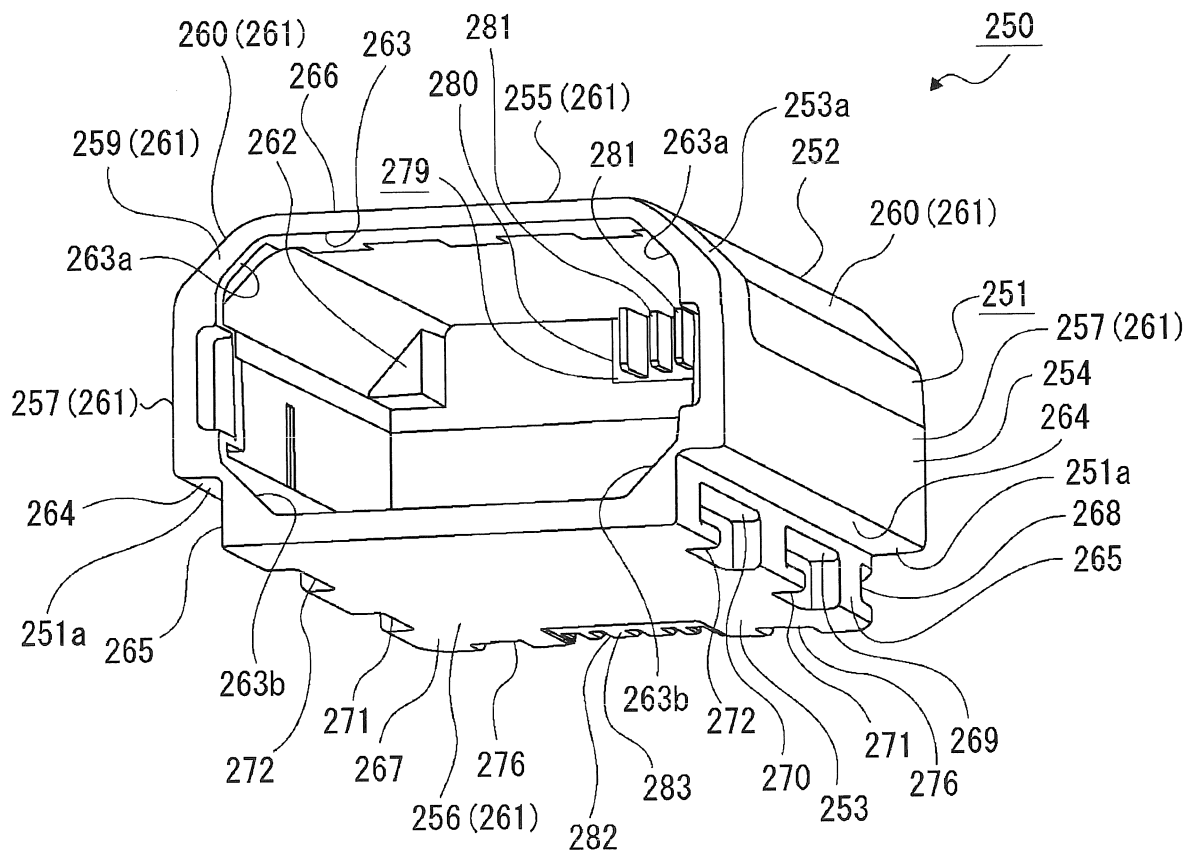


FIG. 89**FIG. 90**

62/70

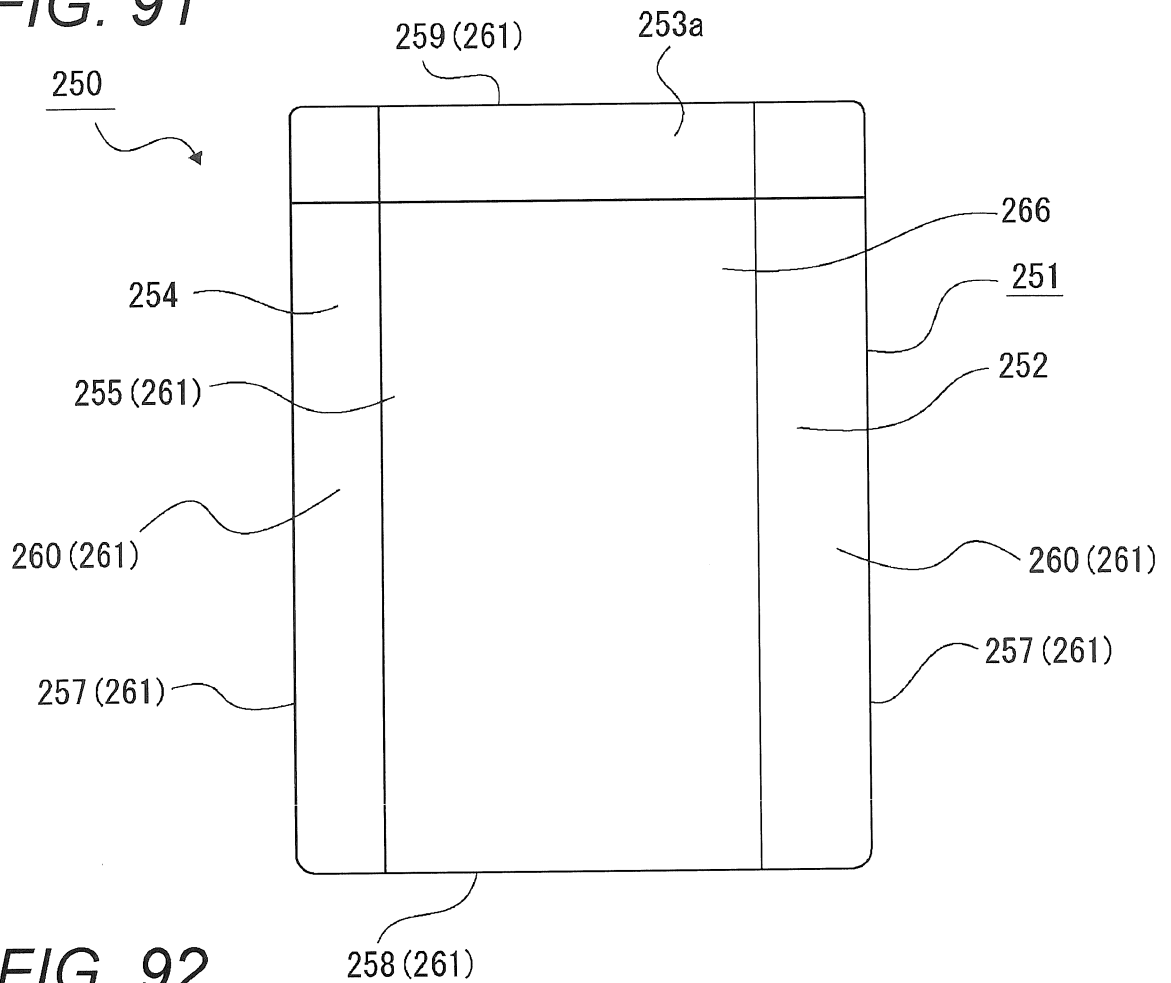
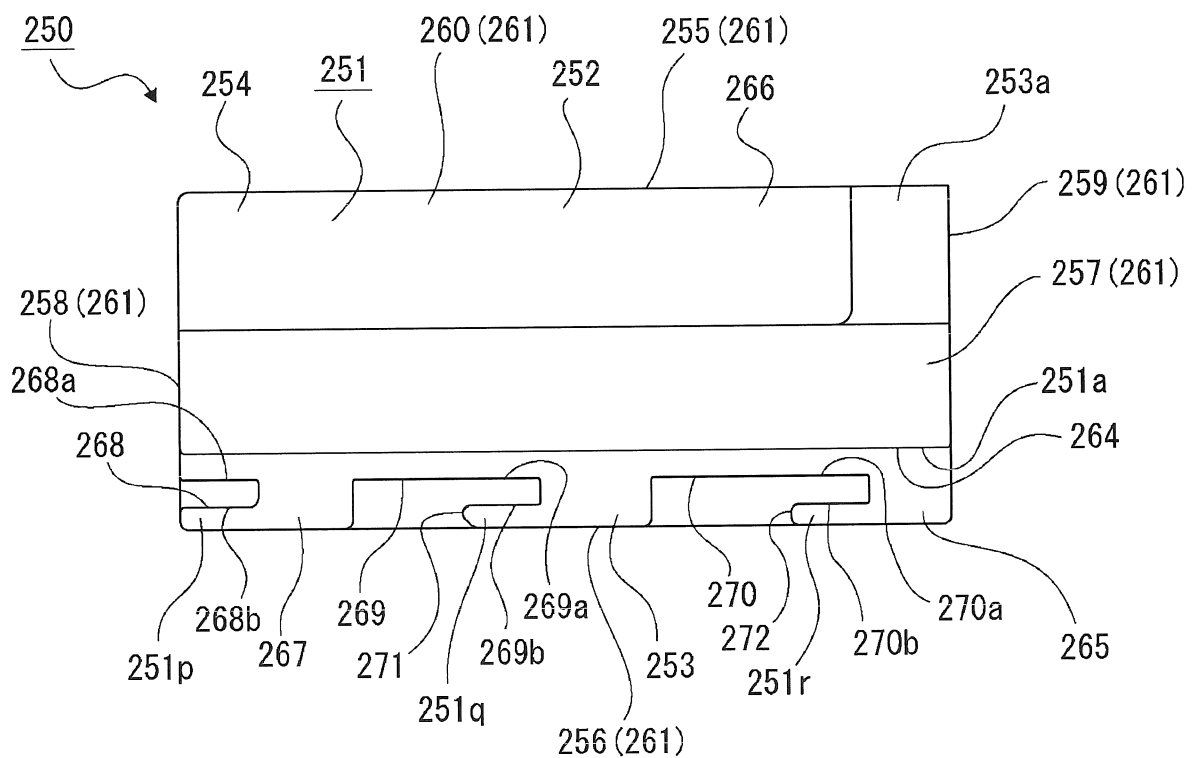
FIG. 91**FIG. 92**

FIG. 95

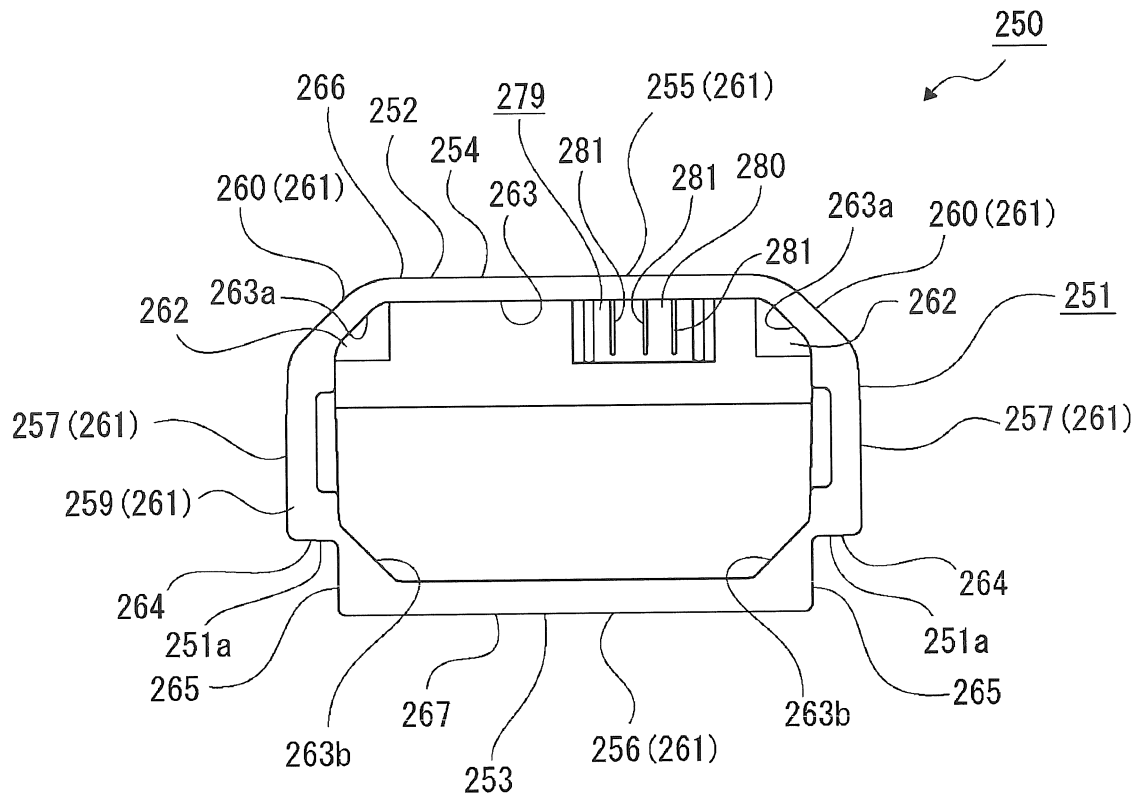
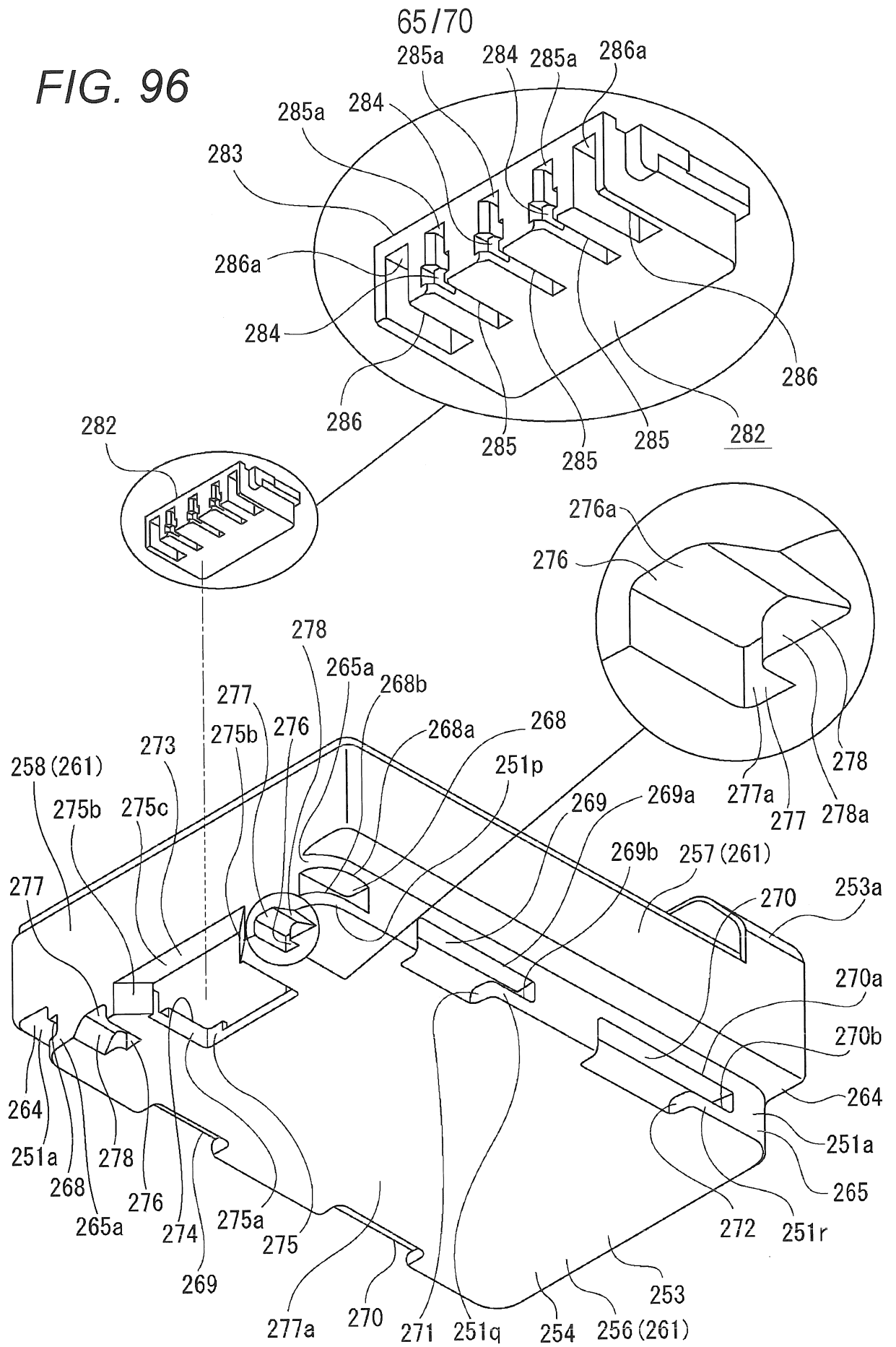


FIG. 96



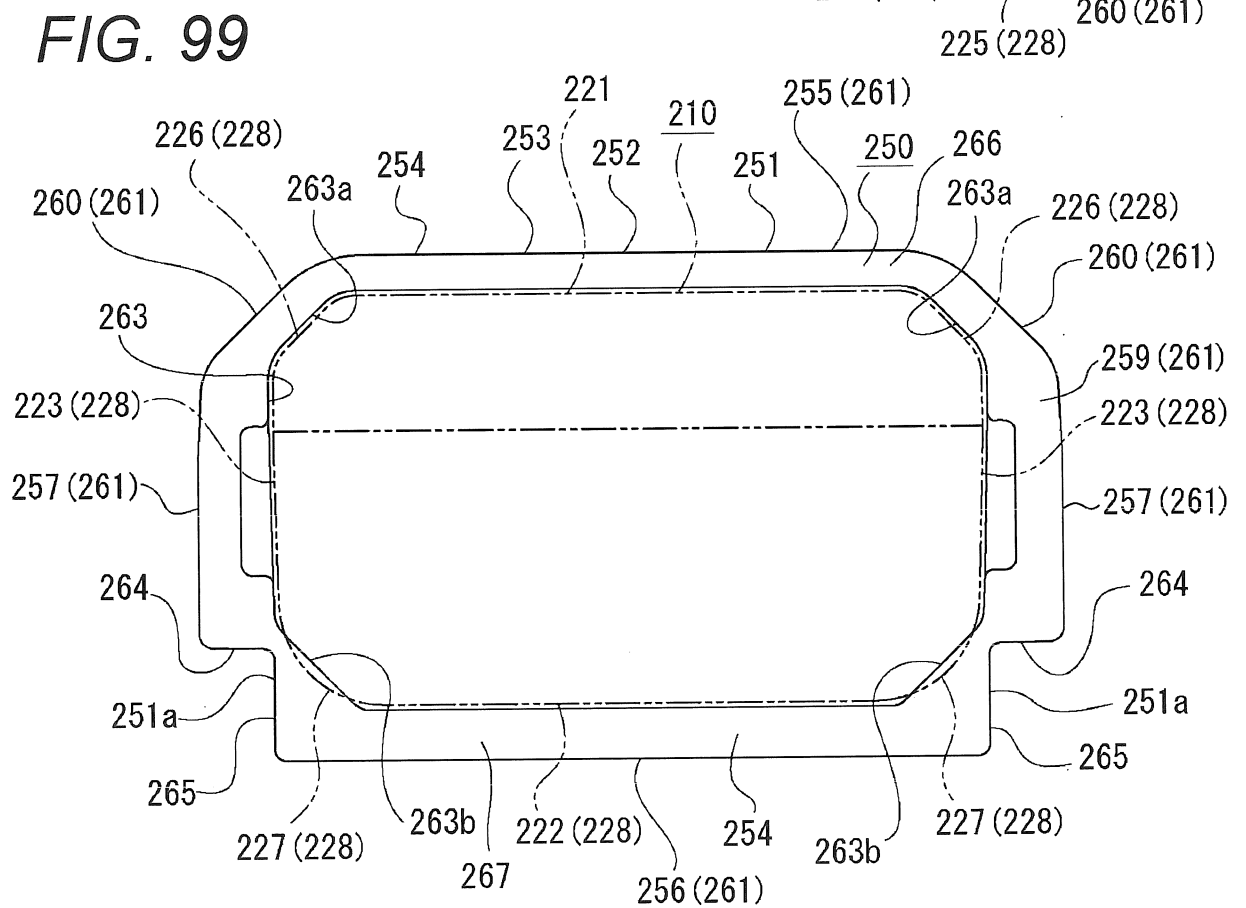
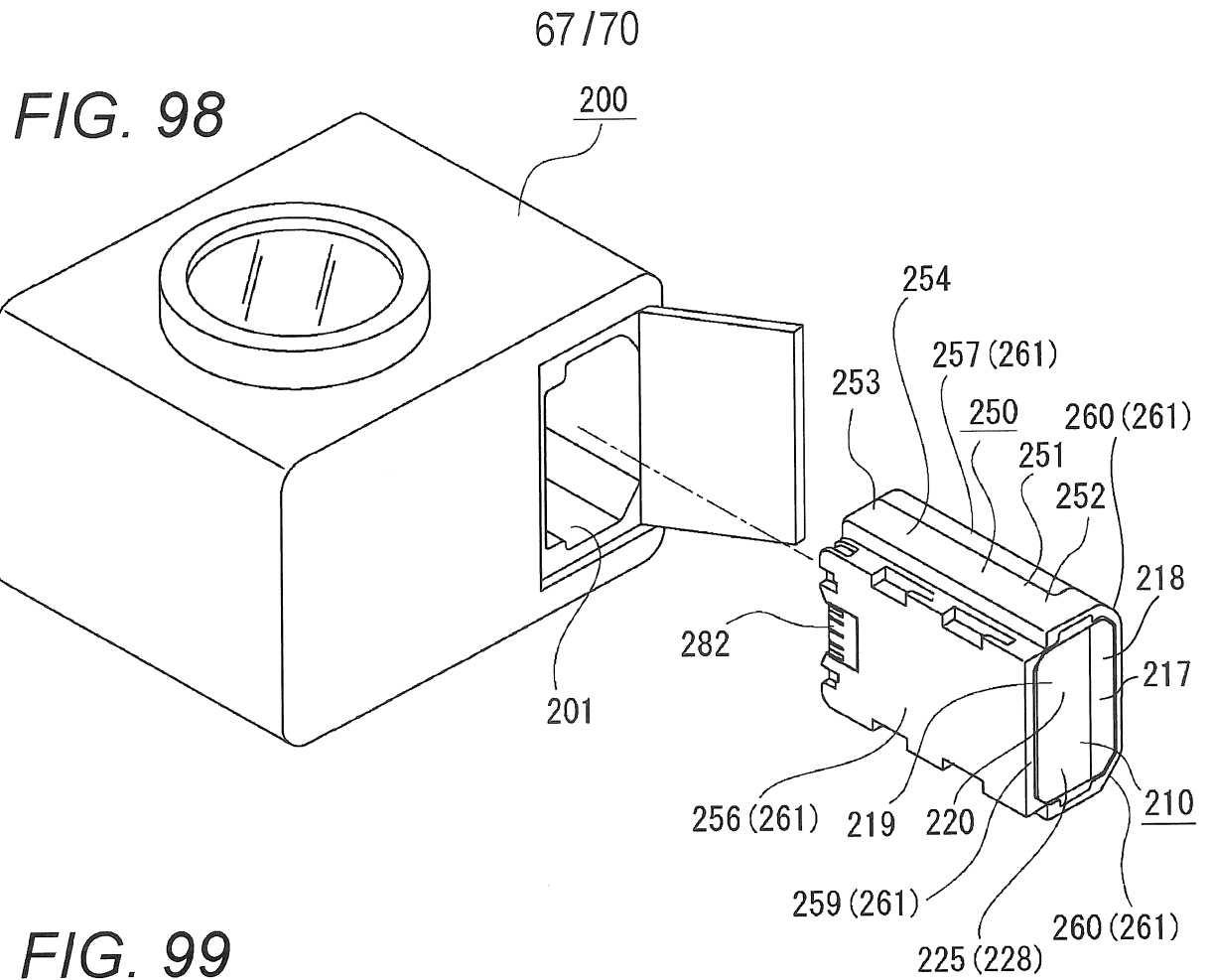


FIG. 100

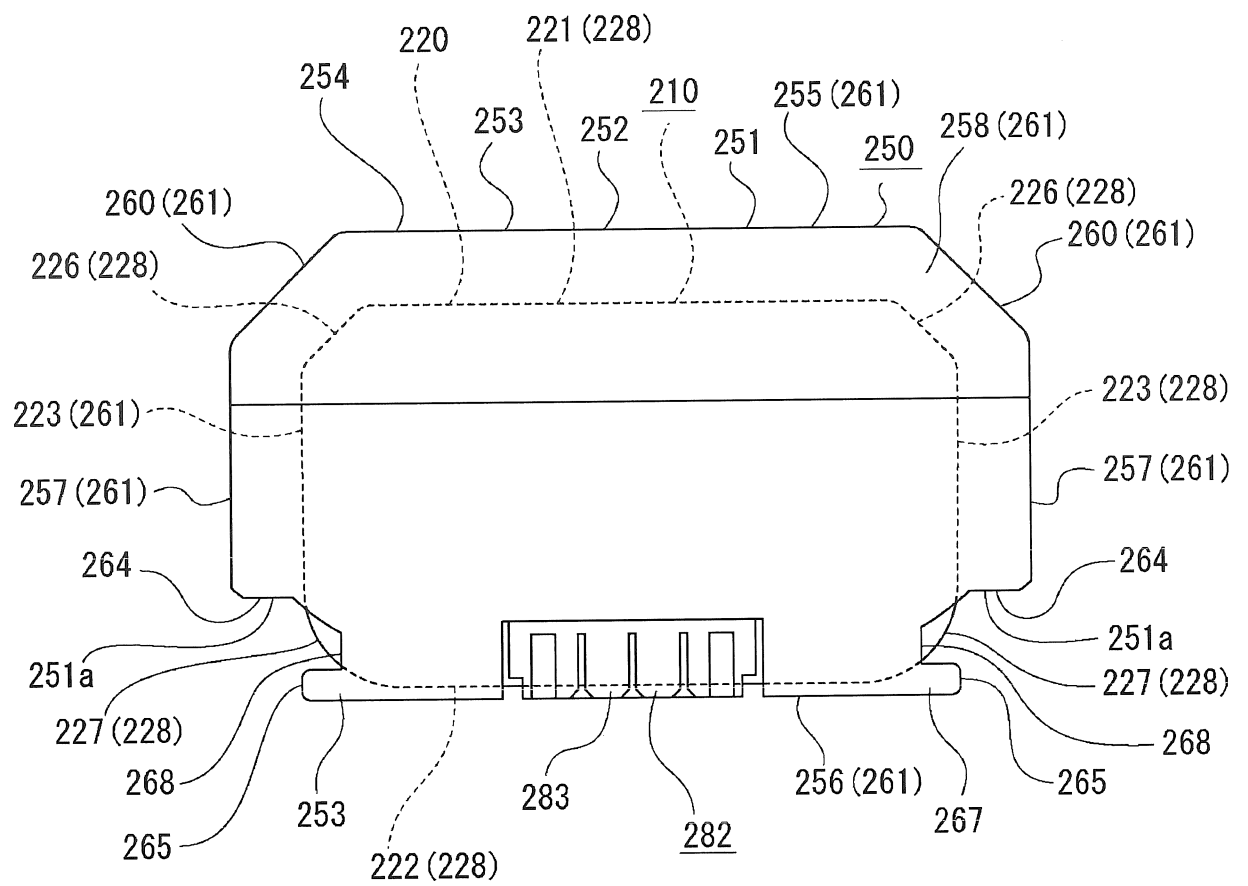
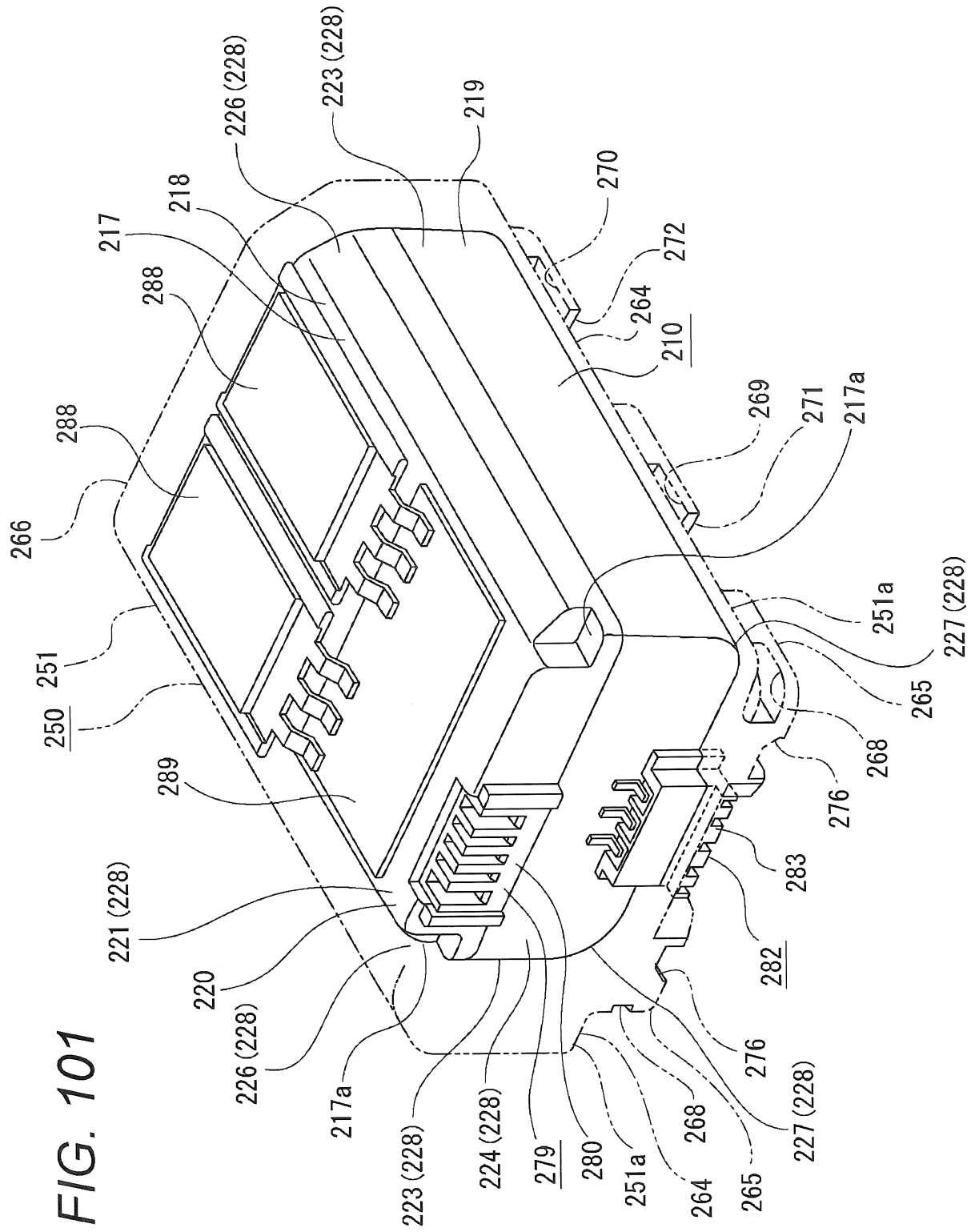


FIG. 101



70/70

FIG. 102

